



**Hệ thống Quản lý môi trường và xã hội (ESMS)  
dành cho Chương trình R&DB hợp tác nhằm thúc đẩy  
Sáng tạo khởi nghiệp công nghệ về khí hậu**



**GAIA CONSULT INC.**  
(주)가이아컨설팅

**tháng 6 năm 2024**



## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
TỪ VIẾT TẮT.....	7
TÓM TẮT DỰ ÁN .....	9
<b>1</b> Giới thiệu về Chương trình R&DB .....	13
1.1 Mục tiêu của Chương trình Kinh doanh phát triển và Nghiên cứu (R&DB).....	13
1.2 Thành phần của chương trình R&DB .....	13
1.2.1 Phần 1: Sẵn sàng tăng tốc khí hậu định hướng theo quốc gia .....	13
1.2.2 Phần 2: Tăng tốc toàn cầu vì R&DB hợp tác .....	14
1.2.3 Phần 3: Quỹ khởi nghiệp công nghệ về khí hậu (CTF) .....	15
1.2.4 Phần 4: Hỗ trợ kỹ thuật (TA) .....	19
<b>2</b> Tổng quan, mục tiêu và phương pháp luận về ESMS .....	20
2.1 Mục đích của Hệ thống Quản lý môi trường và xã hội (ESMS) .....	20
2.2 Phương pháp luận.....	20
<b>3</b> ESMS .....	22
3.1 Chính sách Môi trường và Xã hội (E&S) .....	22
3.1.1 Nguyên tắc hướng dẫn.....	22
3.2 Thỏa thuận thực hiện .....	24
3.2.1 Đơn vị được công nhận: KDB.....	24
3.2.2 Đơn vị đồng thực hiện của Phần 1 và Phần 4: KDB & Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI).....	25
3.2.2.1 Đơn vị Quản lý bền vững khu vực (RSMU) .....	25
3.2.2.2 Đơn vị Quản lý bền vững quốc gia (NSMU).....	25
3.2.3 Đơn vị thực hiện Phần 2, 3: Đầu tư & Chứng khoán NH & Đối tác lợi nhuận tuyệt đối NH (NH ARP) .....	25
3.2.3.1 Ban Thư ký Tư vấn tăng tốc toàn cầu.....	27
3.2.3.2 Ủy ban cố vấn chuyên gia (EAC).....	28
3.2.3.3 Ủy ban Đầu tư sơ bộ (PIC) .....	28
3.2.3.4 Ủy ban Đầu tư (IC).....	29
3.2.3.5 Tiểu ban Quản lý rủi ro E&S (ESRMSC) (Thẩm định E&S giai đoạn sau đầu tư) ....	29
3.2.4 Ứng viên JV và các đơn vị đăng ký quỹ khác.....	29
3.2.5 Các bên liên quan chính cấp quốc gia .....	30
3.2.6 Nhà thầu/nhà thầu phụ, nhà cung ứng và các nhân tố chính khác trong chuỗi giá trị.....	30



3.3 Quy trình Đánh giá và Quản lý rủi ro E&S .....	31
3.3.1 Sàng lọc và phân loại các rủi ro và tác động tiềm ẩn.....	1
3.3.1.1. Công nghệ ưu tiên 1: Năng lượng sinh học (sinh khối tái tạo).....	2
3.3.1.2. Công nghệ ưu tiên 2: Năng lượng mặt trời.....	5
3.3.1.3. Công nghệ ưu tiên 3: Hệ thống năng lượng độc lập tái tạo hiện đại .....	8
3.3.1.4. Công nghệ ưu tiên 4: EV (VD: ô tô điện, xe máy điện, xe đạp điện) .....	15
3.3.1.5. Công nghệ ưu tiên 5: Chiếu sáng.....	19
3.3.1.6. Công nghệ ưu tiên 7: Nông nghiệp bền vững .....	29
3.3.1.7. Công nghệ ưu tiên 8: Quản lý tài nguyên nước.....	35
3.3.1.8. Công nghệ ưu tiên 9: Xử lý cơ học – sinh học .....	39
3.3.2 Thẩm định đầu tư (DD).....	44
3.3.3 Hiệp định đầu tư (IA) .....	45
3.3.4 Theo dõi, giám sát và báo cáo .....	46
3.4 Công bố thông tin và sự tham gia của các bên liên quan .....	48
3.4.1 Cơ cấu tham gia của các bên liên quan (SEF) .....	50
[Kế hoạch tham gia của các bên liên quan cấp JV] .. 오류! 책갈피가 정의되어 있지 않습니다.	
3.4.2 Công bố thông tin.....	80
3.4.3 Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM).....	54
3.5 Kế hoạch dự phòng.....	83
4 PHỤ LỤC .....	57
PHỤ LỤC A. Danh sách loại trừ của IFC .....	57
PHỤ LỤC B. Danh sách minh họa các hành động đầu tư loại A .....	58
PHỤ LỤC C. Phân loại rủi ro E&S bằng hệ thống bảo vệ quốc gia (CSS) .....	60
PHỤ LỤC D. Danh sách kiểm tra E&S ban đầu cho bên đăng ký quỹ .....	75
PHỤ LỤC E. Danh sách kiểm tra nhanh cho bên đăng ký quỹ về khả năng áp dụng IFC PS 7 đối với người bản địa (IP) .....	81
PHỤ LỤC F. Biểu sàng lọc SEAH/giới và E&S cho người quản lý CTF E&S (ESM)/ESGCT .....	85
PHỤ LỤC G. Mẫu đánh giá năng lực quản lý E&S .....	89
PHỤ LỤC H. Tóm tắt đánh giá về môi trường và xã hội CTF (ESRS) .....	93
PHỤ LỤC I. Mẫu cuộc họp của Ủy ban Đầu tư sơ bộ (PIC) CTF (Phần SEAH/giới, E&S).....	57
PHỤ LỤC J. Đề cương trình bày của ESIA cho các dự án loại B của CTF .....	59
PHỤ LỤC K. Đề cương trình bày về Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP) cho các dự án loại B của CTF .....	60



<b>PHỤ LỤC L. Các yếu tố tối thiểu của Kế hoạch tái định cư (RP) cho các dự án loại B của CTF.....</b>	<b>61</b>
<b>PHỤ LỤC M. Kế hoạch của Ủy ban Môi trường và Xã hội (ESCP): Đề cương 오류! 책갈피가 정의되어 있지 않습니다.</b>	
<b>PHỤ LỤC N. Quy trình Cơ hội-Phát hiện.....</b>	<b>63</b>
<b>PHỤ LỤC O. Khung lập kế hoạch về người bản địa CTF (IPPF).....</b>	<b>66</b>
<b>:.....</b>	<b>82</b>

## NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

AE	Đơn vị được công nhận
AMA	Thỏa thuận khung về công nhận
AMR	Báo cáo giám sát hàng năm
APR	Báo cáo hiệu suất hàng năm
CFC	Clorofluorocarbon
CITES	Hiệp ước về Thương mại quốc tế đối với các loài có nguy cơ tuyệt chủng hoặc động thực vật hoang dã
CSS	Hệ thống bảo vệ quốc gia
CTF	Quỹ Khô nghiệp công nghệ về khí hậu
DD	Thẩm định
E&S	Môi trường và Xã hội
EAC	Ủy ban cố vấn chuyên gia
EE	Đơn vị thực hiện
EHS	Môi trường, Sức khỏe và An toàn
EIS	Phổ tổng trở điện hóa
EP	Nguyên tắc Xích đạo
EPC	Kỹ thuật, mua sắm và xây dựng
ESAP	Kế hoạch hành động về môi trường và xã hội
ESDD	Thẩm định về môi trường và xã hội
ESGCT	Đội Tuân thủ về môi trường, xã hội và giới
ESIA	Đánh giá tác động môi trường và xã hội
ESM	Quản lý môi trường và xã hội
ESMP	Kế hoạch Quản lý môi trường và xã hội
ESMS	Hệ thống Quản lý môi trường và xã hội
ESRMSC	Tiểu ban Quản lý rủi ro về môi trường và xã hội
ESRS	Tóm tắt Đánh giá về môi trường và xã hội
ESS	Tiêu chuẩn về môi trường và xã hội
EV	Xe điện
FAA	Thỏa thuận hoạt động được tài trợ
FP	Đề xuất tài trợ
FPIC	Sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin
GGGI	Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu
GIIP	Tiêu chuẩn thực hành quốc tế tốt trong ngành
GPs	Thành viên hợp danh
GRM	Cơ chế giải quyết khiếu nại
IA	Hiệp định đầu tư
IC	Ủy ban đầu tư
IEE	Kiểm tra môi trường ban đầu
IFC	Tổng Công ty Tài chính quốc tế
IFC PS	Tiêu chuẩn hoạt động của Tổng Công ty Tài chính quốc tế
ILO	Tổ chức Lao động quốc tế



IP	Người bản địa
IP	Sở hữu trí tuệ
IPP	Chính sách về người bản địa
IPPF	Khung lập kế hoạch về người dân Bản địa
IVC	Ủi phân trong thùng
JV	Liên doanh
KDB	Ngân hàng Phát triển Hàn Quốc
LPs	Thành viên góp vốn
LRP	Kế hoạch khôi phục sinh kế
M&E	Giám sát và Đánh giá
N-CEAP	Chương trình Doanh nhân khí hậu quốc gia
NDA	Cơ quan quốc gia được chỉ định
NSMUs	Đơn vị Quản lý bền vững quốc gia
PCBs	Polychlorinated Biphenyls
PIC	Ủy ban Đầu tư sơ bộ
PLT	Thực vật
PV	Quang điện
R&DB	Kinh doanh phát triển và nghiên cứu
RAP	Kế hoạch Hành động tái định cư
RMC	Ủy ban Quản lý rủi ro
RO	Thẩm thấu ngược
RR	Kế hoạch tái định cư
RSBI	Gói Tư vấn hỗ trợ sẵn sàng
RSMU	Đơn vị Quản lý bền vững khu vực
SEAH	Bóc lột, Lạm dụng và Quấy rối tình dục
SEF	Cơ cấu tham gia của các bên liên quan
SMEs	Các doanh nghiệp vừa và nhỏ
SMUs	Các đơn vị quản lý bền vững
TA	Hỗ trợ kỹ thuật
VGs	Các nhóm xã hội yếu thế và dễ bị tổn thương
WB	Ngân hàng Thế giới

## TÓM TẮT DỰ ÁN

Đây là Hệ thống Quản lý môi trường và xã hội (ESMS) dành cho Chương trình R&DB hợp tác, nhằm thúc đẩy sáng tạo khởi nghiệp công nghệ về khí hậu (sau đây gọi là “Chương trình”). Mục tiêu bao quát của chương trình là hỗ trợ ‘chuyên gia công nghệ thông qua liên doanh (JV) nhờ R&DB hợp tác’ tại 5 nước Đông Nam Á, là Campuchia, Indonesia, Lào, Philippin và Việt Nam.

ESMS là toàn bộ chương trình, bao gồm cả Quỹ Công nghệ về khí hậu (sau đây gọi là “CTF”) và các phần không phải CTF. Cụ thể hơn, chương trình được tổ chức bằng cách kết hợp: 1) Các giai đoạn chuẩn bị để đăng ký CTF (Phần 1 và Phần 2, tương ứng là tăng tốc quốc gia (địa phương) và toàn cầu); 2) Đăng ký, chấp thuận và triển khai các dự án và dự án nhỏ được duyệt (Phần 3, là vận hành Quỹ Công nghệ về khí hậu) và; 3) Chương trình song song/đồng thời về xây dựng năng lực quốc gia (Phần 4). Phần về CTF (Phần 3) theo đuổi việc tối đa hóa các kết quả bền vững nằm ngoài các nguyên tắc “không gây hại”. Các phần không phải CTF (Phần 1, 2 & 4) là phần mở rộng của việc thẩm định và quản lý rủi ro E&S của quỹ. Do đó, các phần không phải CTF của ESMS (trong Phần 1 và Phần 2) nhắm tới việc hỗ trợ sẵn sàng của các JV đăng ký, vì chúng sẽ giảm tỷ lệ từ chối trong giai đoạn chấp thuận CTF ở Phần 3. Các phần không phải CTF cũng hướng tới việc tạo ra lợi ích chung trong việc làm cho các JV đăng ký có đủ khả năng, trong thực hiện quản lý E&S, bất kể kết quả của việc đăng ký tài trợ.

ESMS của chương trình này thống nhất với Chính sách Bền vững của AE (KDB) và Chính sách sửa đổi về Môi trường và Xã hội của GCF (Được thông qua tại B.BM-2021/18).

Phổ biến các biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội (ESS) vào quá trình thực hiện chương trình, CTF cam kết hỗ trợ các dự án có mức rủi ro E&S loại B/1-2 trở xuống. CTF áp dụng phương pháp tiếp cận phân loại rủi ro chung ở cả 5 quốc gia. Trong khi các khoản đầu tư dự án nhỏ ở quy mô vi mô của CTF chủ yếu dự đoán các rủi ro bất lợi về môi trường và xã hội (E&S) ở mức tối thiểu hoặc không có – Loại C/I-3, thì chương trình thiết lập một hệ thống quản lý môi trường và xã hội (ESMS), để đảm bảo thúc đẩy một cách có hệ thống những lợi ích chung bền vững của các hoạt động được tài trợ và bảo vệ các dịch vụ hệ sinh thái, môi trường và cộng đồng của các nước sở tại khỏi bất kỳ rủi ro nào về môi trường và xã hội liên quan đến các hoạt động được tài trợ.

Chương trình chủ động tuân theo hệ phân cấp giảm thiểu để tránh, giảm thiểu và giảm nhẹ bất kỳ rủi ro và tác động nào, khôi phục và bồi thường bất kỳ rủi ro và tác động nào còn sót lại khi các biện pháp tránh, giảm thiểu hoặc giảm nhẹ không khả dụng hoặc không đủ.

ESMS (đặc biệt là dành cho phần CTF) đảm bảo tuân thủ hệ thống bảo vệ của các quốc gia tương ứng (các luật, quy định và yêu cầu thủ tục về EIA/E&S), GCF ESS/Bóc lột, lạm dụng, quấy rối tình dục (SEAH), Tiêu chuẩn hoạt động của IFC (KDB gắn liền với nó theo nguyên tắc xích đạo) và Danh sách loại trừ, Hướng dẫn EHS của Nhóm Ngân hàng Thế giới, và các tiêu chuẩn lao động cốt lõi của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), đồng thời tích hợp chúng vào trong chu kỳ kinh doanh để quản lý bất kỳ rủi ro E&S nào có liên quan. Chương trình sẽ không tài trợ bất kỳ dự án nào ở Loại A và/hoặc có khả năng gây tác động tiêu cực đến người bản địa (IP) theo IFC PS 7 (xem Phụ lục E về Danh sách kiểm tra sàng lọc IP và Phụ lục N về Khung lập kế hoạch về người bản địa của ESMS.).

Tích hợp việc quản lý hoạt động E&S của CTF với quản lý rủi ro quỹ. Đội Tuân thủ về Giới và E&S của CTF (ESGCT) sẽ thực hiện các nhiệm vụ tuân thủ ESS thường xuyên trong toàn bộ quá trình vận hành quỹ: từ đăng ký quỹ (sàng lọc và phân loại E&S), đánh giá quỹ và phê duyệt đối với hợp đồng (tóm tắt đánh giá E&S và chuẩn bị hiệp ước E&S, theo yêu cầu), đến thẩm định sau đó (giám sát tuân thủ và đánh giá báo cáo tiến độ E&S thường xuyên của JV cụ thể đối với các hoạt động Loại B, khuyến nghị về các hành động khắc phục/sửa đổi đối với các khiếu nại/bất ngờ xuất hiện các rủi ro thường xuyên/chính đáng/các trường hợp tổn động). Đối với các trường hợp đề xuất không điển hình mà rủi ro E&S không chắc chắn và bản chất của rủi ro thì phức tạp hoặc không rõ (tức là trong trường hợp đề xuất liên quan đến công nghệ khí hậu tương đối mới/mới nổi, và không đủ DB để đánh giá trước các rủi ro và tác động), thì ESGCT sẽ chuyển trường hợp này đến Ủy ban Cố vấn chuyên gia (EAC/tiểu ban của ESS) để có quy trình tư vấn, nhằm xác định loại rủi ro và các biện pháp quản lý E&S bắt buộc (ESIA, ESMP hoặc bất kỳ kế hoạch quản lý tại chỗ nào khác).

Ngoài quy trình sàng lọc rủi ro E&S mà dự án Loại A (rủi ro cao) sẽ bị loại khỏi khả năng đầu tư, trong trường hợp một vấn đề E&S cụ thể gây ra rủi ro cao cho các nhà đầu tư và các nước sở tại, nhất thiết phải bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương như cộng đồng bản địa, những người thiếu thốn, phụ nữ và bé gái, thì sẽ triệu tập *đặc biệt* Ủy ban Quản lý rủi ro E&S (ESRMC) để đảm bảo các biện pháp giảm thiểu hiệu quả

được chuẩn bị, mời đại diện của các bên liên quan, và trong khuôn khổ các tham vấn có ý nghĩa tìm kiếm sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin của các cộng đồng có liên quan. (Trong trường hợp các biện pháp đó không khả thi, thì các chương trình/dự án ứng cử sẽ bị loại khỏi vòng tuyển chọn).

Đối với mức độ rủi ro cao nhất - không chính đáng, tức là khó khắc phục trong phạm vi ESMS và hiệp ước, để yêu cầu CTF xem xét ngừng hoặc hủy bỏ hiệp định đầu tư, thì sẽ kích hoạt ban quản lý cấp cao của CTF để giải quyết các dấu hiệu nguy hiểm có liên quan. Trong trường hợp sau, sẽ tiến hành kiểm toán bên ngoài nghiêm ngặt với sự tham gia trực tiếp của KDB. Nếu có bất kỳ sửa đổi và thay đổi nào đối với hoạt động của chương trình được tài trợ, thì đơn vị thực hiện có liên quan cần thông báo kịp thời cho KDB, đơn vị được công nhận của chương trình, thông qua quy trình báo cáo định kỳ hoặc đột xuất. Thông qua quá trình theo dõi và giám sát của mình, KDB sẽ đánh giá xem thay đổi hoạt động đó có thể ảnh hưởng xấu đến việc lập kế hoạch, thiết kế, thực hiện và giám sát các hoạt động mà GCF tài trợ không. Trong trường hợp này, KDB sẽ báo cáo GCF về việc đó. Khi thích hợp, GCF sẽ yêu cầu KDB thực hiện các sửa đổi phù hợp trong ESMS hoặc thực hiện các hành động cần thiết khác để đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn ESS của GCF.

Đẩy nhanh việc nâng cao năng lực ESS của các JV có trong danh sách rút gọn để sẵn sàng đầu tư. Vì có thể hầu hết các công ty đăng ký địa phương và một số nhà đầu tư mới toàn cầu không được trang bị ESMS với mức độ mạnh một cách thích hợp, nên việc tăng tốc và sẵn sàng về R&DB (Phần 1 và 2) sẽ hỗ trợ các đơn vị cấp địa phương và/hoặc JV trong việc củng cố ESMS sơ bộ và tình trạng tác động khí hậu, bằng cách cung cấp hỗ trợ tư vấn dựa trên chẩn đoán (phương pháp tiếp cận “Nuôi dưỡng trước khi đánh giá”). Ngoài ra, theo yêu cầu, các JV đăng ký có quyền truy cập vào các dịch vụ tư vấn về tác động của khí hậu và ESS ở giai đoạn sẵn sàng: tức là xác định phạm vi, sàng lọc E&S sơ bộ và phân loại. Dịch vụ tư vấn E&S là một phần của các phân không phải CTF.

Đề thúc đẩy sự tối đa hóa lợi ích chung (bền vững) về môi trường, xã hội và giới, chương trình sẽ thúc đẩy việc hình thành và thể chế hóa chính sách có liên quan trên toàn quốc, thông qua các bộ và cơ quan chính phủ liên quan của 5 nước tương ứng.

Cơ chế Công bố Thông tin và Giải quyết khiếu nại (GRM). Đối với các dự án Loại B, các JV có thể phải thiết lập riêng biệt một kế hoạch cam kết và tham gia riêng của các bên liên quan (SECP), bao gồm kế hoạch công bố thông tin theo ESMS đã điều chỉnh theo GCF IDP: tần suất và mức độ công bố có thể thay đổi tùy mức độ và bản chất của rủi ro và tác động E&S. Điều này sẽ được tinh chỉnh bằng cách đánh giá, tư vấn và hỗ trợ xây dựng năng lực của CTF ESGCT. Ngoài ra, tất cả các JV đều phải phát triển và vận hành GRM theo tiêu chuẩn GCF, vì KDB, GGGI, SMU và GP cũng có thể là cơ quan tiếp nhận khiếu nại thay thế trong nền tảng thực thi trung gian. Các khiếu nại được gửi ở cấp JV hoặc SMU quốc gia sẽ được báo cáo cho CTF thông qua các thủ tục thường xuyên, chúng sẽ được Đội Tuân thủ E&S của CTF đánh giá sơ bộ. Khiếu nại về rủi ro cao sẽ được báo cáo cho Ủy ban Quản lý rủi ro E&S, và sẽ theo xét xử cấp quỹ như một phần quan trọng của cơ chế quản lý rủi ro của CTF. Tùy vào bản chất của khiếu nại và kết quả kiểm toán tổng hợp (hoặc điều tra nội bộ), có thể công bố quyết định của quỹ cho công chúng qua trang web và các phương tiện có thể truy cập khác đến các bên liên quan trong nước vì mục đích minh bạch và trách nhiệm giải trình.

ESMS này đã được phát triển thông qua một loạt quy trình tham vấn với các bên liên quan chính trong hơn 1,5 năm (Xem Bảng dưới). ESMS này là một tài liệu sống, nội dung của nó sẽ được sửa đổi và cập nhật bất cứ khi nào nhu cầu phát sinh, dựa trên tích lũy về kinh nghiệm, bí quyết và kiến thức cụ thể về tài trợ triển khai công nghệ khí hậu được tài trợ trong bối cảnh cụ thể của 5 nước Đông Nam Á. Trong tất cả các trường hợp, sẽ tuân thủ ESMS của KDB và Chính sách sửa đổi về Bảo vệ môi trường và xã hội của GCF cũng như các chính sách bảo vệ liên quan khác (Chính sách về người bản địa, Chính sách Công bố thông tin, Chính sách về Giới trong nhiều chính sách khác) trong toàn bộ thời gian vận hành chương trình.





Loại cuộc họp		Ngày (Địa điểm)	Những người tham gia*	Các điểm thảo luận chính
<b>Cuộc họp tiến độ thường xuyên Cấp toàn cầu</b>	Khởi động	02/09/2021 (@Online)	GAIA, PwC, GGGI, KDB	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính sách tổng thể về ESMS và khung triển khai</li> <li>- Phản hồi từ các bên liên quan riêng lẻ (bao gồm khả năng đủ điều kiện và tiêu chí đầu tư của CTF...)</li> <li>- Liên kết của ESMS và GAP với hệ thống quản lý chương trình tổng thể...</li> </ul>
	Chuyển tiếp	09/11/2021 (@KDB)		
	Tiến triển	03/11/2021 (@Online)		
		06/01/2022 (@Online)		
		18/03/2022 (@Online)		
		05/08/2022 (@KDB)		
<b>Cấp quốc gia</b>	Tư vấn NDA về Thư không phân đối	08/2021 – 03/2022 (@Online)	KDB, NDA, các bộ chủ quản, GGGI, các bên liên quan chính đến hệ sinh thái địa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham vấn liên bộ do NDA sắp xếp và các bộ chủ quản liên quan do NDA mời ở 5 quốc gia NOL</li> <li>- Thảo luận chính về quyền sở hữu quốc gia</li> </ul>
<b>Cuộc họp chuyên đề</b>	Phát triển ESMS	29/10/2021 (@Online)	GAIA, GGGI, PwC, KDB	<ul style="list-style-type: none"> <li>- AE &amp; EE phê chuẩn ESMS</li> <li>- Điều phối cơ chế thực hiện giữa các Phần 1, 2, 3 &amp; 4</li> </ul>
		08/06/2022 (@KDB)		
		13/12/2022 (@PwC)		
		29/03/2023 (@KDB)		
	Đánh giá về giới và Kế hoạch hành động về Giới (GA & GAP)	12/11/2021 (@Online)	GAIA, GGGI, KDB	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình đánh giá tổng thể về giới và xây dựng kế hoạch hành động</li> <li>- Hợp nhất các đánh giá và phản hồi của GGGI và KDB đối với GA và GAP dự thảo...</li> </ul>
		14/01/2022 (@Online)	GAIA, GGGI	
		21/01/2022 (@Online)		
		27/01/2022 (@Online)		
		11/02/2022 (@Online)		
		21/02/2022 (@Online)		

[Bảng. Các hoạt động tham vấn của các bên liên quan thực hiện cho ESMS và Kế hoạch hành động về giới (GAP)]

\* GAIA: Tập đoàn Tư vấn Gaia./PwC: Price Waterhouse Coopers/GGGI: Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu/KDB: Ngân hàng Phát triển Hàn Quốc

## 1 Giới thiệu về chương trình R&DB

### 1.1 Mục tiêu của Chương trình Kinh doanh phát triển và Nghiên cứu (R&DB)

Mục tiêu bao quát của Chương trình Kinh doanh phát triển và Nghiên cứu (R&DB) là hỗ trợ “chuyển giao công nghệ thông qua liên doanh (JV) nhờ R&DB hợp tác” tại 5 nước Đông Nam Á, đặc biệt bằng cách giải quyết các rào cản tương ứng từ hai phía là phía cung và phía cầu, cụ thể:

- Phần 1 và Phần 4 giải quyết các rào cản về phía cầu tại 5 quốc gia riêng biệt, là Campuchia, Lào, Indonesia, Philippin và Việt Nam thông qua các hoạt động tăng tốc tùy chỉnh, phù hợp với hệ sinh thái về công nghệ khí hậu cụ thể ở từng nước; và,
- Phần 2 và Phần 3 sẽ giải quyết tranh cãi về phía cung bằng cách xóa bỏ rào cản đối với việc các nhà cung cấp công nghệ toàn cầu tham gia vào các thị trường mới nổi, và tăng cường sáng tạo kinh doanh thông qua sáng tạo JV địa phương-toàn cầu (do đó vượt xa R&D, RD&D hiện có thành RD&B)

### 1.2 Thành phần của chương trình R&DB

#### 1.2.1 Phần 1: Sẵn sàng tăng tốc khí hậu định hướng theo quốc gia

Phần 1 hướng tới việc chuẩn bị cho các công ty địa phương đủ điều kiện để tăng tốc toàn cầu (Phần 2) thông qua Chương trình Doanh nhân khí hậu quốc gia (N-CEAP). Theo thiết kế, mục tiêu của nó là các công ty đã ra mắt (hoặc sắp đưa ra) các hàng hóa/dịch vụ trên thị trường và đang tạo ra doanh thu. Bản chất chính xác của N-CEAP phụ thuộc vào các nhu cầu riêng của công ty thụ hưởng. Tuy nhiên, dự kiến nó sẽ bao gồm (i) đánh giá (các) rào cản nổi bật để đạt được quy mô và khả năng tồn tại về thương mại (thường là không đủ kinh phí, lựa chọn công nghệ chưa tối ưu, hoặc mô hình kinh doanh không hiệu quả dẫn đến đơn vị kinh tế kém), (ii) với sự giúp đỡ của các cố vấn và chuyên gia, chuẩn bị một chiến lược để giải quyết các rào cản, (iii) xác định các hành động tức thời của công ty và những hành động sẽ được thực hiện khi công ty bước vào giai đoạn tăng tốc, và (iv) rút gọn danh sách các công ty chất lượng nhất cho Phần 2.

Do tính chất của các hoạt động, dự kiến các tác động môi trường và xã hội (E&S) sẽ không xảy ra ở Phần 1, hoặc không đáng kể, nếu có. Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) địa phương do phụ nữ lãnh đạo và/hoặc sở hữu, tham gia Chương trình. – lên tới 30% số đơn vị có trong danh sách rút gọn.

Tiêu chí đầu tư của CTF bao gồm điều khoản dưới đây liên quan đến rủi ro E&S của quỹ:

**Bảng 1. Tiêu chí đầu tư N-CEAP đối với doanh nhân địa phương: Phần Môi trường và Xã hội (& Tính bền vững)** (Trích từ bảng tương tự ở Phần Đề xuất tài trợ B3/Tr. 25)

Tiêu chí		Mô tả
3	Bảo vệ E&S (ESS)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Sàng lọc tiêu cực ban đầu đối với các rủi ro E&amp;S</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nhân địa phương quan tâm đến doanh nghiệp đang trong các tình trạng dưới đây thì KHÔNG đủ điều kiện:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Xác định trong Danh sách loại trừ IFC (*Phụ lục A của ESMS này: Danh sách Loại trừ IFC)</li> <li>✓ Có tác động tiêu cực đến người bản địa, thuộc một trong các đối tượng dưới đây<sup>1</sup>:                                     <ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Việc kinh doanh/doanh nghiệp có tác động xấu đến đất đai và nguồn tài nguyên thiên nhiên thuộc quyền sở hữu</li> </ol> </li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>

<sup>1</sup> CTF sẽ không đầu tư vào bất kỳ hoạt động và doanh nghiệp được đề xuất nào mà có thể yêu cầu sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC) mà GCF IPP xác định, đặc biệt là trong Phần 7.2.

		<p>truyền thống hoặc chiếm giữ hoặc sử dụng theo tập quán.</p> <p>(2) Việc kinh doanh/doanh nghiệp dẫn đến việc di dời của người bản địa khỏi vùng đất hoặc nguồn tài nguyên thiên nhiên thuộc quyền sở hữu truyền thống hoặc chiếm giữ hoặc sử dụng theo tập quán, hoặc;</p> <p>(3) Việc kinh doanh/doanh nghiệp có thể tác động đến các di sản văn hóa<sup>2</sup>.</p> <p>(*Xem Phụ lục E. Danh sách kiểm tra nhanh cho người đăng ký quỹ về khả năng áp dụng IFC PS 7 đối với người bản địa)</p> <p>✓ Những đối tượng có rủi ro và tác động về môi trường và xã hội có thể xảy ra được phân loại là “rủi ro cao” (Loại A) theo tiêu chí phân loại rủi ro GCF/IFC. (*Để biết thêm chi tiết, xem Phần 3.3.1 bên dưới.)</p>
--	--	--

### 1.2.2 Phần 2: Tăng tốc toàn cầu vì R&DB hợp tác

Phần thứ hai hướng tới việc hoàn thành chuyển giao công nghệ thích ứng với khí hậu bằng cách chuyển các giải pháp công nghệ phù hợp sang các doanh nghiệp liên doanh (JV) sẵn sàng khởi công. Điều này được thiết lập bằng cách phối hợp các doanh nhân địa phương (được đề cử trong nước từ N-CEAP ở Phần 1) và các nhà đổi mới toàn cầu (nguồn ở Phần 2). Các đội với chuyên môn đa dạng sẵn sàng cung cấp các dịch vụ tư vấn R&DB hợp tác. Nó bao gồm các chuyên gia trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ (IP), kế toán, thuế, luật, mô hình tài chính, định giá công nghệ, marketing, gây quỹ, đầu tư, cố vấn kinh doanh, hỗ trợ và đánh giá năng lực quản lý về môi trường và xã hội (E&S), và phổ biến về giới, Agile, các đội tăng tốc dựa trên dự án sẽ được tối ưu hóa bởi các chuyên gia nòng cốt, những người có chuyên môn mà từng JV cần. Với đội đa ngành sẵn sàng, Phần 2 sẽ tiến hành tìm kiếm những đổi mới toàn cầu, kết nối với các công ty địa phương có thể triển khai công nghệ, đào tạo các JV để đưa ra các giải pháp khí hậu kích hoạt công nghệ, cho phép các doanh nghiệp hướng tới tương lai đã được chọn, nâng cao khả năng thay đổi quy mô của họ ở 5 quốc gia, và cuối cùng đạt được cột mốc thương mại hóa, tiến đến giai đoạn đầu tư trong Phần 3.

Một trong những tiêu chí đầu tư của Quỹ Khởi nghiệp công nghệ về khí hậu (CTF) (được thành lập ở Phần 3 của Chương trình đề xuất) là giới hạn tất cả các hoạt động kinh doanh của các JV được tài trợ có rủi ro E&S ở mức trung bình (Loại B) hoặc thấp hơn (Loại C) ở giai đoạn trước khi giảm thiểu. Các dịch vụ tư vấn sẽ chuẩn bị cho các JV để sàng lọc và phân loại các hoạt động kinh doanh được đề xuất của họ dựa vào Tiêu chuẩn hoạt động của Tổng Công ty Tài chính quốc tế (IFC PS). Nó sẽ hỗ trợ thành lập hệ thống quản lý môi trường và xã hội (ESMS) riêng để xác định, đánh giá, phòng tránh, giảm thiểu và giám sát các rủi ro E&S trong các hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai, và cung cấp thêm các tài liệu E&S nếu cần (VD: Báo cáo đánh giá và sàng lọc E&S, Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP<sup>3</sup>), Kế hoạch Tài định cư (RP)... ) để đáp ứng đầu tư của CTF. Kết quả là, tất cả các JV được tài trợ để các hoạt động có rủi ro về môi trường và xã hội ở mức trung bình (Loại B) thì phải có hệ thống và năng lực quản lý E&S mạnh mẽ. Để đạt được điều này, ESGCT của CTF sẽ yêu cầu các tài liệu hỗ trợ bổ sung để đánh giá hệ thống và năng lực quản lý E&S của các JV đăng ký (hoặc của các doanh nghiệp toàn cầu cấu thành) (dựa trên Phụ lục G. Mẫu đánh giá năng lực quản lý E&S). Phần 2 sẽ đảm bảo hiệu suất quản lý E&S của chương trình đề xuất tốt hơn.

<sup>2</sup> “Di sản văn hóa bao gồm nhưng không giới hạn các khu vực tự nhiên có giá trị văn hóa và/hoặc tinh thần, như những khu rừng thiên nhiên, vùng nước hoặc dòng sông thiêng, núi thiêng, cây thiêng, đá thiêng, khu vực và địa điểm chôn cất, cũng như những biểu hiện văn hóa phi vật thể, như truyền thống, ngôn ngữ, bản sắc, nghi lễ, hoặc những khía cạnh tinh thần trong đời sống của người bản địa bị ảnh hưởng.” (GCF IPP, Đoạn 63)

<sup>3</sup> Để biết đề cương trình bày chung của ESMP, hãy tham khảo Phần D của ESS 1 - Phụ lục 1. Đánh giá Môi trường và Xã hội (Tr. 26-27) của Khung Môi trường và Xã hội của Ngân hàng Thế giới (2017)/ <https://thedocs.worldbank.org/en/doc/837721522762050108-0290022018/original/ESFFramework.pdf>

**Bảng 2. Tiêu chí đầu tư tăng tốc đối với các doanh nhân toàn cầu: Phần Môi trường và Xã hội (& Sự bền vững)** (Trích từ bảng tương tự ở Phần Đề xuất tài trợ B3/Tr. 31)

Tiêu chí		Mô tả
5	Bảo vệ E&S (ESS)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Sàng lọc tiêu cực thứ cấp đối với các rủi ro E&amp;S</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các doanh nhân toàn cầu có xem xét một doanh nghiệp được xác định trong Danh sách Loại trừ của IFC và/hoặc một doanh nghiệp có tác động tiêu cực đến người bản địa thì KHÔNG đủ điều kiện.</li> <li>- Các doanh nhân toàn cầu có chính sách ESG và ESMS không phù hợp với Chính sách bảo vệ E&amp;S của CTF thì yêu cầu các nguyên tắc và ESMS làm theo “Phương pháp tiếp cận chung đối với ESMS cho các hoạt động của CTF”.</li> </ul> </li> </ul>

### 1.2.3 Phần 3: Quỹ Khởi nghiệp công nghệ về khí hậu (CTF)

Phần 3 sẽ thành lập một quỹ 200 triệu USD để cung cấp các khoản đầu tư vốn cổ phần cho các JV đã được chứng minh là phù hợp nhất với các nước riêng lẻ thông qua nỗ lực về R&DB hợp tác được tăng tốc trong Phần 2 hoặc cách khác). Chỉ những ứng viên có sự sẵn sàng và kinh doanh phù hợp đã được Thành viên Hợp danh (GP) phê chuẩn thì mới có thể hưởng lợi từ nguồn vốn của CTF. GP cũng sẽ quản lý việc tuân thủ E&S thông qua ESGCT và EAC (đối với việc thẩm định trước và sau khi đầu tư) và thông qua các quyết định của Ủy ban Đầu tư (trong quá trình đánh giá đầu tư).

Mặc dù hoạt động của CTF sẽ mang lại lợi ích tích cực trong việc giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu cho các quốc gia mục tiêu (và hơn nữa, về lâu dài), một số hoạt động được tài trợ cũng có thể mang đến các tác động E&S tiêu cực ở một mức độ đến các quốc gia này. Ví dụ, các vật liệu độc hại hoặc nguy hiểm có thể được phát triển ở nơi diễn ra các hoạt động sản xuất và cơ sở hạ tầng vật lý. Tiêu chí đầu tư của CTF bao gồm điều khoản dưới đây liên quan đến rủi ro E&S của quỹ:

**Bảng 3. Tiêu chí đầu tư của CTF: Phần Môi trường và Xã hội (& Sự Bền vững)**

Tiêu chí		Mô tả
6	Bảo vệ E&S (ESS)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Sàng lọc tiêu cực</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các doanh nghiệp được xác định trong Danh sách Loại trừ của IFC thì KHÔNG đủ điều kiện để đầu tư (Xem Phụ lục A. Danh sách Loại trừ của IFC)</li> <li>- Các doanh nghiệp có tác động tiêu cực đến người bản địa thì KHÔNG đủ điều kiện để đầu tư, khi thuộc một trong các đối tượng dưới đây<sup>4</sup>:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Việc kinh doanh/doanh nghiệp có tác động xấu đến đất đai và nguồn tài nguyên thiên nhiên thuộc quyền sở hữu truyền thống hoặc chiếm giữ hoặc sử dụng theo tập quán.</li> <li>✓ Việc kinh doanh/doanh nghiệp gây ra việc di dời của người bản địa khỏi vùng đất hoặc nguồn tài nguyên thiên nhiên thuộc quyền sở hữu truyền thống hoặc chiếm giữ hoặc sử dụng theo tập quán, hoặc;</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>

<sup>4</sup> CTF sẽ không đầu tư vào bất kỳ hoạt động và doanh nghiệp được đề xuất nào mà có thể yêu cầu sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC) mà GCF IPP xác định, đặc biệt là trong Phần 7.2.



		<p>✓ Việc kinh doanh/doanh nghiệp có thể gây tác động đến di sản văn hóa<sup>5</sup>, nơi mà việc sử dụng các di sản văn hóa mang tính thương mại của người bản địa, bao gồm cả kiến thức của họ, thì cần có FPIC.</p> <p>(*Xem Phụ lục E. Danh sách kiểm tra nhanh cho người đăng ký quỹ về khả năng áp dụng IFC PS 7 đối với người bản địa)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Phân loại rủi ro E&amp;S (theo tiêu chí phân loại rủi ro của CTF<sup>6</sup>)</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các doanh nghiệp rủi ro cao (Loại A) thì KHÔNG đủ điều kiện để đầu tư</li> <li>- Doanh nghiệp được đề xuất phải được xếp loại B hoặc C.</li> </ul> </li> <li>• <b>Cam kết sau khi đầu tư thông qua Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP) đối với các doanh nghiệp rủi ro trung bình (Loại B)</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả các JV được hỗ trợ (các công ty hợp doanh) có rủi ro trung bình (Loại B) thì phải tuân thủ các nghĩa vụ và trách nhiệm bắt buộc về việc tuân thủ E&amp;S: VD: triển khai kế hoạch giảm thiểu rủi ro E&amp;S, báo cáo thường xuyên.</li> </ul> </li> </ul>
8	Lợi ích chung & Sự bền vững	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Khuyến khích các ứng viên chuyển giao đầy đủ các lợi ích chung dưới đây:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lợi ích chung về kinh tế, như tạo ra việc làm, giảm nghèo và nâng cao cả về thu nhập và tài chính, đặc biệt là ở phụ nữ;</li> <li>- Lợi ích chung về xã hội, như cải thiện về an toàn và sức khỏe, tiếp cận giáo dục, bảo tồn văn hóa, cải thiện khả năng tiếp cận năng lượng, hòa nhập xã hội, cải thiện cơ sở vệ sinh, cải thiện chất lượng và khả năng tiếp cận các tiện ích công cộng khác như nguồn cung cấp nước;</li> <li>- Lợi ích chung về môi trường, bao gồm tăng chất lượng không khí, nước và đất, bảo tồn và đa dạng sinh học</li> <li>- Lợi ích chung về trao quyền giới nêu ra cách thức mà dự án sẽ giảm thiểu bất bình đẳng về giới (* Phần về giới khác cũng được đưa vào Tiêu chí #8 bên dưới.)</li> <li>- Thúc đẩy “các doanh nghiệp do người bản địa lãnh đạo” để đảm bảo kiến thức và công nghệ khí hậu bản địa được tận dụng triệt để cho sự đổi mới công nghệ khí hậu ở 5 quốc gia (*Phần về Bản địa khác cũng được đưa vào Tiêu chí #10 bên dưới.)</li> </ul> </li> <li>• <b>Khi thích hợp, các đề xuất phải thể hiện khả năng của các dự án trong việc đạt được một hoặc nhiều mục tiêu phát triển bền vững (SDG).</b></li> </ul>

<sup>5</sup> “Di sản văn hóa bao gồm nhưng không giới hạn các khu vực tự nhiên có giá trị văn hóa và/hoặc tinh thần, như những khu rừng thiêng, vùng nước hoặc dòng sông thiêng, núi thiêng, cây thiêng, đá thiêng, khu vực và địa điểm chôn cất, cũng như những biểu hiện văn hóa phi vật thể, như truyền thống, ngôn ngữ, bản sắc, nghi lễ, hoặc những khía cạnh tinh thần trong đời sống của người bản địa bị ảnh hưởng.” (GCF IPP, Đoạn 63)

<sup>6</sup> Để biết thêm chi tiết, xem ‘Phần 3.3.1. Sàng lọc và phân loại các tác động và rủi ro tiềm ẩn’.

10	Doanh nghiệp do bản địa lãnh đạo	<p><b>Ưu tiên các doanh nghiệp do bản địa lãnh đạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- CTF sẽ ưu tiên các doanh nghiệp và hoạt động được đề xuất đáp ứng các điều kiện sau:             <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Ứng dụng/kết hợp kiến thức và công nghệ bản địa (*Xem Hộp ngay bên dưới.) để RD&amp;AB công nghệ khí hậu, và/hoặc;</li> </ul> </li> </ul> <p>[Hộp]</p>
		<div style="border: 1px solid black; padding: 10px;"> <p><b>Công nghệ và kiến thức của người bản địa</b></p> <p>Có thể định nghĩa kiến thức của người bản địa là các kỹ năng, bí quyết, sáng kiến và những thói quen được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong bối cảnh truyền thống, và nó hình thành một phần của lối sống truyền thống của cộng đồng và người bản địa (WIPO 2004). Kiến thức của người bản địa cũng có thể được xem là:</p> <p>... kiến thức địa phương độc đáo đối với một nền văn hóa hoặc xã hội. Kiến thức này được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thường truyền miệng và bằng các nghi lễ văn hóa, và là cơ sở của nông nghiệp, chế biến thực phẩm, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, bảo tồn và nhiều hoạt động khác duy trì xã hội ở nhiều nơi trên thế giới. (UNFCCC 2017)</p> <p>Trương tự, trong bối cảnh liên quan đến khí hậu nhiều hơn, UNFCCC mô tả kiến thức của người bản địa thường đề cập đến:</p> <p>... các hệ thống kiến thức gắn với truyền thống văn hóa của các cộng đồng khu vực, bản địa hoặc địa phương. Kiến thức truyền thống bao gồm các loại kiến thức về các công nghệ sinh sống truyền thống, như công cụ và kỹ thuật cho nông nghiệp, kiến thức về sinh thái, kiến thức về khí hậu, chăm sóc sức khỏe truyền thống và nhiều kiến thức khác. (UNFCCC 2018a)</p> <p>Các định nghĩa khác do chính người bản địa phát triển thì nhấn mạnh nhiều hơn đến các khía cạnh kiến thức về sinh học, văn hóa, thể chất, tinh thần và đôi khi là tôn giáo của họ và sự truyền bá chúng. Họ mô tả những kiến thức đó như một cách suy nghĩ có hệ thống, với hiểu biết dựa trên những bằng chứng có được thông qua kinh nghiệm thực tế và sự quan sát, dạy bảo và kỹ năng từ nhiều thế hệ. Những kiến thức này được mô tả là vẫn đang phát triển trong quá trình sống (ICC 2021) và được xem là quan trọng đối với việc sinh sống và tồn tại của họ. Tình trạng khoa học phi chính thống của kiến thức của người bản địa và cách truyền đạt và chuyên giao chúng đã thu hút rất ít nghiên cứu khoa học hoặc tài liệu (Enda Energie 2017).</p> </div>

		<p>Thuật ngữ công nghệ trong hướng dẫn này được định nghĩa là một thiết bị, kỹ thuật, kiến thức thực tế hoặc kỹ năng để thực hiện một hoạt động cụ thể. Nó có thể đề cập đến phần cứng (các thành phần hữu hình), phần mềm (bí quyết, kinh nghiệm và thực tiễn) hoặc chương trình tổ chức (khuôn khổ thể chế hoặc tổ chức). Khi nói đến một trường hợp cụ thể về công nghệ của người bản địa, nó có thể đề cập đến kiến thức kỹ thuật, kỹ năng và tài nguyên được người bản địa lưu truyền hoặc chuyển giao từ quá khứ đến hiện tại để đáp ứng nhu cầu của họ. Vì kiến thức bản địa là một phần của di sản văn hóa của người bản địa, nên những người không phải một phần của cộng đồng bản địa mà sử dụng chúng một cách thương mại thì phải nhận được FPIC.</p> <p>(Gumbo, M. 2024)</p> <p>(Trích từ Sách hướng dẫn Đánh giá nhu cầu công nghệ toàn cầu (TNA): “Người bản địa và Công nghệ về khí hậu: Công nhận công nghệ của người bản địa và xác định mối liên hệ của chúng với Đánh giá nhu cầu công nghệ” (2021).<sup>7</sup>)</p> <p>✓ Thiết kế/kế hoạch kinh doanh được đề xuất bao gồm phương pháp tiếp cận mang tính toàn diện và tham gia một cách rõ ràng với/của người bản địa.<sup>8</sup></p> <p>Kết quả là, các doanh nghiệp được đề xuất (nên) có ít nhất một chỉ số đo lường hiệu suất chính (KPI) liên quan đến một trong hai điều kiện, nếu phù hợp, được đề cập ở trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Khía cạnh doanh nghiệp</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến khích tất cả các hoạt động/JV đầu tư của CTF tích hợp các thành phần RD&amp;B công nghệ do người bản địa lãnh đạo, trong phạm vi khả thi. Nếu xác nhận mối liên hệ với người bản địa, thì có thể các hoạt động/JV cần phải phát triển kế hoạch về người bản địa (IPP), như một kế hoạch độc lập hoặc một phần tích hợp trong kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP) của các hoạt động được đề xuất.</li> <li>- Chương trình dự kiến sẽ hỗ trợ, nếu thích hợp: Giám sát, đánh giá &amp; bất kỳ thẩm định nào khác nếu thích hợp (bao gồm các biện pháp phản ứng/khắc phục/sửa đổi trong trường hợp xảy ra các tác động tiêu cực ngoài dự kiến theo Đoạn 19 của Hướng dẫn IPP của GCF (2019). (Phần 3 của Chương trình đề xuất)</li> </ul> </li> </ul> <p>※ Vui lòng xem Khung lập kế hoạch về người bản địa của CTF (IPPF) trong Phụ lục O bên dưới.</p>
--	--	--

<sup>7</sup> <https://tech-action.unepccc.org/publications/indigenous-peoples-and-climate-technologies/>

<sup>8</sup> Việc thể hiện (đơn thuần) mục tiêu mang lại lợi ích cho người bản địa trong đề xuất là không đủ, trừ khi cụ thể hóa (các) mục tiêu đã hướng tới trong thiết kế của các doanh nghiệp/việc kinh doanh được đề xuất.





Sau khi đề xuất của JV được phê duyệt và triển khai, thì kích hoạt thẩm định E&S sau đầu tư do ESGCT của CTF trong suốt quá trình triển khai doanh nghiệp JV. Đối với các hoạt động/doanh nghiệp JV rủi ro trung bình (Loại B), thì sẽ giám sát hiệu suất của JV thông qua việc CTF giám sát E&S thường xuyên của CTF đối với chính sách E&S của nó (như quy định trong ESMS này) và thẩm định E&S của KDB với tư cách là AE của GCF. Trong trường hợp phát hiện một JV (hoặc bất kỳ đơn vị thực hiện nào khác) không thể quản lý tác động và rủi ro E&S đúng cách trong quá trình họ thực hiện các hoạt động/doanh nghiệp được tài trợ, thì CTF sẽ đánh giá lại năng lực quản lý E&S của đơn vị đó, thông qua việc ESGCT khảo sát thực tế và đánh giá tập thể của (tiểu) Ban Quản lý rủi ro E&S (ESRMSC).





#### **1.2.4 Phần 4: Hỗ trợ Kỹ thuật (TA)**

Phần 4 đóng góp sự phát triển của hệ sinh thái hỗ trợ thông qua phát triển các công ty công nghệ khí hậu ở 5 quốc gia mục tiêu. Đầu ra bao gồm làm việc với các bộ liên quan và các đối tác địa phương để (i) thiết kế khuyến nghị về chính sách, (ii) xây dựng năng lực về thể chế, (iii) thành lập chương trình tăng tốc khởi nghiệp quốc gia và nền tảng để thực hiện nó (VD: nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức và cộng tác), (iv) tạo ra sự cộng tác khu vực và (v) giám sát/đánh giá tiến độ của chương trình.

Phần 4 đề xuất tạo ra môi trường cho các doanh nhân công nghệ khí hậu hoạt động ngay cả sau khi Chương trình kết thúc. Việc tạo ra trung tâm chia sẻ kiến thức khu vực và quốc gia sẽ tối đa hóa việc giảm thiểu và thích ứng với tác động của công nghệ khí hậu, đồng thời đảm bảo năng lực phổ biến giới trong quản lý E&S của các tổ chức tham gia.

## 2 Tổng quan, mục tiêu và phương pháp luận về ESMS

### 2.1 Mục đích của Hệ thống quản lý môi trường và xã hội (ESMS)

Hệ thống quản lý môi trường và xã hội (ESMS) của Ngân hàng Phát triển Hàn Quốc (KDB) yêu cầu tất cả các dự án Loại A và B do Ngân hàng tài trợ phải phát triển hoặc duy trì ESMS. Vì Chương trình có thể liên quan đến việc đầu tư vào các công ty có hoạt động kinh doanh Loại B nên ESMS này được phát triển để quản lý rủi ro E&S một cách có hệ thống. Điều này phù hợp với thỏa thuận và cam kết của KDB với GCF với tư cách là Đơn vị được GCF công nhận (AE), tức là tuân thủ các yêu cầu và Chính sách bảo vệ E&S của GCF.

Mục đích đầu tiên của R&DB ESMS là cung cấp quy trình quản lý rủi ro E&S rõ ràng và thống nhất. Điều này phù hợp với các yêu cầu và chính sách bảo vệ E&S của KDB và GCF cũng như các yêu cầu pháp lý liên quan đến việc quản lý E&S của quốc gia mục tiêu.

Mục đích thứ hai của ESMS là đảm bảo tất cả các đơn vị và các bên liên quan (bao gồm tất cả các đơn vị thực hiện (EE) của chương trình) đủ năng lực để quản lý rủi ro E&S đúng cách thông qua quy trình quản lý và tuân thủ.

Cụ thể hơn:

- Thành lập khung pháp lý, quy trình và phương pháp để sàng lọc E&S, đánh giá tác động, phê duyệt, giám sát và báo cáo của chương trình;
- Xác định vai trò và trách nhiệm thích hợp của các tổ chức/chủ thể khác nhau ở các hạng khác nhau, và phác thảo các quy trình và cơ chế báo cáo để quản lý và giám sát các mối quan ngại về E&S liên quan đến các JV được tài trợ;
- Cung cấp hướng dẫn về việc xác định các yêu cầu xây dựng năng lực của các ứng viên JV (bao gồm đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật (TA)) và phát triển Kế hoạch hành động về môi trường và xã hội (ESAP) để hiện thực hóa thành công ESMS;
- Cung cấp hướng dẫn để tham vấn chuyên sâu cho tất cả các bên liên quan nhằm tìm kiếm sự hỗ trợ rộng rãi cho hoạt động can thiệp.

### 2.2 Phương pháp luận

ESMS này được hình thành dựa trên các hoạt động sau:

- Đánh giá các tài liệu khái quát, bao gồm kinh nghiệm quốc gia (5 quốc gia mục tiêu) và quốc tế (các chương trình quốc tế, khu vực và tương tự khác được GCF phê duyệt) về nuôi dưỡng các công nghệ khí hậu, chính sách và thỏa thuận tài chính để xác định các rủi ro và tác động E&S điển hình liên quan đến chương trình;
- Đánh giá ESMS của KDB tập trung vào các yêu cầu đối với ESMS của chương trình trong Chính sách sửa đổi về bảo vệ môi trường và xã hội của GCF (B.BM-2021/18)<sup>9</sup>.
- Đánh giá các yêu cầu bảo vệ E&S và chính sách bền vững của các EE của chương trình (tức là các quy tắc bảo vệ và bền vững của Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI) và các chính sách bền vững của GP...)
- Xác định các phần của chương trình và mô tả bao gồm điển hình luận của các ứng viên JV sẽ đầu tư,
- Xác định các hoạt động E&S liên quan đến từng hoạt động của thành phần của chương trình và các mối liên kết hoạt động;
- Một loạt các cuộc tham vấn với AE, EE và các đơn vị liên quan của chương trình để đạt được sự đồng thuận về các tiêu chí đầu tư liên quan đến E&S, nhằm thiết kế các dịch vụ hỗ trợ năng lực

<sup>9</sup> [decision-bbm-2021-18-bbm-2021-18-decision-board-revisions-gcf-esp-reaffirm-fund-s-commitment.pdf \(greencclimate.fund\)](#)



E&S tổng thể và quyết định các yêu cầu về thẩm định môi trường và xã hội (ESDD) tổng thể như: CTF sàng lọc, đánh giá, phê duyệt tài trợ và giám sát E&S đối với việc các JV thực hiện quản lý E&S của các hoạt động được tài trợ;

- Tạo các tài liệu và mẫu tiêu chuẩn của CTF cho ESDD của các giai đoạn phê duyệt trước và sau khi đầu tư của CTF. Nó bao gồm Biểu sàng lọc E&S, Tóm tắt đánh giá E&S, Biểu Giám sát và Đánh giá E&S (M&E), Chuẩn bị các tài liệu hướng dẫn E&S về các công ty trong danh mục đầu tư và quản lý E&S (bao gồm Đánh giá E&S, ESMS, ESMP và phát triển RP nếu phù hợp).

### 3 ESMS

Hệ thống đặt ra chính sách tổng thể, nguyên tắc hướng dẫn, bố trí thực hiện, quy tắc, hướng dẫn và quy trình để đánh giá, giảm thiểu và quản lý các rủi ro E&S, đồng thời tăng cường các cơ hội và tác động tích cực.

#### 3.1 Chính sách môi trường và xã hội (E&S)

Theo Chính sách sửa đổi về E&S của GCF và ESMS của KDB, chương trình đã thành lập ESMS. Hệ thống đặt ra chính sách tổng thể, nguyên tắc hướng dẫn, bố trí thực hiện, quy tắc, hướng dẫn và quy trình chung, thông qua vận hành chương trình và CTF, để đánh giá, giảm thiểu và quản lý các rủi ro và tác động E&S. ESMS cũng phản ánh Nguyên tắc Xích đạo (EP). Chính sách áp dụng ESMS của chương trình thừa nhận, IFC PS về sự bền vững của môi trường và xã hội, Danh sách Loại trừ của IFC (xem PHỤ LỤC A), Hướng dẫn về môi trường, sức khỏe và an toàn (EHS) của WB, Hướng dẫn ngành của IFC và bất kỳ sửa đổi tiếp theo nào đối với các tiêu chuẩn đó. Ngoài ra, ESMS cũng cam kết tuân thủ tám công ước cốt lõi của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), các điều khoản chính được phản ánh trong IFC PS có liên quan.

ESMS yêu cầu tuân thủ theo hệ thống bảo vệ quốc gia (CSS). Người đăng ký cho CTF cần hoàn thiện đủ các yêu cầu về giấy phép và cấp phép hợp pháp, gồm cả giấy phép về tuân thủ môi trường. CTF không đầu tư vào các hoạt động và doanh nghiệp có rủi ro E&S mức cao, tức là các hoạt động/dự án “Loại A”, (Xem Tiêu chí Đầu tư CTF #5: Tiêu chí về rủi ro E&S/Bảng 3 bên dưới.). Các hoạt động/dự án được CSS phân loại là rủi ro cao thì không được đề xuất để CTF tài trợ.

Các nguyên tắc quan trọng nhất là IFC PS và trong trường hợp có bất kỳ khác biệt nào với CSS, trong phân loại rủi ro và tiêu chuẩn chất lượng..., thì sẽ ưu tiên<sup>10</sup> các biện pháp nghiêm ngặt hơn.

Chính sách E&S áp dụng cho tất cả các hoạt động trong chương trình và do đó sẽ được CTF chấp nhận và thực hiện cũng như với các JV/dự án của nó. Đối với Chương trình Sẵn sàng tăng tốc định hướng theo quốc gia (N-CEAP, Phần 1) và Hỗ trợ Kỹ thuật (TA) (Phần 4), thông qua việc huy động SMU quốc gia ở 5 quốc gia tương ứng, GGGI sẽ chịu trách nhiệm trực tiếp về đảm bảo tuân thủ chính sách E&S trong từng hoạt động. Đối với Tăng tốc toàn cầu cho R&DB hợp tác (Phần 2) và CTF (Phần 3), các đối tác quản lý của CTF (GP, Chứng khoán & Đầu tư NH và Đối tác lợi nhuận tuyệt đối NH (NH ARP)) có trách nhiệm chung trong thành lập (& cập nhật trong tương lai, nếu cần) chính sách này và giám sát việc thực hiện nó. Đối tác quản lý của CTF (Chứng khoán & Đầu tư NH),<sup>11</sup> phối hợp với KDB, sẽ xác định các chuyên gia có trình độ về E&S và giới, để thành lập Đội Tuân thủ về môi trường, xã hội và giới (ESGCT) trong CTF, có thể bằng cách tìm kiếm một bên thứ ba, đảm bảo tuân thủ và thực hiện chính sách E&S và ESMS. Ngoài việc bố trí quản lý E&S dành riêng cho từng phần, trách nhiệm chung để đảm bảo quản lý và tuân thủ E&S của tất cả các hoạt động xuyên suốt các phần là của KDB (AE) với tư cách là cơ quan giám sát bao trùm phù hợp với các yêu cầu của GCF

##### 3.1.1 Nguyên tắc hướng dẫn

Các nguyên tắc dưới đây sẽ hướng dẫn cách KDB triển khai và đạt được các mục tiêu của ESMS:

- **Tích hợp việc quản lý rủi ro E&S và tính bền vững vào khung quản lý tổng thể của chương trình.** Chương trình xem việc quản lý rủi ro E&S là một phần của khung quản lý tính bền vững chung. Do đó, ESMS vượt xa nguyên tắc “không gây hại” để mang lại hiệu quả bền vững tối đa ở các quốc gia mục tiêu và các JV. Đặc biệt, các chương trình đảm bảo các nguyên tắc về tính bền vững và giới phổ biến cho các đơn vị và hoạt động được tài trợ. Do đó, việc phổ biến về giới và tính bền vững cho các đơn vị tham gia sẽ tạo ra các lợi ích chung về bền vững bên cạnh các lợi ích về giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua dịch vụ năng lực về giới và quản lý E&S của chương trình (thông qua Phần 1 và Phần 2).

<sup>10</sup> Trong trường hợp CSS phân loại các doanh nghiệp/hoạt động được đề xuất là “rủi ro mức trung bình”(Loại B) hoặc “rủi ro mức thấp”(Loại C) nhưng IFC PS là “rủi ro mức cao” (Loại A) thì sẽ áp dụng cách phân loại của IFC PS và các doanh nghiệp/hoạt động đề xuất sẽ không đạt điều kiện của CTF.

<sup>11</sup> Đối tác quản lý có trách nhiệm cao nhất trong triển khai các hoạt động được tài trợ nhằm đảm bảo hiệu quả của chính sách ESMS và việc thực hiện chính sách đó. Đội Tuân thủ về giới và E&S, Đội Pháp chế và các chuyên gia đầu tư sẽ hỗ trợ Đối tác quản lý trong việc này.

Vì KDB là AE của GCF nên ESMS này phải nhất quán và liên kết với các chính sách và thông lệ liên quan của GCF (bao gồm chính sách sửa đổi về E&S) như các chính sách và thông lệ liên quan đến giám sát và trách nhiệm giải trình, cơ chế bồi thường, công bố thông tin, giới tính, bóc lột, lạm dụng, quấy rối tình dục (SEAH) và các chính sách, thông lệ khác nếu phù hợp. Dựa trên những điều này, các rủi ro chung (bao gồm phân tích xung đột tiềm ẩn) sẽ được đánh giá là có liên quan và giải quyết với hoạt động chung của chương trình.

- **Phương pháp tiếp cận dựa rủi ro theo quy mô.** Phù hợp với chính sách bảo vệ của GCF và KDB, sẽ thực hiện các tiêu chuẩn môi trường và xã hội (ESS) theo cách thức dựa trên rủi ro, chứ không phải theo cách tiếp cận một mô hình phù hợp với tất cả. Phải thiết kế và thực hiện mức độ quản lý rủi ro E&S tương ứng với mức độ và tính chất của rủi ro E&S của một hoạt động được tài trợ cụ thể.
- **Phương pháp tiếp cận ‘nuôi dưỡng trước khi đánh giá’.** Quỹ nhận thức rằng có thể hầu hết các doanh nghiệp công nghệ địa phương cũng như một số đơn vị toàn cầu tham gia thành lập JV không được trang bị đầy đủ theo mức yêu cầu của ESMS của chính nó. Do đó, thông qua quy trình chẩn đoán ở Phần 1 và Phần 2, Chương trình sẽ đưa ra phân tích về khoảng cách. Nếu được đồng ý, nó cũng sẽ hỗ trợ xây dựng năng lực quản lý E&S tùy chỉnh cho những người đăng ký đầu tư của CTF để chuẩn bị cho họ về quản lý E&S trong quá trình hoạt động kinh doanh và đạt được sự phê duyệt của Quỹ.
- **Bình đẳng, không phân biệt đối xử và quan tâm đến phụ nữ, người bản địa và các nhóm dễ bị tổn thương.** Tất cả các hoạt động do Chương trình tài trợ sẽ yêu cầu tác động tiêu cực không được ảnh hưởng nhiều đến phụ nữ và trẻ em gái, **người bản địa** hoặc bất kỳ nhóm dễ bị tổn thương và thiếu thốn (VG) nào khác. Để làm được điều này, các hoạt động được đề xuất xin tài trợ của CTF sẽ được sàng lọc theo nguyên tắc này và nếu cần, sẽ đề xuất điều chỉnh thiết kế hiện tại của các hoạt động được tài trợ theo hướng phổ biến về giới và VG.
- **Hệ thống phân cấp giảm thiểu.** Chương trình tuân thủ hệ thống phân cấp giảm thiểu như một nguyên tắc chung để quản lý bất kỳ rủi ro và tác động E&S nào. Hệ thống phân cấp giảm thiểu hướng tới:
  - Dự đoán và phòng tránh những rủi ro và tác động xấu đến con người và môi trường;
  - Nếu không thể phòng tránh được thì sẽ giảm thiểu những rủi ro và tác động xấu thông qua các biện pháp giảm thiểu;
  - Giảm thiểu bất kỳ rủi ro và tác động nào còn sót lại; và
  - Khi các biện pháp phòng tránh, tối thiểu hóa hoặc giảm thiểu không khả dụng hoặc không đầy đủ, và có đủ bằng chứng để chứng minh và hỗ trợ khả năng tồn tại, thiết kế và thực hiện các biện pháp khắc phục và phục hồi trước khi bồi thường đầy đủ và công bằng cho bất kỳ rủi ro và tác động nào còn sót lại.
- **Cải tiến liên tục và thực hành tốt nhất.** ESMS sẽ được xem xét và cập nhật liên tục một cách minh bạch và có sự tham gia để duy trì sự phù hợp và đáp ứng của nó với các điều kiện về tổ chức, xã hội, kinh tế và chính trị thịnh hành. ESMS cũng sẽ phù hợp một cách nhất quán với các thực hành tốt nhất của quốc tế và các tiêu chuẩn hiện hành.
- **Sự cam kết và công bố của các bên liên quan.** ESMS yêu cầu phải có sự hỗ trợ và tham gia rộng rãi của nhiều bên liên quan trong suốt chu kỳ của chương trình, bao gồm cả phát triển các biện pháp để giảm thiểu, quản lý và giám sát các rủi ro và tác động E&S. Quá trình xây dựng sự hỗ trợ phải toàn diện, có trách nhiệm giới và nhận thức về văn hóa, và sẽ được hỗ trợ bằng việc công bố thông tin liên quan theo Chính sách công bố thông tin của GCF;
- **Không khoan nhượng SEAH.** Vì GCF đã sửa đổi chính sách E&S của mình để hợp nhất chính sách SEAH vào quyết định B.BM-2021/18, nên chính sách E&S này sẽ tuân theo quyết định trên bằng cách áp dụng không khoan nhượng đối với tất cả các hình thức SEAH trong tất cả các hoạt

động do GCF tài trợ, bằng cách thừa nhận chính sách không khoan nhượng đối với SEAH là nguyên tắc chính và tích hợp việc xem xét SEAH ở tất cả các bước và thủ tục liên quan. Từ giai đoạn sàng lọc rủi ro (Phụ lục D). Vì vậy, ESMS này đã phổ biến việc xem xét SEAH ở tất cả các bước và thủ tục liên quan. Ở giai đoạn sàng lọc rủi ro, người đăng ký CTF phải chuẩn bị ‘Danh sách kiểm tra E&S ban đầu dành cho người đăng ký quỹ’ (Phụ lục D), truy vấn về rủi ro có thể liên quan đến SEAH của các hoạt động đầu tư (VD: sự tham gia của trẻ em, thanh thiếu niên, những người trẻ và dễ bị tổn thương bao gồm cả phụ nữ, dân tộc thiểu số...) với tư cách là nhân viên, người thụ hưởng hoặc đối tác phân phối dọc theo chuỗi cung ứng...) Điều này sẽ được xem xét tích cực khi Người quản lý E&S của ESGCT của CTF chuẩn bị Biểu Sàng lọc E&S của quỹ (Phụ lục F. ‘Biểu sàng lọc E&S cho Người quản lý CTF E&S (ESM)’).

- **Chia sẻ kiến thức.** KDB sẽ lãnh đạo và thúc đẩy việc chia sẻ các bài học và kinh nghiệm trong áp dụng ESS và triển khai ESMS giữa các đơn vị và các bên liên quan. KDB sẽ tích hợp những bài học này với các hoạt động phát triển năng lực, truyền thông và tiếp cận cộng đồng;
- **Tuân thủ luật hiện hành.** KDB sẽ không hỗ trợ các hoạt động không tuân thủ luật hiện hành, bao gồm luật quốc gia và/hoặc nghĩa vụ của quốc gia trực tiếp áp dụng cho các hoạt động thuộc các thỏa thuận và hiệp ước quốc tế liên quan, tùy theo tiêu chuẩn nào cao hơn.

### 3.2 Thỏa thuận thực hiện

Phần này cung cấp các thỏa thuận về thực hiện và thể chế, bao gồm vai trò và trách nhiệm của AE và EE trong việc thực hiện ESMS.

#### 3.2.1 Đơn vị được công nhận: KDB

KDB, với tư cách là AE của GCF, sẽ chịu trách nhiệm giám sát chung và chuyển giao của hệ thống. Ngân hàng sẽ báo cáo cho GCF theo các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận trong Thỏa thuận khung về công nhận (AMA) và Thỏa thuận về hoạt động được tài trợ (FAA). FAA sẽ bao gồm các tiêu chí đầu tư quyết định việc đưa các khoản đầu tư vào thuộc CTF (Phần 3 của chương trình).

KDB sẽ đảm bảo hoạt động tổng thể của ESMS phù hợp với quy trình kiểm soát và quản trị rủi ro của Ngân hàng. Ngân hàng sẽ được từng EE của Phần 1~4 báo cáo định kỳ về việc tuân thủ E&S. KDB cũng có thể tham gia các phiên họp sơ bộ và chính thức của Ủy ban Đầu tư CTF (IC) với tư cách là Quan sát viên. KDB cũng sẽ tích cực can thiệp khi các vấn đề về E&S phát sinh trong quá trình vận hành Chương trình/CTF, bằng cách giám sát và có một vị trí trong Tiểu ban Quản lý rủi ro E&S của CTF. Đối với bất kỳ khoản đầu tư cụ thể nào của CTF, mức độ tham gia của KDB được xác định bởi tính chất và phạm vi của dự án, cũng như hoàn cảnh cụ thể của việc hợp tác và mối quan hệ với khách hàng. Với tư cách là tổ chức giám sát bao trùm đối với hoạt động chung của chương trình được đề xuất, KDB sẽ tích hợp Phần Quản lý rủi ro E&S vào từng cơ chế hoạt động sau:

- Một chuyên gia tận tâm trong tư vấn giao dịch tài chính sẽ đảm bảo cho các giao dịch đáp ứng các tiêu chí đủ điều kiện, bao gồm các yêu cầu về lập kế hoạch quản lý và phân loại rủi ro E&S.
- Chẩn đoán năng lực ESMS và E&S của các công ty trong danh mục đầu tư, cũng như, nếu cần, hỗ trợ xây dựng năng lực như phát triển kinh doanh, xử lý giao dịch và xác định các dự án trong chuỗi quy trình.
- Quản lý và thẩm định E&S cấp quỹ: hiệu suất E&S tổng thể của CTF sẽ chịu sự giám sát liên tục của Ngân hàng. Ngân hàng sẽ đảm bảo duy trì hiệu suất E&S của CTF kết hợp với các EE của từng Phần trong số bốn Phần của chương trình. Ở cấp chương trình tổng thể, Ngân hàng sẽ đảm bảo và thường xuyên giám sát việc vận hành công bố thông tin, sự tham gia của các bên liên quan, cơ chế giải quyết khiếu nại và trách nhiệm giải trình. Hiệu suất E&S tổng thể của chương trình sẽ được KDB đánh giá thường xuyên và báo cáo cho GCF xét đến việc chương trình tuân thủ Chính sách Bảo vệ E&S của GCF.

#### 3.2.2 Đơn vị đồng thực hiện của Phần 1 và Phần 4: KDB & Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI)

Chương trình sẽ tận dụng các nền tảng đầu tư mạo hiểm ba tầng đã được chứng minh (KDB NextRound, NextOne và NextRise) và mạng lưới tăng tốc và VC toàn cầu của Trụ sở chính KDB và Văn phòng Mạo

hiếm tại Singapo/London và KDB Silicon Valley LLC (công ty con VC). Trên hết, KDB sẽ đóng vai trò là trạm kiểm soát hướng tới việc quản lý liên kết liên mạch giữa bốn (4) phần khác nhau trên cả năm (5) quốc gia NOL với tư cách vừa là Đơn vị được công nhận và Đơn vị thực hiện.

GGGI là đơn vị đồng thực hiện Phần 1 và 4 của chương trình. GGGI sẽ thành lập Đơn vị Quản lý bền vững khu vực (RSMU) tại trụ sở chính của GGGI tại Seoul và năm đơn vị ở năm quốc gia. Mục đích chính của SMU là liên lạc và phối hợp với các bên liên quan tại địa phương như cơ quan chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp, để hỗ trợ thực hiện các hoạt động của chương trình. Đặc biệt là đối với các công ty địa phương tiềm năng tham gia vào các hoạt động được CTF tài trợ (trong Phần 1) và nuôi dưỡng hệ sinh thái quốc gia thông qua các hoạt động TA khác (trong Phần 4).

### 3.2.2.1 Đơn vị Quản lý bền vững khu vực (RSMU)

Có trụ sở chính tại GGGI, RSMU sẽ giám sát hoạt động của 5 Đơn vị Quản lý bền vững quốc gia (NSMU) và báo cáo công việc của tất cả các SMU cho KDB.

### 3.2.2.2 Đơn vị Quản lý bền vững quốc gia (NSMU)

NSMU sẽ được thành lập tại năm quốc gia. Các thành viên cụ thể của NSMU có thể khác nhau về cấu trúc, nhưng nhìn chung sẽ bao gồm GGGI và các đơn vị thực hiện/đối tác chuyển giao địa phương và các chuyên gia kỹ thuật. Về việc quản lý E&S, NSMU sẽ mở rộng TA cho các JV được tài trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động quản lý E&S của họ tại chỗ, nhằm đảm bảo chúng phù hợp với các hiệp ước E&S của CTF IA.

**Các thành viên:** Văn phòng quốc gia GGGI, cơ quan thực hiện/đối tác chuyển giao địa phương, chuyên gia kỹ thuật

#### Vai trò và trách nhiệm

- Thực hiện và giám sát việc chuyển giao tất cả các đầu ra của Phần 1 & 4 một cách kịp thời, hiệu quả và tiết kiệm chi phí phù hợp với ESMS;
- Hỗ trợ tư vấn cho các JV, đặc biệt là trong việc thực hiện quản lý E&S để tuân thủ các yêu cầu E&S làm điều kiện để CTF phê duyệt;
- Phối hợp với các bên liên quan chính của quốc gia bao gồm NDA, các cơ quan chính phủ quốc gia liên quan, các chủ thể kinh doanh và cộng đồng về các khiếu nại về E&S và hiệu suất E&S tổng thể của các JV và các bên liên quan khi có nhu cầu; và
- Cùng lập chiến lược và phát triển các kế hoạch làm việc hoạt động cấp quốc gia, bao gồm các kế hoạch quản lý rủi ro E&S để hỗ trợ chuyển giao dự án kịp thời với Co-GP.

Đối với Chương trình Tăng tốc địa phương (Phần 1), GGGI sẽ đảm bảo tuân thủ Tiêu chí đầu tư cấp doanh nhân địa phương (Xem Bảng 1 ở trên) với các chi nhánh của SMU quốc gia ở các quốc gia tương ứng. Cơ chế thực hiện tương tự sẽ được áp dụng cho Chương trình TA (Phần 4): GGGI sẽ đảm bảo bất kỳ hoạt động nào liên quan đến chương trình đều phù hợp với các yêu cầu của GCF và ESMS này thông qua các SMU cụ thể tại quốc gia đó.

### 3.2.3 Đơn vị thực hiện Phần 2, 3: Chứng khoán & Đầu tư NH & Đối tác lợi nhuận tuyệt đối NH (NH ARP)

Đối với Chương trình Tăng tốc toàn cầu (Phần 2), Chứng khoán & Đầu tư NH sẽ đảm bảo tuân thủ E&S tổng thể (đặc biệt là Tiêu chí tăng tốc đầu tư cho các doanh nhân toàn cầu, Xem Bảng 2 ở trên) cùng với nhóm chuyên gia/đơn vị tư vấn sẽ thành lập liên doanh tư vấn tăng tốc để hỗ trợ hình thành JV và các hoạt động/doanh nghiệp JV phù hợp với tất cả các yêu cầu và điều kiện tuân thủ bắt buộc của CTF, bao gồm tuân thủ E&S và giới. Đặc biệt, Tập đoàn Tư vấn Gaia có chuyên môn chức năng này và sẽ đảm nhận vai trò chủ động.

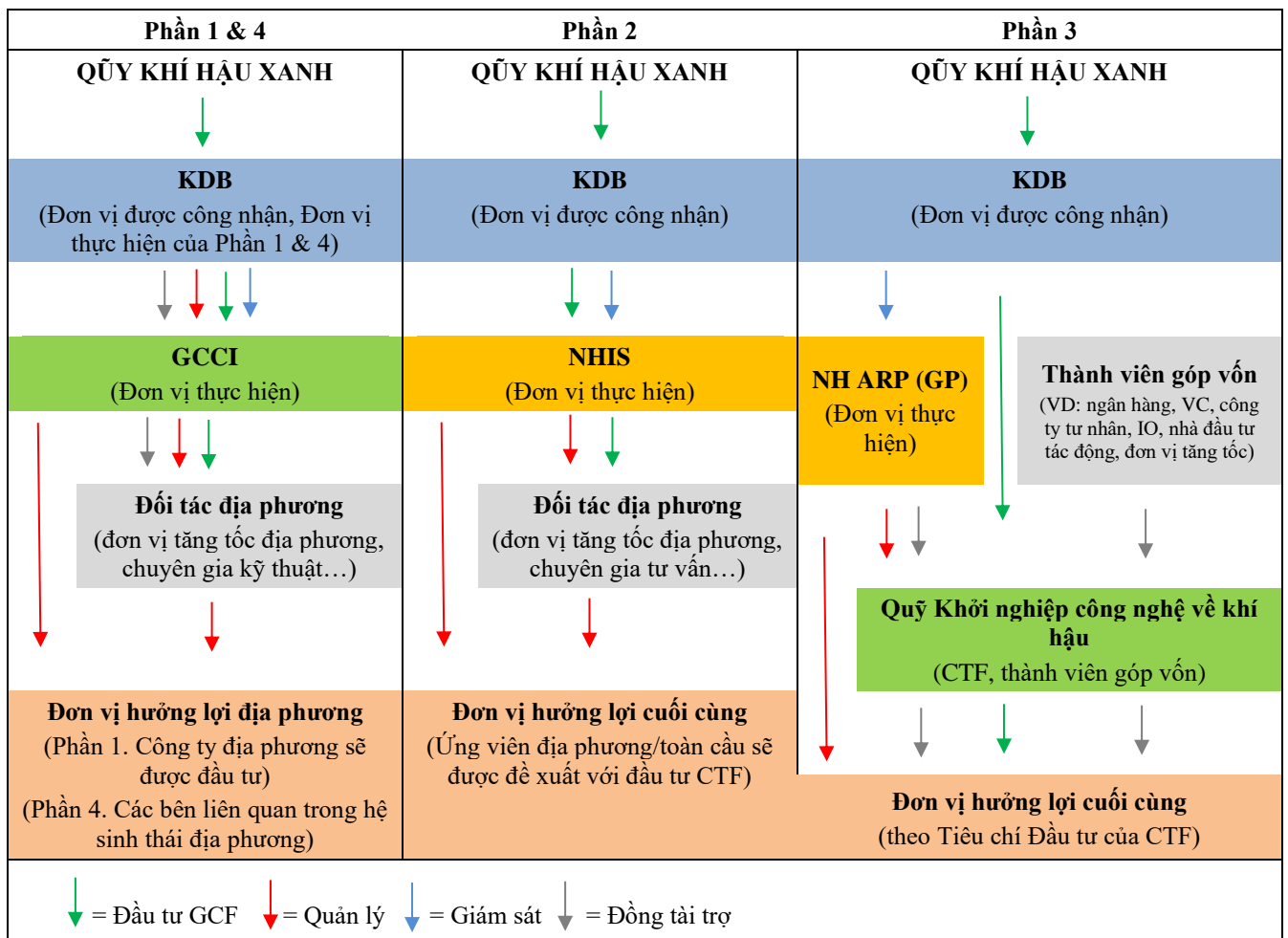
NH ARP sẽ là đơn vị thực hiện cho các hoạt động của CTF (Phần 3). NH ARP Pte. Ltd. là công ty con do Chứng khoán & Đầu tư NH (NH I&S) sở hữu, thuộc Tập đoàn Tài chính NH (A+/S&P, A1/Moody's, A/Fitch), là công ty quản lý quỹ được cấp phép tại Singapo, có chuyên môn đầu tư toàn cầu về vốn cổ phần tư nhân



và cơ hội giao dịch nợ. Nó đã thành công thúc đẩy hiệu suất với một số khoản đầu tư hàng đầu trong các giao dịch đáng chú ý trên khắp các nước Đông Nam Á: đặc biệt là, chuyên về những khoản đầu tư giai đoạn tăng trưởng vào các công ty công nghệ sáng tạo ở Đông Nam Á. Năng lực của NH ARP trong việc tận dụng các mạng lưới cốt lõi và đảm bảo các cơ hội đầu tư chất lượng cao sẽ hỗ trợ CTF tối ưu hóa danh mục đầu tư và đạt được lợi nhuận.

Đối với Phần 3, một bộ máy tuân thủ E&S phức tạp hơn sẽ được kích hoạt. Trong khi Phần 1 và Phần 2 tập trung vào việc làm cho các doanh nhân đăng ký tại địa phương và toàn cầu đủ điều kiện để có thể sẵn sàng hình thành một JV đủ điều kiện và đủ trình độ, (tức là cách tiếp cận “nuôi dưỡng trước khi đánh giá”), Phần 3 yêu cầu việc áp dụng mạnh mẽ các biện pháp kiểm soát rủi ro E&S trong suốt toàn bộ giai đoạn trước đầu tư (giai đoạn đăng ký đề xuất), quyết định đầu tư (bao gồm kiểm tra tuân thủ E&S theo Tiêu chí Đầu tư của CTF: Xem Bảng 3 ở trên) và thẩm định E&S sau đầu tư. Tại đây GP của CTF, Chứng khoán & Đầu tư NH, sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trực tiếp về toàn bộ quá trình cùng Ủy ban Đầu tư. ESGCT, Ủy ban Cố vấn chuyên gia (E&S) (EAC), cũng như (tiểu) Ban Quản lý rủi ro (E&S) (ESRMC) sẽ được thể chế hóa trong Ban Thư ký CTF để đảm bảo tuân thủ E&S và quản lý rủi ro, cũng như thực hiện thẩm định E&S liên quan đến quỹ.

**Hình 1. Bố trí thực hiện của các đơn vị trong chương trình**



**3.2.3.1 Ban Thư ký Tư vấn tăng tốc toàn cầu**

Thành lập Ban Thư ký để thực hiện Phần 2 của Chương trình. Ngoài nhân sự hành chính thiết yếu, Ban Thư ký cũng sẽ được bố trí (hoặc thuê ngoài) các chuyên gia có trình độ chuyên ngành (về công nghệ khí hậu và



các lĩnh vực/ngành công nghiệp có liên quan), cũng như các chuyên gia về hợp tác biến đổi khí hậu/phát triển quốc tế, tính bền vững (bao gồm cả bảo vệ và giới), cùng với những người khác, để cung cấp các dịch vụ tư vấn tùy chỉnh cho các ứng viên đã sẵn sàng.

Khi các công ty công nghệ toàn cầu (“người đăng ký toàn cầu”) có bằng sáng chế về công nghệ khí hậu để áp dụng cho bất kỳ quốc gia nào trong số 5 quốc gia mục tiêu tiếp cận Chương trình, Ban Thư ký sẽ hỗ trợ họ thành lập một JV khả thi với các ứng viên địa phương thông qua quy trình sắp xếp. Thông qua đó, các ứng viên JV có công ty cụ thể và kế hoạch mở rộng và nâng quy mô công nghệ khí hậu (các hoạt động được tài trợ) sẽ được cụ thể hóa để đăng ký CTF.

### **[Gói Tư vấn vườn ươm doanh nghiệp & Hỗ trợ sẵn sàng của CTF (“Gói RSBI”)]**

Sau khi lập hồ sơ và sàng lọc các ứng viên JV, Ban Thư ký sẽ xác định xem người đăng ký đã sẵn sàng đăng ký vào Quỹ chưa (Phần 3). Nếu được đánh giá là chưa sẵn sàng dựa trên việc chẩn đoán về năng lực của người đăng ký và các lỗ hổng trong hệ thống (xác định thông qua đánh giá trước về các ứng viên JV dựa vào Tiêu chí Đầu tư CTF), Ban Thư ký sẽ thông báo kết quả và đề nghị người đăng ký nhận “Gói CTF RSBI” để đăng ký Quỹ.

Thông qua ESGCT, Ban Thư ký sẽ tiến hành phân tích lỗ hổng và chẩn đoán nhu cầu về hỗ trợ tư vấn và xây dựng năng lực của các ứng cử viên JV toàn cầu dựa vào Tiêu chí Đầu tư của CTF. Điều này sẽ bao gồm việc đánh giá về năng lực quản lý E&S và ESMS hiện tại của các công ty đăng ký (Xem Phụ lục G bên dưới). Các kế hoạch được đề xuất của các hoạt động được tài trợ cũng sẽ được xem xét chặt chẽ, sàng lọc sơ bộ và phân loại theo danh mục rủi ro E&S và sẽ được yêu cầu nộp đánh giá tác động E&S, (ESIA đơn giản hóa (còn gọi là Đánh giá tác động ban đầu (IEE) hoặc các điều khoản khác của các nước sở tại tương ứng) và đánh giá tác động chuyên đề (như đánh giá tác động sức khỏe) theo tính chất của dự án/hoạt động được đề xuất) và các kế hoạch quản lý (Xem Phần 3.3.3.dưới đây để biết các loại ESMP cụ thể), đến mức theo yêu cầu để được CTF phê duyệt dựa vào Tiêu chí Đầu tư của CTF. Trong quá trình này, những đơn vị có hoạt động được tài trợ không phù hợp với mục đích của GCF (VD: gây ra tác động không phục vụ cho việc thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu và mở rộng công nghệ liên quan ở các quốc gia mục tiêu) hoặc rủi ro E&S tiềm ẩn của các hoạt động được đề xuất tương đối lớn (VD: những đơn vị rõ ràng thuộc rủi ro Loại A hoặc thuộc các hoạt động trong Danh sách Loại trừ của Quỹ) sẽ được loại ra hoặc cung cấp tư vấn tùy chỉnh để điều chỉnh các kế hoạch ban đầu nhằm đáp ứng các yêu cầu của CTF E&S.

Đội ESGCT giàu kinh nghiệm sẽ liên tục giám sát các hoạt động đầu tư của CTF. ESGCT sẽ quản lý các hoạt động E&S hàng ngày.

### **Vai trò và trách nhiệm**

- Giám sát việc thực hiện ESMS của CTF và các đánh giá, cải tiến và sửa đổi định kỳ của nó;
- Báo cáo thường xuyên cho các Thành viên góp vốn (LP), bao gồm cả KDB, về hiệu suất ESMS của mình;
- Đảm bảo sàng lọc từng đơn đăng ký theo Chính sách E&S CTF, Danh sách Loại trừ và đã phân loại dự án được đề xuất theo các rủi ro E&S tiềm ẩn;
- Đảm bảo rằng các điều khoản tham chiếu của ESIA tuân thủ Chính sách E&S của CTF;
- Giám sát quy trình thẩm định (DD) ứng viên JV và đảm bảo tuân thủ các thủ tục đánh giá, hướng dẫn và danh sách kiểm tra của E&S CTF, và đánh giá sự tuân thủ/hiệu suất về môi trường của các hoạt động kinh doanh tiềm năng so với các yêu cầu hiện hành;
- Đảm bảo giám sát và theo dõi các JV dựa vào việc tuân thủ liên tục các yêu cầu E&S hiện hành;
- Đánh giá tất cả các báo cáo giám sát E&S của các JV đã nộp;
- Chuẩn bị báo cáo về hiệu quả xã hội và môi trường hàng năm, dựa trên các báo cáo giám sát định kỳ do các JV chuẩn bị, và các báo cáo E&S khác có thể được yêu cầu;
- Làm việc với các Đơn vị Quản lý bền vững (SMU) và các bên liên quan ở địa phương nhằm đảm bảo có đủ nguồn lực để thực hiện hiệu quả các chính sách và quy trình E&S.

- Triệu tập các cuộc họp *đặc biệt* của Ủy ban Quản lý rủi ro E&S (RMC) khi cần và đưa ra quyết định về các hành động sửa đổi và phòng ngừa khi báo cáo các vấn đề về E&S.

### 3.2.3.2 Ban Cố vấn chuyên gia (EAC)

Ban Cố vấn chuyên gia (EAC) sẽ được thành lập trong CTF để kiểm tra các ứng viên JV tiềm năng, có các hoạt động kinh doanh cần các chuyên gia liên quan kiểm tra thêm ở giai đoạn đầu của chu kỳ đầu tư. Mặt khác, chỉ ESGCT kiểm tra các ứng viên JV có hoạt động kinh doanh rủi ro về E&S ở mức thấp và điển hình. Các thành viên của EAC sẽ bao gồm các Đối tác quản lý CTF, CTF ESGCT, (các) chuyên gia công nghệ và ngành (tùy trường hợp) và (các) chuyên gia E&S bên thứ ba (tùy trường hợp). Các Co-GP sẽ duy trì một nhóm chuyên gia quốc tế và địa phương, sẽ được triệu tập tới EAC tùy vào các hoạt động kinh doanh được đề xuất và vị trí của các ứng viên JV đang xem xét. Dự kiến EAC cũng đánh giá năng lực quản lý và rủi ro E&S của các ứng viên JV.

**Thành viên trong Ban:** Đối tác Quản lý của CTF, CTF ESGCT, (các) chuyên gia công nghệ và ngành (tùy trường hợp) và (các) chuyên gia E&S bên thứ ba (tùy trường hợp).

#### Vai trò và trách nhiệm

- Loại bất kỳ ứng viên JV nào có hoạt động nằm trong Danh sách Loại trừ;
- Kiểm tra và đánh giá các rủi ro E&S tiềm ẩn của các sản phẩm, dịch vụ và công nghệ của các ứng viên JV;
- Kiểm tra và đánh giá năng lực quản lý rủi ro E&S của các ứng viên JV;
- Xác định ranh giới của việc sử dụng/quy mô công nghệ đang được xem xét để tuân theo năng lực quản lý rủi ro E&S của các ứng viên JV, điều chỉnh mức độ theo dõi và giám sát các hoạt động được đầu tư của công ty; và
- Chuẩn bị Tóm tắt đánh giá E&S (ESRS) (Xem PHỤ LỤC H) có xác minh danh mục rủi ro E&S được đề xuất và sự phù hợp của kế hoạch quản lý được đề xuất, và nếu phù hợp thì bao gồm đề xuất của EAC về sự cần thiết của đánh giá bổ sung (yêu cầu các JV
- Nộp các tài liệu hỗ trợ E&S bổ sung, và/hoặc khuyến nghị tính điều kiện đối với việc tuân thủ E&S cho danh mục đầu tư trước khi Quỹ phê duyệt...) để trình lên IC sơ bộ.

### 3.2.3.3 Ủy ban Đầu tư sơ bộ (PIC)

Ủy ban Đầu tư sơ bộ (PIC) của CTF sẽ là ủy ban chính thức đánh giá các thông tin thu thập từ bên đăng ký, ý kiến của ESGCT, và khuyến nghị của EAC, nếu có. PIC sẽ không đưa ra bất kỳ quyết định đầu tư nào, mà là nơi chính thức ghi nhận ý kiến của KDB, AE, PwC (nhà cung cấp dịch vụ DD cho CTF) và là cơ quan quản lý cuối cùng của chương trình.

**Thành viên Ủy ban:** Đối tác Quản lý CTF, KDB (quan sát viên), Đối tác DD đầu tư (PwC)

#### Vai trò và trách nhiệm

- Đánh giá ESRS và kiểm tra xem đã bố trí các ứng viên JV cho giai đoạn quyết định đầu tư trong IC chưa hay còn cần DD thêm; và
- Chuẩn bị biên bản cuộc họp PIC chính thức ghi lại cuộc thảo luận để trình lên IC hoặc các đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn trong Phần 2 nếu các ứng viên JV yêu cầu DD hoặc chuẩn bị thêm.

### 3.2.3.4 Ủy ban Đầu tư (IC)

IC của CTF sẽ là cơ quan ra quyết định đầu tư duy nhất. Ủy ban gồm 4 đối tác quản lý có kinh nghiệm và chịu trách nhiệm cuối cùng về các khoản đầu tư. IC sẽ đưa ra quyết định đầu tư sau khi xem xét tất cả các thông tin thu thập được từ các ứng viên JV, bao gồm đề xuất kinh doanh, các nghiên cứu liên quan (bao gồm cả nghiên cứu E&S) và ý kiến độc lập từ EAC (nếu có) và PIC.

**Thành viên Ủy ban:** Đối tác Quản lý CTF, KDB (quan sát viên)

### Vai trò và trách nhiệm

- Đánh giá các biên bản cuộc họp PIC, ESRS để đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng;
- Rà soát dự thảo Hiệp định Đầu tư (IA) và hiệp ước E&S; và
- Chính thức ghi lại cuộc thảo luận và quyết định đầu tư

#### 3.2.3.5 Tiểu ban Quản lý rủi ro E&S (ESRMSC) (Thẩm định E&S giai đoạn sau đầu tư)

Tiểu ban Quản lý Rủi ro E&S (ESRMSC) là một ủy ban *đặc biệt* sẽ được triệu tập khi xác định và/hoặc báo cáo việc xảy ra rủi ro E&S đáng kể trong quá trình vận hành chương trình (trong giai đoạn sau đầu tư), như: công nghệ khí hậu được triển khai thì tương đối mới, đã công bố và báo cáo các rủi ro liên quan đến EHS ở mức độ đáng kể mà trước đây chưa xác định được; hoặc khiếu nại gửi đến các JV và hoạt động được đầu tư của nó có thể gây ra tác động tiêu cực đến việc vận hành dự án, khi làm tổn hại đến uy tín và danh tiếng của các đơn vị thực hiện cũng như sức khỏe và an toàn của nước sở tại và cộng đồng. Trong những trường hợp này, sẽ triệu tập ESRMSC để đánh giá vấn đề đúng lúc và xác định các biện pháp giải quyết khiếu nại/ khắc phục/sửa đổi theo yêu cầu tùy theo tính chất và mức độ rủi ro được đưa ra.

ESRMSC có thể mời các chuyên gia bên ngoài về các vấn đề bảo vệ E&S và công nghệ cụ thể (VD: tác động đến di sản văn hóa...) cũng như các bên liên quan chính của quốc gia bao gồm: Cơ quan được chỉ định quốc gia (NDA) cho GCF (nếu cần), các cộng đồng bị ảnh hưởng bao gồm phụ nữ, người bản địa và các nhóm dễ bị tổn thương, nếu phù hợp và những nhóm khác. Sau khi tham khảo ý kiến của ủy ban, vụ việc sẽ được trình lên RMC<sup>12</sup> của CTF để cho các đối tác quản lý quyết định về các biện pháp ứng phó.

**Thành viên Ủy ban:** Đối tác Quản lý CTF, KDB, Các bên liên quan tại địa phương, chuyên gia bên ngoài (nếu cần)

### Vai trò và trách nhiệm

- Đánh giá các vấn đề E&S đã được xác định và/hoặc báo cáo;
- Mời các bên liên quan chính của quốc gia, bao gồm NDA và cộng đồng bị ảnh hưởng, vào Ủy ban nếu cần; và
- Chuẩn bị Biên bản cuộc họp của Ủy ban để ghi lại và nộp cho RMC.

#### 3.2.4 Các ứng viên JV và các đơn vị đăng ký quỹ khác

Các ứng cử viên JV sẽ tiếp cận chương trình và sẽ đánh giá mức độ sẵn sàng của họ đối với CTF (bao gồm năng lực quản lý E&S, tình hình cũng như tuân thủ chính sách E&S của các hoạt động được đề xuất). Thông qua quá trình này, các ứng viên JV sẽ có cơ hội củng cố hệ thống quản lý E&S nội bộ của họ, xây dựng năng lực và chuẩn bị tốt hơn các đề xuất tài trợ (FP) của họ với CTF trong các khía cạnh tuân thủ bảo vệ E&S.

Trong trường hợp các hoạt động được đề xuất thuộc CTF yêu cầu chú ý đặc biệt đến các vấn đề E&S cụ thể (VD: khả năng ô nhiễm đất và nước ngầm & các rủi ro về an toàn và sức khỏe của công nhân và cộng đồng, liên quan đến việc sản xuất pin, sử dụng và thải bỏ việc lắp đặt PV và sản xuất EV...), sẽ yêu cầu các ứng viên JV tăng cường việc đánh giá tác động ES và kế hoạch M&E của họ về các vấn đề mà chương trình đã xác định. Nhìn chung, các yêu cầu về thủ tục ESMS sẽ được phản ánh trong hiệp ước E&S của họ và họ sẽ cần cam kết thực hiện các yêu cầu đó (được nêu rõ dưới dạng ESAP như một phần của các hiệp ước E&S sau khi ký CTF IA, do ESGCT soạn thảo).

Các JV mong muốn chỉ định (các) đầu mối bảo vệ E&S nội bộ để hỗ trợ các chức năng này trong toàn bộ chu kỳ của các hoạt động được tài trợ.

<sup>12</sup> Có thể hiểu Ủy ban Quản lý rủi ro của CTF là Hội đồng CTF, nơi các đối tác quản lý sẽ gặp thường xuyên để thảo luận về hoạt động của Quỹ.

### 3.2.5 Các bên liên quan chính cấp quốc gia

Các bên liên quan chính cấp quốc gia bao gồm các bộ liên quan và các cơ quan chính phủ liên quan khác. (Để biết chi tiết về các bên liên quan cấp quốc gia, hãy xem: Nghiên cứu về tính khả thi ban đầu định hướng theo nhu cầu của GGGI, dưới dạng gói đề trình chương trình.)

SMU quốc gia sẽ là cơ chế điều phối liên quan đến nhiều bên liên quan quốc gia khác. GGGI sẽ thành lập một cơ chế điều phối cụ thể với sự tham vấn của các bên liên quan chính cấp quốc gia, trong quá trình tạo ra SMU quốc gia tương ứng.

### 3.2.6 Nhà thầu/nhà thầu phụ, nhà cung ứng và các nhân tố chính khác trong chuỗi giá trị

ESMS này không chỉ bao gồm các đơn vị tham gia chương trình trực tiếp (tức là AE, EE và các JV nhận trực tiếp của chương trình được đề xuất) mà còn bao gồm các đơn vị làm việc với các JV thụ hưởng trực tiếp thông qua các thỏa thuận hợp đồng khác nhau. Tóm lại, trong phạm vi có thể và mong muốn, sẽ đánh giá toàn bộ chuỗi giá trị trong suốt chu kỳ triển khai và phổ biến công nghệ (và triển khai dự án).

Phạm vi của các đơn vị liên quan sẽ khác nhau tùy từng trường hợp, tùy từng hạng mục của CTF. SMU quốc gia sẽ tạo điều kiện cho việc chuẩn bị và triển khai các kế hoạch tham gia và phân tích các bên liên quan, và các Co-GP sẽ giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình vận hành dự án. Các bên liên quan sẽ được mời đến các quy trình tư vấn linh động này ở cấp JV.

Ngoài ra, yêu cầu các NDA GCF tại năm quốc gia mục tiêu đánh giá và đưa ra “không phản đối” với từng dự án được đề xuất trong quy trình đánh giá và phê duyệt của CTF. NDA của năm quốc gia cũng sẽ được mời tham gia cuộc họp ban chỉ đạo *đặc biệt* ở cấp chương trình (bởi KDB) tổng thể, cấp CTF (bởi Co-GP) hoặc ở cấp JV (bởi NSMU) cụ thể tùy vào các vấn đề nảy sinh đòi hỏi quá trình ra quyết định mang tính tham vấn.



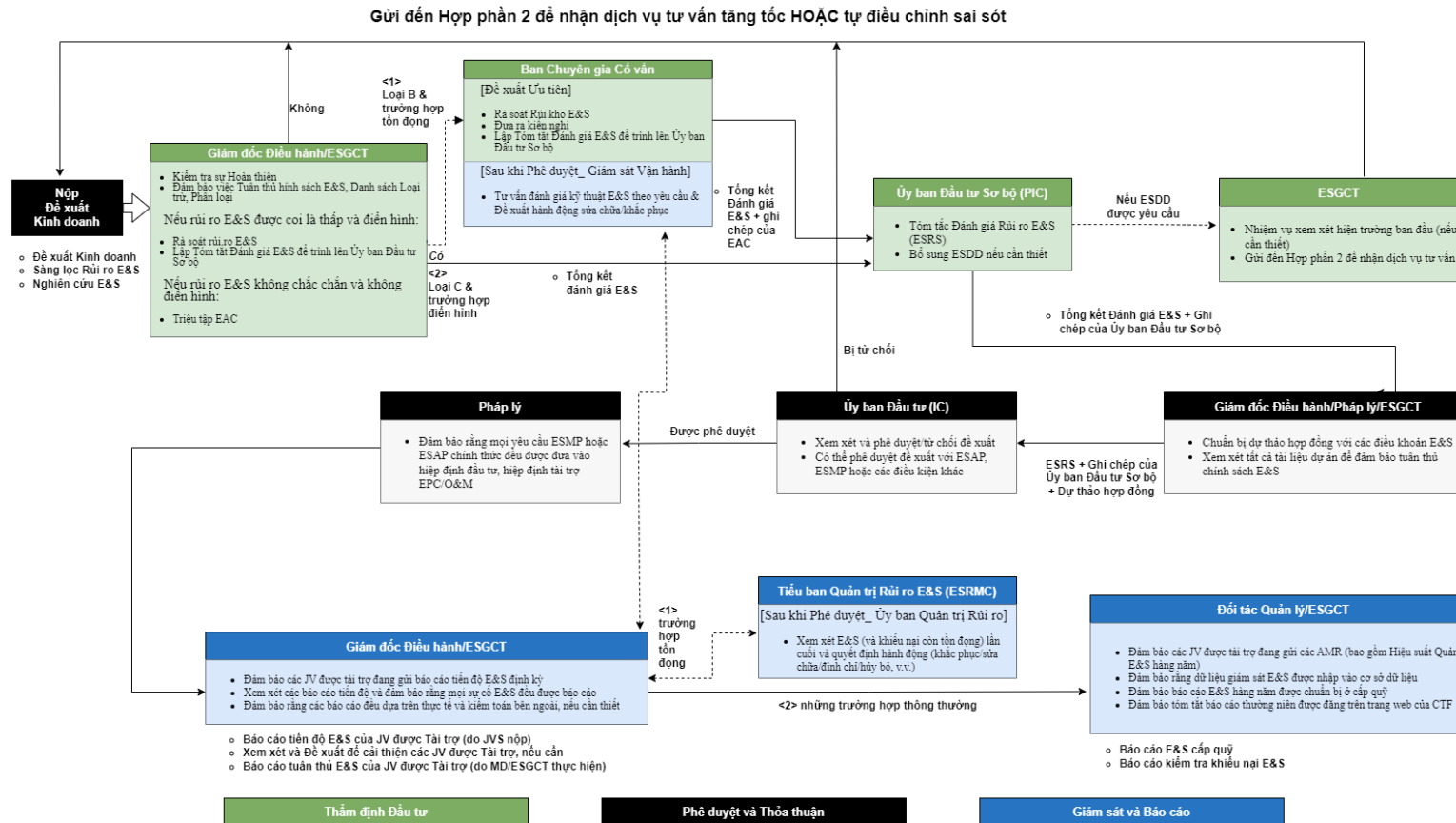
*Công ty tư vấn Gaia*

### **3.3 Quy trình đánh giá và quản lý rủi ro E&S**

**Hình 2. Chu trình vận hành việc tuân thủ E&S (đối với CTF/Phần 3)**



## Quy trình Tóm tắt \_ E&S



ESGCT = Nhóm Đảm bảo Tuân thủ E&S và Giới

### 3.3.1 Sàng lọc và phân loại các rủi ro và tác động tiềm ẩn

Như đã nêu trong Phần 1.2.3 ở trên, CTF không phê duyệt cho bất kỳ doanh nghiệp và hoạt động được đề xuất nào thuộc bất kỳ Danh sách Loại trừ nào của IFC (Xem Phụ lục A), Danh mục “Rủi ro cao (A)” (xem Bảng 2 bên dưới) và/hoặc các doanh nghiệp/hoạt động có tác động tiêu cực đến người bản địa.

Khi bên đăng ký JV đề xuất một chương trình có các thành phần nhiều dự án nhỏ tại một quốc gia hoặc ở nhiều quốc gia, CTF sẽ phân loại chương trình được đề xuất theo danh mục rủi ro cao nhất của các dự án nhỏ. Các bên trung gian tài chính trong chương trình được đề xuất này cũng phải tuân theo đánh giá năng lực và ESMS của CTF (dựa trên Phụ lục G: Mẫu Đánh giá năng lực quản lý E&S bên dưới). Các bên liên quan không có hệ thống riêng thì có thể phải thực hiện “Phương pháp tiếp cận chung về việc bảo vệ E&S”, điều chỉnh các chính sách bảo vệ của họ trong các hoạt động của chương trình được đầu tư với ESMS này cho chương trình này, phù hợp với ESMS của KDB và Chính sách sửa đổi về môi trường và xã hội của GCF (B.BM-2021/18) và các chính sách liên quan khác, nếu họ chưa có hệ thống thể chế riêng.

Khi bên đăng ký JV đề xuất một bên trung gian tài chính, thì các hoạt động đầu tư đó cần được phân loại theo rủi ro với mục đích sử dụng cuối cùng dự kiến của nó.

Việc phân loại rủi ro sẽ tuân theo Tiêu chuẩn ESS của GCF (tức là IFC PS làm tiêu chuẩn tạm thời của GCF) và Chính sách sửa đổi về môi trường và xã hội (đặc biệt là Đoạn 27 và 34). KDB sẽ xác định Quyết định về phân loại rủi ro của hoạt động JV được đề xuất cụ thể và GCF sẽ xác nhận. Các rủi ro được xác định sẽ bao gồm các tác động trực tiếp, gián tiếp, tích lũy và áp đặt, phù hợp với các tiêu chuẩn ESS có liên quan.

**Bảng 2. Phân loại rủi ro E&S (Nguồn: Chính sách sửa đổi về môi trường và xã hội của GCF (B.BM-2021/18), Đoạn 33)**

<p><b>Không đạt điều kiện CTF</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Loại A:</b> Các hoạt động có tác động và rủi ro bất lợi đáng kể về xã hội và/hoặc môi trường, riêng lẻ hoặc tích lũy, đa dạng, không thể đảo ngược hoặc chưa từng có.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Mức độ trung gian cao (I-1):</b> Khi danh mục đầu tư hiện tại hoặc đề xuất của bên trung gian đăng ký JV bao gồm, hoặc dự kiến bao gồm khả năng tiếp xúc tài chính với các hoạt động Loại A.</li> </ul>
<p><b>Đạt điều kiện CTF</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Loại B:</b> Các hoạt động có ít tác động và rủi ro bất lợi về xã hội và/hoặc môi trường, riêng lẻ hoặc tích lũy, thì ít, thường cụ thể về địa điểm, phần lớn có thể đảo ngược và dễ giải quyết thông qua các biện pháp giảm thiểu.</li> <li><b>Loại C:</b> Các hoạt động có rủi ro và/hoặc tác động tiêu cực đến môi trường và/hoặc xã hội ở mức tối thiểu hoặc không có.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>Mức độ trung gian trung bình (I-2):</b> Khi danh mục đầu tư hiện tại hoặc đề xuất của bên trung gian đăng ký JV bao gồm hoặc dự kiến bao gồm khả năng tiếp xúc tài chính với các hoạt động Loại B, và không bao gồm các hoạt động Loại A.</li> <li><b>Mức độ trung gian thấp (I-3):</b> Khi danh mục đầu tư hiện tại hoặc đề xuất của bên trung gian đăng ký JV bao gồm hoặc dự kiến bao gồm khả năng tiếp xúc tài chính với các hoạt động Loại C.</li> </ul>

Ngoài các tiêu chí phân loại rủi ro bảo vệ quốc tế (đặc biệt là IFC PS 1), bên đăng ký JV cũng cần tuân thủ các yêu cầu đánh giá tác động môi trường (và xã hội) của nước sở tại. Do đó, bên đăng ký JV (và các loại khác) của CTF nên thực hiện đồng thời các thủ tục E(S)IA của nước sở tại: Bên đăng ký phải nộp chúng (dự thảo hoặc E(S)IA đã duyệt và các tài liệu liên quan bao gồm ESMP) làm ‘tài liệu E&S’ để nộp khi điền Danh sách kiểm tra E&S ban đầu của CTF (Xem Phụ lục D bên dưới) và nộp cho Ban Thư ký. Nếu hệ thống bảo vệ xã hội của nước sở tại phân loại các hoạt động liên quan là “rủi ro cao” yêu cầu ESIA đầy đủ và ESMP nghiêm ngặt, thì CTF sẽ kiểm tra kỹ lưỡng để đảm bảo rằng các hoạt động đó không bị phân loại là loại “A” theo tiêu chí CTF. Trong trường hợp đó, các dự án/hoạt động được đề xuất sẽ không được xem xét thêm cho chương trình CTF. (Đối với hệ thống Phân loại rủi ro E&S của năm nước sở tại, xem Phụ lục C. bên dưới.)



Khi phát triển một tổ chức kinh doanh/doanh nghiệp JV và chuẩn bị đề xuất của nó (thông qua Phần 2), bên đăng ký JV cần được thông báo rõ ràng về tiêu chí (loại bỏ tiêu cực) về đầu tư của CTF liên quan đến việc phân loại rủi ro trước đề chuẩn bị đề xuất tương ứng của họ.

Các phần sau đây cung cấp hướng dẫn trình bày sơ bộ cho bên đăng ký JV để đánh giá các hoạt động có thể có rủi ro cao, liên quan đến các công nghệ khí hậu chọn lọc được ưu tiên cho chương trình được đề xuất (dựa trên ‘Bảng: Bảy (7) nhóm công nghệ khí hậu được ưu tiên trong Phần C. về Đề xuất tài trợ/Tr. 11). Do tính không chắc chắn của phương thức ứng dụng/triển khai cụ thể của một công nghệ khí hậu nhất định, nên chỉ cung cấp những hướng dẫn chung, chọn lọc, mang tính biểu thị dưới đây.

### 3.3.1.1. Công nghệ ưu tiên 1: Năng lượng sinh học (Sinh khối tái tạo)

Năng lượng sinh học là năng lượng được tạo ra từ sinh khối và là nguồn thay thế bền vững cho nhiên liệu hóa thạch. Các loại sinh khối được sử dụng làm năng lượng sinh học bao gồm gỗ, cây lương thực như ngô, cây trồng năng lượng và chất thải từ rừng, sân bãi hoặc trang trại. Sinh khối tái tạo là sinh khối có nguồn gốc từ rừng, đất trồng trọt và/hoặc đồng cỏ.

Nhà máy điện sinh khối sản xuất điện từ hơi thoát ra trong quá trình đốt sinh khối trong nồi hơi. Công nghệ chủ đạo của nhà máy điện sinh khối là nồi hơi đốt sinh khối (lò hơi tầng sôi). Nồi hơi sinh khối chỉ được thiết kế và sản xuất bởi các nhà sản xuất châu Âu, Hàn Quốc hoặc Trung Quốc. Năm quốc gia không có công nghệ.

Bảng dưới đây trình bày các tác động môi trường và xã hội chính liên quan đến công nghệ liên quan và các biện pháp giảm thiểu điển hình tương ứng. Quy mô, thời gian và cường độ của những tác động này luôn phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể và phụ thuộc nhiều vào điều kiện địa phương và loại sinh khối.

**Bảng 3. Các tác động môi trường và xã hội chính và biện pháp chung giảm thiểu năng lượng sinh học<sup>13</sup>**

Mục	Tác động	Biện pháp giảm thiểu
Chất lượng không khí	Khí thải từ việc đốt phế thải sinh học có thể dẫn đến ô nhiễm không khí.	<p><b>[Sản xuất]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Việc rải phân có thể gây ra khí thải có mùi và cần duy trì ở mức thời gian tối thiểu trong năm.</li> </ul> <p><b>[Chuyển đổi]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng xe tải hiệu quả và giảm thiểu khoảng cách vận chuyển thì có thể giảm tác động</li> <li>Trang bị cho các cơ sở hệ thống xử lý thích hợp để loại bỏ các chất ô nhiễm như oxit nito, oxit lưu huỳnh và các hạt có hại khác từ khí thải</li> <li>Thực hiện các hoạt động hiệu quả của nhà máy để giảm thiểu việc đốt nguyên liệu sinh khối và ngăn ngừa ô nhiễm cục bộ từ hạt bồ hóng và carbon monoxide</li> <li>Dùng các phương pháp lưu trữ, vận chuyển và xử lý thích hợp để giảm thiểu sự lây lan của vi khuẩn</li> </ul>
Hệ sinh thái & Đa dạng sinh học	Nếu nhu cầu về phế thải tăng vượt quá khả năng cung cấp, thì có thể tạo ra các khu nông nghiệp mới từ việc chuyển đổi, ví dụ, đất ngập nước, vùng cây bụi hoặc rừng, điều này có thể tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học.	<p><b>[Sản xuất]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Giảm thiểu rủi ro mất đa dạng sinh học bằng cách tránh bất kỳ tác động đáng kể nào lên các môi trường sống hoặc loài quý hiếm, độc nhất, đặc hữu hoặc hạn chế về địa lý</li> <li>Giảm quy mô khu vực bị ảnh hưởng hoặc tập trung các hoạt động tại chỗ vào các khu vực ít nhạy cảm hơn</li> </ul>

<sup>13</sup> Bảng này trích từ hướng dẫn IFC: “Chuyển đổi sinh khối thành năng lượng: Hướng dẫn dành cho nhà phát triển và nhà đầu tư” (Tháng 6/2017), Phần 15. Xem xét về môi trường và xã hội <https://documents1.worldbank.org/curated/en/451461502956339912/pdf/118738-WP-BioMass-report-06-2017-PUBLIC.pdf>



		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có thể giảm tác động dài hạn bằng cách bảo tồn và duy trì các vùng đệm của thảm thực vật địa phương, đồng thời có thể bù đắp tình trạng mất các dịch vụ hệ sinh thái bằng cách xem xét sử dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia của các bên liên quan để giúp xác định các dịch vụ quan trọng hoặc ưu tiên tại địa phương.</li> <li>• Phải quản lý thích hợp việc rò rỉ chất dinh dưỡng và sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón và các hóa chất khác để tránh tác động tiêu cực đến thực vật và động vật.</li> </ul> <p><b>[Chuyển đổi]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xử lý dòng thải đúng cách (thông qua xử lý vật lý, hóa học và sinh học) có thể giảm thiểu tác động đến môi trường địa phương và đa dạng sinh học.</li> </ul>
<p>Nước</p>	<p>Có thể ảnh hưởng đến cả chất lượng và số lượng nước, ví dụ bằng cách xả nước thải hoặc tăng việc sử dụng nước ngầm để sản xuất sinh khối.</p>	<p><b>[Sản xuất]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Lựa chọn nguyên liệu năng lượng sinh học phải phù hợp với điều kiện địa khí hậu (VD: nguồn nước có sẵn và hình thái mưa)</li> <li>• Có thể giảm tình trạng thiếu nước bằng cách tưới hiệu quả hơn nếu cần (VD: tưới nhỏ giọt) hoặc thu gom nước mưa.</li> <li>• Giảm thiểu sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu có thể làm giảm tác động đến chất lượng nước, có thể bổ sung bằng cách dùng các hệ thống sản xuất hỗn hợp (VD: trồng hai vụ).</li> </ul> <p><b>[Chuyển đổi]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quyết định về sản phẩm cuối sẽ dùng thì cần xem xét đến tình trạng nước sẵn có.</li> <li>• Công nghệ sản xuất sạch hơn tại nhà máy (VD: tái chế nước, xử lý vật lý, hóa học và sinh học tại chỗ đối với nước thải...)</li> <li>• Xem xét hệ thống xử lý nước thải tự nhiên, như xây dựng đất ngập nước, nếu thích hợp.</li> </ul>
<p>Đất và tài nguyên đất</p>	<p>Nếu chỉ sử dụng các nguồn tài nguyên thứ cấp thì có thể tác động cục bộ lên đất khá là nhỏ. Tuy nhiên, nếu những người dùng khác đã sử dụng các nguyên liệu này thì có thể phát sinh hậu quả về môi trường nếu những người dùng này theo đuổi các nguyên liệu khác.</p>	<p><b>[Sản xuất]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tưới nước và biện pháp không cày xới có thể giúp duy trì độ ẩm của đất.             <ul style="list-style-type: none"> <li>➢ Biện pháp không cày xới, sử dụng cây trồng phủ đất để tránh xói mòn và tạo chất hữu cơ cho đất, và phát triển các loại cây trồng khác nhau và sử dụng phân chuồng hoặc phân bón để đảm bảo hàm lượng dinh dưỡng trong đất và tránh cạn kiệt.</li> <li>➢ Trồng cây ở vùng đệm ven sông có thể giảm thiểu tình trạng xói mòn và rò rỉ dinh dưỡng vào các vùng nước.</li> </ul> </li> <li>• Ngăn chặn việc sử dụng quá nhiều thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và các hóa chất khác thì có thể làm giảm ô nhiễm đất, nước ngầm và nước trên mặt</li> </ul> <p><b>[Chuyển đổi]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xử lý nước thải đúng cách có thể làm giảm tác động đến tài nguyên đất</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>Phải tiến hành xử lý chất thải tại các cơ sở được chỉ định</li> </ul>
--	--	--

- Xác định các hoạt động rủi ro cao (“Loại A”) để đánh giá khả năng đủ điều kiện

Indonesia coi năng lượng sinh học – sinh khối tái tạo trên 10 MW phân loại là hoạt động “rủi ro cao”. Tại Lào, năng lượng sinh học – sinh khối tái tạo trên 10 MW phân loại là hoạt động “rủi ro cao”.

**Bảng 4. Phân loại rủi ro của năng lượng sinh học (sinh khối tái tạo) theo hệ thống bảo vệ quốc gia ở 5 nước sở tại**

Quốc gia	Công nghệ ưu tiên ứng phó với khí hậu - Hoạt động/Dự án	Phân loại rủi ro theo hệ thống bảo vệ quốc gia		
		Cao	Trung bình	Thấp
Indonesia	Điện thi công nhà máy điện từ các loại khác (các loại khác: năng lượng mặt trời PLT, gió, than bùn/sinh khối PLT, PLT bayu)	> 10 MW	-	-
Lào	Công nghệ khí sinh học và nhiên liệu sinh học - Dự án nhà máy điện than, dầu hoặc sinh khối	>10 MW	≤10 MW	-

**Cách tiếp cận chung về phân loại rủi ro cao ở năm quốc gia:**

Sẽ sàng lọc từng tác động môi trường và xã hội đã xác định theo mức độ đáng kể của chúng và CTF sẽ xác định các loại rủi ro E&S tổng thể. Theo đó, các đề xuất với các phân loại rủi ro “B/I-2” (trung bình) hoặc “C/I-3” (thấp) được sàng lọc cuối cùng, sẽ đủ điều kiện cho đầu tư CTF. CTF sẽ kiểm tra nghiêm ngặt các hoạt động “rủi ro cao” thuộc hệ thống sàng lọc rủi ro quốc gia, để đảm bảo tuân thủ các tiêu chí quản lý và sàng lọc rủi ro E&S của CTF.

**Phân tích toàn diện tất cả các tác động về môi trường và xã hội quan trọng bao gồm các tác động tích lũy, gián tiếp và áp đặt:**

Ngoài loại hình và quy mô của các hoạt động nêu trên, cần xem xét toàn diện các tác động môi trường và xã hội khác nhau (như giá thị trường sinh khối, tác động tiêu cực đến mối quan hệ giữa công nhân sản xuất sinh khối và chủ nhà máy điện sinh khối, giá thị trường sinh khối...), sự hiện diện của cộng đồng bản địa và di sản văn hóa...). Theo thông lệ tiêu chuẩn, tất cả các bên đăng ký dự án nhỏ phải đăng ký xin thủ tục EIA quốc gia tại từng nước mà các hoạt động sẽ diễn ra. Phải nộp cho chương trình một bản đánh giá tác động môi trường và xã hội (đơn giản) và theo kế hoạch quản lý (phù hợp với hệ thống phân cấp giảm thiểu của tiêu chuẩn quốc tế) cho các dự án rủi ro trung bình (Loại B), theo yêu cầu của chương trình ở giai đoạn sớm nhất có thể, ở dạng dự thảo hoặc ở bản cuối cùng để xem xét và kiểm tra việc tuân thủ với các yêu cầu bảo vệ E&S của chương trình. Nếu thấy cần thiết, bên đăng ký phải bổ sung các kế hoạch quản lý và đánh giá tác động theo tư vấn của chương trình.

**Đánh giá của CTF & xác minh của KDB và GCF:**

Ban Thư ký của CTF (ESGCT) sẽ đánh giá từng doanh nghiệp/hoạt động được đề xuất theo từng trường hợp dựa trên bản chất của nó. Nếu những rủi ro và tác động dự kiến có tính chất phức tạp, thì CTF sẽ triệu tập Ban Cố vấn chuyên gia (EAC) để cùng xác định loại rủi ro của các hoạt động được đề xuất thông qua quy trình tham vấn của các chuyên gia. ESMS của KDB sẽ xác minh quyết định của CTF.

### 3.3.1.2. Công nghệ ưu tiên 2: Năng lượng mặt trời

Cần các ứng dụng năng lượng mặt trời hòa lưới và độc lập khác nhau, dành cho hệ thống lắp đặt tại nhà để chiếu sáng và nấu ăn, tưới tiêu dựa vào năng lượng mặt trời và các mục đích nông nghiệp khác trên khắp các nước. Về bản chất, tất cả công nghệ PV mặt trời đều yêu cầu sản xuất, vận hành và phá hủy, tái chế và thải bỏ các tấm và pin.

Bảng dưới đây trình bày các tác động môi trường và xã hội chính, liên quan đến công nghệ liên quan và các biện pháp giảm thiểu điển hình tương ứng. Quy mô, thời gian và mức độ của những tác động này luôn phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể và phụ thuộc nhiều vào điều kiện địa phương.

**Bảng 5. Các tác động môi trường và xã hội chính và biện pháp giảm thiểu chung của việc phát triển năng lượng mặt trời<sup>14</sup>**

Mục	Tác động	Biện pháp giảm thiểu
Đất, hệ sinh thái & đa dạng sinh học	<p><b>[Xây dựng]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu nguồn đất sẵn có khan hiếm, thì có thể có xung đột về sử dụng đất giữa các hoạt động kinh tế dựa vào đất khác hoặc nông nghiệp hoặc và phát triển năng lượng mặt trời.</li> <li>Có thể xảy ra tình trạng di dời dân cư.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo đất được yêu cầu phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hiện có. Ở môi trường nông thôn, xem xét phương pháp tiếp cận kết hợp (VD: phát triển nông nghiệp quang điện...)</li> <li>Cần tránh di dời kinh tế và vật chất với quy mô lớn khi xác định địa điểm dự án. Để di dời ở mức có thể chấp nhận được, thì cần lập một kế hoạch hành động tái định cư (RAP) đơn giản phù hợp với IFC PS 5 (2012)<sup>15</sup>.</li> <li>Trong quá trình lựa chọn địa điểm, hãy xem xét các quy định quốc gia về bảo tồn và bảo vệ hệ sinh thái, Danh sách IUCN và CITES.</li> </ul>
Đất, mặt đất và nước trên mặt	<p><b>[Vận hành &amp; ngừng hoạt động]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Việc thải các vật liệu nguy hiểm (VD: chì và ion lithium) từ pin lưu trữ được thải bỏ không đúng cách khi chúng hết tuổi thọ, sẽ gây ô nhiễm đất và nước trên mặt tại địa điểm dự án</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các nhà cung cấp pin thu hồi pin đã sử dụng để tái chế khi chúng hết tuổi thọ.</li> </ul>
Sức khỏe & an toàn của công nhân & cộng đồng	<p><b>[Xây dựng, vận hành &amp; ngừng hoạt động]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Lắp đặt, sửa chữa và bảo trì năng lượng mặt trời (thường xuyên thay thế các tấm...) có thể gây tai nạn an toàn cho công nhân và người sử dụng do làm việc trên cao, trượt ngã từ cấu trúc trên cao, điện giật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cần tích hợp các biện pháp xác định và giảm thiểu rủi ro EHS phù hợp vào ESMP giai đoạn xây dựng, trong việc tuân thủ các yêu cầu pháp lý của nước sở tại và các thực hành tốt của quốc tế và hướng dẫn EHS của IFC.</li> </ul>

<sup>14</sup> Bảng này trích từ hướng dẫn của IFC: “Chuyển đổi sinh khối thành năng lượng: Hướng dẫn dành cho nhà phát triển và nhà đầu tư” (Tháng 6/2017), Phần 15. Xem xét về môi trường và xã hội

<https://documents1.worldbank.org/curated/en/451461502956339912/pdf/118738-WP-BioMass-report-06-2017-PUBLIC.pdf>

<sup>15</sup> <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/2010/2012-ifc-performance-standards-en.pdf>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ở môi trường đô thị, các hoạt động xây dựng, lắp đặt và vận chuyển vật liệu gia tăng giao thông đường bộ, ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương về an toàn và thuận tiện giao thông, ô nhiễm bụi và tiếng ồn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phát triển kế hoạch quản lý giao thông cho giai đoạn xây dựng và vận hành và ngừng hoạt động của dự án.</li> <li>Tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng không khí và tiếng ồn của nước sở tại trong quá trình xây dựng.</li> </ul>
Sức khỏe và an toàn cộng đồng	<p><b>[Xây dựng và hoạt động]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phát sinh chất thải, độ rung và bụi</li> <li>Việc tương tác lộn xộn của công nhân xây dựng nhập cư với cộng đồng địa phương có thể gây ra xung đột với cộng đồng, các bệnh truyền nhiễm (bao gồm COVID-19, STI và HIV/AIDS) và các tệ nạn xã hội (bạo lực trên cơ sở giới, mại dâm...)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng chính sách lao động và kế hoạch an toàn và sức khỏe nghề nghiệp</li> <li>Kế hoạch có sự tham gia của các bên liên quan và cơ chế giải quyết khiếu nại, nếu cần</li> <li>Quy tắc ứng xử của nhà thầu và công nhân, đào tạo và nâng cao nhận thức, báo cáo và kích hoạt GRM</li> </ul>

- **Xác định các hoạt động rủi ro cao (“Loại A/I-1”) để đánh giá khả năng đủ điều kiện**

**Cách tiếp cận chung về phân loại rủi ro cao ở năm quốc gia:**

Campuchia coi ngành công nghiệp pin đủ các quy mô liên quan đến các ứng dụng năng lượng mặt trời khác nhau (điện mặt trời áp mái, lưới điện mini (nông thôn), kho lạnh điện mặt trời, đèn đường, sạc pin EV) là các hoạt động rủi ro cao, do đó phải tuân thủ theo toàn bộ ESIA và ESMP. Tại Indonesia, bất kỳ công trình nhà máy điện sử dụng năng lượng mặt trời nào có công suất phát điện trên 10 MW thì đều phân loại là hoạt động rủi ro cao. Tại Việt Nam, việc xây dựng nhà máy điện PV mặt trời với diện tích hơn 200 ha là hoạt động “rủi ro cao”.

Sẽ sàng lọc từng tác động môi trường và xã hội đã xác định theo mức độ đáng kể của chúng và CTF sẽ xác định các loại rủi ro E&S tổng thể. Theo đó, các đề xuất với các phân loại rủi ro “B/I-2” (trung bình) hoặc “C/I-3” (thấp) được sàng lọc cuối cùng, sẽ đủ điều kiện cho đầu tư CTF. CTF sẽ kiểm tra nghiêm ngặt các hoạt động “rủi ro cao” thuộc hệ thống sàng lọc rủi ro quốc gia, để đảm bảo tuân thủ các tiêu chí quản lý và sàng lọc rủi ro E&S của CTF.

**Bảng 6. Phân loại rủi ro của công nghệ năng lượng mặt trời theo hệ thống bảo vệ quốc gia ở 5 nước sở tại**

Quốc gia	Công nghệ ưu tiên ứng phó với khí hậu - Hoạt động/Dự án	Phân loại rủi ro theo hệ thống bảo vệ quốc gia		
		Cao	Trung bình	Thấp
<b>Campuchia</b>	Công nghệ năng lượng mặt trời: điện mặt trời áp mái, lưới điện mini (nông thôn), kho lạnh điện mặt trời, đèn đường, sạc pin EV - Công nghiệp pin	>50 MW	5-50 MW	5 MW<
<b>Indonesia</b>	Công nghệ PV mặt trời; điện thi công nhà máy điện từ các loại khác (các loại khác: năng lượng mặt trời PLT, gió, than bùn/sinh khối PLT, PLT bayu)	> 10 MW	-	-

<b>Việt Nam</b>	Dự án xây dựng nhà máy điện gió, nhà máy quang điện, nhà máy thủy điện theo công nghệ nhà máy điện PV năng lượng mặt trời	Diện tích nhà máy tối thiểu 200 ha	Diện tích nhà máy từ 50 ha đến dưới 200 ha	
	Nhà máy điện PV năng lượng mặt trời	Dự án quy mô lớn yêu cầu di cư và tái định cư.		

**Phân tích toàn diện tất cả các tác động về môi trường và xã hội quan trọng bao gồm các tác động tích lũy, tác động gián tiếp và áp đặt:**

Ngoài loại hình và quy mô của các hoạt động nêu trên, cần xem xét toàn diện **các tác động môi trường và xã hội khác nhau** (như rủi ro E&S trong các giai đoạn chế tạo, sản xuất, lắp đặt/vận hành/thải bỏ/tiền tái chế của tấm pin năng lượng mặt trời và pin mặt trời, các tác động và rủi ro E&S chính trong giai đoạn trước khi xây dựng, xây dựng, vận hành và ngừng hoạt động). Theo thông lệ tiêu chuẩn, tất cả các bên đăng ký dự án nhỏ phải đăng ký xin thủ tục EIA quốc gia tại từng nước mà các hoạt động sẽ diễn ra. Phải nộp cho chương trình một bản đánh giá tác động môi trường và xã hội (đơn giản) và theo kế hoạch quản lý (phù hợp với hệ thống phân cấp giảm thiểu của tiêu chuẩn quốc tế) cho các dự án rủi ro trung bình (Loại B), theo yêu cầu của chương trình ở giai đoạn sớm nhất có thể, ở dạng dự thảo hoặc ở bản cuối cùng để xem xét và kiểm tra việc tuân thủ với các yêu cầu bảo vệ E&S của chương trình. Nếu thấy cần thiết, bên đăng ký phải bổ sung các kế hoạch quản lý và đánh giá tác động theo tư vấn của chương trình.

**Đánh giá của CTF & xác minh của KDB và GCF:**

Ban Thư ký của CTF (ESGCT) sẽ đánh giá từng doanh nghiệp/hoạt động được đề xuất theo từng trường hợp dựa trên bản chất của nó. Nếu những rủi ro và tác động dự kiến có tính chất phức tạp, thì CTF sẽ triệu tập Ban Cố vấn chuyên gia (EAC) để cùng xác định loại rủi ro của các hoạt động được đề xuất thông qua quy trình tham vấn của các chuyên gia. ESMS của KDB sẽ xác minh quyết định của CTF.

**3.3.1.3. Công nghệ ưu tiên 3: Hệ thống năng lượng độc lập tái tạo hiện đại**

• **Hệ thống năng lượng độc lập ở 5 quốc gia**

Trên toàn thế giới, khoảng 1,1 tỷ người không được tiếp cận điện, trong đó 84% dân số, chủ yếu ở nông thôn và vùng sâu vùng xa, không được hưởng việc tiếp cận năng lượng hiện đại. Trong khi tỷ lệ điện khí hóa của Lào và Việt Nam lên tới 100% vào năm 2021 thì Campuchia, Indonesia và Philippin vẫn tụt lại phía sau với tỷ lệ tiếp cận điện lần lượt là 82,5%, 99,2% và 97,5%.

Do đó, các hệ thống lưới điện siêu nhỏ độc lập, sử dụng hệ thống lưu trữ và quang điện mặt trời, tích hợp với các thiết bị chiếu sáng hiệu suất rất cao, là một giải pháp đầy hứa hẹn để cung cấp năng lượng cho các vùng nông thôn và vùng sâu vùng xa ở những khu vực chưa được tiếp cận với lưới điện.

Bảng dưới đây biểu thị các hệ thống năng lượng độc lập phổ biến nhất ở 5 quốc gia:

**Bảng 7. Hiện đại nhất trong sử dụng hệ thống năng lượng độc lập ở Campuchia, Indonesia, Lào, Philippin và Việt Nam**

Quốc gia	Công nghệ
<b>Campuchia</b>	Năng lượng không tái tạo (RE): - Lưới điện mini chạy bằng diesel do vận hành tư nhân

	<p>Tái tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà máy thủy điện</li> <li>- Địa điểm thủy điện nhỏ và mini</li> <li>- Đền năng lượng mặt trời độc lập</li> <li>- Lắp module PV</li> </ul>
<b>Indonesia</b>	<p>Tái tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưới điện mini do cộng đồng địa phương sở hữu và vận hành</li> <li>- Cơ sở thủy điện vi mô</li> </ul>
<b>Lào</b>	<p>Không tái tạo:</p> <p>Tái tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà máy thủy điện</li> <li>- Nhà máy thủy điện nhỏ và mini</li> <li>- Hệ thống PV</li> </ul>
<b>Philippin</b>	<p>Không tái tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưới điện mini chạy bằng diesel</li> </ul> <p>Tái tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PV năng lượng mặt trời</li> <li>- Lưới điện mini hybrid khí sinh học, năng lượng mặt trời, gió</li> </ul>
<b>Việt Nam</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy điện nhỏ</li> <li>- Sinh khối</li> <li>- Khí sinh học</li> </ul>

Bảng dưới đây cung cấp danh sách các Đóng góp quốc gia đã quyết định (NDC) của năm quốc gia, tập trung vào các hệ thống năng lượng độc lập năng lượng tái tạo.

**Bảng 8. NDC về hệ thống độc lập năng lượng tái tạo**

Quốc gia	Công nghệ
<b>Indonesia</b>	<p>PV điện mặt trời áp mái</p> <p>Sử dụng trực tiếp sinh khối và khí sinh học để phát điện độc lập</p>
<b>Việt Nam</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưới điện thông minh</li> </ul>

• **Các tác động môi trường và xã hội chính**

Hệ thống độc lập tái tạo là lựa chọn ít tốn kém nhất để cung cấp điện ở những ngôi làng nhỏ vùng sâu vùng xa với nhu cầu tải thấp. Trong số các hệ thống độc lập tái tạo, tua-bin gió và pin axit chì, trái ngược với PV năng lượng mặt trời và pin lithium, có ngoại ứng môi trường tiêu cực nhất, đặc biệt là về tiềm năng chiếm giữ đất nông nghiệp, tiềm năng cạn kiệt hóa thạch, tiềm năng nóng lên toàn cầu, tiềm năng cạn kiệt khoáng sản, tiềm năng biến đổi đất tự nhiên, tiềm năng suy giảm tầng ozone, tiềm năng hình thành bụi mịn và tiềm năng chiếm giữ đất đô thị (Xem Bảng 9 bên dưới). Khi nói đến phát thải GHG đơn độc đối với các công nghệ đơn lẻ, tua-bin thủy điện vi mô và

máy tạo khí sinh học tạo ra nhiều khí thải hơn so với mô-đun PV, tua-bin gió, pin dòng oxi hóa khử vanadi (VRF) và bộ biến tần (Xem Bảng 8 bên dưới).

**Bảng 9. Tác động môi trường đến tuổi thọ của hệ thống điện quy mô hộ gia đình (H)**

Công nghệ độc lập hybrid	A L O P	F D P	F E T P	G W P	H T P	M D P	N L T P	O D P	P M F P	U L O P	W D P
PV quy mô hộ gia đình + pin axit chì	6,8	3,8	2,3	13,1	2,2	1,9	20,3	23,0	3,8	1,6	1,6
PV quy mô hộ gia đình + pin lithium	5,9	3,0	2,0	10,5	2,3	0,5	14,0	19,1	2,8	1,3	1,7
Tuabin gió quy mô hộ gia đình + pin axit chì	23,6	11,4	5,3	47,1	5,5	8,8	28,1	34,3	17,9	10,7	5,8
Tuabin gió quy mô hộ gia đình + pin lithium	22,1	10,3	4,9	43,7	6,1	7,3	20,8	27,7	16,9	10,5	5,6
PV quy mô hộ gia đình + tuabin gió + pin axit chì	13,3	6,4	3,2	26,2	3,1	4,3	17,1	22,7	9,5	5,6	3,4
PV quy mô hộ gia đình + tuabin gió + pin lithium	12,6	5,8	3,0	24,4	3,2	3,6	13,5	19,5	8,9	5,4	3,4

Lưu ý: Tác động môi trường đến tuổi thọ của các hệ thống điện quy mô hộ gia đình (H) khi xem xét các hệ thống độc lập và hybrid, bao gồm các tổ hợp khác nhau của quang điện mặt trời (PV), tua-bin gió (WT), pin axit chì (LA) và lithium (LI). ALOP: tiềm năng chiếm giữ đất nông nghiệp; FDP: tiềm năng cạn kiệt hóa thạch; FETP: tiềm năng độc sinh thái nước ngọt; GWP: tiềm năng nóng lên toàn cầu; HTP: khả năng gây độc cho con người; MDP: tiềm năng cạn kiệt khoáng sản; NLTP: tiềm năng chuyển đổi đất tự nhiên; ODP: tiềm năng suy giảm tầng ozone; PMFP: tiềm năng hình thành bụi mịn; ULOP: tiềm năng chiếm giữ đất đô thị; WDP: tiềm năng cạn kiệt nước

**Bảng 10. Phát thải GHG theo đơn vị kg CO<sub>2</sub>-eq/kWh theo thành phần độc lập năng lượng tái tạo**

Thành phần	Phát thải GHG (kg CO <sub>2</sub> -eq/kWh)
Module PV	0,045
Tuabin gió	0,011
Tuabin thủy điện vi mô	0,0597
Máy phát khí sinh học	0,06
Pin VRF	0,0402



Bộ biến tần	0
-------------	---

Về khía cạnh tạo việc làm, một module PV tạo ra 2,70 việc làm/MW, tiếp theo là tua bin thủy điện vi mô (1,50 việc làm), tua bin gió (1,10 việc làm), máy phát khí sinh học (0,19 việc làm/GWh/năm) và cuối cùng là pin (0,01 việc làm/MWh).

Bảng dưới đây trình bày các tác động môi trường và xã hội chính, liên quan đến công nghệ liên quan và các biện pháp giảm thiểu điển hình tương ứng. Quy mô, thời gian và mức độ của những tác động này luôn phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể và phụ thuộc nhiều vào điều kiện địa phương.

**Bảng 11. Các tác động chính về môi trường và xã hội và biện pháp giảm thiểu chung của hệ thống năng lượng độc lập tái tạo**

Mục	Tác động	Biện pháp giảm thiểu
Chất lượng không khí	<p><b>[Xây dựng và vận hành]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tác động tiêu cực đến sức khỏe con người và/hoặc thể giới hoang dã do bụi và khí thải khác gây ra trong quá trình xây dựng và/hoặc vận hành.</li> <li>Phát thải GHG có thể từ công trường xây dựng và vận hành của cụm phát điện diesel trong trại.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lập kế hoạch ngăn ngừa ô nhiễm bao gồm kế hoạch quản lý bụi, kế hoạch về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, kế hoạch chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp, khi cần, phù hợp với quy định quốc gia và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường quốc tế.</li> </ul>
Nguồn tài nguyên nước	<p><b>[Xây dựng và vận hành]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tác động đến nguồn cung cấp nước trên mặt và nước ngầm của cộng đồng và hệ sinh thái do nhu cầu về nước trong quá trình xây dựng và vận hành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lập kế hoạch quản lý nước ở các khu vực nhạy cảm về nước</li> <li>Không chỉ định lấy nước mà không có sự chấp thuận trước của cơ quan có liên quan</li> <li>Thúc đẩy hiệu quả về nước (bao gồm phát hiện rò rỉ và bảo trì phòng ngừa cho thiết bị) và tái chế nước.</li> </ul>
Sử dụng đất	<p><b>[Giai đoạn xây dựng]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Mất đất sử dụng cho nông nghiệp, chăn nuôi hoặc các mục đích sản xuất khác.</li> <li>Có thể xảy ra tình trạng di dời dân cư.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cần tránh di dời kinh tế và vật chất với quy mô lớn khi xác định địa điểm dự án. Để di dời ở mức có thể chấp nhận được, cần lập một kế hoạch hành động tái định cư (RAP) đơn giản phù hợp với IFC PS 5 (2012)<sup>16</sup>.</li> </ul>
Trượt đất, lũ lụt, trầm tích	<p><b>[Giai đoạn xây dựng]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Gián đoạn các mô hình thoát nước và thiếu bổ sung mặt nước ngầm do giải phóng mặt bằng và đào đắp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giảm thiểu các khu vực đã phát quang và xáo trộn đất, bằng cách phục hồi các loài bản địa càng sớm càng tốt.</li> <li>Tránh các khu vực có khả năng bị lũ lụt, sườn dốc không ổn định và mực nước trên công trình dưới nước nếu có thể. - Giữ lớp đất mặt để phục hồi (bao</li> </ul>

<sup>16</sup> <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/2010/2012-ifc-performance-standards-en.pdf>



		<p>gồm xói đất và phục hồi) càng sớm càng tốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Lập kế hoạch quản lý đa dạng sinh học và kế hoạch thoát nước nếu cần</li> </ul>
Ngăn ngừa ô nhiễm (thuốc trừ sâu và chất thải E, nguy hiểm)	<p><b>[Xây dựng và vận hành]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Quản lý chất thải không hiệu quả trong quá trình xây dựng và bảo trì có thể khiến phát sinh chất thải và tiêu thụ vật liệu quá mức.</li> <li>Phát sinh chất thải điện và điện tử (chất thải E) và chất thải nguy hại thông qua các dự án, đặc biệt khi không thải bỏ pin và tấm pin năng lượng mặt trời đúng cách khi hết tuổi thọ, dẫn đến ô nhiễm.</li> <li>Thuốc trừ sâu từ các hoạt động của trang trại chạy bằng lưới điện mini</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lập kế hoạch quản lý chất thải, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống phân cấp trong ngăn ngừa, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi chất thải.</li> <li>Xác định các dòng chất thải chính được tạo ra trong các giai đoạn xây dựng, vận hành và ngừng hoạt động (VD: chung, sinh hoạt, nguy hiểm, có thể tái chế...)</li> </ul> </li> <li>Phát triển chiến lược thu gom và lưu trữ chất thải nguy hiểm, trong đó lưu trữ chất thải an toàn và tin cậy, và chỉ được xử lý tại các cơ sở được cấp phép và phù hợp với mục đích</li> <li>Đào tạo cho nhân viên.</li> <li>Đào tạo về sử dụng thuốc trừ sâu, cung cấp SDS, kiểm tra việc xả dòng thải từ các trang trại và thành lập nhà máy xả dòng thải.</li> </ul>
Sức khỏe và an toàn của cộng đồng	<p><b>[Giai đoạn xây dựng và vận hành]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phát sinh chất thải, độ rung và bụi</li> <li>Việc tương tác lộn xộn của công nhân xây dựng nhập cư với cộng đồng địa phương có thể gây ra xung đột với cộng đồng, các bệnh truyền nhiễm (bao gồm COVID-19, STI và HIV/AIDS) và các tệ nạn xã hội (bạo lực trên cơ sở giới, mại dâm...)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thành lập chính sách lao động và kế hoạch an toàn và sức khỏe nghề nghiệp</li> <li>Kế hoạch có sự tham gia của các bên liên quan và cơ chế giải quyết khiếu nại, nếu cần</li> <li>Quy tắc ứng xử của nhà thầu và công nhân, đào tạo và nâng cao nhận thức, báo cáo và kích hoạt GRM</li> </ul>

- Xác định các hoạt động rủi ro cao (“Loại A”) để đánh giá khả năng đủ điều kiện

**Bảng 11. Phân loại rủi ro của công nghệ độc lập RE theo hệ thống bảo vệ quốc gia ở Campuchia, Indonesia, Philippin và Việt Nam**

Quốc gia	Công nghệ ưu tiên ứng phó với khí hậu - Dự án/Hoạt động	Phân loại rủi ro theo hệ thống bảo vệ quốc gia		
		Cao	Trung bình	Thấp
Campuchia	Công nghệ năng lượng mặt trời: điện mặt trời áp mái, lưới điện mini (nông thôn), kho lạnh điện mặt trời, đèn đường,	Tất cả quy mô		

	sạc pin EV: Ngành công nghiệp pin			
	Thủy điện quy mô nhỏ	Khi CSS phân loại công suất 1~50 MW cho dự án rủi ro trung bình, CTF sẽ chỉ đủ điều kiện cho dự án thủy điện với: chỉ có công suất tối đa 10 MW <sup>17</sup> . ( $\geq 10$ MW)		
<b>Indonesia</b>	Xây dựng nhà máy năng lượng mặt trời (PLTS)			$\geq 50$ MWa. Yêu cầu diện tích khá lớn theo công suất của PLTS; b. Cần có tiêu chuẩn xử lý liên quan đến việc quản lý chất thải đối với chất thải được tạo ra.
<b>Lào</b>	Thủy điện quy mô nhỏ	Khi CSS phân loại công suất 1~15 MW cho dự án rủi ro trung bình, CTF sẽ chỉ đủ điều kiện cho dự án thủy điện với: chỉ có công suất tối đa 10 MW <sup>18</sup> . ( $\geq 10$ MW)		
<b>Philippin</b>	Lưu trữ pin và RE độc lập cho các khu vực dễ bị tổn thương vì thiên tai khí hậu: trạm biến áp / trạm chuyển		> 220 KV	$\leq 220$ KV
<b>Việt Nam</b>	Sản xuất pin và phân tử pin	Tất cả các dự án tối thiểu 600 tấn sản phẩm hoặc 200.000 KWh/năm (công suất lớn)  Đối với các dự án dưới 600 tấn sản phẩm hoặc 200.000 KWh/năm, thì phải đánh giá môi trường chiến lược sâu hơn (công suất trung bình)		Đối với các dự án công suất nhỏ, thì phải đánh giá môi trường chiến lược sâu hơn.

<sup>17</sup> Phù hợp với hướng dẫn đề xuất của IFC về tiêu chí của dự án thủy điện quy mô nhỏ. Tuy nhiên, trong sàng lọc rủi ro, phải tính đến cả các yếu tố khác như: điều tiết lũ lụt và rủi ro nguy hiểm và thảm họa khí hậu & giá trị kinh tế của tài sản gặp rủi ro trong trường hợp vỡ đập. Để biết chi tiết, xem: Lưu ý về thông lệ tốt của IFC: Các phương pháp tiếp cận về môi trường, sức khỏe và an toàn cho các dự án thủy điện (Tháng 3/2008) (đặc biệt là Phụ lục A: Mô tả chung về hoạt động ngành công nghiệp).

<sup>18</sup> Phù hợp với hướng dẫn đề xuất của IFC về tiêu chí của dự án thủy điện quy mô nhỏ. Tuy nhiên, trong sàng lọc rủi ro, phải tính đến cả các yếu tố khác như: điều tiết lũ lụt và rủi ro nguy hiểm và thảm họa khí hậu & giá trị kinh tế của tài sản gặp rủi ro trong trường hợp vỡ đập. Để biết chi tiết, xem: Lưu ý về thông lệ tốt của IFC: Các phương pháp tiếp cận về môi trường, sức khỏe và an toàn cho các dự án thủy điện (Tháng 3/2008) (đặc biệt là Phụ lục A: Mô tả chung về hoạt động ngành công nghiệp).

**Cách tiếp cận chung để phân loại rủi ro cao ở năm quốc gia:**

Sẽ sàng lọc từng tác động môi trường và xã hội đã xác định theo mức độ đáng kể của chúng và CTF sẽ xác định các loại rủi ro E&S tổng thể. Theo đó, các đề xuất với các phân loại rủi ro “B/I-2” (trung bình) hoặc “C/I-3” (thấp) được sàng lọc cuối cùng, sẽ đủ điều kiện cho đầu tư CTF. CTF sẽ kiểm tra nghiêm ngặt các hoạt động “rủi ro cao” thuộc hệ thống sàng lọc rủi ro quốc gia, để đảm bảo tuân thủ các tiêu chí quản lý và sàng lọc rủi ro E&S của CTF.

**Phân tích toàn diện tất cả các tác động về môi trường và xã hội quan trọng bao gồm các tác động tích lũy, gián tiếp và áp đặt:**

Ngoài loại hình và quy mô của các hoạt động nêu trên, cần xem xét toàn diện **các tác động môi trường và xã hội khác nhau** (như giá thị trường sinh khối, tác động tiêu cực đến môi trường giữa công nhân sản xuất sinh khối và chủ nhà máy điện sinh khối, giá thị trường sinh khối...), sự hiện diện của cộng đồng bản địa và di sản văn hóa...). Theo thông lệ tiêu chuẩn, tất cả các bên đăng ký dự án nhỏ phải đăng ký xin thủ tục EIA quốc gia tại từng nước mà các hoạt động sẽ diễn ra. Phải nộp cho chương trình một bản đánh giá tác động môi trường và xã hội (đơn giản) và theo kế hoạch quản lý (phù hợp với hệ thống phân cấp giảm thiểu của tiêu chuẩn quốc tế) cho các dự án rủi ro trung bình (Loại B), theo yêu cầu của chương trình ở giai đoạn sớm nhất có thể, ở dạng dự thảo hoặc ở bản cuối cùng để xem xét và kiểm tra việc tuân thủ với các yêu cầu bảo vệ E&S của chương trình. Nếu thấy cần thiết, bên đăng ký phải bổ sung các kế hoạch quản lý và đánh giá tác động theo tư vấn của chương trình.

**Đánh giá của CTF & xác minh của KDB và GCF:**

Ban Thư ký của CTF (ESGCT) sẽ đánh giá từng doanh nghiệp/hoạt động được đề xuất theo từng trường hợp dựa trên bản chất của nó. Nếu những rủi ro và tác động dự kiến có tính chất phức tạp, thì CTF sẽ triệu tập Ban Cố vấn chuyên gia (EAC) để cùng xác định loại rủi ro của các hoạt động được đề xuất thông qua quy trình tham vấn của các chuyên gia. ESMS của KDB sẽ xác minh quyết định của CTF.

### 3.3.1.4. Công nghệ ưu tiên 4: EV (VD: ô tô điện, xe máy điện, xe đạp điện)

- Xe điện (EV) ở năm quốc gia**

Xe điện (EV) đã được chú ý như một hình thức thay thế cho các phương tiện thông thường đang sử dụng động cơ nhiên liệu. Hầu hết năm nước sở tại đang cố gắng cung cấp các ưu đãi cho các nhà sản xuất xe điện địa phương, và cung cấp cơ hội kinh doanh rộng rãi hơn cho các công ty chuyên về xe đạp điện, xe máy điện (bao gồm cả xe tuk-tuk) và ô tô điện (bao gồm cả dịch vụ dùng chung ô tô hoặc taxi như Grab).

Mặc dù sử dụng pin axit chì hoặc Lithium-ion là cách tiếp cận hiệu quả hơn để tăng số lượng xe điện, nhưng cần chuẩn bị đầy đủ cơ sở hạ tầng liên quan, ví dụ như trạm sạc pin, cơ sở thay pin và nhà máy xử lý pin đã sử dụng. Vì mỗi nước sở tại có các giai đoạn phát triển hệ sinh thái EV khác nhau nên chính sách nhập khẩu EV hoặc pin EV và các ưu đãi của chính phủ ở các nước sẽ khác nhau. Indonesia, Philippin và Việt Nam tương đối tiên bộ trong ngành EV, trong khi Campuchia và Lào đang ở giai đoạn đầu áp dụng công nghệ EV. EV đã được phát triển nhanh chóng, tuy nhiên, vẫn còn một số rủi ro cần xem xét.

**Bảng 5. Ví dụ về nhu cầu công nghệ EV của năm nước sở tại (Tham khảo Phụ lục 2)**

Quốc gia	Công nghệ
<b>Campuchia</b>	- Xe điện (EV) (xe máy, ô tô, xe buýt, xe đạp) - Hệ thống thay pin EV - Di động điện (EV và cơ sở hạ tầng EV)
<b>Indonesia</b>	- Xe điện (EV) (chọn công nghệ bền vững)
<b>Lào</b>	- Công nghệ di động điện - Công nghệ quản lý pin - Xe điện (nhà phát triển trạm sạc và EV)
<b>Philippin</b>	- Xe điện (EV) (xe jeepney và xe điện ba bánh) - EV công cộng và xe máy tự nhân có thể thay pin
<b>Việt Nam</b>	- Xe điện (EV) (ô tô, xe buýt, xe máy, xe tay ga)

- Các tác động chính về môi trường và xã hội**

**Các công trình dân dụng (VD: lắp đặt các trạm sạc và xây dựng các cơ sở sản xuất năng lượng tái tạo).**

Tác động môi trường và xã hội dự kiến sẽ xảy ra trong giai đoạn trước khi xây dựng, xây dựng và vận hành do việc xây dựng và bảo trì các phương tiện giao thông (công cộng) điện tử (VD: xây dựng trạm sạc và Phát triển hoạt động vận tải (TOD) và nút giao thông). Tùy vào quy mô của dự án, việc thu nhận đất có thể xảy ra dẫn đến di dời về vật chất và kinh tế của người dân),

**Xử lý pin** | Pin là thành phần cần thiết của EV, tuy nhiên, vẫn chưa tạo ra phương pháp luận xử lý thích hợp. Mặc dù pin axit chì hoặc Lithium-ion được coi là động cơ thân thiện với môi trường (và giảm thiểu GHD), nhưng chúng bao gồm một số nguyên tố hóa học như coban, than chì, niken... Các nhóm chức hóa học này có thể gây hại cho môi trường nếu xử lý không đúng cách khi pin EV hết tuổi thọ.

**Quản lý pin EV hết tuổi thọ:** Trước nhu cầu về EV ngày càng tăng trên toàn thế giới, vấn đề quản lý pin hết tuổi thọ ngày càng quan trọng. Có một số chiến lược về tình trạng hết tuổi thọ của pin: (1) Tái chế pin; (2) Cải tổ mục đích sử dụng pin; (3) Sửa chữa và tái sử dụng pin; (4) Nâng cấp/tu sửa pin, và; (5) Tái sản xuất pin. Để đưa ra chiến lược tốt nhất, cần tính đến khối lượng nguồn cấp pin đã sử dụng, lợi nhuận tài chính và điều kiện thị trường cụ thể của một quốc gia (có sự cạnh tranh và quy định...) trong bối cảnh cụ thể.

Trong bối cảnh của các nước đang phát triển, **việc cải tổ mục đích sử dụng và tái sử dụng pin EV đã qua sử dụng còn dư điện có thể là một lựa chọn đầy hứa hẹn**, tiết kiệm về năng lượng, tài nguyên và chi phí. Tái sử dụng và cải tổ mục đích sử dụng pin EV đã qua sử dụng có thể phục vụ cho việc sạc cho các mục đích khác, như EV cỡ nhỏ hơn (VD: E-tuktuk và xe máy điện), máy móc nhỏ hơn và hệ thống chiếu sáng cho những người bán

hàng rong di động và công nhân máy may (như trường hợp “pin đời thứ hai”<sup>19</sup> Nunam, Ấn Độ). Ở các khu ổ chuột ở thành thị và nông thôn xa xôi, nơi mà kết nối lưới điện yếu, không ổn định hoặc không có, việc cung cấp điện dư này có thể hỗ trợ cộng đồng nghèo năng lượng đạt được thêm lợi ích kinh tế và cải thiện kinh tế xã hội. Một liên doanh giữa công ty khởi nghiệp địa phương (để xác định nhu cầu, địa phương hóa pin đời thứ hai, thu thập và phân phối...) và một nhà cung ứng công nghệ toàn cầu có thể là một mô hình doanh nghiệp lý tưởng. (Như trường hợp liên doanh xã hội của Audi, một nhà sản xuất ô tô của Đức, để sản xuất pin đời thứ hai Numan<sup>20</sup>).

Tái chế và tái sản xuất pin EV bao gồm việc tháo rời pin hoàn toàn, làm sạch từng bộ phận và kiểm tra kỹ các hư hỏng. Hệ thống tái chế pin vẫn chưa được tối ưu hóa ở cấp công nghệ và nhiều dự án thí điểm khác nhau đang được thử nghiệm. Các quy trình vật lý và hóa học để tái chế pin li-ion bao gồm xử lý nhiệt, quy trình hóa cơ học, quy trình hòa tan, quy trình hóa học tẩy axit, chiết dung môi bioleaching, kết tủa hóa học và quy trình điện hóa. Hoạt động của các trung tâm tái chế pin EV yêu cầu tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về môi trường, sức khỏe và an toàn trong quá trình chiết xuất các chất quan trọng của pin EV, tức là coban, niken, mangan và lithium, đây là những chất có giá trị cao để sản xuất pin nhưng là chất độc hại và nguy hiểm cho môi trường và sức khỏe cộng đồng. Một số nhà sản xuất ô tô châu Âu, như Volkswagen và Renaults, đang vận hành nhà máy tái chế của riêng họ (ở Đức, của Volkswagen) hoặc hợp tác với các công ty quản lý chất thải (ở Pháp, của Renault)

Rất ít trường hợp tồn tại ở các nước đang phát triển, nơi mà quy trình tái chế pin phù hợp đã được thể chế hóa. Điều này đòi hỏi công nghệ phù hợp và chi phí trả trước cao. Đồng thời, điều cực kỳ quan trọng là có thể cân phù hợp với các quy định và khả năng trợ cấp và hỗ trợ của chính phủ. Với sự xuất hiện của thị trường EV khá lớn ở năm quốc gia mục tiêu, mỗi quốc gia cần chủ động đưa ra các chính sách hiệu quả kịp thời, bao gồm quản lý môi trường và quy định an toàn về sản xuất, tái chế và tháo dỡ pin: quy định về nhà vận hành kinh doanh liên kết.

**Sản xuất pin và chuỗi cung ứng** | Ngoài ra, vì pin có một số nguyên liệu thô nên chuỗi cung ứng cũng là một vấn đề. Kim loại cần được chiết và những hoạt động đó có thể dẫn đến tình trạng thiếu nước, ô nhiễm nước và đất, lũ lụt, xói mòn đất... Những nơi có quy định tương đối yếu kém về quản lý E&S đối với khai thác mỏ, thì có thể xảy ra các vấn đề E&S trực tiếp hoặc gián tiếp. Cộng hòa Dân chủ Công-gô là quốc gia hàng đầu về khai thác coban, hơn 50% trữ lượng coban của thế giới nằm ở DRC. Khai thác coban là một hoạt động nguy hiểm, có nghĩa là cầm lao động trẻ em. Trên thực tế, trẻ em ở DRC thường làm việc tại các mỏ coban vì DRC có hệ thống giám sát và thực thi kém đối với các ngành khai thác mỏ. Ngoài ra, đối với các nguyên liệu thô khác như niken, một trong những thành phần chính của EV, thì phải có quy định phù hợp để xử lý an toàn, bao gồm cả khai thác và vận chuyển. Các mỏ niken đã phá hủy một số khu rừng và thải ra lượng lớn khí thải sulfur dioxide lớn. Do các nước sở tại có quy định yếu kém về xử lý nguyên liệu thô như vận chuyển, nên điều này có thể dẫn đến các vấn đề về an toàn và sức khỏe của công nhân và cộng đồng như ngộ độc chì.

**Phát thải GHG gián tiếp từ việc sử dụng điện** | Cần ít nhiên liệu hóa thạch hơn để huy động EV, giảm lượng phát thải GHG hơn các phương tiện chạy bằng động cơ. Tùy vào nguồn phát điện, thì vẫn gián tiếp góp phần phát thải GHG. Nếu điện được tạo ra từ nhiên liệu hóa thạch thì vẫn có tác động đáng kể đến phát thải GHG. Mức độ sử dụng nhiên liệu tái tạo để phát điện ở cả 5 nước sở tại đều thấp. Việc cung cấp năng lượng từ than hoặc dầu vẫn chiếm một phần nhiên liệu lớn. Do đó, chiến lược phát triển năng lượng tái tạo để sản xuất điện có thể góp phần đáng kể vào việc giảm phát thải GHG.

**Các vấn đề sức khỏe và giới tính** | Bên cạnh việc giảm phát thải GHG, EV còn góp phần giảm thiểu ô nhiễm không khí và các bệnh về hô hấp. Ngoài ra, việc chuyển sang công nghệ EV có thể tạo ra cơ hội việc làm vì nó yêu cầu tái đào tạo kỹ năng điều khiển, sửa chữa và bảo trì. Khi các ngành công nghiệp EV mở rộng, có thể sử dụng phương tiện giao thông công cộng EV. Khi sử dụng phương tiện giao thông công cộng EV rộng rãi, như phương tiện giao thông thông thường, thì phải có các quy định an toàn để ngăn chặn bạo lực trên cơ sở giới.

Bảng dưới đây trình bày các tác động môi trường và xã hội chính, liên quan đến công nghệ liên quan và các biện pháp giảm thiểu điển hình tương ứng. Quy mô, thời gian và mức độ của những tác động này luôn phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể và phụ thuộc nhiều vào điều kiện địa phương.

<sup>19</sup> <https://youtu.be/Tu5N3-JIW2k?si=DSshy8wGIfVIO6es>

<sup>20</sup> Ibid.

**Bảng 13. Các tác động môi trường và xã hội chính và biện pháp giảm thiểu chung của xe điện (EV)**

Mục	Tác động	Biện pháp giảm thiểu
Đất, hệ sinh thái & đa dạng sinh học	<p><b>[Xây dựng cơ sở vật chất (công trình dân dụng)]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thay đổi trong việc sử dụng đất và tác động đến đất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo đất được yêu cầu phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hiện có. Ở môi trường nông thôn, hãy xem xét phương pháp tiếp cận kết hợp (VD: phát triển nông nghiệp quang điện...)</li> <li>Trong quá trình lựa chọn địa điểm, hãy xem xét các quy định quốc gia về bảo tồn và bảo vệ hệ sinh thái, Danh sách IUCN và CITES, &amp; lập kế hoạch quản lý đa dạng sinh học, nếu cần</li> </ul>
Nước & đất	<p><b>[Xây dựng cơ sở vật chất (công trình dân dụng)]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Rò nước</li> <li>Ô nhiễm đường thủy</li> </ul> <p><b>[Bảo trì và thải bỏ pin]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Ô nhiễm nước ngầm và đất do pin đã qua sử dụng</li> <li>Tác động đến an toàn và sức khỏe đối với công nhân và cộng đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giảm thiểu các khu vực đã phát quang và xáo trộn đất, bằng cách phục hồi các loài bản địa càng sớm càng tốt.</li> <li>Tránh các khu vực có khả năng bị lũ lụt, sườn dốc không ổn định và mực nước trên công trình dưới nước nếu có thể. - Giữ lớp đất mặt để phục hồi (bao gồm xới đất và phục hồi) càng sớm càng tốt.</li> <li>Lập kế hoạch thoát nước nếu cần</li> <li>Các nhà cung cấp pin thu hồi pin đã qua sử dụng để tái chế khi chúng hết tuổi thọ.</li> </ul>
Thu nhận đất	<p><b>[Xây dựng cơ sở vật chất (công trình dân dụng)]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Mất đất dùng cho nông nghiệp, chăn nuôi hoặc các mục đích sản xuất khác.</li> <li>Có thể xảy ra tình trạng di dời dân cư (tạm thời hoặc vĩnh viễn)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cần tránh di dời kinh tế và vật chất với quy mô lớn khi xác định địa điểm dự án. Để di dời ở mức có thể chấp nhận được, thì cần lập một kế hoạch hành động tái định cư (RAP) đơn giản phù hợp với IFC PS 5 (2012)<sup>21</sup>.</li> </ul>
Sức khỏe & an toàn của công nhân	<p><b>[Xây dựng cơ sở vật chất (công trình dân dụng)]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phát sinh chất thải, độ rung và bụi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cần tích hợp các biện pháp xác định và giảm thiểu rủi ro EHS phù hợp vào ESMP giai đoạn xây dựng để tuân thủ các yêu cầu pháp lý của nước sở tại và hướng dẫn EHS của IFC và các thực hành tốt của quốc tế.</li> <li>Phát triển kế hoạch quản lý giao thông cho giai đoạn xây dựng và vận hành và ngừng hoạt động của dự án.</li> </ul>

<sup>21</sup> <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/2010/2012-ifc-performance-standards-en.pdf>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>Tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng không khí và tiếng ồn của nước sở tại trong quá trình xây dựng.</li> </ul>
Sức khỏe và an toàn của cộng đồng	<b>[Xây dựng và hoạt động]</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phát sinh chất thải, độ rung và bụi</li> <li>Việc tương tác lộn xộn của công nhân xây dựng nhập cư với cộng đồng địa phương có thể gây ra xung đột với cộng đồng, các bệnh truyền nhiễm (bao gồm COVID-19, STI và HIV/AIDS) và các tệ nạn xã hội (bạo lực trên cơ sở giới, mại dâm...)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng chính sách lao động và kế hoạch an toàn và sức khỏe nghề nghiệp</li> <li>Kế hoạch có sự tham gia của các bên liên quan và cơ chế giải quyết khiếu nại, nếu cần</li> <li>Quy tắc ứng xử của nhà thầu và công nhân, đào tạo và nâng cao nhận thức, báo cáo và kích hoạt GRM</li> </ul>

• **Xác định các hoạt động rủi ro cao (“Loại A”) để đánh giá khả năng đủ điều kiện**

**Cách tiếp cận chung với việc phân loại rủi ro cao ở năm quốc gia:**

Campuchia coi ngành sản xuất pin cho xe điện với tất cả các quy mô là hoạt động rủi ro cao (Loại A). Tại Lào, các nhà máy ắc quy ô tô và nhà máy pin kiềm có sản lượng trên 70 tấn/năm thì được phân loại là hoạt động “rủi ro cao”. Tại Philippin, pin nhiên liệu dành cho ngành công nghiệp EV, khi quy mô sản xuất điện trên 100MW, thì hoạt động này được coi là hoạt động rủi ro cao. Việt Nam đánh giá các dự án sản xuất hoặc gia công thiết bị điện hoặc điện tử và linh kiện điện tử cho ô tô điện. Khi công suất thiết bị điện tử và linh kiện điện tử trên 500.000 sản phẩm/năm hoặc công suất thiết bị điện trên 500 tấn mét sản phẩm/năm thì được phân loại là hoạt động “rủi ro cao”.

Sẽ sàng lọc từng tác động môi trường và xã hội đã xác định theo mức độ đáng kể của chúng và CTF sẽ xác định các loại rủi ro E&S tổng thể. Theo đó, các đề xuất với các phân loại rủi ro “B” (trung bình) hoặc “C” (thấp) được sàng lọc cuối cùng, sẽ đủ điều kiện cho đầu tư CTF. CTF sẽ kiểm tra nghiêm ngặt các hoạt động “rủi ro cao” thuộc hệ thống sàng lọc rủi ro quốc gia, để đảm bảo tuân thủ các tiêu chí quản lý và sàng lọc rủi ro E&S của CTF.

**Bảng 14. Phân loại rủi ro đối với xe điện theo hệ thống bảo vệ quốc gia ở năm nước sở tại**

Quốc gia	Công nghệ ưu tiên ứng phó với khí hậu - Hoạt động/Dự án	Phân loại rủi ro theo hệ thống bảo vệ quốc gia		
		Cao	Trung bình	Thấp
Campuchia	Xe điện (EV) (xe máy, ô tô, xe buýt, xe đạp) - Công nghiệp pin	Tất cả các quy mô	-	-
	Hệ thống thay pin EV - Công nghiệp pin	Tất cả các quy mô	-	-
Indonesia	-	-	-	-
Lào	Công nghệ di động điện - Nhà máy ắc quy ô tô và pin kiềm	> 70 tấn/năm	> 70 tấn/năm	-
	Công nghệ quản lý pin - Nhà máy gia công pin dự phòng	-	Tất cả	-
Philippines	Xe điện (EV) - Pin nhiên liệu	≥ 100 MW	5 MW < x < 100 MW	≤ 5 MW
Việt Nam	Ô tô chạy bằng điện	Công suất thiết bị điện tử, linh kiện điện tử:		-



	- Dự án sản xuất hoặc gia công thiết bị điện hoặc điện tử và linh kiện điện tử	Tối thiểu 500.000 sản phẩm/năm	Từ 100.000 sản phẩm/năm đến dưới 500.000 sản phẩm/năm
		Công suất thiết bị điện:	
		Tối thiểu 500 tấn mét sản phẩm/năm	Từ 100 đến dưới tấn mét sản phẩm/năm

**Phân tích toàn diện tất cả các tác động về môi trường và xã hội quan trọng bao gồm các tác động tích lũy, gián tiếp và áp đặt:**

Ngoài loại hình và quy mô của các hoạt động nêu trên, cần xem xét toàn diện **các tác động môi trường và xã hội khác nhau** (như nguồn và phương pháp sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sạc, thay đổi và thải bỏ pin EV, bạo lực trên cơ sở giới trên giao thông công cộng, sự hiện diện của cộng đồng bản địa và di sản văn hóa...). Theo thông lệ tiêu chuẩn, tất cả các bên đăng ký dự án nhỏ phải đăng ký xin thủ tục EIA quốc gia tại từng nước mà các hoạt động sẽ diễn ra. Phải nộp cho chương trình một bản đánh giá tác động môi trường và xã hội (đơn giản) và theo kế hoạch quản lý (phù hợp với hệ thống phân cấp giảm thiểu của tiêu chuẩn quốc tế) cho các dự án rủi ro trung bình (Loại B), theo yêu cầu của chương trình ở giai đoạn sớm nhất có thể, ở dạng dự thảo hoặc ở bản cuối cùng để xem xét và kiểm tra việc tuân thủ với các yêu cầu bảo vệ E&S của chương trình. Nếu thấy cần thiết, bên đăng ký phải bổ sung các kế hoạch quản lý và đánh giá tác động theo tư vấn của chương trình.

**Đánh giá của CTF & xác minh của KDB và GCF:**

Ban Thư ký của CTF (ESGCT) sẽ đánh giá từng doanh nghiệp/hoạt động được đề xuất theo từng trường hợp dựa trên bản chất của nó. Nếu những rủi ro và tác động dự kiến có tính chất phức tạp, thì CTF sẽ triệu tập Ban Cố vấn chuyên gia (EAC) để cùng xác định loại rủi ro của các hoạt động được đề xuất thông qua quy trình tham vấn của các chuyên gia. ESMS của KDB sẽ xác minh quyết định của CTF.

**3.3.1.5. Công nghệ ưu tiên 5: Chiếu sáng**

Dù mức sử dụng năng lượng đã giảm trong những thập kỷ qua nhờ sự ra đời của các giải pháp tiết kiệm năng lượng, thì chiếu sáng vẫn là nguồn nhu cầu năng lượng quan trọng, chiếm khoảng 15 đến 20% tải trọng của tòa nhà. Thị trường tiêu dùng bị chi phối bởi đèn điốt phát quang (LED) mà các nhà sản xuất và cung ứng đang thúc đẩy đổi mới, đa dạng hóa sản phẩm và hợp lý về giá cả. Hơn mười năm trước, một số quốc gia đã bắt đầu không sử dụng đèn sợi đốt nữa, và hiện đang loại bỏ dần đèn huỳnh quang. Mặc dù không ngừng cải thiện hiệu quả chiếu sáng, nhưng việc sử dụng nguồn chiếu sáng ngày càng tăng đã dẫn đến tổng mức tiêu thụ năng lượng tăng vào năm 2022, đặc biệt là ở các thị trường mới nổi ở Đông Nam Á.

Bảng dưới đây trình bày về hệ thống chiếu sáng phổ biến nhất và việc thực hành được áp dụng ở năm quốc gia:

**Bảng 15. Hiện đại nhất trong ngành công nghiệp chiếu sáng ở Campuchia, Indonesia, Lào, Philippin và Việt Nam**

Quốc gia	Công nghệ
<b>Campuchia</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đèn dầu hỏa</li> <li>- Đèn huỳnh quang tuyến tính (LFL)</li> <li>- Đèn huỳnh quang nhỏ (CFL)</li> </ul>
<b>Indonesia</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đèn huỳnh quang và CFL (41%)</li> <li>- LED (52%)</li> <li>- Đèn halogen và sợi đốt (7%)</li> </ul>

<b>Lào</b>	Nông thôn: - Đèn LED (36,07%) - Đèn huỳnh quang (30,76%) - Đèn sợi đốt (12,27%) - Đèn huỳnh quang nhỏ (12,20%) Thành phố: - Đèn LED (47,46%) - Đèn huỳnh quang (21,87%) - Đèn huỳnh quang nhỏ (18,69%) - Đèn sợi đốt (11,26%)
<b>Philippin</b>	- CFL (64% ở khu dân cư và 77% ở khu thương mại/công nghiệp) - Đèn sợi đốt
<b>Việt Nam</b>	- Đèn sợi đốt - Đèn halogen - CFL - LED

Bảng dưới đây cung cấp danh sách đóng góp quốc gia quyết định của năm nước tập trung vào chiếu sáng.

**Bảng 16. Nhu cầu về công nghệ chiếu sáng ở Indonesia và Việt Nam**

Quốc gia	Công nghệ
<b>Indonesia</b>	- Chiếu sáng đường phố bằng hiệu suất cao
<b>Việt Nam</b>	- Dùng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng

• **Các tác động môi trường và xã hội chính**

Sau đây là một số tác động môi trường và xã hội điển hình liên quan đến ngành công nghiệp chiếu sáng:

**Khai thác và sản xuất** | Sản xuất và đóng gói bóng đèn sợi đốt thì cần một lượng lớn thủy tinh, silica, sắt tây, chì, thủy tinh đen, keo và bìa cứng trong khi đèn huỳnh quang nhỏ yêu cầu một lượng lớn đồng và polyetylen terephthalate (PET).

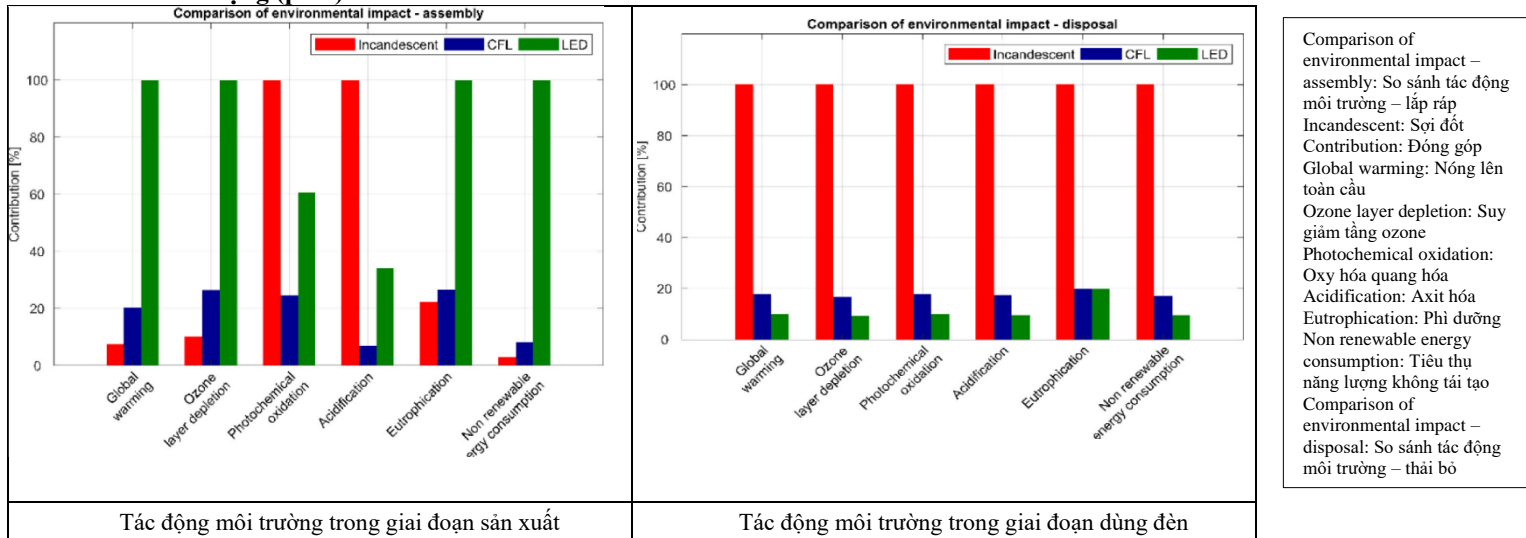
**Sử dụng cuối cùng** | Đèn huỳnh quang chứa đầy khí trơ và chứa tới 15 mg thủy ngân, một phần ở dạng hơi. Khi áp dòng điện vào các điện cực, hơi thủy ngân bị kích thích, và khi trở về trạng thái cơ bản, sẽ phát ra bức xạ cực tím. Mức tiêu thụ năng lượng của đèn sợi đốt tương đối cao so với đèn CFL và LFL, cao hơn từ 5 đến 6 lần.

**Hết tuổi thọ** | Đèn huỳnh quang chứa các thành phần độc hại bao gồm thủy ngân, nó sẽ bị thải vào không khí nếu không xử lý đúng cách trong quá trình tái chế, và tồn tại ít nhất hai tuần sau khi xử lý. Thủy ngân có thể gây tổn thương hệ thần kinh và do đó, dẫn đến tổn thương não và thậm chí tử vong khi mức tiếp xúc cao. Hơn nữa, đèn huỳnh quang và sợi đốt dùng chất kết dính để bịt kín thủy tinh, nó được biết đến là chứa canxi cacbonat và nhựa, làm phức tạp quá trình tái chế đang cần để chiết xuất và xử lý các thành phần đó một cách cẩn thận.

Bên dưới minh họa đánh giá về tuổi thọ (LCA) của các loại đèn khác nhau (Xem Bảng # bên dưới): Nhìn chung, trong giai đoạn sản xuất, đèn LED có nhiều tác động liên quan hơn, vì đèn yêu cầu nhiều thành phần hơn và có khối lượng lớn hơn. Đối với đèn sợi đốt halogen, các tác động môi trường do sử dụng lớn hơn một cách rõ rệt. Có thể giải thích điều này có là do hiệu suất thấp của các loại đèn này, chúng tiêu thụ nhiều năng lượng điện hơn trên mỗi lumen được tạo ra. Những tác động này chủ yếu liên quan đến việc sản xuất năng lượng điện, dẫn đến phát

thải chất gây ô nhiễm môi trường và khí nhà kính. Mặc dù đèn LED có những lợi thế không thể chối cãi về hiệu quả kinh tế và năng lượng và hiệu suất tác động môi trường xuất sắc trong giai đoạn sử dụng cuối, nhưng quy trình sản xuất (đặc biệt là bảng và bộ điều khiển LED trong lĩnh vực chiếu sáng công nghiệp<sup>22</sup>) sẽ yêu cầu quản lý môi trường nghiêm ngặt.

**Bảng 17. Đóng góp vào tác động môi trường của các loại đèn khác nhau trong giai đoạn sản xuất (trái) và sử dụng (phải)**



(Nguồn: <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2352484718303652>)

**Bảng 18. Tác động môi trường và xã hội chính và biện pháp giảm thiểu chung về chiếu sáng**

Mục	Tác động	Biện pháp giảm thiểu
Đất, hệ sinh thái & đa dạng sinh học	<p><b>[Trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất (công trình dân dụng)]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thay đổi trong việc sử dụng đất và tác động lên đất</li> <li>Can thiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo đất được yêu cầu phù hợp với kế hoạch sử dụng đất hiện có. Ở môi trường nông thôn, hãy xem xét phương pháp tiếp cận kết hợp (VD: phát triển nông nghiệp quang điện...)</li> <li>Trong quá trình lựa chọn địa điểm, hãy xem xét các quy định quốc gia về bảo tồn và bảo vệ hệ sinh thái, Danh sách IUCN và CITES, &amp; lập kế hoạch quản lý đa dạng sinh học, nếu cần</li> </ul>
Tiếng ồn & bụi	<p><b>[Giai đoạn lắp đặt]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Việc lắp đặt và thay thế (đặc biệt là đèn đường có quy mô...) có thể phải huy động số lượng lớn máy móc, gây ra tiếng ồn, bụi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hạn chế các hoạt động vào ban đêm.</li> <li>Cung cấp nút bịt tai, mặt nạ chống bụi và PPE cho công nhân</li> <li>Tưới nước trên đường trong quá trình vận hành máy nếu cần</li> </ul>
Nước & đất	<p><b>[Bảo trì đèn và thải bỏ]</b></p>	

<sup>22</sup> Một nghiên cứu gần đây (2022) cho biết LCA phát hiện ra rằng bảng và bộ điều khiển LED chịu trách nhiệm về tác động môi trường tương ứng là 78% và 20% trong giai đoạn sản xuất. (Nguồn: <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0195925522000701>)

<p>Sức khỏe &amp; an toàn</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trong trường hợp LED thay thế các bóng đèn huỳnh quang và CFL hiện có, thì việc thải bỏ các ống và bóng đèn huỳnh quang đã qua sử dụng và đã ngừng hoạt động có thể làm rò rỉ thủy ngân gây ô nhiễm. Tác động đến an toàn và sức khỏe đối với công nhân và cộng đồng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bóng đèn huỳnh quang và CFL đã ngừng sử dụng thì được phân loại là chất thải nguy hiểm, và phải tách riêng và thải bỏ theo chỉ định riêng theo pháp luật.</li> <li>Tuân thủ luật pháp và quy định của quốc gia về việc thải bỏ đèn đã qua sử dụng. (* Xem Bảng xx bên dưới.)</li> </ul>
<p>Sức khỏe &amp; an toàn của công nhân</p>	<p><b>[Giai đoạn vận hành và ngừng hoạt động]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tai nạn an toàn do làm việc trên cao, điện khí hóa trong lắp đặt và thay thế hệ thống chiếu sáng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tuân thủ Hướng dẫn EHS của IFC (đặc biệt là Mục 2. Sức khỏe và an toàn của công nhân) (bao gồm cung cấp PPE và nhận thức và đào tạo về an toàn thường xuyên)</li> </ul>

**Bảng 19. Các luật và quy định chính ở năm quốc gia về quản lý và thải bỏ chất thải rắn liên quan đến ngành công nghiệp<sup>23</sup>**

<sup>23</sup> Chi để tham khảo: các luật và quy định được trình bày có thể được sửa đổi và bổ sung theo thời gian; Bên đăng ký nên kiểm tra các bản cập nhật về quy định của nước sở tại.

Quốc gia	Quản lý thải bỏ / Quy định / Luật
<b>Campuchia</b>	- Nghị định phụ số 36 về Quản lý chất thải rắn (1999) - Nghị định phụ số 16 về Quản lý chất thải E (2016) <sup>24</sup>
<b>Indonesia</b>	- Quy định của Chính phủ về Quản lý chất thải độc hại và nguy hiểm (Reg/Số 19/1994) (1994) - Đạo luật Indonesia số 18/2008 về Quản lý chất thải rắn (2008) - Quy định của Chính phủ Cộng hòa Indonesia số 101/2014 về Quản lý chất thải độc hại và nguy hiểm (2014)
<b>Lào</b>	- Quy định xả chất thải công nghiệp số 180/MIH (1994)* <i>Chưa có hiệu lực</i> - Quy định về Kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu và tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ozone, số 2358/STEA-PMO (2004) - Luật Bảo vệ môi trường, số 29/NA (2012) - Chỉ thị của Bộ trưởng về Quản lý chất thải nguy hiểm (2015) <sup>25</sup>
<b>Philippin</b>	- Đạo luật kiểm soát các chất độc hại và chất thải hạt nhân và nguy hiểm 1990 (RA 6969) (1990) - Hướng dẫn quy trình Tiêu đề III của DAO 92-29 “Quản lý chất thải nguy hiểm” DENR AO – Sê ri năm 2004 (DAO 2004-36) 2004 - Hướng dẫn kỹ thuật cho các hạng mục cụ thể của các cơ sở xử lý, lưu trữ và thải bỏ (TSD) (ERM <sup>26</sup> MC 2016-002) (2016) - Hướng dẫn tạm thời về quản lý chất thải nguy hiểm trong thời gian cách ly cộng đồng tăng cường kéo dài (EMB MC 2020-20) (2020) - Hướng dẫn về yêu cầu đăng ký đối với cơ sở xử lý, lưu trữ và thải bỏ (TSD) chất thải nguy hiểm Loại A (EMB MC 2021-03) (2021)
<b>Việt Nam</b>	- Luật Bảo vệ Môi trường (2020) <sup>27</sup> - Nghị định số 08/2022/ND-CP (2022) - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (2022)

• **Xác định các hoạt động rủi ro cao (“Loại A”) để đánh giá khả năng đủ điều kiện**

<sup>24</sup> Campuchia không có quy định/lệnh quản lý tập trung về việc xử lý chất thải nguy hiểm, bao gồm cả chất chiếu sáng độc hại. Như đã nêu trong bảng, các nghị định phụ này phác thảo các hướng dẫn về quản lý chất thải rắn ở Campuchia. Tuy nhiên, không có hạn chế cụ thể nào về việc xuất khẩu chất thải nguy hiểm để xử lý cuối cùng. Việc nhập khẩu chất thải nguy hiểm vào nước này bị nghiêm cấm. Dyakanal SOPHAL, “Cập nhật về các quy định và tình trạng thực hiện Công ước Basel ở Campuchia,” *Hội thảo Mạng lưới châu Á*, ngày 12-14 tháng 11 năm 2019, [https://www.env.go.jp/en/recycle/asian\\_net/Annual\\_Workshops/2019\\_PDF/Session1/S1\\_04\\_Cambodia\\_ANWS2019.pdf](https://www.env.go.jp/en/recycle/asian_net/Annual_Workshops/2019_PDF/Session1/S1_04_Cambodia_ANWS2019.pdf).

<sup>25</sup> Bộ Tài chính (MOF) thông qua Sở Chính sách tài chính (FPD), “Dự án cải cách quản lý tài chính công của CHDCND Lào (P179016),” ngày 07 tháng 03 năm 2023, [https://www.mof.gov.la/wp-content/uploads/2023/04/E-waste-Management-Plan-Draft\\_Rev-3\\_10-Mar.pdf](https://www.mof.gov.la/wp-content/uploads/2023/04/E-waste-Management-Plan-Draft_Rev-3_10-Mar.pdf).

<sup>26</sup> Cục Quản lý Môi trường (EMB) là cơ quan quốc gia bảo vệ môi trường của Philippin. Các chức năng thiết yếu của nó bao gồm: (1) xây dựng và thực hiện chính sách, (2) đánh giá tác động môi trường (EIA), (3) quản lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm, (4) giám sát và thực thi...

<sup>27</sup> Có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) đã ban hành các nghị định về giảm thiểu phát thải khí nhà kính (GHG) và hướng dẫn bảo vệ môi trường nói chung, bao gồm quản lý chất thải. Một thực thi đáng kể của Luật Bảo vệ Môi trường (2020) là tăng cường trách nhiệm tái chế của các nhà sản xuất và nhập khẩu. Các sản phẩm bắt buộc phải tái chế ở mức bắt buộc là pin (8-12%) và thiết bị điện/điện tử (3-15%). KPMG, “Cảnh báo pháp lý - Quy định mới về bảo vệ môi trường,” tháng 3 năm 2022, <https://assets.kpmg.com/content/dam/kpmg/vn/pdf/Legal-Update/2022/3/Legal-Alert-New-regulations-on-environment-protection-EN.pdf>.

**Bảng 20. Phân loại rủi ro về chiếu sáng theo hệ thống bảo vệ quốc gia ở Indonesia, Lào, Philippin, Việt Nam**

Quốc gia	Công nghệ ưu tiên ứng phó với khí hậu – Hoạt động/dự án	Phân loại rủi ro theo hệ thống bảo vệ quốc gia		
		Cao	Trung bình	Thấp
<b>Campuchia</b>	Không có	-	-	-
<b>Indonesia</b>	Không có	-	-	-
<b>Lào</b>	Xây dựng công nghệ tiết kiệm năng lượng: nhà máy gia công thiết bị gia dụng, thiết bị văn phòng, dụng cụ điện và dụng cụ điện		Tất cả	
<b>Philippin</b>	Chiếu sáng tiết kiệm năng lượng và làm mát: pin nhiên liệu	EIS: $\geq 100$ MW	Danh sách kiểm tra IEE: $5 \text{ MW} < x < 100 \text{ MW}$	$\leq 5 \text{ MW}$
<b>Việt Nam</b>	Chiếu sáng ở nhà riêng hiệu quả cao: Dự án xây dựng nhà máy bóng đèn và phích nước	Công suất: tối thiểu 1.000.000 tấn mét sản phẩm/năm	Công suất: 100.000 - 1.000.000 tấn mét sản phẩm/năm	

**Cách tiếp cận chung về phân loại rủi ro cao ở năm quốc gia:**

Sẽ sàng lọc từng tác động môi trường và xã hội đã xác định theo mức độ đáng kể của chúng và CTF sẽ xác định các loại rủi ro E&S tổng thể. Theo đó, các đề xuất với các phân loại rủi ro “B/I-2” (trung bình) hoặc “C/I-3” (thấp) được sàng lọc cuối cùng, sẽ đủ điều kiện cho đầu tư CTF. CTF sẽ kiểm tra nghiêm ngặt các hoạt động “rủi ro cao” thuộc hệ thống sàng lọc rủi ro quốc gia, để đảm bảo tuân thủ các tiêu chí quản lý và sàng lọc rủi ro E&S của CTF.

**Phân tích toàn diện tất cả các tác động về môi trường và xã hội quan trọng bao gồm các tác động tích lũy, gián tiếp và áp đặt:**

Ngoài loại hình và quy mô của các hoạt động nêu trên, cần xem xét toàn diện các tác động môi trường và xã hội khác nhau.

Theo thông lệ tiêu chuẩn, tất cả các bên đăng ký dự án nhỏ phải đăng ký xin thủ tục EIA quốc gia tại từng nước mà các hoạt động sẽ diễn ra. Phải nộp cho chương trình một bản đánh giá tác động môi trường và xã hội (đơn giản) và theo kế hoạch quản lý (phù hợp với hệ thống phân cấp giảm thiểu của tiêu chuẩn quốc tế) cho các dự án rủi ro trung bình (Loại B), theo yêu cầu của chương trình ở giai đoạn sớm nhất có thể, ở dạng dự thảo hoặc ở bản cuối cùng để xem xét và kiểm tra việc tuân thủ với các yêu cầu bảo vệ E&S của chương trình. Nếu thấy cần thiết, bên đăng ký phải bổ sung các kế hoạch quản lý và đánh giá tác động theo tư vấn của chương trình.

**Đánh giá của CTF & xác minh của KDB và GCF:**

Ban Thư ký của CTF (ESGCT) sẽ đánh giá từng doanh nghiệp/hoạt động được đề xuất theo từng trường hợp dựa trên bản chất của nó. Nếu những rủi ro và tác động dự kiến có tính chất phức tạp, thì CTF sẽ triệu tập Ban Cố vấn chuyên gia (EAC) để cùng xác định loại rủi ro của các hoạt động được đề xuất thông qua quy trình tham vấn của các chuyên gia. ESMS của KDB sẽ xác minh quyết định của CTF.

**3.3.1.6. Công nghệ ưu tiên 6: Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC)**

• **HVAC ở năm quốc gia**

Tình trạng nóng lên toàn cầu dẫn đến các đợt sóng nhiệt cực độ thường xuyên và dữ dội hơn, tiếp đó gây ra các tác động bất lợi liên quan đến nhiệt, và do đó gây tử vong cho con người và thiệt hại kinh tế. Sốc nhiệt được xác định là một trong những tác động trực tiếp và tiêu cực của biến đổi khí hậu, có thể làm tăng tỷ suất bệnh và tử vong, và giảm năng suất lao động trên toàn thế giới. Đô thị hóa góp phần làm tăng khoảng 30–50% chỉ số sốc nhiệt trong mùa hè. Sóng nhiệt gây nguy hiểm cho những nhóm xã hội dễ bị tổn thương nhất, những người có thể bị sốc nhiệt. Khó ngủ thường liên quan đến nhiệt độ. Sóng nhiệt cũng liên quan đến việc tăng tỷ lệ nhập viện vì rối loạn hô hấp, thận và tim mạch.

Ở hầu hết các thành phố Đông Nam Á, nhiệt độ không khí tối đa hàng ngày thường vượt quá 30°C với độ ẩm cao khoảng 70–90%. Tình trạng này có thể buộc người cư ngụ dùng điều hòa không khí (AC) để cảm thấy thoải mái về nhiệt độ. Tuy nhiên, có những lo ngại rằng việc phổ biến AC trong các tòa nhà dân cư đô thị ở Đông Nam Á sẽ góp phần làm tăng thêm nhiệt độ đô thị, mức tiêu thụ năng lượng sơ cấp và phát thải CO<sup>2</sup> trong tương lai gần. Nhìn chung, các hộ gia đình có thu nhập cao thì dùng AC nhiều hơn, và dự kiến tỷ lệ sở hữu AC sẽ tăng khi thu nhập của hộ gia đình tăng. Trên thực tế, số lượng AC ở Đông Nam Á dự kiến sẽ tăng vọt lên 350 triệu vào năm 2040, chủ yếu sử dụng trong các tòa nhà dân cư. Mức tiêu thụ điện để làm mát trong khu vực dự kiến lên tới khoảng 330 TWh vào năm 2040. Điều đó cho thấy, các nước Đông Nam Á nên ưu tiên hệ thống HVAC bền vững và hiệu quả cao.

Bảng dưới trình bày về các công nghệ và hệ thống HVAC phổ biến nhất được áp dụng ở 5 quốc gia:

**Bảng 21. Sử dụng HVAC ở Campuchia, Indonesia, Lào, Philippin và Việt Nam**

Quốc gia	Công nghệ
<b>Campuchia</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quạt (trên 90%)</li> <li>- Điều hòa không khí (khoảng 50%)</li> </ul>
<b>Indonesia</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- AC biến tần</li> <li>- Trung tâm AC</li> <li>- Bộ chia AC</li> <li>- Cửa sổ</li> <li>- DC biến tần</li> <li>- DC quạt và bộ biến tần</li> </ul>
<b>Lào</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ biến tần (39%)</li> <li>- Tốc độ cố định (61%)</li> </ul>
<b>Philippin</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- AC</li> </ul>
<b>Việt Nam</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- AC</li> </ul>

Bảng dưới đây cung cấp danh sách đóng góp quốc gia quyết định (NDC) của năm quốc gia, tập trung vào hệ thống sưởi và làm mát.

**Bảng 22. Nhu cầu về công nghệ HVAC ở Campuchia**

Quốc gia	Công nghệ
<b>Campuchia</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm mát thân thiện với khí hậu của các tòa nhà khu vực công</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện Kế hoạch hành động làm mát quốc gia</li> <li>- Đưa các yêu cầu về hiệu suất của Hệ thống làm mát thụ động vào Điều lệ năng lượng tòa nhà của Campuchia</li> <li>- Triển khai các biện pháp “làm mát thụ động” tại các thành phố (giải quyết hiện tượng đảo nhiệt đô thị), các tòa nhà công cộng và tòa nhà thương mại.</li> <li>- Điều hòa không khí cho phòng (tốc độ cố định), điều hòa không khí cho phòng (loại biến tần), hệ thống làm lạnh (loại ly tâm), hệ thống lưu lượng môi chất lạnh biến đổi, quạt</li> </ul>
--	---

• **Các tác động môi trường và xã hội chính**

**Khai thác và sản xuất** | Quá trình sản xuất của hệ thống HVAC yêu cầu thép, đồng và niken góp phần tạo ra tác động tiêu thụ tài nguyên lớn nhất của việc sản xuất AC. Lượng niken cần để sản xuất 1 kg đồng (0,03 kg) và 1 kg sắt (0,03 kg) được coi là tương đối cao do giai đoạn khai thác.

**Sử dụng cuối** | Hầu hết các tác động tiêu cực của hệ thống HVAC bắt nguồn từ việc sử dụng cuối cùng. Đầu tiên, các hệ thống HVAC thông thường chiếm 40–60% mức sử dụng năng lượng trong các tòa nhà hoặc 15% tổng tiêu thụ năng lượng của thế giới. Hydrofluorocarbons (HFC) xuất hiện dưới dạng chất làm lạnh AC đặc biệt góp phần vào việc làm suy giảm tầng ozone và nóng lên toàn cầu, bằng cách giải phóng các nguyên tử clo và brom vào tầng bình lưu. HFC có khả năng làm nóng lên toàn cầu cao hơn hàng vạn lần so với carbon dioxide (CO<sub>2</sub>), và chúng tương đương với khoảng 4 tỷ tấn mét khí thải CO<sub>2</sub> mỗi năm. Thứ hai, mặc dù hydrocarbon được coi là tiết kiệm chi phí, nhưng chúng dễ cháy và cần phòng ngừa an toàn đặc biệt để giảm rủi ro về cháy. Thứ ba, hệ thống HVAC được coi là hệ hô hấp của tòa nhà, và khi thiết kế kém thì rủi ro tiềm ẩn phát triển các loại ô nhiễm vi khuẩn khác nhau sẽ đe dọa sức khỏe của người cư ngụ và hiệu suất công việc.

**Tuổi thọ** | Việc tái chế các AC dựa vào HFC thì yêu cầu các quy trình phân tách đặc biệt để thu hồi có chọn lọc HFC và hydrofluoroolefin (HFO) từ hỗn hợp chất làm lạnh đã rút.

Cần nhắc đến điều này, dự trữ AC của năm quốc gia nên chuyển từ thiết bị hiệu suất thấp dựa vào chất làm lạnh có khả năng làm nóng lên toàn cầu cao, sang thiết bị có hiệu suất cao hơn bao gồm HFO-AC. HFO có khả năng làm suy giảm tầng ozone là 0, độc tính không đáng kể, thời gian tồn tại trong khí quyển giảm và do đó, khả năng làm nóng lên toàn cầu thấp hơn vài bậc so với hydrofluoro được sử dụng phổ biến nhất.

**Bảng 23. Các tác động môi trường và xã hội chính và các biện pháp giảm thiểu chung của HVAC**

Mục	Tác động	Biện pháp giảm thiểu
Nước, đất, hệ sinh thái & đa dạng sinh học	<p><b>[Sản xuất]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Việc chiết thép, đồng và niken để sản xuất HVAC có thể dẫn đến ô nhiễm, phá rừng, hủy hoại môi trường sống và ô nhiễm nước. Tùy vào bối cảnh, mà có thể ảnh hưởng đến quyền bản địa.</li> <li>• Hoạt động khai thác đồng-niken dẫn đến khí thải, ô nhiễm và rủi ro về sức khỏe và an toàn cho công nhân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Áp dụng các tiêu chuẩn an toàn quốc tế nghiêm ngặt và thực hiện các biện pháp can thiệp an toàn được thiết kế đặc biệt để giải quyết các rủi ro sức khỏe liên quan đến khói hàn và tiếp xúc với vật liệu nano.<sup>28</sup></li> <li>• Tuân theo hướng dẫn EHS của IFC về nấu chảy và tinh chế kim loại cơ bản (Hướng dẫn EHS của IFC về nấu chảy và tinh chế kim loại cơ bản. 2007<sup>29</sup>)</li> </ul>

<sup>28</sup> Để biết thêm chi tiết, hãy xem: CPWR, “Áp dụng can thiệp an toàn HVAC & tấm kim loại & Nghiên cứu thông lệ tốt nhất” K. “Hurtado và cộng sự (Tháng 8/2023)/ [https://www.cpw.com/wp-content/uploads/SS2023\\_Sheetmetal-HVAC-best-practices.pdf](https://www.cpw.com/wp-content/uploads/SS2023_Sheetmetal-HVAC-best-practices.pdf)

<sup>29</sup> <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/2000/2007-metal-smelting-refining-ehs-guidelines-en.pdf>

<p>Chất lượng không khí &amp; biến đổi khí hậu</p>	<p><b>[Sản xuất &amp; Sử dụng]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>HFC là chất làm lạnh AC góp phần làm suy giảm tầng ozone và nóng lên toàn cầu (“chất siêu ô nhiễm” có khả năng cảnh báo toàn cầu cao (GWP).</li> </ul> <p><b>[Hết tuổi thọ/Thải bỏ]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>HFC và hydrofluoroolefin (HFO) từ hỗn hợp chất làm lạnh đã rút là những chất độc hại.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thúc đẩy sáng kiến và chính sách giảm dần HFC<sup>30</sup>, bằng cách dùng chất làm lạnh thân thiện với môi trường hơn (với mức GWP ít hơn) và an toàn (ít hoặc không dễ cháy).</li> <li>Nhà sản xuất hệ thống HVAC cung cấp hệ thống thu hồi để tái chế và xử lý an toàn và sạch sẽ.</li> </ul>
<p>Sức khỏe &amp; an toàn của công nhân &amp; cộng đồng</p>	<p><b>[Vận hành/Sử dụng]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tai nạn an toàn do tai nạn cháy của hệ thống HVAC</li> <li>Là hệ hô hấp của tòa nhà, hệ thống HVAC có rủi ro tiềm ẩn phát triển nhiều loại ô nhiễm vi khuẩn khác nhau, đe dọa sức khỏe người cư ngụ và hiệu suất làm việc khi thiết kế kém.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đảm bảo ghi nhận về thông tin kiểu máy và mức GWP của chất làm lạnh của các sản phẩm HVAC (trong bao bì, hướng dẫn hoặc thông số kỹ thuật) (VD: R32, “chất làm lạnh không làm suy giảm tầng ozone”, tính dễ cháy...).</li> </ul>

- **Xác định các hoạt động rủi ro cao (“Loại A”) để đánh giá khả năng đủ điều kiện**

**Bảng 24. Phân loại rủi ro công nghệ HVAC theo hệ thống bảo vệ quốc gia ở Lào, Philippin, Việt Nam**

<sup>30</sup> Bản sửa đổi Kigali của Nghị định thư Montreal là thỏa thuận quốc tế nhằm giảm việc tiêu thụ và sản xuất hydrofluorocarbons (HFC) và bảo vệ tầng ozone. Tình trạng của năm quốc gia mục tiêu cam kết với Bản sửa đổi như sau: (1) Campuchia đã chấp nhận (A) KA ngày 08/04/2021; (2) Indonesia thông qua KA ngày 14/12/2022; (3) Lào chấp nhận (A) KA ngày 16/11/2017; (4) Philippin thông qua KA ngày 03/11/2022 và; (5) Việt Nam phê duyệt (AA) KA ngày 27/09/2019. (Nguồn: [https://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?src=IND&mtdsg\\_no=XXVII-2-f&chapter=27](https://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?src=IND&mtdsg_no=XXVII-2-f&chapter=27)) Ở cả năm quốc gia, sẽ áp dụng thông lệ quốc tế tốt về quy định về HFC hoặc HCFC và các chất làm suy giảm tầng ozone khác.

Quốc gia	Công nghệ ưu tiên ứng phó khí hậu – Hoạt động/dự án	Phân loại rủi ro theo hệ thống bảo vệ quốc gia		
		Cao	Trung bình	Thấp
Lào	Xây dựng công nghệ tiết kiệm năng lượng: Nhà máy gia công thiết bị gia dụng, thiết bị văn phòng và dụng cụ điện		Tất cả	
Philippin	Sưởi và làm mát tiết kiệm năng lượng: Pin nhiên liệu	EIS: $\geq 100$ MW	Danh sách kiểm tra IEE: $5 \text{ MW} < x < 100 \text{ MW}$	$\leq 5 \text{ MW}$
Việt Nam	Sản xuất các bộ phận và thiết bị điện và điện tử	Tất cả các dự án có ít nhất 1 triệu thiết bị và bộ phận/năm hoặc ít nhất 1.000 tấn sản phẩm/năm (Công suất lớn) Đối với các dự án dưới 1 triệu thiết bị và bộ phận/năm hoặc dưới 1.000 tấn sản phẩm/năm, phải đánh giá môi trường chiến lược sâu hơn (công suất trung bình)		Đối với các dự án có công suất nhỏ, cần đánh giá môi trường chiến lược sâu hơn.

**Cách tiếp cận chung về phân loại rủi ro cao ở năm quốc gia:**

Sẽ sàng lọc từng tác động môi trường và xã hội đã xác định theo mức độ đáng kể của chúng và CTF sẽ xác định các loại rủi ro E&S tổng thể. Theo đó, các đề xuất với các phân loại rủi ro “B/I-2” (trung bình) hoặc “C/I-3” (thấp) được sàng lọc cuối cùng, sẽ đủ điều kiện cho đầu tư CTF. CTF sẽ kiểm tra nghiêm ngặt các hoạt động “rủi ro cao” thuộc hệ thống sàng lọc rủi ro quốc gia, để đảm bảo tuân thủ các tiêu chí quản lý và sàng lọc rủi ro E&S của CTF.

**Phân tích toàn diện tất cả các tác động về môi trường và xã hội quan trọng bao gồm các tác động tích lũy, gián tiếp và áp đặt:**

Ngoài loại hình và quy mô của các hoạt động nêu trên, cần xem xét toàn diện các tác động môi trường và xã hội khác nhau (như giá thị trường sinh khối, tác động tiêu cực đến mối quan hệ giữa công nhân sản xuất sinh khối và chủ nhà máy điện sinh khối, giá thị trường sinh khối...), sự hiện diện của cộng đồng bản địa và di sản văn hóa...). Theo thông lệ tiêu chuẩn, tất cả các bên đăng ký dự án nhỏ phải đăng ký xin thủ tục EIA quốc gia tại từng nước mà các hoạt động sẽ diễn ra. Phải nộp cho chương trình một bản đánh giá tác động môi trường và xã hội (đơn giản) và theo kế hoạch quản lý (phù hợp với hệ thống phân cấp giảm thiểu của tiêu chuẩn quốc tế) cho các dự án rủi ro trung bình (Loại B), theo yêu cầu của chương trình ở giai đoạn sớm nhất có thể, ở dạng dự thảo hoặc ở bản cuối cùng để xem xét và kiểm tra việc tuân thủ với các yêu cầu bảo vệ E&S của chương trình. Nếu thấy cần thiết, bên đăng ký phải bổ sung các kế hoạch quản lý và đánh giá tác động theo tư vấn của chương trình.

**Đánh giá của CTF & xác minh của KDB và GCF:**

Ban Thư ký của CTF (ESGCT) sẽ đánh giá từng doanh nghiệp/hoạt động được đề xuất theo từng trường hợp dựa trên bản chất của nó. Nếu những rủi ro và tác động dự kiến có tính chất phức tạp, thì CTF sẽ triệu tập Ban Cố vấn chuyên gia (EAC) để cùng xác định loại rủi ro của các hoạt động được đề xuất thông qua quy trình tham vấn của các chuyên gia. ESMS của KDB sẽ xác minh quyết định của CTF.

### 3.3.1.7. Công nghệ ưu tiên 7: Nông nghiệp bền vững

- Công nghệ liên quan đến chăn nuôi ở năm quốc gia

Dự kiến mức tiêu thụ các sản phẩm từ động vật trên thế giới sẽ tăng gấp đôi trong bốn thập kỷ tới, mức độ lớn ở châu Á, do dân số thế giới tăng nhanh, các yếu tố nhân khẩu học (cấu trúc tuổi tác và đô thị hóa) và cải thiện tình trạng kinh tế xã hội.

Tuy nhiên, nguồn cung cấp protein động vật hiện nay không đủ để đáp ứng nhu cầu của con người trong bối cảnh tài nguyên đang cạn kiệt nhanh chóng (đất trồng trọt, nước, nhiên liệu hóa thạch, nitơ và các loại phân bón khác), gia tăng dân số và gia tăng rủi ro hạn hán do tình hình khí hậu cực đoan thường xuyên. Do đó, tình trạng thiếu lương thực trở thành một vấn đề xã hội nghiêm trọng tác động đến sức khỏe, học thuật và tiềm năng kinh tế, và để vượt qua vấn đề này, đã có sự chuyển đổi toàn cầu về chăn nuôi từ chăn nuôi quy mô nhỏ sang loại hoạt động chăn nuôi công nghiệp hóa trong trang trại, liên quan đến việc chăn nuôi môi trường đông đúc.

Nhu cầu đối với các sản phẩm này tăng liên tục cũng dẫn đến việc tăng cường trang trại chăn nuôi ở khu vực Đông Nam Á, và các công nghệ quản lý thức ăn và cho ăn hiệu quả dường như quan trọng hơn trong trang trại chăn nuôi chuyên sâu ở các nước như Indonesia, Lào, Philippin, Campuchia và Việt Nam, nơi mà trại chăn nuôi và chăn thả phổ biến hơn (Tham khảo Phụ lục 2).

- Công nghệ quản lý thức ăn và cải thiện việc cho ăn ở năm quốc gia

Với việc chăn nuôi chuyên sâu, người ta đã chú ý nhiều đến tầm quan trọng của việc cho ăn hợp lý, nhưng nhiều nước Đông Nam Á vẫn đang cho ăn rơm rạ và thức ăn gia súc có giá trị dinh dưỡng thấp trong quy trình chăn nuôi công nghiệp.

Do đó, điều kiện của gia súc và gia cầm vẫn ở mức thấp trong thời kỳ hạn hán và lũ lụt, khi mà họ không thể trồng đủ gạo, ngũ cốc... Cho ăn không đúng cách cũng dẫn đến việc giảm năng suất và tăng lượng phát thải các chất ô nhiễm dưới dạng mê-tan và nitơ và phốt pho thải vào đất và các kênh nước, nếu không quản lý đúng cách thì có thể gây ô nhiễm nước, dẫn đến xói mòn đa dạng sinh học, suy giảm sức khỏe con người và giảm năng suất nông nghiệp.

Do đó, cần áp dụng chiến lược, hệ thống và công nghệ cho ăn và trồng trọt thức ăn một cách hiện đại và chuyên sâu, như hệ thống quản lý sản xuất tự động (APMS) và công nghệ chăn nuôi chính xác (PLF), để sản xuất đủ hơn lượng thức ăn giàu dinh dưỡng một cách hiệu quả và bền vững hơn, cho số lượng lớn vật nuôi với mức tác động môi trường tối thiểu. Bảng dưới đây trình bày việc thực hành chiến lược và hệ thống phổ biến nhất được áp dụng ở năm nước:

**Bảng 25. Ví dụ về loại công nghệ và hệ thống được sử dụng ở năm nước Đông Nam Á mục tiêu**

Loại công nghệ/hệ thống	Quốc gia	Cơ hội và thách thức
Hệ thống thức ăn thô ba tầng (TSFS)	Indonesia	Tăng quy mô Khả năng áp dụng đặc biệt tại các AEZ bán khô hạn ở Châu Á
Hệ thống cho ăn	Philippin	Thích ứng rộng hơn ở Đông Nam Á Sử dụng các loại thức ăn thô thay thế trong các hệ thống trồng trọt, VD: sắn và đậu
Dùng rơm rạ đã qua xử lý NH4	Nhiều địa điểm ở Châu Á	Tăng quy mô trang trại Bổ sung chiến lược bằng lượng rơm đã qua xử lý Tăng cường sử dụng việc bổ sung thức ăn thô từ cây họ đậu

		Lợi ích về kinh tế
Hệ thống lúa-cá-lợn / -vịt /-bèo dậu vịt	Việt Nam	Áp dụng rộng rãi hơn Tăng quy mô Hỗ trợ chính sách Thể hiện tính bền vững
Tùy chọn thức ăn thô cho hệ thống cây trồng-vật nuôi	Đông Nam Á	Ưu tiên phát triển thức ăn thô Tăng quy mô Đào tạo
Công nghệ đất nông nghiệp dốc (SALT)	Philippin	Khả năng ứng dụng cho vùng cao Hệ thống cây trồng – vật nuôi bền vững

• **Các tác động chính về môi trường và xã hội**

**Ô nhiễm từ oxit nitơ (NOx)** | Tuy nhiên, việc nâng cao **hiệu quả sản xuất thức ăn** có thể có tác động xã hội và môi trường đối với xã hội, và phải tập trung chú ý trước khi áp dụng. Ví dụ, phốt pho và nitơ dùng trong sản xuất thức ăn không chỉ làm ô nhiễm không khí địa phương, mà còn tác động xấu đến đất và nguồn nước địa phương (sông, suối, suối nhỏ và các vùng nước trên mặt khác), và bất kỳ người địa phương hoặc bản địa nào dùng nước từ các nguồn đó thì sau đó có thể bị tích tụ các hợp chất nitơ, gây ra các ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe.

**Bệnh động vật truyền sang người** | Tương tự, các hệ thống chăn nuôi chuyên sâu thường có mật độ cao với độ đa dạng di truyền thấp, điều này có thể tạo điều kiện cho việc di chuyển và thích nghi tăng lên, nhưng tần suất di chuyển của con người và phương tiện trong và ngoài trại cao hơn sẽ làm tăng rủi ro lây truyền mầm bệnh từ vật nuôi qua môi trường sang con người. Điều này cuối cùng có thể gây ra sự lây lan của các bệnh động vật truyền sang người (như Ebola, SARS...) và đe dọa đến sức khỏe cộng đồng.

**Phá rừng và xung đột quyền sở hữu đất đai** | Cơ sở vật chất của nông trường thì liên quan đến việc khai hoang những khu vực rừng lớn và việc khai thác tài nguyên thiên nhiên địa phương (đất, gỗ, nước), và không chỉ các vấn đề tiềm ẩn về nạn phá rừng, mà còn về đất trồng, nơi mà nông dân cá thể có thể tự gieo trồng và sử dụng theo khu vực. Ở những khu vực mà quyền sở hữu đất đai không rõ ràng, người ta thực hiện cách tiếp cận tổng bằng để đảm bảo quyền sở hữu, nghĩa là lợi ích của một bên hầu như luôn tương ứng với tổn thất của các bên khác. Điều này gây ra tranh chấp đất đai giữa các ngành trồng trọt, chăn nuôi và năng lượng sinh khối, và việc lựa chọn một ngành để hợp tác sẽ lấy đi cơ hội tạo ra các giá trị xã hội và môi trường và gây ra xung đột xã hội.

**Đa dạng sinh học** | Ngoài ra, một số loại thức ăn khô làm từ cá bao gồm hàng tấn các loài cá nhỏ được xay và nén, loại bỏ một phần dầu và nước khỏi thịt, và quy trình sản xuất này yêu cầu đánh bắt một lượng lớn các loài cá nhỏ, điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến đa dạng sinh học thủy sản.

**Bảng 26. Các tác động môi trường và xã hội chính và các biện pháp giảm thiểu chung về chăn nuôi**

Mục	Tác động	Biện pháp giảm thiểu
Không khí, nước, đất, hệ sinh thái & đa dạng sinh học	<p><b>[Hoạt động]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Phát thải GHG (phần lớn từ quá trình lên men ruột (metan thoát ra trong quá trình tiêu hóa) và quản lý phân bón</li> <li>Oxit ni tơ (NOx) thải ra trong quá trình sản xuất thức ăn thô làm ô nhiễm không khí, nước và đất</li> <li>Các chất ô nhiễm như BOD, COD, SS và các hóa chất khác xả vào nước thải công nghiệp</li> <li>Phá rừng</li> <li>Mất đa dạng sinh học và suy thoái tài nguyên nước (do thu hoạch cá nhỏ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tuân thủ các tiêu chuẩn của nước sở tại và quốc tế về yêu cầu xử lý nước thải và dòng thải để kiểm soát chúng (VD: lắp đặt thiết bị xử lý nước thải và giám sát đầy đủ)</li> <li>Thành lập các tiêu chuẩn sử dụng/xử lý phù hợp đối với chất thải chăn nuôi</li> <li>Ngăn ngừa ô nhiễm nước trên mặt và nước ngầm do nước thải, dòng thải hoặc dung dịch lọc từ các bãi chăn nuôi.</li> </ul>

	<p>không bền vững để sản xuất thức ăn thô và mở rộng vùng chăn thả, làm ảnh hưởng đến các loài thực vật và thế giới hoang dã)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiêu thụ nhiều nước (thức ăn cho vật nuôi và sản xuất thức ăn thô) có thể làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Giảm thiểu chất thải và tái chế chúng nếu khả thi.</li> <li>• Tránh khai thác gỗ bất hợp pháp và giám sát các tác động tiềm ẩn lâu dài của hoạt động chăn nuôi/phân bón lên hệ sinh thái như môi trường sống của động vật hoang dã và tình trạng sa mạc hóa.</li> <li>• Áp dụng các hướng dẫn chăn nuôi ít carbon của FAO<sup>31</sup>, bao gồm:             <ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Nâng cao hiệu quả sản xuất chăn nuôi và sử dụng tài nguyên</li> <li>(2) Tăng cường nỗ lực tái chế và giảm thiểu tổn thất cho kinh tế sinh học tuần hoàn</li> <li>(3) Tận dụng các giải pháp thiên nhiên để tăng cường đền bù carbon</li> <li>(4) Cố gắng để đạt chế độ ăn uống khỏe mạnh, bền vững và dùng các chất thay thế protein.</li> </ol> </li> </ul>
<p>Sức khỏe và an toàn</p>	<p><b>[Hoạt động]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Oxit nitơ thải ra trong quá trình sản xuất thức ăn thô có thể ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe của công nhân và cộng đồng lân cận.</li> <li>• Hệ thống chăn nuôi chuyên sâu (VD: phá hủy môi trường sống do chăn nuôi công nghiệp) có thể gây ra các bệnh động vật truyền sang người cao hơn (VD: Ebola, SARS...), mất tính đa dạng và khả năng phục hồi (di truyền ở động vật và đa dạng sinh học trong môi trường)</li> <li>• Lạm dụng hóa chất đầu vào (kháng sinh và tác nhân hóa học) gây ra ung thư và kháng kháng sinh (AMR), gia tăng các bệnh không truyền nhiễm và đe dọa sức khỏe cộng đồng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tuân thủ các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn, chế tạo và sản xuất thực phẩm của nước sở tại.</li> <li>• Đào tạo thường xuyên và nâng cao nhận thức cho công nhân và cộng đồng lân cận về ngăn ngừa đại dịch, hợp tác của các cơ quan y tế liên quan trong nước và chính quyền địa phương nếu khả thi.</li> </ul>
<p>Tranh chấp về đất &amp; tác động đến người bản địa<sup>32</sup></p>	<p><b>[Xây dựng cơ sở [công trình dân dụng]]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Lập nông trường, khai hoang khu vực rừng hoặc trồng trọt lớn và khai thác tài nguyên thiên nhiên địa phương (đất, gỗ, nước), dẫn đến thiệt hại kinh tế và tranh chấp với cộng đồng dân cư, tranh chấp đất đai, có thể ảnh hưởng đến quyền bản địa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hiểu bối cảnh địa phương để xem chuyên đổi có phải là lựa chọn khả thi duy nhất không. Xem những lợi ích khả thi của việc kết hợp lâm</li> </ul>

<sup>31</sup> FAO, Năm hành động thiết thực hướng tới chăn nuôi ít carbon, 2019/ <https://openknowledge.fao.org/server/api/core/bitstreams/bffcb50b-bf4f-4fa9-a88d-b664a935f06e/content>

<sup>32</sup> Để biết thêm chi tiết, xem: “Tác động của chuyển đổi chăn nuôi thích đáng đối với canh tác ở Châu Á: Nhân quyền và quan điểm Sức khỏe” tại Diễn đàn chuyển đổi thích đáng ở Châu Á 2022 (JTFA) do Mạng lưới Hành động khí hậu Đông Nam Á (CANSEA) và Friedrich-Ebert- Stiftung (FES) tổ chức ngày 08/09/2022/ [https://youtu.be/uoCvKF4vu0Q?si=P2fEla8-Aqa\\_ZNaB](https://youtu.be/uoCvKF4vu0Q?si=P2fEla8-Aqa_ZNaB)



	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nông dân truyền thống quy mô nhỏ có thể bị bất lợi nếu ngành chăn nuôi công nghiệp và nhập khẩu thịt quy mô lớn chiếm ưu thế, điều này có thể dẫn đến sản xuất dư thừa và bệnh tật do chế biến và xử lý hóa chất ở mức độ cao.</li> </ul>	<p>ng nghiệp và trồng trọt với chăn nuôi gia súc.<sup>33</sup></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tránh ở mức có thể bất kỳ hoạt động tái định cư không tự nguyện nào và mất phương tiện sinh kế. Để việc di dời diễn ra ở mức có thể chấp nhận, thì cần phải lập kế hoạch hành động tái định cư (RAP) đơn giản hóa phù hợp với IFC PS 5 (2012)<sup>34</sup></li> <li>Xem xét các tác động tiềm ẩn đối với di sản, cảnh quan và dân tộc thiểu số hoặc người bản địa càng sớm càng tốt. Khi cần, hãy tham khảo ý kiến các bên liên quan chính trong nước, bao gồm những người và cộng đồng bị ảnh hưởng, và chuẩn bị kế hoạch giảm thiểu và đền bù phù hợp với quy định quốc gia. Hãy tham khảo ý kiến của chuyên gia bảo vệ E&amp;S CTF.</li> </ul>
--	--	---

• **Xác định các hoạt động có rủi ro cao (“Loại A”) để đánh giá khả năng đủ điều kiện**

Campuchia coi các nhà máy xử lý bùn phân và xử lý phân hủy kỵ khí của chất thải hữu cơ ở tất cả các quy mô là hoạt động rủi ro cao (Loại A). Ở Indonesia, việc trồng cây lương thực/cây ăn quả có hoặc không có cơ sở chế biến rộng hơn 2.000 và 5.000 ha thì được phân loại là rủi ro cao (Loại A). Lào coi công nghệ quản lý sâu bệnh và trồng lúa có quy mô hơn 400 ha, và công nghệ quản lý rừng bền vững, công nghệ trồng rừng tối ưu, công nghệ bảo vệ rừng và công nghệ quản lý rừng bền vững trên 200 ha là hoạt động rủi ro cao. Ở Philippin, các hoạt động liên quan đến rạn nhân tạo có diện tích hơn 25 ha được xếp vào loại hoạt động rủi ro cao. Việt Nam xem xét dự án liên quan đến chăn nuôi gia súc và gia cầm và chăm sóc động vật hoang dã là dự án rủi ro cao, nếu có hơn 500 đầu gia súc, 20.000 đầu gia cầm và 50 đầu động vật hoang dã. Các doanh nhân địa phương/toàn cầu tiềm năng về công nghệ này cần tránh các hoạt động kể trên.

**Bảng 27. Phân loại rủi ro về công nghệ liên quan đến nông nghiệp theo hệ thống bảo vệ quốc gia ở năm quốc gia sở tại**

Quốc gia	Công nghệ ưu tiên ứng phó khí hậu - Hoạt động/Dự án	Phân loại rủi ro theo hệ thống bảo vệ quốc gia		
		Cao	Trung bình	Thấp
Campuchia	Xử lý phân hủy kỵ khí của chất thải hữu cơ - Xử lý, đốt chất thải	Tất cả các quy mô	-	-
	Nhà máy xử lý bùn phân - Xử lý, đốt chất thải	Tất cả các quy mô	-	-

<sup>33</sup> “Điều quan trọng là tránh tạo ra nhị nguyên luận, trong đó nông nghiệp trồng trọt và chăn nuôi là những thực thể riêng biệt, mà kết quả về môi trường của một bên được cho là vượt trội so với bên kia. Bằng chứng đã chỉ ra rằng hệ thống nông nghiệp với chăn nuôi có thể ít gây thiệt hại hơn chỉ trồng trọt, và có thể giúp khôi phục năng suất của những vùng đất bị thoái hóa thông qua tái chế chất dinh dưỡng.” Carles F. Nicholson và cộng sự. Tác động môi trường của chăn nuôi ở các nước đang phát triển, tháng 03/2001/  
[https://www.researchgate.net/publication/263925537\\_Environmental\\_Impacts\\_of\\_Livestock\\_in\\_the\\_Developing\\_World](https://www.researchgate.net/publication/263925537_Environmental_Impacts_of_Livestock_in_the_Developing_World)

<sup>34</sup> <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/2010/2012-ifc-performance-standards-en.pdf>



<b>Indonesia</b>	Trồng cây lương thực có hoặc không có cơ sở chế biến	$\geq 2.000$ ha	-	-
	Trồng cây ăn quả có hoặc không có cơ sở chế biến	$\geq 5.000$ ha	-	-
<b>Lào</b>	Công nghệ quản lý rừng bền vững - Trồng và chặt cây công nghiệp	$> 200$ ha	20-200 ha	-
	Trồng lúa bền vững - Trồng cây công nghiệp	$> 400$ ha	20 - 400 ha	-
	Công nghệ trồng rừng tối ưu - Trồng và chặt cây công nghiệp	$> 200$ ha	20-200 ha	-
	Công nghệ quản lý sâu bệnh - Trồng cây công nghiệp	$> 400$ ha	20 - 400 ha	-
	Công nghệ kiểm soát bệnh ở gia súc - Tăng các loại gia súc như: trâu, bò, ngựa và các loại khác	-	$\geq 500$ đầu	-
	Công nghệ bảo vệ rừng - Trồng và chặt cây công nghiệp	$> 200$ ha	20-200 ha	-
	Công nghệ quản lý rừng bền vững - Trồng và chặt cây công nghiệp ở nông trường	$> 200$ ha	20-200 ha	-
<b>Philippin</b>	Rạn nhân tạo - Dự án nuôi trồng thủy sản/ngư nghiệp dùng nước ngọt hoặc nước lợ bao gồm trang trại ngọc trai và các hoạt động tương tự	$\geq 25$ ha	- EIS: $\geq 5$ ha nhưng $< 25$ ha - Danh sách kiểm tra của IEE: $> 1$ ha nhưng $< 5$ ha	$\leq 1$ ha hoặc trồng rong biển
	Dự án chăn thả	$\geq 500$ vật nuôi (AU)	- EIS: 100-499 AU - Danh sách kiểm tra của IEE: $< 100$ AU	1 - 10 AU
	Dự án nuôi lợn/gia súc (VD: lợn/dê)	-	- EIS: $\geq 5.000$ đầu - Danh sách kiểm tra của IEE: $> 100$ nhưng $< 5.000$ đầu	$\leq 100$ đầu
	Nuôi đà điểu	-	- EIS: $\geq 1.000$ đầu hoặc $\geq 1$ ha	$\leq 100$ đầu VÀ $\leq 1$ ha



			- Danh sách kiểm tra của IEE: <1,000 đầu	
	Dự án gia cầm/gia súc (VD: chim)	-	- EIS: ≥100.000 đầu - Danh sách kiểm tra của IEE: >10,000 nhưng <100,000 đầu gia cầm	≤10.000 đầu
	Dự án chăn nuôi khác	-	- EIS: ≥50 AU - Danh sách kiểm tra của IEE: >10 AU nhưng <50 AU	≤10 AU
	Trang trại nông nghiệp	-	- EIS: ≥500 ha - Danh sách kiểm tra của IEE: >50 ha nhưng < 500 ha	≤50 ha
	Nhà máy nghiền thức ăn cho vật nuôi	-	- EIS: ≥2.500 MT - Danh sách kiểm tra của IEE: >200 MT nhưng <2.500 MT	≤200 MT
<b>Việt Nam</b>	Dự án xây dựng cơ sở chăn nuôi gia súc và gia cầm, nuôi động vật hoang dã	Gia súc: ≥500 đầu Gia cầm: ≥20.000 đầu Động vật hoang dã: ≥50 đầu	Gia súc: 100-500 đầu Gia cầm: 5.000-20.000 đầu Động vật hoang dã: 5-50 đầu Tất cả (trừ các dự án xây dựng để nuôi động vật hoang dã)	Tất cả (trừ các dự án xây dựng để nuôi động vật hoang dã)

**Cách tiếp cận chung của năm quốc gia:**

Sẽ sàng lọc từng tác động môi trường và xã hội đã xác định theo mức độ đáng kể của chúng và CTF sẽ xác định các loại rủi ro E&S tổng thể. Theo đó, các đề xuất với các phân loại rủi ro “B” (trung bình) hoặc “C” (thấp) được sàng lọc cuối cùng, sẽ đủ điều kiện cho đầu tư CTF. CTF sẽ kiểm tra nghiêm ngặt các hoạt động “rủi ro cao” thuộc hệ thống sàng lọc rủi ro quốc gia, để đảm bảo tuân thủ các tiêu chí quản lý và sàng lọc rủi ro E&S của CTF.

**Phân tích toàn diện tất cả các tác động về môi trường và xã hội quan trọng bao gồm các tác động tích lũy, gián tiếp và áp đặt:**

Ngoài loại hình và quy mô của các hoạt động nêu trên, cần xem xét toàn diện **các tác động môi trường và xã hội khác nhau** (như vị trí của các nhà máy sản xuất thức ăn và chăn nuôi, xem chúng gần sông và các khu vực được bảo vệ không, do tính đa dạng sinh học phong phú và sự hiện diện của cộng đồng bản địa và di sản văn hóa...). Theo thông lệ tiêu chuẩn, tất cả các bên đăng ký dự án nhỏ phải đăng ký xin thủ tục EIA quốc gia tại từng nước mà các hoạt động sẽ diễn ra. Phải nộp cho chương trình một bản đánh giá tác động môi trường và xã hội (đơn giản) và theo kế hoạch quản lý (phù hợp với hệ thống phân cấp giảm thiểu của tiêu chuẩn quốc tế) cho các dự án rủi ro trung bình (Loại B), theo yêu cầu của chương trình ở giai đoạn sớm nhất có thể, ở dạng dự thảo hoặc ở bản cuối cùng để xem xét và kiểm tra việc tuân thủ với các yêu cầu bảo vệ E&S của chương trình. Nếu thấy cần thiết, bên đăng ký phải bổ sung các kế hoạch quản lý và đánh giá tác động theo tư vấn của chương trình.

**Đánh giá của CTF & xác minh của KDB và GCF:**

Ban Thư ký của CTF (ESGCT) sẽ đánh giá từng doanh nghiệp/hoạt động được đề xuất theo từng trường hợp dựa trên bản chất của nó. Nếu những rủi ro và tác động dự kiến có tính chất phức tạp, thì CTF sẽ triệu tập Ban Cố vấn chuyên gia (EAC) để cùng xác định loại rủi ro của các hoạt động được đề xuất thông qua quy trình tham vấn của các chuyên gia. ESMS của KDB sẽ xác minh quyết định của CTF.

**3.3.1.8. Công nghệ ưu tiên 8: Quản lý tài nguyên nước**

- **Xác định các hoạt động rủi ro cao (“Loại A”) để đánh giá khả năng đủ điều kiện**

Nhiều công nghệ và công cụ khác nhau được đưa vào công nghệ quản lý tài nguyên nước bền vững. Dưới đây là tiêu chí của 5 quốc gia để phân loại các hoạt động liên quan vào nhóm “rủi ro cao”

**Bảng 28. Phân loại rủi ro về quản lý tài nguyên nước theo hệ thống bảo vệ quốc gia ở năm nước sở tại**

Quốc gia	Công nghệ ưu tiên ứng phó khí hậu - Hoạt động/Dự án	Phân loại rủi ro theo hệ thống bảo vệ quốc gia		
		Cao	Trung bình	Thấp
Campuchia	Công nghệ tưới tiêu - Hệ thống tưới tiêu	≥5.000 ha		
	Quản lý tài nguyên nước - Hệ thống tưới tiêu	≥5.000 ha		
	Giải pháp dựa vào thiên nhiên - Năng lượng Hydro	≥1 MW		
	Phòng lũ cho nguồn nước, bảo vệ chống lũ và việc cải tạo kết cấu, nguồn	≥50.000 m <sup>3</sup>		

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nạo vét</li> </ul>			
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thay đổi trong quy trình xử lý nước để thích ứng với tải trọng ô nhiễm biến đổi cao hơn</li> <li>- Cung cấp nước</li> <li>- Hệ thống thoát nước</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>\geq 10.000</math> người dùng</li> <li>- <math>\geq 5.000</math> ha</li> </ul>		
<b>Indonesia</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thu gom nước (giếng &amp; ao thắm)</li> <li>- Cải tạo đầm lầy cho mục đích tưới tiêu</li> <li>- Nạo vét vùng nước bằng nạo vét cơ bản</li> <li>- Lấy nước sạch từ hồ, sông, suối hoặc các nguồn nước trên mặt khác</li> <li>- Chiết nước ngầm (giếng khoan nông, giếng khoan sâu)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>\geq 1000</math> ha</li> <li>- <math>\geq 500.000</math> m<sup>3</sup></li> <li>- <math>\geq 250</math> l/giây, tương đương với nhu cầu nước sạch của 250.000 người</li> <li>- 50 lít/giây (từ một hoặc nhiều giếng có diện tích &lt; 10 ha)</li> </ul>		
<b>Lào</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công nghệ bảo vệ rừng</li> <li>- Trồng và chặt cây công nghiệp</li> </ul>	>200 ha	20 – 200 ha	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công nghệ quản lý lũ lụt và hạn hán</li> <li>- Xây dựng hồ chứa và đập</li> </ul>	>200 triệu m <sup>3</sup> hoặc chiều cao đập >10m	1 - 200 triệu m <sup>3</sup> hoặc chiều cao đập $\leq 10$ m	
<b>Việt Nam</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo tồn và bảo vệ rừng tự nhiên hiện có ở miền núi</li> <li>- Dự án xây dựng công trình tưới tiêu và cấp thoát nước cho sản xuất nông, lâm và ngư nghiệp</li> </ul>	Diện tích tối thiểu 500 ha	Diện tích >50 ha và <200 ha	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Công nghệ tưới tiêu tiết kiệm nước</li> <li>- Dự án xây dựng hồ chứa nước</li> <li>- Dự án xây dựng công trình tưới tiêu và cấp thoát nước cho sản xuất nông, lâm và ngư nghiệp</li> <li>- Dự án xây dựng mới đê biển và sông</li> <li>- Dự án khai thác nước để khôi phục cho con người và kinh doanh</li> <li>- Dự án xây dựng nhà máy nước tinh khiết và nước tinh khiết đóng chai</li> <li>- Dự án xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung tích hồ chứa <math>\geq 500.000</math> m<sup>3</sup></li> <li>- Diện tích công trình tối thiểu 500 ha</li> <li>- Chiều dài tối thiểu 1.000m</li> <li>- Lượng nước ngầm trên 5.000 m<sup>3</sup>/ngày, dung tích nước trên mặt trên 100.000 m<sup>3</sup>/ngày</li> <li>- Hơn 2.000.000 lít nước/năm</li> <li>- Diện tích bề mặt nước &gt;10 ha</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung tích hồ chứa &lt; 500.000 m<sup>3</sup></li> <li>- Diện tích công trình &gt;50 ha và &lt;200 ha</li> <li>- Chiều dài &lt;1.000m</li> <li>- Lượng nước ngầm 500-5.000 m<sup>3</sup>/ngày, nước trên mặt 5.000-100.000 m<sup>3</sup>/ngày</li> <li>- 500.000-2.000.000 lít nước/năm</li> <li>- Diện tích bề mặt nước 5-10 ha</li> </ul>	

**Bảng 29. Các tác động môi trường và xã hội chính và các biện pháp giảm thiểu chung về quản lý tài nguyên nước>**

Mục	Tác động	Biện pháp giảm thiểu
Đất	<p><b>[Xây dựng]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tồn thất về vật liệu đất và trầm tích đối với bề mặt và/hoặc hệ thống nước ngầm từ công trường do các hoạt động đào đắp</li> <li>Ô nhiễm đất</li> <li>Xử lý đất/bùn dư thừa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Áp dụng và giám sát thường xuyên kế hoạch kiểm soát xói mòn và trầm tích &amp; kế hoạch quản lý nước mưa</li> <li>Lịch trình đào đắp nên xem xét thời gian tốc độ gió và lượng mưa của khu vực để tránh và giảm thiểu tình trạng xáo trộn thảm thực vật.</li> <li>Tách và dự trữ tầng đất mặt để dùng trong quá trình phục hồi đất và/hoặc đặt lại phần đất đã lấy lên đất nông nghiệp</li> <li>Áp dụng các biện pháp kiểm soát thoát nước để tránh nước chảy tiếp xúc với khu vực bị ô nhiễm &amp; tuân thủ thực hành tốt nhất để loại bỏ và xử lý đất/vật liệu bị ô nhiễm khỏi khu vực (nếu cần).</li> <li>Tái sử dụng bùn đã thu hồi (VD: trả lại đất nông nghiệp, làm gạch... khi kiểm tra thấy phù hợp).</li> </ul>
Chất lượng không khí	<p><b>[Xây dựng]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng mức độ bụi tại các môi trường nhận nhạy cảm</li> <li>Tăng lượng khí thải của máy móc xe cộ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các biện pháp kiểm soát bụi (VD: giới hạn tốc độ trên đường, tránh các vị trí nhạy cảm, xem xét thời tiết khi xây dựng (để giảm thiểu tình trạng xáo trộn thảm thực vật), tưới nước đầy đủ...)</li> <li>Đảm bảo tất cả các phương tiện và máy móc đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế và chất lượng &amp; chỉ giới hạn số lượng và thời gian sử dụng ở mức cần thiết</li> <li>Giới thiệu cho tất cả công nhân tại khu vực</li> </ul>
Tiếng ồn và độ rung	<p><b>[Xây dựng]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng mức độ ồn</li> <li>Rung do xây dựng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định các đặc tính nhạy cảm, cấu trúc và vị trí môi trường sống với tiếng ồn và độ rung.</li> <li>Xem xét mức độ tiếng ồn khi chọn thiết bị và hoạt động thiết kế cụ thể &amp; áp dụng các thiết bị giảm tiếng ồn (VD: bộ giảm thanh và bộ giảm âm).</li> <li>Xem xét thời gian xây dựng (đặc biệt là các hoạt động của cư dân gần đó)</li> <li>Rào chắn tiếng ồn xây dựng tạm thời</li> <li>Hệ thống báo cáo sự cố tại chỗ giải quyết thích đáng các khiếu nại về tiếng ồn và độ rung</li> <li>Giới thiệu cho tất cả công nhân tại khu vực</li> </ul>
Nước	<p><b>[Xây dựng]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng chất rắn lơ lửng và các chất gây ô nhiễm khác trong hệ thống nước trên mặt.</li> <li>Tăng tổng lượng chất ô nhiễm, hydrocarbon, kim loại và các chất ô nhiễm hóa học khác vào môi trường nước ngầm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kế hoạch kiểm soát xói mòn, thoát nước và trầm tích cụ thể tại khu vực</li> <li>Quản lý và kiểm soát chặt chẽ việc lưu trữ nhiên liệu, dầu và hóa chất hoặc chất lỏng nguy hiểm khác</li> <li>Giám sát chất lượng nước ngầm và trên mặt thường xuyên</li> <li>Tránh tích trữ vật liệu xây dựng và thiết bị xây dựng gần nguồn nước</li> <li>Phát triển cho những khu vực bị xáo trộn sau khi công trình hoàn thành để ổn định dần</li> <li>Giám sát chất lượng nước ngầm và trên mặt thường xuyên</li> </ul>

<p>Động thực vật (trên cạn và dưới nước)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mất môi trường sống và xáo trộn hệ động vật</li> <li>Đưa vào các loài cỏ dại và thực vật</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định các khu vực động thực vật nhạy cảm và áp dụng các biện pháp bảo vệ theo yêu cầu của luật</li> <li>Hạn chế việc phát quang thảm thực vật và giảm thiểu xáo trộn môi trường sống, phục hồi và giải cứu bất kỳ động vật nào bị thương hoặc mò côi,</li> <li>Phủ xanh các khu vực bị xáo trộn bằng cách dùng các loài bản địa và đặc hữu tại địa phương, có giá trị môi trường sống cao.</li> </ul>
<p>Tranh chấp đất đai &amp; tác động lên người bản địa</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thay đổi quyền sở hữu đất và sở hữu thông thường</li> <li>Di dời và tái định cư không tự nguyện bao gồm các tác động đến quyền bản địa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tránh ở mức có thể bất kỳ hoạt động tái định cư không tự nguyện nào và mất phương tiện sinh kế. Để việc di dời diễn ra ở mức có thể chấp nhận, thì cần phải lập kế hoạch hành động tái định cư (RAP) đơn giản hóa phù hợp với IFC PS 5 (2012).<sup>35</sup></li> <li>Xem xét các tác động tiềm ẩn đối với di sản, cảnh quan và dân tộc thiểu số hoặc người bản địa càng sớm càng tốt. Khi cần, hãy tham khảo ý kiến các bên liên quan chính trong nước, bao gồm những người và cộng đồng bị ảnh hưởng, và chuẩn bị kế hoạch giảm thiểu và đền bù phù hợp với quy định quốc gia. Hãy tham khảo ý kiến của chuyên gia bảo vệ E&amp;S CTF.</li> </ul>

**Cách tiếp cận chung ở năm quốc gia:**

Sẽ sàng lọc từng tác động môi trường và xã hội đã xác định theo mức độ đáng kể của chúng và CTF sẽ xác định các loại rủi ro E&S tổng thể. Theo đó, các đề xuất với các phân loại rủi ro “B/I-2” (trung bình) hoặc “C/I-3” (thấp) được sàng lọc cuối cùng, sẽ đủ điều kiện cho đầu tư CTF. CTF sẽ kiểm tra nghiêm ngặt các hoạt động “rủi ro cao” thuộc hệ thống sàng lọc rủi ro quốc gia, để đảm bảo tuân thủ các tiêu chí quản lý và sàng lọc rủi ro E&S của CTF.

**Phân tích toàn diện tất cả các tác động về môi trường và xã hội quan trọng bao gồm các tác động tích lũy, gián tiếp và áp đặt:**

Ngoài loại hình và quy mô của các hoạt động nêu trên, cần xem xét toàn diện các tác động môi trường và xã hội khác nhau (như giá thị trường sinh khối, tác động tiêu cực đến môi quan hệ giữa công nhân sản xuất sinh khối và chủ nhà máy điện sinh khối, giá thị trường sinh khối...), sự hiện diện của cộng đồng bản địa và di sản văn hóa...).

Theo thông lệ tiêu chuẩn, tất cả các bên đăng ký dự án nhỏ phải đăng ký xin đánh giá tác động môi trường và xã hội (đơn giản) và theo kế hoạch quản lý (phù hợp với hệ thống phân cấp giảm thiểu của tiêu chuẩn quốc tế) cho các dự án rủi ro trung bình (Loại B), sẽ nộp cho chương trình theo yêu cầu của chương trình ở giai đoạn sớm nhất có thể, ở dạng dự thảo hoặc ở bản cuối cùng để xem xét và kiểm tra việc tuân thủ với các yêu cầu bảo vệ E&S của chương trình. Nếu thấy cần thiết, bên đăng ký phải bổ sung các kế hoạch quản lý và đánh giá tác động theo tư vấn của chương trình.

**Đánh giá của CTF & xác minh của KDB và GCF:**

<sup>35</sup> <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/2010/2012-ifc-performance-standards-en.pdf>

Ban Thư ký của CTF (ESGCT) sẽ đánh giá từng doanh nghiệp/hoạt động được đề xuất theo từng trường hợp dựa trên bản chất của nó. Nếu những rủi ro và tác động dự kiến có tính chất phức tạp, thì CTF sẽ triệu tập Ban Cố vấn chuyên gia (EAC) để cùng xác định loại rủi ro của các hoạt động được đề xuất thông qua quy trình tham vấn của các chuyên gia. ESMS của KDB sẽ xác minh quyết định của CTF.

### 3.3.1.9. Công nghệ ưu tiên 9: Xử lý cơ học – sinh học

- **Công nghệ MBT**

Hệ thống MBT là cơ sở xử lý chất thải tích hợp phân loại cơ học với phương pháp xử lý sinh học. Các cơ sở này giúp phân loại chất thải rắn đô thị thành các luồng khác nhau như kim loại, nylon, nhựa tái chế, nhiên liệu từ rác (RDF)... Các bộ phận chính bao gồm: bể phân hủy kỵ khí, bộ trao đổi nhiệt, máy ly tâm và máy ủ phân.

- **Các tác động chính về môi trường và xã hội**

Các tác động điển hình về môi trường và xã hội thì liên quan đến việc xây dựng và vận hành các cơ sở MBT. Các tác động chính bao gồm tiếng ồn, mùi và ô nhiễm không khí.

**Bảng 30. Các tác động môi trường và xã hội chính và các biện pháp giảm thiểu chung về xử lý cơ học-sinh học**

Mục	Tác động	Biện pháp giảm thiểu
Chất lượng không khí & mùi	<p><b>[Xây dựng &amp; hoạt động]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thải vào không khí khí thải của ống khói trực tiếp, phát thải rò rỉ liên quan đến quá trình sinh học &amp; khí thải do đốt khí sinh học (bao gồm sol khí sinh học, bụi mịn/bụi, amoniac, amin, hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC), sunfua, mùi...)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiết kế hệ thống bình kín có thiết bị thu gom khí xả phù hợp.</li> <li>• Thường xuyên giám sát việc phát thải</li> </ul>
Nước & đất	<p><b>[Hoạt động]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dung dịch lọc và nước chảy từ việc lưu trữ chất thải, chứa chất hữu cơ như nhu cầu oxy sinh hóa (BOD), phenol, nitrat, photpho, kim loại hòa tan và các chất ô nhiễm khác)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khu vực xử lý hoặc lưu trữ vật liệu của cơ sở phải có hệ thống rào chắn dung dịch lọc, hình thành rào cản an toàn giữa nước ngầm, đất và lớp dưới và các chất hữu cơ được lưu trữ hoặc ủ phân, cũng như các hệ thống thu gom và xử lý dung dịch lọc</li> <li>• Đối với quá trình phân hủy kỵ khí, tối đa hóa việc tái chế nước thải về đối với lò phản ứng</li> <li>• Đo tổng lượng carbon hữu cơ (TOC), nhu cầu oxy hóa học (COD), nitơ (N), photpho (P) và clo (Cl) ở đầu vào và đầu ra từ bể phân hủy kỵ khí.</li> <li>• Vận hành bể phân hủy kỵ khí trong điều kiện phân hủy ưa nhiệt, để tăng khả năng diệt mầm bệnh, tốc độ sản xuất khí sinh học (do đó thu hồi năng lượng cao hơn) và thời gian lưu</li> </ul>



Tác động trực quan	<p><b>[Hoạt động]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tác động trực quan của việc ủ phân không tập trung, tác động xấu nếu không định vị hợp lý</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xem xét các tác động trực quan lên cộng đồng dân cư và các hoạt động kinh tế của họ, khi xác định vị trí của các cơ sở.</li> <li>Đặc điểm thảm thực vật và cảnh quan</li> </ul>
Rủi ro về hóa học	<p><b>[Hoạt động]</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khí sinh học kết hợp với không khí có thể hình thành hỗn hợp khí dễ nổ, đặc biệt là ở những khu vực gần bề phân hủy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thu gom khí sinh học để sử dụng hoặc xử lý (VD: thu hồi hoặc đốt năng lượng);</li> <li>Cung cấp hệ thống báo cháy, bao gồm cảm biến nhiệt độ trong chất thải đang xử lý;</li> </ul>

• **Xác định các hoạt động rủi ro cao (“Loại A”) để đánh giá khả năng đủ điều kiện**

Indonesia coi năng lượng sinh học – sinh khối tái tạo trên 10 MW là loại hoạt động “rủi ro cao”. Tại Lào, năng lượng sinh học – sinh khối tái tạo trên 10 MW được xếp vào loại hoạt động “rủi ro cao”.

**Bảng 31. Phân loại rủi ro về năng lượng sinh học – sinh khối tái tạo theo hệ thống bảo vệ quốc gia ở năm nước sở tại**

Quốc gia	Công nghệ ưu tiên ứng phó khí hậu - Hoạt động/Dự án	Phân loại rủi ro theo hệ thống bảo vệ quốc gia		
		Cao	Trung bình	Thấp
<b>Indonesia</b>	Điện thi công nhà máy điện từ các loại khác (các loại khác: năng lượng mặt trời PLT, gió, than bùn/sinh khối PLT, PLT bayu)	> 10 MW	-	-
<b>Lào</b>	Công nghệ khí sinh học và nhiên liệu sinh học - Dự án nhà máy điện than, dầu hoặc sinh khối	>10 MW -	≤10 MW -	-

**Cách tiếp cận chung ở năm quốc gia:**

Sẽ sàng lọc từng tác động môi trường và xã hội đã xác định theo mức độ đáng kể của chúng và CTF sẽ xác định các loại rủi ro E&S tổng thể. Theo đó, các đề xuất với các phân loại rủi ro “B” (trung bình) hoặc “C” (thấp) được sàng lọc cuối cùng, sẽ đủ điều kiện cho đầu tư CTF. CTF sẽ kiểm tra nghiêm ngặt các hoạt động “rủi ro cao” thuộc hệ thống sàng lọc rủi ro quốc gia, để đảm bảo tuân thủ các tiêu chí quản lý và sàng lọc rủi ro E&S của CTF.

**Phân tích toàn diện tất cả các tác động về môi trường và xã hội quan trọng bao gồm các tác động tích lũy, gián tiếp và áp đặt:**

Ngoài loại hình và quy mô của các hoạt động nêu trên, cần xem xét toàn diện các tác động môi trường và xã hội khác nhau (như giá thị trường sinh khối, tác động tiêu cực đến môi quan hệ giữa công nhân sản xuất sinh khối và chủ nhà máy điện sinh khối, giá thị trường sinh khối...), sự hiện diện của cộng đồng bản địa và di sản văn hóa...). Theo thông lệ tiêu chuẩn, tất cả các bên đăng ký dự án nhỏ phải đăng ký xin thủ tục EIA quốc gia tại từng nước mà các hoạt động sẽ diễn ra. Phải nộp cho chương trình một bản đánh giá tác động môi trường và xã hội (đơn giản) và theo kế hoạch quản lý (phù hợp với hệ thống phân cấp giảm thiểu của tiêu chuẩn quốc tế) cho các dự án rủi ro trung bình (Loại B), theo yêu cầu của chương trình ở giai đoạn sớm nhất có thể, ở dạng dự thảo hoặc ở bản cuối cùng để xem xét và kiểm tra việc tuân thủ với các yêu cầu bảo vệ E&S của chương trình. Nếu thấy cần thiết, bên đăng ký phải bổ sung các kế hoạch quản lý và đánh giá tác động theo tư vấn của chương trình.

**Đánh giá của CTF & xác minh của KDB và GCF:**

Ban Thư ký của CTF (ESGCT) sẽ đánh giá từng doanh nghiệp/hoạt động được đề xuất theo từng trường hợp dựa trên bản chất của nó. Nếu những rủi ro và tác động dự kiến có tính chất phức tạp, thì CTF sẽ triệu tập Ban Cố vấn chuyên gia (EAC) để cùng xác định loại rủi ro của các hoạt động được đề xuất thông qua quy trình tham vấn của các chuyên gia. ESMS của KDB sẽ xác minh quyết định của CTF.

>>>>>>>

Theo thông lệ tiêu chuẩn, tất cả các bên đăng ký dự án nhỏ phải đăng ký xin thủ tục E(S)IA và ESMP quốc gia tại từng nước mà các hoạt động sẽ diễn ra. Ngay cả khi hệ thống bảo vệ xã hội quốc gia xác định loại rủi ro về môi trường của dự án/hoạt động được đề xuất là cao (“A”), thì bên đăng ký vẫn có thể xin đăng ký CTF, lần lượt là quy trình sàng lọc rủi ro nghiêm ngặt trước chính sách và tiêu chuẩn sàng lọc rủi ro về môi trường và xã hội của nó. Phải nộp cho chương trình một bản đánh giá tác động môi trường và xã hội (đơn giản) và theo kế hoạch

quản lý (phù hợp với hệ thống phân cấp giảm thiểu của tiêu chuẩn quốc tế) cho các dự án rủi ro trung bình và thấp, theo yêu cầu của chương trình ở giai đoạn sớm nhất có thể, ở dạng dự thảo hoặc ở bản cuối cùng để xem xét và kiểm tra việc tuân thủ với các yêu cầu bảo vệ E&S của chương trình. Nếu thấy cần thiết, bên đăng ký phải bổ sung các kế hoạch quản lý và đánh giá tác động theo tư vấn của chương trình.

Để chuẩn bị đề xuất với CTF, bên đăng ký JV cũng cần tham khảo:

- ESMS (F/P Phụ lục 6): Phụ lục A. Danh sách Loại trừ của IFC
- ESMS (F/P Phụ lục 6): Phụ lục B. Danh sách minh họa các hành động đầu tư Loại A
- ESMS (F/P Phụ lục 6): Phụ lục C. Phân loại rủi ro E&S theo hệ thống bảo vệ quốc gia (CSS)
- ESMS (F/P Phụ lục 6): Phụ lục O. Khung kế hoạch về người bản địa (IPPF)
- F/P Phụ lục 8: Đánh giá về giới và Kế hoạch hành động về Giới (GA/GAP)

Để sàng lọc trước khi đăng ký, trong chương trình tăng tốc (Phần 2), bên đăng ký JV cần điền và nộp cho Đội Hỗ trợ bảo vệ E&S của CTF:

- ESMS (F/P Phụ lục 6): Phụ lục D. Danh sách kiểm tra E&S ban đầu cho người đăng ký quỹ
- ESMS (F/P Phụ lục 6): Phụ lục E. Danh sách kiểm tra nhanh về khả năng áp dụng IFC PS đối với người bản địa (IP)
- GA/GAP (F/P Phụ lục 8): Phụ lục 2: Mẫu Tạo hồ sơ giới (GPF) và/hoặc Phụ lục 3: Phân tích đơn giản hóa về giới và Kế hoạch hành động về giới (mẫu chung)

Bên đăng ký cũng có thể phải trình các tài liệu bổ sung liên quan đến đánh giá của CTF về năng lực quản lý E&S, đây là một phần của quy trình đánh giá của ủy ban trước khi đầu tư của CTF. Dựa trên dữ liệu đã nộp và các quy trình xác minh khác (VD: truy vấn bằng văn bản, phỏng vấn trực tiếp, hoặc đi thực địa, nếu thấy cần), Đội Tuân thủ về E&S và giới của CTF (ESGCT) sẽ tiến hành chọn lọc và phân loại rủi ro E&S của CTF, bằng cách tạo ra Biểu Sàng lọc E&S và giới của CTF (Phụ lục F của ESMS. Biểu Sàng lọc E&S và giới dành cho Người quản lý E&S CTF (ESM)/ESGCT).

Đối với các hoạt động đề xuất được coi là loại rủi ro trung bình (Loại B), CTF có thể tiến hành đánh giá năng lực của JV hoặc doanh nghiệp toàn cầu (với tư cách là một phần của JV) về quản lý môi trường và xã hội trong các hoạt động được đề xuất.

- ESMS (F/P Phụ lục 6)/ Phụ lục G là mẫu trình bày mà CTF có thể xem xét sử dụng để đánh giá năng lực quản lý E&S của bên đăng ký JV (và/hoặc doanh nghiệp toàn cầu của nó).

ESGCT sẽ tiến hành đánh giá các tài liệu E&S đã nộp, và kiểm tra xem có phân loại rủi ro E&S theo IFC PS và Tiêu chuẩn thực hành quốc tế tốt trong ngành (GIIP) và ESMS của KDB không.

Trong quá trình đánh giá, ESGCT có thể liên hệ với bên đăng ký để cung cấp tài liệu bổ sung nhằm tăng cường tuân thủ E&S của đề xuất, và/hoặc tư vấn cho các ứng viên JV xem xét lại thiết kế/phần của doanh nghiệp/dự án được đề xuất, để đảm bảo đáp ứng mức độ phân loại rủi ro theo yêu cầu (B hoặc C).

Trong trường hợp việc phân loại là B và/hoặc không rõ ràng và có sự bất đồng, thì ESGCT có thể yêu cầu Đối tác quản lý triệu tập EAC để xem xét, đánh giá và đề xuất thêm. Nếu vẫn chưa quyết định được trường hợp này sau thảo luận với EAC, (VD: do tính chất non trẻ của công nghệ khí hậu, còn thiếu cơ sở dữ liệu đã tích lũy để xác định mức độ rủi ro, hoặc do rủi ro của quốc gia cụ thể và tính bất định cao xung quanh chính trị hoặc sự không ổn định của thị trường và các vấn đề bản địa...), cuối cùng sẽ đưa ra một kết quả mang tính thận trọng hơn: Trong những trường hợp này, nếu bất kỳ chuyên gia nào trong EAC coi các hoạt động này là rủi ro cao, thì sẽ đánh giá các hoạt động đó là không đủ điều kiện cho CTF.

Nếu đề xuất thông qua kiểm tra tính hoàn thiện và chính sách E&S của chương trình (như quy định trong ESMS này), ESGCT sẽ soạn thảo Biểu Sàng lọc E&S CTF (Phụ lục F) cùng ESRS (sơ bộ) (Phụ lục G). ESRS tóm tắt những rủi ro và tác động chính của đề xuất và các biện pháp giảm thiểu rủi ro và tác động trong các khía cạnh về sức khỏe và an toàn; môi trường, và xã hội (bao gồm cả giới). Nó xác định rủi ro E&S là B hoặc C và đánh giá

xem ESMP được đề xuất và các hành động liên quan khác (như kế hoạch tái định cư, kế hoạch về di sản văn hóa và kế hoạch hành động về giới...) có tuân thủ chính sách E&S của Quỹ (bao gồm IFC PS, Hướng dẫn EHS, Hệ thống bảo vệ của năm quốc gia mục tiêu và các chính sách khác) không. Sau đó sẽ gửi những tài liệu này cùng gói đăng ký của ứng viên JV cho PIC để xem xét.

CTF áp dụng chính sách không khoan nhượng với SEAH như là nguyên tắc chính. Vì vậy, ESMS này đã phổ biến đánh giá SEAH ở tất cả các bước và thủ tục liên quan. Ở giai đoạn sàng lọc rủi ro, bên đăng ký CTF phải chuẩn bị ‘Danh sách kiểm tra E&S ban đầu cho người đăng ký quỹ’ (Phụ lục D), trong đó truy vấn rủi ro có thể liên quan đến SEAH của các hoạt động đầu tư (VD: sự tham gia của trẻ em, thanh thiếu niên và các cá nhân dễ bị tổn thương bao gồm phụ nữ, dân tộc thiểu số, v.v.) với tư cách là nhân viên, người thụ hưởng hoặc đối tác chuyên gia trong chuỗi cung ứng...). Điều này sẽ được đánh giá tích cực khi Người quản lý E&S của ESGCT của CTF chuẩn bị Biểu Sàng lọc E&S của quỹ (Phụ lục F. ‘Biểu Sàng lọc E&S cho người quản lý E&S CTF (ESM)’).

### **Tiêu chí đầu tư CTF**

Sau cùng, Quỹ có kế hoạch thực hiện hai cấp độ sàng lọc liên quan đến E&S – (a) ở cấp tiền JV, các doanh nghiệp công nghệ khí hậu toàn cầu được coi là phù hợp với việc chuyển giao công nghệ/thành lập JV thì sẽ được đánh giá về trình độ năng lực<sup>36</sup> và hệ thống quản lý E&S tổng thể của họ (ở Phần 2) (Xem Phụ lục G); và (b) ở cấp JV, các đối mới khí hậu tạo ra cùng lúc thì được đánh giá về tác động tiềm ẩn của chúng cũng như việc hình thành ESMS (trong Phần 3 trong quá trình sàng lọc và đánh giá việc đăng ký CTF). Các ứng viên JV cũng cần cam kết tuân thủ tất cả các yêu cầu liên quan đến quản lý E&S của các hoạt động đã được CTF phê duyệt trong quá trình triển khai và vận hành. Điều này sẽ được nêu rõ trong Hiệp ước E&S và thỏa thuận tài chính của họ với CTF. Xem bên dưới để biết các tiêu chí liên quan đến rủi ro E&S trong số các Tiêu chí đầu tư CTF. Chương trình sẽ giám sát, sàng lọc và tránh tài trợ cho bất kỳ dự án nào có thể gây ra tác động tiêu cực đáng kể đến cộng đồng và người bản địa. Chi tiết có trong trong Bảng 12 bên dưới.

---

<sup>36</sup> Chương trình không đánh giá năng lực quản lý E&S cho các ứng viên là doanh nghiệp địa phương. Đánh giá sơ bộ của các đơn vị đối tác toàn cầu, cũng như hệ thống quản lý E&S (ESMS) cho các hoạt động được tài trợ sẽ được đánh giá và nếu xác định có lỗ hổng, thì chương trình sẽ đề xuất thực hiện các hoạt động sửa đổi thông qua hỗ trợ xây dựng năng lực E&S của Phần 2, hoặc không.

**Bảng 32. Tiêu chí đầu tư của CTF về rủi ro E&S**

Tiêu chí		Mô tả
6	Bảo vệ E&S (ESS)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sàng lọc tiêu cực                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nghiệp nằm trong Danh sách Loại trừ của IFC thì KHÔNG đủ điều kiện để đầu tư (Xem Phụ lục A. Danh sách Loại trừ của IFC)</li> <li>- Doanh nghiệp có những tác động đáng kể đến người bản địa thì KHÔNG đủ điều kiện để đầu tư, khi thuộc một trong các loại sau<sup>37</sup>:                                     <ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Việc kinh doanh/doanh nghiệp có tác động tiêu cực đến đất đai và nguồn tài nguyên thiên nhiên thuộc quyền sở hữu truyền thống hoặc chiếm giữ hoặc sử dụng theo tập quán.</li> <li>(2) Việc kinh doanh/doanh nghiệp dẫn đến tình trạng di dời của người bản địa khỏi vùng đất hoặc nguồn tài nguyên thiên nhiên thuộc quyền sở hữu truyền thống hoặc chiếm giữ hoặc sử dụng theo tập quán, hoặc;</li> <li>(3) Việc kinh doanh/doanh nghiệp có thể tác động đến di sản văn hóa<sup>38</sup>.</li> </ol>                                     (*Xem Phụ lục E. Danh sách kiểm tra nhanh cho người đăng ký quỹ về khả năng áp dụng IFC PS 7 đối với người bản địa)                                 </li> </ul> </li> <li>• Phân loại rủi ro E&amp;S                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nghiệp rủi ro cao (Loại A) KHÔNG đủ điều kiện để đầu tư</li> <li>- Doanh nghiệp được đề xuất phải được phân loại là B hoặc C.</li> </ul> </li> <li>• Cam kết sau đầu tư                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tất cả các JV (đối tác) được hỗ trợ phải tuân thủ các nghĩa vụ và trách nhiệm bắt buộc về việc tuân thủ E&amp;S: VD: triển khai kế hoạch giảm thiểu rủi ro E&amp;S, báo cáo định kỳ.</li> </ul> </li> </ul>

### 3.3.2 Thẩm định đầu tư (DD)

Dựa trên kết quả sàng lọc rủi ro E&S, ESGCT của CTF sẽ tiến hành thẩm định E&S. Đối với tất cả các dự án Loại B, ESGCT cũng sẽ đánh giá năng lực E&S (và giới) của đơn vị đăng ký. (Nếu bên đăng ký là đơn vị mới thành lập (doanh nghiệp JV hoặc SPC...), thì Quỹ sẽ kiểm tra đơn vị đứng đầu của hiệp hội hoặc các JV). Đối với các dự án Loại C, sẽ đánh giá năng lực dựa trên giá trị của từng dự án, dựa trên quy định của ESGCT đối với từng trường hợp ESGCT.

Phụ lục G (‘Mẫu Đánh giá năng lực quản lý E&S và giới’) dưới đây đưa ra một số câu hỏi chính cần trả lời khi đánh giá E&S (& năng lực quản lý giới) của đơn vị đăng ký về mặt quản lý rủi ro an toàn và sức khỏe;

<sup>37</sup> CTF sẽ không đầu tư vào bất kỳ hoạt động và doanh nghiệp được đề xuất nào mà có thể yêu cầu sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC) mà GCF IPP xác định, đặc biệt là trong Phần 7.2.

<sup>38</sup> “Di sản văn hóa bao gồm nhưng không giới hạn các khu vực tự nhiên có giá trị văn hóa và/hoặc tinh thần, như những khu rừng thiên nhiên, vùng nước hoặc dòng sông thiêng, núi thiêng, cây thiêng, đá thiêng, khu vực và địa điểm chôn cất, cũng như những biểu hiện văn hóa phi vật thể, như truyền thống, ngôn ngữ, bản sắc, nghi lễ, hoặc những khía cạnh tinh thần trong đời sống của người bản địa bị ảnh hưởng.” (GCF IPP, Đoạn 63)

quản lý rủi ro về môi trường, và; quản lý rủi ro về xã hội (bao gồm cả giới và SEAH). Tùy vào đặc điểm của dự án/hoạt động được đề xuất, có thể áp dụng mức độ và cường độ khác nhau trong ứng (tức là khi dự án có rủi ro về an toàn và sức khỏe mức cao nhưng rủi ro xã hội mức thấp, thì đánh giá sẽ tập trung nhiều hơn vào Phần 1 thay vì Phần 3 của biểu, tùy theo quyết định của người đánh giá.)

Theo đó, khi xác định các hoạt động/dự án được đề xuất là có rủi ro cao phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp các vụ việc SEAH trong quá trình thực hiện, thì bước thẩm định E&S tiếp theo của Quỹ là tiến hành điều tra sâu hơn về hồ sơ theo dõi trong quá khứ, năng lực và hệ thống quản lý liên quan đến SEAH hiện tại của bên đăng ký. Đánh giá có thể bao gồm phỏng vấn với nhân viên E&S, ESH và/hoặc bảo vệ và kiểm tra thực địa (nhà máy và văn phòng...) đối với Bên đăng ký

Thẩm định là một quy trình chọn ứng viên phù hợp để nhận tài trợ CTF. Đồng thời, trong bối cảnh của chương trình mà các đơn vị ở các nước đang phát triển được khuyến khích đổi mới và phổ biến công nghệ khí hậu, CTF sẽ hỗ trợ các đơn vị còn thiếu hụt về năng lực và hệ thống bằng các dịch vụ tư vấn xây dựng hệ thống/năng lực phù hợp (theo yêu cầu), thay vì dùng chúng làm cơ sở để loại bỏ các đơn vị đăng ký quỹ. Kết quả đánh giá năng lực E&S và giới của đơn vị ứng viên sẽ được dùng để xác định những thiếu sót đó, nhằm xác định các biện pháp cải thiện chúng để có thể giảm thiểu những rủi ro đó hiệu quả trong quá trình thực hiện (các) dự án được tài trợ. Tuy nhiên, tùy vào mức độ nghiêm trọng của hồ sơ (hình sự hoặc dân sự) trong quá khứ liên quan đến khiếu nại SEAH, nếu có, đơn vị đăng ký có thể bị từ chối, không đủ điều kiện với CTF.

Dựa trên việc đánh giá toàn diện tất cả dữ liệu đã thu thập đến nay, ESGCT sẽ chuẩn bị Tóm tắt đánh giá về môi trường và xã hội CTF (ESRS, Xem Phụ lục H). Nếu cần (khi trường hợp liên quan đến bất kỳ vấn đề tồn đọng nào cần quan tâm thêm và quyết định ở cấp cao hơn), ESRS do ESGCT chuẩn bị sẽ được ESC đánh giá trước khi trình PIC phê duyệt và thông qua.

CTF ESRS (xem PHỤ LỤC H) bao gồm các khuyến nghị của ESGCT và EAC (nếu áp dụng). Nếu ESGCT và EAC (nếu áp dụng) quyết định rằng ứng viên JV chỉ sẵn sàng một phần, thì sẽ lưu ý và khuyến nghị trên rằng PIC nên yêu cầu ứng viên JV tự hoàn thiện các thiếu sót đã xác định, hoặc nhận sự gói tăng tốc (dịch vụ tư vấn) trong Phần 2.

Sau khi đánh giá gói đề xuất và ESRS, PIC có thể quyết định thông qua đề xuất và ESRS để IC xem xét cùng với biên bản cuộc họp PIC (xem PHỤ LỤC I) hoặc yêu cầu các ứng viên JV được đề xuất hoàn thành các thiếu sót đã xác định và quay lại, nếu có. Quỹ có thể tư vấn cho ứng viên JV để tận dụng gói hỗ trợ tư vấn (Phần 2) để giải quyết những lỗ hổng/thiếu sót đã xác định.

### 3.3.3 Hiệp định đầu tư (IA)

Nếu PIC quyết định rằng ứng viên JV đã sẵn sàng để IC xem xét, thì Đối tác quản lý, ESGCT và đội pháp chế của CTF sẽ cùng tiến hành vòng đánh giá cuối cùng về việc tuân thủ ESMS Quỹ của đề xuất và chuẩn bị IA dự thảo bao gồm các hiệp ước E&S.

Các hiệp ước E&S sẽ bao gồm các yêu cầu ràng buộc pháp lý liên quan đến ESS, các quy định, kế hoạch Quản lý (nếu có) phù hợp với danh mục rủi ro và giá trị của từng hoạt động do các ứng viên JV đề xuất. Nếu đề xuất của ứng viên được thiết lập tốt về kế hoạch quản lý E&S (bao gồm ESIA và ESMP của JV, được chuẩn bị tương ứng theo Phụ lục J và Phụ lục K) và mức độ rủi ro, thì sẽ chuẩn bị một hiệp ước E&S chung. Nếu PIC xác định rằng cần có biện pháp hoàn thiện các thiếu sót lớn để củng cố ESMP của ứng viên JV, thì PIC có thể bổ sung các điều kiện đặc biệt như một phần của hiệp ước E&S. Trong trường hợp sau, ESGCT sẽ soạn thảo ESAP của ứng viên JV như một phần của hiệp ước E&S với sự tham vấn của Đối tác quản lý và đội pháp chế. Khi cần thiết, nếu vi phạm các điều kiện của hiệp ước (và ESMP), thì hiệp ước E&S cũng có thể yêu cầu ứng viên JV tuân theo bất kỳ hành động sửa chữa/khắc phục nào mà Quỹ yêu cầu trong quá trình hoạt động.

Dựa trên lĩnh vực và tính chất của hoạt động kinh doanh, có thể yêu cầu các quy trình và kế hoạch hoạt động cụ thể như dưới đây trong quá trình ký kết hiệp ước (bao gồm ESCP đối với các trường hợp còn tồn đọng nêu trên) hoặc muộn hơn (ít nhất là trước khi bắt đầu thực hiện dự án), nếu áp dụng. Các kế hoạch được liệt kê dưới đây là một phần của ESMP, theo yêu cầu nộp tài liệu (“tài liệu E&S” để đăng ký CTF) cho Ban Thư ký GCF trong giai đoạn chuẩn bị đề xuất tài trợ (trong Phần 2 trở đi), như đã yêu cầu thông qua các yêu cầu

E(S)IA của nước sở tại và/hoặc Ban Thư ký GCF, bản cuối cùng của (các) kế hoạch (thông qua quy trình xem xét và phê duyệt của Ủy ban Đầu tư) sẽ được đưa vào làm một phần của hiệp ước E&S.

- Chính sách và quy trình về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;
- Kế hoạch và quy trình chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp;
- Kế hoạch an toàn và phòng cháy;
- Chính sách và quy trình quản lý chất thải;
- Chính sách và quy trình quản lý vật liệu nguy hiểm;
- Chính sách và quy trình quản lý hóa chất;
- Chính sách và quy trình quản lý nước;
- Hệ thống quản lý sâu bệnh tích hợp;
- Chính sách nguồn nhân sự;
- Cơ chế Khiếu nại;
- Kế hoạch Hành động về đa dạng sinh học;
- Kế hoạch Hành động về tái định cư (RAP);
- Kế hoạch Tham gia của các bên liên quan; và
- Khung quy trình về Hạn chế tiếp cận tài nguyên thiên nhiên...

Bất kỳ hoạt động/dự án đã được đầu tư nào có khả năng gây ra bất kỳ sự cố SEAH nào thì sẽ không được khoan dung, trừ khi chuẩn bị các biện pháp phòng ngừa mạnh mẽ và hiệu quả như một phần của ESMP hoặc Kế hoạch hành động về giới. Để sàng lọc điều này, CTF yêu cầu tất cả các bên đăng ký JV có Danh sách kiểm tra E&S ban đầu cho người đăng ký quỹ (Phụ lục D của ESMS này), trong đó bao gồm các rủi ro tiềm ẩn về việc xảy ra SEAH. Dựa trên điều này, ESGCT hoặc người quản lý E&S của CTF sẽ chuẩn bị Biểu Sàng lọc E&S và giới (Phụ lục F của ESMS này) để đánh giá xem các hoạt động được đề xuất có thể tạo ra rủi ro cao về SEAH không. Lý do là, chính sách về nguồn nhân lực và cơ chế khiếu nại của đơn vị thực hiện dự án/hoạt động nên phổ biến rõ ràng Phân về SEAH (VD: bảng cách chỉ định nhân viên bảo vệ E&S và giới có liên quan (bao gồm cả chuyên môn về SEAH)).

Trong những trường hợp này, sẽ yêu cầu đơn vị đăng ký nộp Quy tắc ứng xử tích hợp về giới và SEAH cho người quản lý và nhân viên cùng kế hoạch cam kết về SEAH (bao gồm các hoạt động nâng cao nhận thức và đào tạo thường xuyên và đặc biệt, nhắm đến những người tiếp xúc trực tiếp với trẻ em, thanh thiếu niên và các cá nhân dễ bị tổn thương như là người hưởng lợi, nhân viên hoặc đối tác chuyển giao trong chuỗi cung ứng; và hứa hẹn sẽ phản ánh về phần SEAH trong hồ sơ dự thầu và TOR cho các cố vấn, trong việc lựa chọn nhà cung ứng, nhà thầu và/hoặc bất kỳ đối tác chuyển giao và thực hiện nào khác của dự án đề xuất. Ngoài ra, nếu bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến SEAH được đưa ra, thì ban quản lý cấp cao sẽ cần tham gia trực tiếp do tính nhạy cảm của vấn đề. Tùy vào mức độ của rủi ro tiềm ẩn, ESGCT sẽ đề xuất và hướng dẫn các biện pháp và kế hoạch liên quan.

ESAP sẽ ràng buộc pháp lý và được đưa vào như một phần, và có thể được liên kết như một điều kiện giải ngân. Các ứng cử viên JV sẽ cung cấp cho Quỹ báo cáo thường xuyên về tiến độ và tuân thủ ESAP của họ. Nếu ứng viên JV đồng ý với IA dự thảo sau quy trình DD, thì IC sẽ đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng và sẽ thương lượng và ký kết IA cuối cùng với JV.

### 3.3.4 Kiểm tra, giám sát và báo cáo

Sau khi CTF và JV ký kết IA, sẽ kích hoạt tiêu chuẩn ESDD *hậu kiến* (phê duyệt sau đầu tư) tiêu chuẩn. Tùy vào mức độ rủi ro, JV (và các đối tác thực hiện JV liên kết) sẽ quy định các yêu cầu giám sát và báo cáo. Theo ESMS của KDB, các JV/dự án Loại B sẽ được yêu cầu chỉ định một bên tư vấn E&S độc lập hoặc thuê



các chuyên gia bên ngoài có trình độ và kinh nghiệm để xác minh thông tin giám sát trước khi báo cáo cho CTF.

Có bốn cách khác mà CTF có thể theo dõi và giám sát hoạt động kinh doanh của các JV được đầu tư:

- Tham gia Hội đồng của các JV để giám sát hoạt động kinh doanh của họ và kiểm tra việc tuân thủ IA của họ;
- Nhận báo cáo tiến độ E&S định kỳ;
- Liên lạc với RSMU và NSMU để hỗ trợ tư vấn cho các JV; và
- Trực tiếp đi thăm thực tế định kỳ để kiểm tra (do thành viên của ESGCT hoặc thuê bên tư vấn thứ ba) nếu cần. (xem các trường hợp được giải thích trong đoạn dưới).

Các JV được tài trợ và có hoạt động kinh doanh Loại B thì sẽ phải nộp báo cáo giám sát hàng năm (AMR) nêu chi tiết tiến độ của mình dựa vào bất kỳ ESMP và ESAP nào, và việc tuân thủ các điều kiện hợp đồng, bao gồm nội dung sau:

- Báo cáo hoàn thiện sau xây dựng trình bày về việc tuân thủ các quy định địa phương và nhận được sự cấp phép hoạt động/giấy phép hoạt động; và
- Bất kỳ dữ liệu giám sát môi trường nào theo yêu cầu (VD: chất lượng không khí/nước, nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn).

ESGCT của Quỹ sẽ xem xét báo cáo tự giám sát do các JV được tài trợ gửi. CTF sẽ yêu cầu các JV báo cáo kịp thời bất kỳ sự cố hoặc tai nạn nào về môi trường, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, sức khỏe và an toàn cộng đồng, hoặc các tai nạn hoặc sự cố sự kiện xã hội xảy ra tại chỗ có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể, thu hút sự chú ý bất lợi từ bên ngoài hoặc, làm phát sinh nợ tiềm ẩn đáng kể.

Nếu có cảnh báo về vi phạm tiềm ẩn của ESMP đã thỏa thuận giữa các JV được tài trợ và bất kỳ đối tác thực hiện JV liên kết nào khác, hoặc, nếu phát sinh các tác động E&S đáng kể ngoài dự kiến trong quá trình thực hiện các hoạt động do CTF tài trợ, thì ESGCT sẽ thông báo điều này cho các đối tác quản lý của CTF.

Nếu Đối tác quản lý và ESGCT của CTF quyết định rằng vấn đề là quan trọng, thì họ có thể quyết định triệu tập ESRMSC để chính thức giải quyết vấn đề hoặc khiếu nại mà các cộng đồng bị ảnh hưởng đã đăng ký. Ủy ban sẽ bao gồm ESGCT và các đối tác quản lý của CTF, KDB, chuyên gia bên ngoài (nếu cần), nhóm địa phương bị ảnh hưởng và các bên liên quan khác. Ủy ban sẽ xem xét vụ việc và dựa thảo các hành động cần thiết. Sau cuộc họp ESRMSC, Đối tác quản lý sẽ triệu tập RMC để chính thức quyết định các hành động khắc phục và chuẩn bị các hành động phòng ngừa.

Đối tác quản lý sẽ quyết định các hành động cần thực hiện để giải quyết các trường hợp được nêu ra, với tư cách là người giám sát chung về việc tuân thủ E&S tổng thể của các hoạt động/JV được tài trợ. Các biện pháp bao gồm đình chỉ và hủy bỏ IA, trong những trường hợp nghiêm trọng nhất; đề xuất hành động sửa đổi/khắc phục với khung thời gian cụ thể và nghĩa vụ giám sát và báo cáo kết quả JV. CTF có thể tự tiến hành kiểm tra thực địa hoặc thông qua các thỏa thuận kiểm toán bảo vệ E&S bên ngoài.

CTF có thể cân nhắc cách tiếp cận quản lý E&S thích hợp bằng cách xem xét lại các điều khoản IA hiện tại, như thang cấp hoặc hạ cấp rủi ro E&S dựa trên thông tin tích lũy liên quan đến các báo cáo M&E E&S và cùng cố (nếu thăng từ Loại C lên Loại B), hoặc giảm nhẹ (nếu hạ từ Loại B xuống C) ESMP. Khi JV được khuyến nghị tăng cường ESMS hiện tại, thì chương trình có thể cung cấp, theo yêu cầu, hỗ trợ tư vấn xây dựng năng lực E&S. Nếu các hoạt động được đầu tư có nhiều khả năng gây ra các tác động và rủi ro E&S đáng kể ở cấp độ Loại A, thì CTF có thể xem xét lại khoản đầu tư vào các hoạt động được tài trợ/JV có liên quan.

Đối tác quản lý sẽ ghi nhận thích đáng các vấn đề, quy trình và hành động chung đã thực hiện và báo cáo kịp thời cho KDB. KDB, với tư cách là AE của chương trình, sẽ đánh giá các báo cáo do Đối tác quản lý gửi và kiểm tra xem các quy trình và quyết định chung có tuân thủ theo yêu cầu bảo vệ GCF và ESMS không.

Báo cáo phải có thông tin về bản chất, tác động và ảnh hưởng của sự cố, các hành động đã thực hiện và kế hoạch khắc phục để ngăn chặn các sự cố trong tương lai. Các JV sẽ thông báo cho Quý về tiến độ của bất kỳ hành động khắc phục nào.

Nếu phát hiện bất kỳ hành vi không tuân thủ nào, đầu mối bảo vệ E&S của KDB sẽ liên hệ với Đối tác quản lý để khắc phục tình hình kịp thời. KDB sẽ cung cấp tài liệu thích đáng về quy trình chung và các hành động được đã hiện và báo cáo cho GCF thông qua kênh giám sát và báo cáo đã thống nhất.

CTF có thể tùy ý công bố thông tin về trường hợp khiếu nại E&S có liên quan, đến khi hoàn thành việc đánh giá và thanh tra nội bộ hoặc của bên thứ ba và đưa ra các quyết định cấp Quý. Nếu thông tin liên quan đến thương mại và các lợi ích khác và có khả năng vi phạm thỏa thuận bảo mật, thì cần công bố báo cáo E&S và thông tin chính cho công chúng và các bên liên quan chính (bao gồm cộng đồng và những người bị ảnh hưởng ở nước sở tại) bằng hình thức trực tuyến và ngoại tuyến. Việc công bố thông tin và báo cáo E&S của CTF sẽ tuân thủ Thỏa thuận Truyền bá và Công bố thông tin của KDB với GCF.

### **Báo cáo cho LP (bao gồm KDB)**

Việc tuân thủ E&S của các JV sẽ được báo cáo hàng năm cho các Thành viên góp vốn. Sẽ chuẩn bị Báo cáo hiệu suất hàng năm (APR) nêu rõ chi tiết về cách Quý đã triển khai ESMS trong cả năm, bất kỳ thay đổi, cải tiến và chi tiết nào về hiệu suất E&S của các công ty/dự án được đầu tư, theo yêu cầu báo cáo của GCF.

Tóm tắt Báo cáo E&S thường niên sẽ được đăng trên trang web của CTF.

### **3.4 Sự tham gia của các bên liên quan và công bố thông tin**

Chương trình cân nhắc các Điều 7, 9, 15 và 16 của Khung E&S KDB và các nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm giải trình, tính toàn diện, không phân biệt đối xử trong việc lập và thực hiện các kế hoạch có sự tham gia của các bên liên quan. Kế hoạch tham gia của các bên liên quan của chương trình bao gồm các phần sau:

- Khung tham gia của các bên liên quan (SEF)
- Chính sách công bố thông tin
- Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM)

#### **3.4.1 Khung tham gia của các bên liên quan (SEF)**

SEF này sẽ áp dụng cho tất cả các bên liên quan đối với các hoạt động của chương trình, bao gồm KDB (AE) và các đơn vị triển khai của từng Phần trong số bốn Phần, cũng như sự tham gia của các chương trình và hoạt động trong các chương trình tương ứng của từng Phần trong số bốn Phần.

KDB, đơn vị được GCF công nhận, sẽ đảm bảo SEF tổng thể được thiết kế và thực hiện dựa trên các nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm giải trình, tính toàn diện, không phân biệt đối xử và “không gây hại” phù hợp với hướng dẫn của GCF. Khi thực hiện SEF ở cấp Phần, cũng như ở các hoạt động được đầu tư (cấp chương trình/dự án JV) thuộc Phần 3, cần áp dụng nguyên tắc tham gia và tư vấn có ý nghĩa. (\*Xem hộp bên dưới.)

Hộp. **Yêu cầu “Tham gia và tư vấn có ý nghĩa”** là gì?

Theo yêu cầu của GCF và thực hành tốt của quốc tế, tất cả hoạt động của AE (KDB) và các đơn vị thực hiện của chương trình cần thiết kế các hoạt động tham gia và tư vấn với các bên liên quan một cách có ý nghĩa, tuân thủ các điều kiện sau:

- **Thiết kế các quy trình linh hoạt, thích ứng và hưởng ứng các yêu cầu hoạt động và điều kiện của quốc gia và địa phương;**
- **Ngân sách dự án bao gồm các nguồn lực cho hoạt động có sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm tiền lương hoặc phí cho nhân viên có trình độ và/hoặc cố vấn có chuyên môn phù hợp để thực hiện chúng;**
- **Việc tham gia bắt đầu đủ sớm để xác định các vấn đề chính và các quyết định liên quan đến tác động;**

- Trình bày thông tin dưới dạng (các) ngôn ngữ địa phương và định dạng dễ hiểu và phù hợp với văn hóa;
- Giao tiếp hai chiều, cho phép tất cả các bên có cơ hội lắng nghe, trao đổi quan điểm và giải quyết mối lo ngại của họ;
- Khi các thông lệ và quy tắc của cộng đồng không khuyến khích hoặc cho phép nữ giới tham gia tích cực vào các cuộc họp hoặc tụ họp, thì nỗ lực đảm bảo rằng tiếng nói, nhu cầu và mối quan tâm của họ sẽ được lắng nghe và đưa vào kế hoạch;
- Các quy trình thì mang tính toàn bộ; họ cần nhắc đến việc nữ giới, nam giới và thành viên của các nhóm dân tộc, kinh tế và xã hội khác nhau có thể có những nhu cầu và quan điểm khác nhau, cũng như những cách tiếp cận khác nhau đối với việc tham gia và ra quyết định;
- Các hoạt động tham gia thì không có tình trạng ép buộc hoặc thao túng;
- Ghi chép các cuộc họp đầy đủ để theo dõi thông tin được công bố, các nhóm và cá nhân đã tham gia, thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp, các vấn đề chính được nêu ra, các cam kết và thỏa thuận, và cách giải quyết mối lo ngại của các bên liên quan; và
- Có một quy trình rõ ràng và được các bên thống nhất để báo cáo kịp thời các hành động đã thực hiện, và việc làm sáng tỏ các bước sắp tới.

(Danh sách lấy từ: Ghi chú về hướng dẫn tính bền vững: Thiết kế và đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa của các bên liên quan đối với các hoạt động do GCF tài trợ (Tháng 5 năm 2022)<sup>39</sup>/Phần 3. (Trang 2~ 3))

Cơ chế triển khai SEP tổng thể của chương trình sẽ được lồng ghép trong việc bố trí triển khai ESMS của chương trình tổng thể: Với sự phức tạp về cấu trúc của chương trình, tức là bốn nhóm hoạt động tuần tự và đồng thời đã phân biệt với những người tham gia và đối tác liên kết tương ứng ở cấp toàn cầu và quốc gia, cấu trúc SEF yêu cầu cấu trúc kinh tế, tuyến tính:

#### 3.4.1.1. SEF cho Phần 1

Trong Phần 1, các đơn vị đồng thực hiện, GGGI và KDB sẽ chỉ định (các) đầu mối tham gia của các bên liên quan, họ sẽ phối hợp với các SMU quốc gia ở từng quốc gia trong số năm quốc gia với các đầu mối tham gia tương ứng của các bên liên quan ở cấp quốc gia. Ngoài các bên thực hiện, đề cập ở trên, các bên liên quan chính sẽ là bên đăng ký cấp quốc gia cho chương trình tăng tốc quốc gia từ năm quốc gia mục tiêu.

Các vấn đề chính liên quan đến việc thực hiện Phần 1 sẽ đảm bảo việc công bố thông tin về chương trình một cách công bằng, kịp thời và minh bạch, với tiêu chí lựa chọn và khả năng đủ điều kiện được nói rõ ràng với tất cả những người tham gia tiềm năng. Cần phản ánh tích cực tính toàn bộ và tiếp cận (tiếp cận các nhóm dễ bị tổn thương và thiếu thốn, những người bị bất lợi trong tiếp cận thông tin chương trình, bao gồm phụ nữ, dân tộc thiểu số, thanh thiếu niên và người khuyết tật, và người bản địa) và sự phù hợp văn hóa (VD: cung cấp kênh truyền thông và tờ rơi thông tin bằng ngôn ngữ địa phương...) trong kế hoạch SEF.

Trong quá trình thực hiện, (các) đầu mối GGGI/KDB phối hợp với đầu mối SMU khu vực và quốc gia sẽ thường xuyên thu thập các phản hồi và khiếu nại của các bên tham gia của quốc gia, báo cáo định kỳ cho AE(KDB). Sau đó, KDB sẽ báo cáo với GCF bằng kênh báo cáo định kỳ. Ý kiến và phản hồi từ các bên tham gia sẽ được xử lý nội bộ và phản ánh để sửa đổi và cải thiện Chương trình tăng tốc quốc gia, nếu phù hợp, dựa trên quy trình vận hành GRM tiêu chuẩn (Xem Phần 3.4.3 bên dưới.)

#### 3.4.1.2. SEF cho Phần 2

Trong Phần 2, NH Investment & Securities Capital Private Ltd. sẽ chỉ định đầu mối tham gia của mình. Các bên liên quan bao gồm các đơn vị thành viên của Hiệp hội Tư vấn tăng tốc cũng như bên đăng ký cấp toàn cầu cho Chương trình tăng tốc toàn cầu.

<sup>39</sup> \*sustainability-guidance-stakeholder-engagement-may2022.pdf (greenclimate.fund)

Như trong trường hợp của Phần 1, các vấn đề chính liên quan đến việc thực hiện Phần 2 sẽ là đảm bảo việc công bố thông tin về chương trình một cách công bằng, kịp thời và minh bạch với tiêu chí lựa chọn và khả năng đủ điều kiện được nói rõ ràng cho tất cả các bên tham gia tiềm năng.

Trong quá trình thực hiện tư vấn cố vấn và Chương trình tăng tốc toàn cầu, đầu mỗi bên liên quan của đơn vị thực hiện sẽ thường xuyên thu thập các phản hồi và khiếu nại của các bên tham gia chương trình, báo cáo định kỳ cho AE(KDB). Sau đó, KDB sẽ báo cáo các sự kiện quan trọng với GCF bằng kênh báo cáo định kỳ. Ý kiến và phản hồi thu được của các bên tham gia sẽ được xử lý nội bộ và phản ánh để sửa đổi và cải thiện chương trình, nếu phù hợp, dựa trên quy trình vận hành GRM tiêu chuẩn (Xem Phần 3.4.3 bên dưới.)

### 3.4.1.3. SEF cho Phần 3

Trong Phần 3, người quản lý E&S cấp Quỹ trong ESGCT sẽ chịu trách nhiệm về chức năng tham gia tổng thể của bên liên quan với sự hỗ trợ của chuyên gia văn hóa và giới (bên ngoài), nếu có liên quan. Ở cấp quỹ CTF, các bên liên quan chính bao gồm các bên đăng ký JV tài trợ và các đơn vị thực hiện JV của các hoạt động (dự án/chương trình) được tài trợ sau khi phê duyệt.

#### [Kế hoạch về sự tham gia của bên liên quan cấp JV]

Là một phần của gói ESIA/ESMP, nếu phù hợp (đặc biệt đối với dự án rủi ro Loại B có các lo ngại và rủi ro tại chỗ nổi bật cụ thể, tức là yêu cầu các JV lập và thực hiện Kế hoạch về sự tham gia của các bên liên quan (SEP) cho các hoạt động (chương trình/dự án)) được phê duyệt/tài trợ. Chương trình mở rộng sự tham gia của các bên liên quan cho các JV của mình và duy trì các kênh cho đội quản lý, nhân viên và những người sống trong cộng đồng sở tại của các hoạt động được tài trợ, với sự đại diện công bằng của phụ nữ, người bản địa thông qua đại diện của chính họ và các nhóm dễ bị tổn thương khác (như dân tộc thiểu số, người khuyết tật...). Quỹ duy trì một số kênh liên lạc với các LP của mình như đi thăm thực địa thường xuyên và tham gia các cuộc họp của nhà đầu tư, và cung cấp báo cáo thường niên cho tất cả các LP về việc triển khai ESMS và hiệu quả E&S của các JV.

Sự tham gia của các bên liên quan ở cấp JV là một phần quan trọng của ESDD vì nó có thể xác định và chủ động ngăn chặn trước các xung đột và rủi ro tiềm ẩn liên quan đến hoạt động của chương trình cũng như các hoạt động được tài trợ. Đối với các dự án Loại B, SEF cần được thiết kế để (i) nắm bắt hoặc xác định bất kỳ lo ngại hoặc rủi ro tiềm ẩn nào của các bên liên quan; (ii) xác minh và đánh giá các nhóm bị ảnh hưởng; (iii) xây dựng các biện pháp giảm thiểu cho các nhóm hoặc cộng đồng.

Phải thiết kế các biện pháp này cùng người bản địa, trong khuôn khổ các cuộc tham vấn có ý nghĩa nhằm tìm kiếm FPIC (phù hợp với Phần 7.1.5 và Phần 7.2 của Chính sách về người bản địa của GCF (2018)). Chuyên gia về người bản địa của chương trình sẽ xem xét và xác nhận điều này, nếu phù hợp.

Trong quá trình vận hành CTF, khi thực hiện và triển khai các hoạt động được tài trợ ở cấp JV riêng lẻ, sẽ có nhiều SEP sẽ được lập và thực hiện đồng thời ở cấp JV. Sẽ cần áp dụng chặt chẽ tất cả các nguyên tắc và yêu cầu của việc tham gia và tư vấn có ý nghĩa cho việc vận hành Phần 2 trong suốt thời gian của chương trình và các JV riêng lẻ.

Đây là trách nhiệm của JV và thực hiện nó, (các) SEP được đề xuất với tư cách gói đăng ký tài trợ sẽ được xem xét và xác nhận nghiêm ngặt như một phần của quy trình sàng lọc và phê duyệt đề xuất. Trong quá trình này, đầu mỗi trong ESGCT có thể yêu cầu tăng cường SEP, và mở rộng hỗ trợ kỹ thuật để cải thiện chúng, nhằm đảm bảo các kế hoạch phù hợp với yêu cầu của GCF và KDB. Sẽ cần ghi lại đúng lúc việc giám sát và báo cáo thường xuyên về hiệu suất của SEP và báo cáo cho Quỹ, sau đó sẽ báo cáo cho KDB (AE). Cùng với các báo cáo của ba Phần khác của Chương trình (Phần 1, 2 và 4), KDB sẽ xem xét SEP và hiệu suất SEF cụ thể theo Phần và đảm bảo tuân thủ SEF cấp chương trình phù hợp với các yêu cầu của GCF.

### 3.4.1.4. SEF cho Phần 4

Trong Phần 4, GGCI, cơ quan thực hiện, sẽ chỉ định đầu mối cho việc tham gia tổng thể của các bên liên quan. Các bên liên quan cơ bản sẽ là các cơ quan chính phủ và bộ liên quan và tổ chức của năm quốc gia mục tiêu, tham gia vào chương trình xây dựng năng lực. Các vấn đề chính liên quan đến việc thực hiện Phần 4 sẽ là đảm bảo việc công bố thông tin về chương trình một cách công bằng, kịp thời và minh bạch, với tiêu chí lựa chọn và khả năng đủ điều kiện được nói rõ ràng cho tất cả những bên tham gia tiềm năng. Sẽ cần phản ánh tích cực tính toàn bộ và khả năng tiếp cận (tiếp cận với tất cả các đơn vị liên quan, đồng thời trao quyền và thu hút sự chú ý của những người tham gia là phụ nữ và thiểu số) và sự phù hợp về văn hóa (VD: cung cấp kênh liên lạc và tờ rơi thông tin bằng ngôn ngữ địa phương...) trong kế hoạch SEF.

Trong quá trình thực hiện Phần 4, (các) đầu mối GGCI phối hợp với đầu mối SMU khu vực và quốc gia sẽ thường xuyên thu thập các phản hồi và khiếu nại của các bên tham gia, báo cáo thường xuyên cho AE(KDB). Sau đó, KDB sẽ báo cáo các sự kiện cho GCF bằng kênh báo cáo định kỳ. Ý kiến và phản hồi của những bên tham gia sẽ được phản ánh để cải thiện chương trình, nhằm đảm bảo sự thích hợp và hiệu quả của chương trình trong việc đạt được các mục tiêu của nó.

#### 3.4.1.5. Kế hoạch dự phòng đại dịch COVID-19 và các giai đoạn hạn chế tiếp cận khác

Phù hợp với Phụ lục X của Ghi chú hướng dẫn về tính bền vững của GCF: Thiết kế và đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa của các bên liên quan đối với các hoạt động do GCF tài trợ (tháng 5 năm 2022)<sup>40</sup> KDB (AE) (và/hoặc thông qua các đơn vị thực hiện) sẽ:

- Không ngừng tìm kiếm các cách tiếp cận và phương án thay thế khác nhau, để đảm bảo các bên liên quan vẫn tham gia trong tất cả các giai đoạn của chu kỳ dự án, đồng thời tuân thủ các chỉ thị y tế cụ thể do chính quyền quốc gia và địa phương ban hành; và,
- Tiếp tục cung cấp cho các cộng đồng bị ảnh hưởng của dự án thông tin về lịch trình và ngày dự kiến bắt đầu lại hoặc các quyết định quan trọng khác liên quan đến tiến độ của dự án.

Các phương pháp tiếp cận thay thế về liên lạc, tham gia và công bố thông tin thường liên quan đến nền tảng trực tuyến trên Internet. Năng lực kỹ thuật và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số hiện có thường khác nhau tùy từng địa điểm và quốc gia. Khi thiết kế các phương pháp thay thế, AE (KDB) và các đơn vị thực hiện sẽ tham khảo ý kiến của các đối tác quốc gia (bao gồm SNU quốc gia, NDA và các đối tác chuyển giao khác) để hiểu rõ các điều kiện và hoàn cảnh địa phương (như kiến thức về kỹ thuật số (đặc biệt là xem xét việc phân chia thành thị-nông thôn và giới, cũng như các nhóm bản địa ở vùng sâu vùng xa), đồng thời đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc khu vực về 'an toàn' và các chỉ thị về y tế công cộng của quốc gia, cập nhật cho các bên liên quan về các chỉ thị đó và những rủi ro liên quan đến các cuộc họp trực tiếp khi tiến hành SEP cấp JV.

Nếu phải sửa đổi lớn về SEF do COVID-19 kéo dài hoặc bất kỳ hạn chế tiếp cận nào khác, tham khảo ý kiến các đơn vị thực thi của từng phần trong chương trình, KDB (AE) sẽ thông báo cho GCF về nhu cầu sửa đổi và phiên bản sửa đổi của SEF (và ESMP nếu phù hợp) để xem xét và phê duyệt kịp thời.

#### 3.4.2 Công bố thông tin

Đối với tất cả các dự án Loại B, chương trình sẽ đảm bảo các tài liệu E&S bắt buộc (ESIA và ESMP hoặc ESAP và bất kỳ tài liệu và báo cáo nào khác liên quan đến ESDD... nếu phù hợp) đều có thể truy cập và có sẵn trực tuyến, phù hợp với Chính sách công bố thông tin của GCF. Ngoài việc công bố trực tuyến, cần công bố thông tin ở những địa điểm thuận tiện cho những người bị ảnh hưởng và bằng cả tiếng Anh và ngôn ngữ địa phương (nếu không phải tiếng Anh), để thuận lợi cho các cộng đồng, các bên liên quan và công chúng bị ảnh hưởng và có khả năng bị ảnh hưởng hiểu biết đầy đủ. Chương trình cam kết vận hành minh bạch và có trách nhiệm trong mọi khía cạnh hoạt động của mình, hoàn thành chỉ thị và củng cố niềm tin của công chúng.

<sup>40</sup> <https://www.greenclimate.fund/sites/default/files/document/sustainability-guidance-stakeholder-engagement-may2022.pdf>



Thông qua Chính sách công bố thông tin, chương trình tìm cách thành lập chính thức quy trình công bố thông tin và đưa quy trình đó vào hoạt động kinh doanh của mình, và đảm bảo quyền truy cập của công chúng và sự tham gia của các bên liên quan trong việc hoàn thành vai trò của mình. Nó sẽ đảm bảo độ minh bạch cao nhất trong tất cả hoạt động của mình, thông qua việc phổ biến thông tin hiệu quả cho các bên liên quan và công chúng nói chung.

GCF đã lập bốn nguyên tắc sau trong Chính sách công bố thông tin để công bố thông tin một cách minh bạch và có trách nhiệm:

- **Tối đa hóa khả năng tiếp cận thông tin.** GCF tái khẳng định cam kết của mình về sự minh bạch trong tất cả các hoạt động, và do đó tìm cách tối đa hóa khả năng tiếp cận bất kỳ tài liệu và thông tin nào mà nó tạo ra, và thông tin mà nó sở hữu không nằm trong danh sách loại trừ như đã nêu trong Chương V của chính sách này. Hơn nữa, miễn là GCF không có nghĩa vụ pháp lý phải bảo mật, thì sẽ công bố thông tin trong danh sách loại trừ theo các mốc thời gian và quy trình cụ thể cho mục đích đó.
- **Ngoại lệ bị hạn chế.** Bất kỳ ngoại lệ công bố nào sẽ được xác nhận trên khả năng, được xác định tỉ mỉ và rõ ràng, rằng tác hại tiềm ẩn cho các lợi ích, đơn vị hoặc các đối tác phát sinh từ việc công bố thông tin thì sẽ lớn hơn lợi ích, rằng GCF có nghĩa vụ pháp lý không công bố hoặc đã nhận thông tin từ bên thứ ba được đánh dấu rõ ràng là bảo mật. Trong những trường hợp đặc biệt, GCF có thể quyết định không công bố hoặc trì hoãn việc phổ biến thông tin mà thông thường có thể truy cập được, nếu xác định rằng tác hại có thể xảy ra khi làm như vậy thì lớn hơn lợi ích của việc tiếp cận. Trong những trường hợp đặc biệt, GCF cũng có thể cung cấp thông tin công thường không được tiết lộ, khi xác định rằng lợi ích sẽ lớn hơn tác hại tiềm ẩn, trừ khi GCF có nghĩa vụ pháp lý phải bảo mật.
- **Tiếp cận thông tin đơn giản và rộng rãi.** GCF sẽ dùng tất cả các phương tiện thiết thực để tạo điều kiện cho việc tiếp cận thông tin, tối đa hóa khả năng tiếp cận những thông tin đó, và sử dụng các quy trình và các mốc thời gian rõ ràng và tiết kiệm chi phí để xử lý các yêu cầu.
- **Giải thích các quyết định và quyền đánh giá.** Khi từ chối việc tiếp cận thông tin theo yêu cầu, GCF sẽ giải thích cho quyết định của mình. Những người yêu cầu tin rằng họ đã bị từ chối tiếp cận thông tin là vi phạm chính sách này, sẽ có quyền yêu cầu Ban hội thẩm các kháng cáo về thông tin đánh giá quyết định đó.

Đối với tất cả các dự án Loại B, ESIA và ESMP/ESAP và các tài liệu liên quan đến thẩm định E&S khác, nếu phù hợp, thì sẽ có thể tiếp cận và sẵn có trực tuyến, và sẽ công bố thông tin tổng thể về các hoạt động được tài trợ phù hợp với Chính sách công bố thông tin của GCF. Đối với Phần 1, phải tuân thủ cả Chính sách công bố của GGGI và KDB. Đối với Phần 4, tuân thủ Chính sách công bố của GGGI như sau:

- Thúc đẩy sự minh bạch và trách nhiệm giải trình khi không có lý do thuyết phục để coi thông tin là độc quyền, đặc quyền hoặc bí mật;
- Bảo vệ quá trình thảo luận và bảo vệ bí mật;
- Cung cấp các quy trình rõ ràng để cung cấp thông tin; và
- Công nhận quyền của người yêu cầu đối với quy trình đánh giá nội bộ.

Có thể tiết lộ thông tin tự nguyện hoặc theo yêu cầu của bên thứ ba. Thông tin dưới dạng báo cáo E&S sẽ được cung cấp thông qua các FP chương trình và dự án điện tử, thời gian cố vấn cộng đồng và công bố thông tin sẽ được tải lên thông qua các liên kết điện tử tới các trang web bằng tiếng Anh. Nếu chương trình quản lý gây ra những thay đổi quan trọng trong các hành động hoặc biện pháp giảm thiểu được mô tả trong ESAP, về các vấn đề lo ngại đến các cộng đồng bị ảnh hưởng, thì sẽ thông báo cho họ các hành động hoặc biện pháp giảm thiểu liên quan đã cập nhật. Nếu người bản địa tham gia, thì cần quyết định các biện pháp này cùng với họ, trong khuôn khổ của việc tư vấn có ý nghĩa (phù hợp với Phần 7.1.5 của Chính sách về người bản địa của GCF (2018)). Khi cần, quy trình này phải có sự tham gia hợp lệ của chuyên gia IP để đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc FPIC. Tần suất của các báo cáo này sẽ tương ứng với sự lo ngại của cộng đồng bị ảnh hưởng nhưng không dưới 1 năm/lần.

Yêu cầu cung cấp thông tin sẽ được giải quyết hoàn toàn thông qua quy trình sau:

- Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào cũng có thể yêu cầu công bố thông tin không bảo mật. Phải gửi trực tiếp các yêu cầu đến Trưởng Bộ phận Truyền thông
  - Email: *(Sẽ cập nhật khi thành lập Co-GP)*
- Người yêu cầu có quyền nhận phản hồi sơ bộ trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ khi nhận yêu cầu và ước tính thời gian cần để có phản hồi đầy đủ.
- Đối với các yêu cầu thông tin liên quan đến việc sao chép tài liệu, có thể tính phí bổ sung cho chi phí nhân công và vật liệu, điều này sẽ được thông báo trước cho người yêu cầu và cần thanh toán trước.
- Yêu cầu có thể bị từ chối một phần hoặc toàn bộ, nếu
  - Có những hạn chế được quy định hoặc đề cập trong chính sách này;
  - Yêu cầu được coi là nhu cầu quá mức đối với các nguồn nhất định; hoặc,
  - Yêu cầu có vẻ phù phiếm
- Nếu người yêu cầu không hài lòng với phản hồi hoặc nếu yêu cầu bị từ chối toàn bộ hoặc một phần, thì người yêu cầu có thể yêu cầu việc đánh giá quyết định này bằng cách gửi thư tới:
  - Giám đốc Bộ phận Chiến lược, Chính sách và Truyền thông *(Sẽ cập nhật khi thành lập Co-GP)*; hoặc
  - Email: *(Sẽ cập nhật khi thành lập Co-GP)*

Giám đốc sẽ đánh giá việc xử lý yêu cầu về thông tin và quyết định cách xử lý. Kết quả đánh giá sẽ được thông báo cho người yêu cầu và sẽ không có yêu cầu giải thích chi tiết về kết quả đánh giá.

### 3.4.3 Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM)

Theo Điều 9 của Hệ thống E&S KDB, sẽ thành lập Cơ chế giải quyết độc lập (IRM) của GRM cho tất cả các dự án Loại B như một phần của ESMS để tạo điều kiện cho giải pháp của các mối lo ngại và khiếu nại về hiệu suất E&S của dự án.

Nếu doanh nghiệp/hoạt động được đề xuất liên quan đến người bản địa, thì cần thiết kế và vận hành GRM phù hợp với Phần 7.3 của Chính sách về người bản địa của GCF (2018.): Cần thành lập cơ chế này thông qua quá trình tư vấn có ý nghĩa với các cộng đồng người bản địa bị ảnh hưởng hoặc có khả năng bị ảnh hưởng, để giải quyết các lo ngại của họ liên quan đến các hoạt động được đề xuất. Việc hình thành GRM với mục tiêu là người bản địa sẽ đảm bảo khả năng tiếp cận và sự thích hợp về văn hóa (về ngôn ngữ và cách giao tiếp...) có cân nhắc đến luật tục, luật hiện hành và nghĩa vụ của nước sở tại theo các thỏa thuận và hiệp ước quốc tế liên quan, cơ chế giải quyết tranh chấp và các hệ thống. GRM hướng tới cung cấp nhiều kênh tiếp cận cho các bên liên quan (bao gồm các bên độc lập ngoài chương trình) để đưa ra khiếu nại bất kỳ lúc nào về các hoạt động được tài trợ, bao gồm việc áp dụng ESMS này và các vấn đề liên quan đến SEAH và hoạt động kinh doanh của các JV.

Bất kỳ cá nhân nào gặp rủi ro hoặc tác động bất lợi về SEAH thì được tự do gửi khiếu nại thông qua GRM ở cả cấp chương trình và dự án nhỏ. Sẽ giải quyết các khiếu nại SEAH cụ thể theo cách đáp ứng giới và lấy người sống sót làm trung tâm, và sẽ đánh giá mức độ nghiêm trọng của các khiếu nại, và trong những trường hợp quan trọng, một nhân viên chuyên về giới hoặc nhân quyền được chỉ định. Nếu phát hiện người báo cáo là người sống sót sau SEAH, các chi tiết sẽ được bảo mật nghiêm ngặt, theo các quy trình bảo mật chặt chẽ thuộc nguyên tắc bảo mật và giữ gìn lòng tự trọng của họ. Nếu các khiếu nại liên quan đến SEAH được gửi về một dự án cụ thể, thì sẽ loại người quản lý đầu tư (PM) khỏi quy trình xử lý khiếu nại và nếu cần, CTF sẽ thuê bên thứ 3 hoặc chuyên gia là tổ chức/cá nhân độc lập để xác minh các đơn kiện và khiếu nại. Sau đó, sẽ báo cáo trực tiếp kết quả và quá trình liên hệ cho quản lý cấp cao. Trong trường hợp sự cố SEAH được báo



cáo đã xảy ra, chương trình phải đảm bảo hỗ trợ thích hợp cho những người sống sót sau SEAH, bao gồm chăm sóc y tế, hỗ trợ tâm lý, hỗ trợ pháp lý, các biện pháp bảo vệ định hướng cộng đồng và tái hòa nhập.

Trong khi các JV đóng vai trò là đầu mối liên hệ đầu tiên trong GRM, các bên liên quan cũng có thể liên hệ với NSMU, GGGI, Co-GP, KDB hoặc báo cáo thông qua hệ thống quản trị thống nhất. Thông qua hệ thống quản trị thống nhất, các khiếu nại sẽ được sàng lọc, chọn lọc và phân bổ cho các đơn vị thực thi có liên quan.

Quý sẽ thông báo cho các bên liên quan về GRM thông qua trang web công cộng của họ, qua các hội thảo khởi động dự án và trong các cuộc họp liên quan đến dự án liên quan.

Thông tin liên hệ cấp JV	Thông tin liên hệ của Co-GP	Thông tin liên hệ của GGGI	Thông tin liên hệ của KDB
(Sẽ cập nhật sau)	(Sẽ cập nhật sau)	communications@gggi.org	www.kdb.co.kr

GRM được vận hành miễn phí, và phải phù hợp về mặt văn hóa, mọi người đều có thể tiếp cận một cách công bằng và minh bạch.

Có thể báo cáo khiếu nại thông qua:

- Giao tiếp trực tiếp (hoặc qua điện thoại);
- Email/SMS/tin nhắn văn bản; hoặc
- Nộp đơn khiếu nại (trực tuyến).

GRM sẽ không ngăn cản việc tiếp cận các biện pháp cứu chữa tư pháp hoặc hành chính. Thông báo chính thức phản hồi cho từng khiếu nại thông qua gặp riêng, gọi điện thoại, email hoặc thư thuận tiện cho người báo cáo, trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày gửi. Nếu có bất kỳ khiếu nại quan trọng nào, RMC sẽ đánh giá các vấn đề cần thận và thực hiện các hành động sửa đổi thích hợp.

Nếu các hành động giải quyết khiếu nại không giải quyết thỏa đáng với người khiếu nại, thì bên liên quan có thể trực tiếp liên hệ với đơn vị được báo cáo, và các bên liên quan có thể chuyển sang tòa án theo luật pháp hiện hành của nước sở tại.

- **Báo cáo.** KDB sẽ yêu cầu các đơn vị thực hiện, đặc biệt là các Co-GP, thực hiện các yêu cầu về cơ chế khiếu nại ở cấp hoạt động và duy trì trách nhiệm đối với GRM của chính nó. KDB sẽ giám sát, theo dõi và đánh giá cẩn thận các khiếu nại mà từng JV đã gửi, và do các Co-GP và Người quản lý về Môi trường và Xã hội (ESM) của CTF sàng lọc. Tất cả các vấn đề mở, đã giải quyết và đóng về hiệu suất môi trường và xã hội của dự án sẽ được ghi lại, có thể công bố cho công chúng thông qua trang web và các phương tiện truy cập khác đối cho các bên liên quan quốc gia, phù hợp với chính sách minh bạch và trách nhiệm giải trình của Quý, và sẽ phân tích các tác động tiêu cực tiềm ẩn của dự án dựa trên chủ đề của khiếu nại.
- **GRM ở cấp JV.** Các bên liên quan quốc gia và đặc biệt là cộng đồng địa phương và người bản địa ở một nước đang tổ chức một dự án hoặc bất kỳ hoạt động được tài trợ nào, thì cần được cung cấp cơ chế dễ tiếp cận, miễn phí để gửi khiếu nại. Phải cung cấp kênh chính ở cấp JV, CTF cần theo dõi và đánh giá hiệu suất của nó như một phần của các yêu cầu tuân thủ bảo vệ E&S. Tất cả các ứng viên JV đăng ký CTF cần đưa cơ chế GRM vào ESMP của họ. Chương trình có thể hỗ trợ các ứng viên JV riêng lẻ lập và thực hiện GRM phù hợp ở mức độ theo yêu cầu của thực hành tốt của quốc tế và chính sách bảo vệ E&S của GCF.

### 3.5 Kế hoạch dự phòng

Các JV và các loại đơn vị thực hiện khác có nghĩa vụ thông báo trực tiếp cho đầu mối bảo vệ E&S và giới trong đầu mối SMU quốc gia và/hoặc ESGCT của CTF thông qua báo cáo giám sát E&S và giới định kỳ

hoặc đặc biệt càng sớm càng tốt. Do tính khẩn cấp của vấn đề, các JV và các loại đơn vị thực hiện khác nên liên lạc trực tiếp qua điện thoại hoặc E-mail trước khi gửi đến ESGCT của CTF.

KDB sẽ yêu cầu và đảm bảo rằng CTF thực hiện DD phù hợp với phân loại rủi ro E&S mới của các hoạt động, và sửa đổi ESMP để đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ E&S của họ, nhất quán với ESS của GCF.

DD bổ sung và các thay đổi với ESMP và các tài liệu bảo vệ khác sẽ được công bố theo Chính sách công bố thông tin của GCF. ESGCT sẽ thông báo cho Đội Quản lý CTF và Hội đồng càng sớm càng tốt. Sau đó, CTF sẽ báo cáo cho KDB. KDB đánh giá xem đây có phải là trường hợp “thay đổi lớn” có thể yêu cầu sửa đổi của các hoạt động được tài trợ (bao gồm phân loại rủi ro E&S và kế hoạch hành động về giới và hệ thống quản lý E&S của nó) không, và yêu cầu các hướng dẫn của GCF về các bước cần thực hiện để giải quyết các sự kiện đó hoặc để thực hiện sửa đổi đã đề xuất.

Mọi sửa đổi được đề xuất có thể tạo thành thay đổi lớn, thì phải có sự đồng ý trước của GCF. Trong trường hợp những thay đổi đó là quan trọng, GCF sẽ yêu cầu KDB điều chỉnh kế hoạch hành động giới hoặc hệ thống quản lý E&S (và các hệ thống liên quan khác) phù hợp với các tác động và/hoặc rủi ro E&S tiềm ẩn, liên quan đến những thay đổi lớn của hoạt động kinh doanh (đã điều chỉnh) mới và các yêu cầu hiện hành khác theo quy định trong Chính sách bảo vệ GCF của nó.

Trong trường hợp quyết định dự án ban đầu được phân loại B, được nâng cấp lên A thì KDB sẽ tư vấn thông qua ESGCT để 1) xác định biện pháp hạ cấp xuống rủi ro B thông qua việc sửa đổi các hoạt động đã thay đổi (VD: về mặt thiết kế, áp dụng công nghệ, điều chỉnh quy mô, hoặc các hoạt động giải quyết khiếu nại đang hoạt động...) hoặc 2) CTF sẽ cân nhắc việc đình chỉ hoặc hủy hợp đồng tài trợ các hoạt động. Trong



trường hợp sau, JV hoặc các bên khác thực hiện hoạt động được tài trợ có thể kháng cáo thông qua quy trình kháng cáo của CTF để được xem xét lại.

#### 4 PHỤ LỤC

##### PHỤ LỤC A. Danh sách Loại trừ của IFC

Chương trình sẽ không đầu tư tất cả các hoạt động trong Danh sách Loại trừ của IFC, như được trình bày trong hộp bên dưới. Ngoài ra, Chương trình sẽ không đầu tư vào các hoạt động Loại A/I-1 vào các rủi ro về môi trường và xã hội, như Ban Thư ký CTF đã xác định.

- Sản xuất hoặc buôn bán bất kỳ sản phẩm hoặc hoạt động nào được coi là bất hợp pháp theo luật pháp hoặc quy định của nước sở tại hoặc các thỏa thuận và công ước quốc tế, hoặc bị cấm trên quốc tế, như dược phẩm, thuốc trừ sâu/thuốc diệt cỏ, chất làm suy giảm tầng ozone, Polychlorinated Biphenyls (PCB), động vật hoang dã hoặc các sản phẩm được quản lý theo CITES (Hiệp ước về Thương mại quốc tế các loài có nguy cơ tuyệt chủng hoặc động vật, thực vật hoang dã)
- Sản xuất hoặc buôn bán vũ khí và đạn dược
- Sản xuất hoặc kinh doanh đồ uống có cồn (trừ bia, rượu)
- Sản xuất hoặc buôn bán thuốc lá
- Cờ bạc, sòng bạc và các tổ chức kinh doanh tương tự
- Sản xuất hoặc kinh doanh vật liệu phóng xạ. Điều này không áp dụng cho việc mua thiết bị y tế, thiết bị (đo lường) kiểm soát chất lượng và bất kỳ thiết bị nào mà IFC coi nguồn phóng xạ là không đáng kể và/hoặc được che chắn đầy đủ
- Sản xuất hoặc kinh doanh sợi amiăng không giới hạn. Điều này không áp dụng cho việc mua và sử dụng tấm fibro xi măng giới hạn có hàm lượng amiăng dưới 20%
- Đánh bắt bằng lưới trôi trong môi trường biển bằng cách dùng lưới dài trên 2,5 km
- Sản xuất hoặc các hoạt động liên quan đến các hình thức bóc lột hoặc có hại về lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em có hại
- Hoạt động khai thác gỗ thương mại để sử dụng trong rừng ẩm nhiệt đới nguyên sinh
- Sản xuất hoặc buôn bán gỗ hoặc các sản phẩm lâm nghiệp khác không phải từ các khu rừng được quản lý bền vững
- Sản xuất, buôn bán, tàng trữ hoặc vận chuyển một lượng lớn hóa chất nguy hiểm, hoặc sử dụng hóa chất nguy hiểm ở quy mô thương mại. Các hóa chất nguy hiểm bao gồm xăng, dầu hỏa và các sản phẩm dầu mỏ khác
- Sản xuất hoặc các hoạt động vi phạm đất đai do người bản địa sở hữu hoặc khẳng định theo phân xử, mà không cung cấp đầy đủ sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bảo trước và được cung cấp thông tin của những người đó, thông qua đại diện của họ

**PHỤ LỤC B. Danh sách minh họa các hành động đầu tư loại A**

Mặc dù các quyết định về sự phân loại được đưa ra theo từng trường hợp, danh sách dưới đây trình bày về các hoạt động được sàng lọc là Loại A và do đó không đủ điều kiện để đầu tư.

- Các nhà máy hoặc khu công nghiệp quy mô lớn
- Các dự án phát thải khí nhà kính lớn, với lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp trên 100.000 tấn (thiếu) (91.000 tấn mét) CO<sub>2</sub>eq mỗi năm
- Dự án sản xuất, dự trữ, vận chuyển hoặc thải bỏ các vật liệu nguy hiểm hoặc độc hại
- Tất cả các dự án tiềm ẩn rủi ro nghiêm trọng về nghề nghiệp hoặc sức khỏe
- Xây dựng đường ô tô, đường cao tốc, tuyến đường cho giao thông đường sắt đường dài và sân bay có chiều dài đường băng cơ bản từ 2.100 mét trở lên. Xây dựng đường mới có bốn làn trở lên hoặc sắp xếp lại và/hoặc mở rộng đường hiện có để có bốn làn trở lên, ở nơi mà đường mới hoặc đoạn đường được thiết kế lại và/hoặc mở rộng đó sẽ dài liên tục từ 10 km trở lên
- Cảng biển quy mô lớn và các tuyến đường thủy nội địa và các cảng cho giao thông đường thủy nội địa; cảng giao dịch, bến tàu xếp dỡ nối với cảng đất liền và cảng ngoài luồng (trừ bến phà)
- Cơ sở xử lý và thải bỏ chất thải để đốt, xử lý hóa chất hoặc chôn lấp chất thải nguy hại, độc hại hoặc nguy hiểm
- Xây dựng hoặc mở rộng đáng kể các đập và hồ chứa không bị cấm về mặt khác
- Hoạt động chiết nước ngầm hoặc kế hoạch bổ sung nước ngầm nhân tạo trong trường hợp lượng nước hàng năm được khai thác hoặc bổ sung lên tới 10 triệu mét khối trở lên
- Khai thác gỗ quy mô lớn
- Truyền điện quy mô lớn
- Nhà máy xử lý nước thải đô thị phục vụ hơn 150.000 người
- Cơ sở xử lý và thải bỏ chất thải rắn đô thị
- Khai hoang đất quy mô lớn
- Nông nghiệp/đồn điền sơ cấp quy mô lớn liên quan đến thâm canh hoặc chuyển đổi đất nguyên dạng trước đây
- Tất cả các dự án có khả năng tác động lớn đến con người hoặc gây ra rủi ro kinh tế xã hội nghiêm trọng, bao gồm dịch chuyển vật chất và kinh tế, tác động tiêu cực đến người bản địa và di sản văn hóa
- Các dự án không bị cấm nhưng nằm trong hoặc gần các địa điểm nhạy cảm có tầm quan trọng quốc gia hoặc khu vực, có thể có tác động môi trường rõ ràng lên:
  - Đất ngập nước;
  - Khu vực có ý nghĩa khảo cổ;
  - Khu vực dễ bị xói mòn và/hoặc sa mạc hóa;
- Phát triển thủy điện quy mô vừa và lớn (công suất trên 10 MW)

- Các khu vực có tầm quan trọng đối với người bản địa/nhóm dân tộc;
- Rừng phương bắc ôn đới nguyên sinh;
- Các rạn san hô;
- Đầm lầy ngập mặn
- Khu vực bờ biển được quy hoạch cấp quốc gia; và
- Các khu vực bảo vệ tài nguyên được quản lý, cảnh quan/cảnh biển được bảo vệ<sup>41</sup>

---

<sup>41</sup> Liên minh Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN) loại V và VI) theo định nghĩa trong Hướng dẫn của IUCN về Phân loại quản lý khu vực bảo vệ. Ngoài ra, các dự án này phải đáp ứng các mục tiêu quản lý của IUCN và đi theo tinh thần các định nghĩa của IUCN.

### **PHỤ LỤC C. Phân loại rủi ro E&S theo hệ thống bảo vệ quốc gia (CSS)**

Mỗi quốc gia có các quy định về EIA, trong đó cung cấp danh sách chỉ dẫn về việc phân loại rủi ro E&S. Trong danh sách bên dưới, các ứng viên JV cần kiểm tra cẩn thận xem các hoạt động được đề xuất về công nghệ (trong cột có tiêu đề “Công nghệ ưu tiên ứng phó khí hậu” để CTF xem xét) có khớp với “Dự án/Hoạt động” đã liệt kê không (ở cột ngay bên phải): Nếu các hoạt động được đề xuất không phù hợp với “Dự án/Hoạt động” đã liệt kê, thì không áp dụng phân loại rủi ro và có thể các hoạt động được đề xuất không thuộc nhóm rủi ro cao. (Vui lòng lưu ý rằng danh sách này có thể cập nhật liên tục khi các yêu cầu CSS cập nhật và sửa đổi theo thời gian.)

Việc phân loại rủi ro theo CSS không mang tính quyết định và cách phân loại rủi ro của CTF có thể khác nhau. Tuy nhiên, việc phân loại rủi ro CSS là điểm sàng lọc sơ bộ mà các ứng cử viên JV được khuyến khích thực hiện để giảm thiểu rủi ro khi đăng ký các hoạt động có phân loại rủi ro cao, để xin tài trợ của CTF theo Tiêu chí đầu tư của CTF

Sẽ sàng lọc từng tác động môi trường và xã hội đã xác định theo mức độ đáng kể của chúng và CTF sẽ xác định các loại rủi ro E&S tổng thể. Theo đó, các đề xuất với các phân loại rủi ro “B/I-2” (trung bình) hoặc “C/I-3” (thấp) được sàng lọc cuối cùng, sẽ đủ điều kiện cho đầu tư CTF. CTF sẽ kiểm tra nghiêm ngặt các hoạt động “rủi ro cao” thuộc hệ thống sàng lọc rủi ro quốc gia, để đảm bảo tuân thủ các tiêu chí quản lý và sàng lọc rủi ro E&S của CTF.

Các ứng viên JV cũng nên xem PHỤ LỤC B để tham khảo thêm.





Quốc gia	Loại tác động	Công nghệ khí hậu (Minh họa)	Dự án /Hoạt động	Phân loại rủi ro theo hệ thống bảo vệ quốc gia		
				Rủi ro cao	Rủi ro trung bình	Rủi ro thấp
Campuchia	Giảm thiểu	Quản lý khí ở bãi rác (LFG)	Cơ sở lưu trữ và phân tách dầu và khí	≥ 1.000.000 lít		
		Xử lý phân hủy kỵ khí của chất thải hữu cơ	Nhà máy đốt chất thải	Tất cả các quy mô		
		Công nghệ mặt trời: năng lượng mặt trời áp mái, lưới điện nhỏ nông thôn), kho lạnh dùng năng lượng mặt trời,	Ngành điện	>50 MW	5~50 MW	<5 MW
		Đèn đường	Phát triển đô thị	Tất cả các quy mô		
		Xe điện (EV) (xe máy, ô tô, xe buýt, xe đạp)	Phát triển đô thị Ngành công nghiệp pin	Tất cả các quy mô Tất cả các quy mô		
		Hệ thống thay pin EV	Ngành công nghiệp pin	Tất cả các quy mô		
Giao thông công cộng đô thị tiết kiệm năng lượng	Khu công nghiệp	Tất cả các quy mô				
	Phát triển đô thị hóa	Tất cả các quy mô				
	Ngành công	Tất cả các quy mô				



Quốc gia	Loại tác động	Công nghệ khí hậu (Minh họa)	Dự án /Hoạt động	Phân loại rủi ro theo hệ thống bảo vệ quốc gia		
				Rủi ro cao	Rủi ro trung bình	Rủi ro thấp
			nhà máy pin			
	Sự thích nghi	Nhà máy nước thải quy mô nhỏ, phi tập trung	Cơ sở xử lý tự nhiên và hệ thống thoát nước		Tất cả các quy mô	
			Dựa trên xử lý cơ học và thoát nước		Tất cả các quy mô	
		Nhà máy xử lý phân bùn	Nhà máy đốt chất thải		Tất cả các quy mô	
		Công nghệ tưới tiêu	Hệ thống tưới tiêu Hệ thống xả nước		(≥ 5.000 ha) (≥ 5.000 ha)	(1.000 - <5.000 ha) (1.000 - <5.000 ha)

		Quản lý tài nguyên nước	Hệ thống tưới tiêu	$\geq 5.000$ ha		
		Máy bơm nước chạy bằng năng lượng mặt trời	Cung cấp nước	$\geq 10.000$ người dùng		
		Máy sấy năng lượng mặt trời – chế biến nông sản trong ngành công nghiệp hạt điều & sắn	Nhà máy gao và hạt ngũ cốc	$\geq 3.000$ tấn/năm		
			Chế biến thực phẩm và đóng hộp	$\geq 500$ tấn/năm		
		Các giải pháp dựa vào thiên nhiên	Thủy điện	$\geq 1$ MW		
		Phòng lũ cho nguồn nước, bảo vệ chống lũ và việc cải tạo kết cấu, nguồn	Nạo vét	$\geq 50,000$ m <sup>3</sup>		
		Thay đổi trong quy trình xử lý nước để thích nghi với tải lượng ô nhiễm biến đổi cao hơn	Cung cấp nước	$\geq 10.000$ người dùng		
			Hệ thống thoát nước	$\geq 5.000$ ha		
<b>Indonesia</b>	Giám thiểu	Quang điện (PV) năng lượng mặt trời	Điện thi công nhà máy điện tạo ra từ các loại khác (các loại khác: năng lượng mặt trời PLT, gió, than bùn/sinh khối PLT, PLT bayu)	$> 10$ MW		
		Ủ phân trong thùng (IVC)	Rác a) Nhà máy ủ phân - Công suất	a) - 500 tấn/ngày		

		Cải thiện giao thông công cộng	Xây dựng đường vận tải cho nhà ga hành khách và nhà ga hàng hóa	> 5 Ha		
			Phát triển và/hoặc nâng cấp đường thu phí cần thu hồi đất (bên ngoài rumija) a) ở đô thị/thành phố lớn - Chiều dài đường với diện tích đất cần thu hồi - Chiều rộng	a) - 5km với đất thu mua $\geq 10$ ha - 30 ha  b) - 5km với đất thu mua $\geq 20$ ha - 30 ha  c) - 5km với đất thu		
			đất thu hồi b) trong thị trấn - Chiều dài đường với diện tích đất cần thu hồi; hoặc - Diện tích thu hồi đất c) ở nông thôn - Chiều dài đường với diện tích đất cần thu hồi; hoặc - Diện tích thu hồi đất	mua $\geq 30$ ha - 40 ha		

			<p>Xây dựng và/hoặc cải tạo đường có mở rộng yêu cầu thu hồi đất (bên ngoài rumija)</p> <p>a) ở đô thị / thành phố lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài đường với diện tích thu hồi đất; hoặc</li> <li>- Diện tích thu hồi đất</li> </ul> <p>b) trong thị trấn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường dài với diện tích thu hồi đất; hoặc</li> <li>- Diện tích thu hồi đất</li> </ul> <p>c) nông thôn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài đường với diện tích thu hồi đất; hoặc</li> <li>- diện tích đất thu hồi"</li> </ul>	<p>a)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 5km với đất thu mua <math>\geq 20</math> ha</li> <li>- 30 ha</li> </ul> <p>b)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 5km có đất thu mua <math>\geq 30</math> ha</li> <li>- 40 ha</li> </ul> <p>c)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 5km với đất thu mua <math>\geq 40</math> ha</li> <li>- 50 ha</li> </ul>		
		Xi măng hỗn hợp (hoặc thay thế một số vật liệu bằng tro bay...)	Công nghiệp xi măng (được thực hiện thông qua sản xuất clinker)	Tất cả các quy mô		

	Thích nghi	Tái chế nước từ nước thải sinh hoạt	Nước thải sinh hoạt a) Phát triển nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt (IPAL)	a) - 3 ha - 2,4 tấn/ngày  b) - 500 ha - 16.000 m <sup>3</sup> /ngày		
			bao gồm cả các cơ sở hỗ trợ của nó - Diện tích, hoặc - Tải lượng hữu cơ b) Phát triển hệ thống, diện tích, loại đường ống xử lý nước thải, - Khu vực dịch vụ, hoặc - Xả nước thải			
		Cây trồng (lúa) có khả năng chịu hạn và lũ lụt	Diện tích tưới - Ấn phẩm, diện tích ruộng lúa (mỗi nhóm)	≥ 500 ha		
		Công nghệ phát triển nuôi trồng hải sản	Phát triển ở các khu vực được bảo vệ	- bất kỳ doanh nghiệp hoặc hoạt động nào trong khu vực được bảo vệ hoặc có thể thay đổi mục đích và/hoặc phải chỉ định khu vực được bảo vệ để chuẩn bị ANDAL		



		<p>Kinh doanh nuôi trồng thủy sản</p> <p>a) Nuôi trồng trong ao ở mức cao cấp và trung cấp có hoặc không có đơn vị chế biến</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều rộng</li> </ul> <p>b) Kinh doanh nuôi trồng thủy sản nổi (hệ thống lưới nổi và bãi quây):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ở vùng nước ngọt</li> <li>- Trong lượng nước ngọt</li> <li>- Ở vùng nước biển</li> <li>- Trong lượng nước biển</li> </ul>	<p>a)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>\geq 50</math> ha</li> </ul> <p>b)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>\geq 2,5</math> ha</li> <li>- <math>\geq 500</math> đơn vị</li> <li>- 5 ha</li> <li>- <math>\geq 1000</math> đơn vị</li> </ul>		
	Thu gom nước (giếng và ao thấm)	<p>Phát triển đầm lầy</p> <p>a) Cải tạo đầm lầy để phục vụ</p>	<p>a) <math>\geq 1000</math> ha</p>		



			mục đích trước tiêu			
			a) Nạo vét vùng nước bằng nạo vét cơ bản - Khối lượng	a) - $\geq 500.000 \text{ m}^3$		
			Lấy nước sạch từ hồ, sông, suối hoặc các nguồn nước trên mặt khác a) sản lượng rút	a) $\geq 250$ l/giây, tương đương nhu cầu nước sạch cho 250.000 người		
			Khai thác nước ngầm (giếng đất nông, giếng nước sâu)	50 lít/giây (từ một hoặc nhiều giếng có diện tích < 10 ha)		
		Cải tạo bãi biển	Xây dựng ven biển a) Bảo vệ và cải tạo cửa sông - Tính khoảng cách vuông góc với bãi biển	a) - $\geq 500\text{m}$		
			Các hoạt động cải tạo khu vực ven biển và các đảo nhỏ với a) diện tích cải tạo, b) Khối lượng vật liệu urug, hoặc c) Chiều dài cải tạo	a) > 25 ha b) > 500.000 m <sup>3</sup> c) > 50 m vuông góc với biển từ bờ biển)		
<b>Lào</b>	Giám thiếu	Công nghệ bảo vệ rừng	Trồng và chặt nông trường cây công nghiệp	- > 200 ha	- 20 < x < 200 ha	

	Công nghệ sản xuất thủy điện	Sản xuất điện bằng thủy điện (Xây dựng nhà máy thủy điện) <sup>42</sup>	- $\geq 15$ MW (công suất lắp đặt) hoặc - Dung tích hồ chứa (mức cung cấp đầy đủ) $\geq 200$ triệu m <sup>3</sup> hoặc - diện tích hồ chứa $\geq 1.500$ ha	- 1- 15 MW (công suất lắp đặt) hoặc - Dung tích hồ chứa $< 2$ triệu m <sup>3</sup> hoặc - diện tích hồ chứa $< 1.500$ ha	
	Công nghệ khí sinh học và nhiên liệu sinh học	Dự án nhà máy điện từ khí đốt tự nhiên hoặc khí sinh học	- $> 50$ MW	- 5-50 MW	
		Dự án nhà máy điện từ than, dầu hoặc sinh khối	- $> 10$ MW	- $\leq 10$ MW	
	Công nghệ quản lý rừng bền vững	Trồng và chặt nông trường cây công nghiệp	- $> 200$ ha	- $20 < x < 200$ ha	
	Trồng lúa bền vững	Trồng cây công nghiệp	- $> 400$ ha	- 20 - 400 ha	
	Công nghệ trồng rừng tối ưu	Trồng và chặt nông trường cây công nghiệp	- $> 200$ ha	- $20 < x < 200$ ha	
	Bếp lò sạch	Nhà máy sản xuất thiết bị gia dụng	$> 10.000$ thiết bị/năm	$> 10.000$ thiết bị/năm	
	Công nghệ di động điện	Nhà máy ác quy ô tô và pin kiềm	- $> 70$ tấn/năm	- $\leq 70$ tấn/năm	
	Công nghệ quản lý pin	Nhà máy gia công pin dự phòng	-	- Tất cả	

<sup>42</sup> CTF chỉ đầu tư vào các dự án thủy điện quy mô nhỏ có công suất lắp đặt từ 10 MW trở xuống. Khi sàng lọc rủi ro, sẽ cân nhắc các yếu tố khác như: điều tiết lũ lụt và thiên tai khí hậu và rủi ro nguy hiểm & giá trị kinh tế của tài sản gặp rủi ro khi vỡ đập. Để biết thêm chi tiết, xem: Ghi chú về thực hành tốt của IFC: Các phương pháp tiếp cận về môi trường, sức khỏe và an toàn cho các dự án thủy điện (tháng 3/2008) (đặc biệt là Phụ lục A: Mô tả chung về hoạt động ngành công nghiệp). Xem Bảng 11 ở trên (về CCS của Campuchia và Lào về thủy điện quy mô nhỏ).

	Công nghệ tiết kiệm năng lượng tòa nhà	Nhà máy gia công thiết bị gia dụng, thiết bị văn phòng và dụng cụ điện		- Tất cả	
	Hệ thống chôn lấp bán hiếu khí	Xử lý chất thải không nguy hiểm	- >5.000 tấn/năm	- ≤5.000 tấn/năm	
		Xử lý chất thải nguy hiểm	- Tất cả		
		Giảm thiểu chất thải nguy hiểm	- Tất cả		
		Quản lý và xử lý chất thải khác	- Tất cả		
		Xây dựng nhà máy xử lý và lò đốt chất thải	- Tất cả		
Thích nghi	Công nghệ quản lý sâu bệnh	Trồng cây công nghiệp	- >400 ha	- 20 - 400 ha	
	Công nghệ kiểm soát bệnh ở vật nuôi	Nuôi các vật nuôi như: trâu bò, ngựa và những vật nuôi khác		- ≥ 500 đầu	
	Công nghệ bảo vệ rừng	Trồng và chặt	- > 200 ha	- 20 < x < 200 ha	
		nông trường cây công nghiệp			
	Công nghệ quản lý lũ lụt và hạn hán	Xây dựng đập và hồ chứa	- > 200 triệu m <sup>3</sup> hoặc - chiều cao đập > 10m	- 1 - 200 triệu m <sup>3</sup> hoặc - chiều cao đập ≤10m	
	Công nghệ quản lý rừng bền vững	Trồng và chặt nông trường cây công nghiệp	- > 200 ha	- 20 < x < 200 ha	
	Công nghệ cấp nước	Nhà máy xử lý cấp nước		- Tất cả	



		thích ứng với khí hậu	Nhà máy xử lý nước thải của thành phố	- > 5.000 người	- ≤5.000 người	
			Nhà máy xử lý nước thải công nghiệp	- Tất cả		
			Khai thác và sử dụng nước ngầm để tiêu thụ trong công nghiệp, nông nghiệp và thành phố	- > 5.000 m <sup>3</sup> /ngày	- 500 – 5.000 m <sup>3</sup> /ngày	
			Xây dựng đập và hồ chứa	- > 200 triệu m <sup>3</sup> hoặc - chiều cao đập > 10m	- 1 - 200 triệu m <sup>3</sup> hoặc - chiều cao đập ≤10m	
<b>Philippin</b>	Giảm thiểu	Tưới tiêu quy mô nhỏ chạy bằng RE	Các dự án năng lượng tái tạo như điện từ biển, mặt trời, gió, thủy triều		EIS: - ≥ 100 MW Danh sách kiểm tra IEE (Kiểm tra môi trường ban đầu): - 5 MW < x < 100 MW	- ≤ 5 MW
		Chiếu sáng và làm mát tiết kiệm năng lượng	Pin nhiên liệu	EIS: - ≥ 100 MW	Danh sách kiểm tra IEE: - 5 MW < x < 100 MW	- ≤ 5 MW
		EV	Pin nhiên liệu	EIS: - ≥ 100 MW	Danh sách kiểm tra IEE: - 5 MW < x < 100 MW	- ≤ 5 MW
		Cơ sở thu giữ khí mê-tan	Dự án biến rác thải thành năng lượng - khí sinh học		EIS: - ≥ 5 MT Danh sách kiểm tra IEE: - 1 MT < x < 5 MT	- ≤ 1 MT
		Thu hồi khí mê-tan từ các bãi chôn lấp hợp vệ sinh	Cơ sở tiếp nhận và thu hồi nguyên liệu (cho giấy, nhựa và các vật liệu khác)	-	Danh sách kiểm tra IEE: - với cơ sở sản xuất phân > 3.750 MT tỉ lệ sản xuất/định	- ≤ 3,750 MT (mức sản xuất phân



					mức hàng năm	hàng năm)
--	--	--	--	--	--------------	-----------



						hoặc không có cơ sở sản xuất phân (chi phân loại/tách nguyên liệu)
Thích nghi	Rạn nhân tạo	Dự án nuôi trồng thủy sản/ngư nghiệp sử dụng nước ngọt hoặc nước lợ bao gồm trang trại ngọc trai và các hoạt động tương tự	EIS: - $\geq 25$ ha	EIS: - 5 ha  Danh sách kiểm tra IEE: - $1 \text{ MT} < x < 5 \text{ MT}$	- $\leq 1$ ha hoặc - Nuôi trồng rong biển	
	Xử lý nước thải di động chạy bằng RE	Cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt (bao gồm cả cơ sở xử lý chất thải)		EIS: - $\geq 5.000 \text{ m}^3$  Danh sách kiểm tra IEE: - $30\text{bm}^3 < x < 5.000\text{bm}^3$	- $\leq 30\text{bm}^3$	
	Lưu trữ pin và RE độc lập cho các khu vực dễ bị tổn thương do khí hậu	Trạm biến áp/trạm chuyên		- $> 220 \text{ KV}$	- $\leq 220 \text{ KV}$	
	Hệ thống khử mặn nước quy mô nhỏ chạy bằng RE	Dự án cấp nước (không có đập)		EIS: - Có nguồn nước (VD: hầm thấm...) và các thiết bị xử lý nước bao gồm khử mặn, thẩm thấu ngược (RO)  Danh sách kiểm tra IEE: - Cấp III (Chi hệ thống phân phối)	- Trạm bổ sung nước cấp II/cấp I	

		Xử lý sau thu hoạch chạy bằng RE	Nông trường nông nghiệp (VD: vườn cây ăn quả, bao gồm cả đồn điền cao su)		EIS: - $\geq 500$ ha Danh sách kiểm tra IEE: - $50 \text{ ha} < x < 500$ ha	- $\leq 50$ ha
<b>Việt Nam</b>	Giảm thiểu	Chiều sáng dân dụng hiệu suất cao	Dự án sản xuất bóng đèn và phích nước	Công suất: Tối thiểu 1.000.000 tấn mét sản phẩm/năm	Công suất: 100.000 – 1.000.000 tấn mét sản phẩm/năm	
		Nhà máy điện mặt trời PV	- nhà máy điện gió, - nhà máy quang điện,	Diện tích nhà máy: tối thiểu 200 ha	Diện tích nhà máy: từ 50 ha đến dưới 200 ha	
			- nhà máy thủy điện			
		Ô tô chạy bằng điện	Dự án sản xuất hoặc gia công thiết bị điện hoặc điện tử và linh kiện điện tử	Công suất thiết bị điện tử, linh kiện điện tử: ít nhất 500.000 sản phẩm/năm  Công suất thiết bị điện: tối thiểu 500 tấn mét sản phẩm/năm	Công suất thiết bị điện tử, linh kiện điện tử: từ 100.000 sản phẩm/năm đến dưới 500.000 sản phẩm/năm.  Công suất thiết bị điện: từ 100 đến dưới tấn mét sản phẩm/năm	
		Nhà máy điện gió	- Dự án xây dựng - nhà máy điện gió, - nhà máy quang điện, - nhà máy thủy điện	Diện tích nhà máy: tối thiểu 200 ha	Diện tích nhà máy: từ 50 ha đến dưới 200 ha	
Bảo tồn và bảo vệ rừng tự nhiên hiện có ở các khu vực miền núi (*Hoạt động này yêu cầu xác	Dự án sử dụng đất rừng	Tất cả diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên: tối thiểu 10 ha  Diện tích rừng khác: tối thiểu 50 ha	Chưa rõ			





		<i>định sự tham gia của người bản địa, và nếu có bất kỳ nhóm bản địa nào hiện diện thì cần sự tham vấn và chú ý của FPIC.)</i>	Dự án xây dựng công trình tưới tiêu và cấp thoát nước cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp	Diện tích công trình: tối thiểu 500 ha	Diện tích công trình: từ 50 ha đến dưới 200 ha	
Thích nghi	Gây giống/di truyền học thực vật		Dự án kho sản phẩm bảo vệ thực vật	Công suất: ít nhất 500 tấn mét	Công suất: dưới 500 tấn mét	
			Dự án xây dựng nhà máy sản xuất phân hữu cơ hoặc vi sinh	Công suất: ít nhất 10.000 tấn mét sản phẩm/năm	Công suất: từ 2.000 đến dưới 10.000 tấn mét sản phẩm/năm	
	Công nghệ tưới tiêu tiết kiệm nước		Dự án xây dựng hồ chứa nước	Dung tích hồ chứa: tối thiểu 500.000 m <sup>3</sup>	Dung tích hồ chứa: dưới 500.000 m <sup>3</sup>	
			Dự án xây dựng công trình tưới tiêu, cấp thoát nước cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp	Diện tích công trình: ít nhất 500 ha	Diện tích công trình: từ 50 ha đến dưới 200 ha	
			Dự án xây dựng đê sông hoặc biển mới	Chiều dài: ít nhất 1.000m	Chiều dài: Dưới 1,000m	
			Dự án khai thác nước để khôi phục cho con người và kinh doanh	Công suất: - (nước ngầm) 5.000 m <sup>3</sup> /ngày - (nước trên mặt) 100.000 m <sup>3</sup> /ngày	- Công suất: - (nước ngầm) 500 – 5.000 m <sup>3</sup> /ngày - (nước trên mặt) 5.000 – 100.000 m <sup>3</sup> /ngày	



		<p>Dự án xây dựng nhà máy nước tinh khiết và nước tinh khiết đóng chai</p>	<p>Công suất: - 2.000.000 lít nước/năm</p>	<p>Công suất: - 500,000 - 2,000,000 lít nước/năm</p>	
		<p>Dự án xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản</p>	<p>Diện tích mặt nước: tối thiểu 10 ha</p> <p>Diện tích nuôi trồng mở rộng: ít nhất 50 ha</p>	<p>Diện tích mặt nước: tối thiểu 5 – 10 ha</p> <p>Diện tích nuôi trồng mở rộng: tối thiểu 10 – 50 ha</p>	

**PHỤ LỤC D. Danh sách kiểm tra E&S ban đầu cho người đăng ký quỹ**

Các ứng viên JV phải điền Biểu Danh sách kiểm tra E&S CTF ban đầu và nộp cho CTF cùng các tài liệu E&S hỗ trợ khác của các doanh nghiệp JV/hoạt động được đề xuất, nếu liên quan. Ngoài ra, trong trường hợp ứng viên đã nhận được kết quả sàng lọc E&S của các dự án và hoạt động được đề xuất của các cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại (VD: Bộ Môi trường...), các ứng viên JV cũng cần nộp tài liệu kết quả sàng lọc (VD: TOR, tài liệu xác định phạm vi do cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cấp).

<b>&lt;Biểu Danh sách kiểm tra E&amp;S ban đầu của CTF cho người đăng ký quỹ&gt;</b>						
<b>Thông tin người đăng ký</b>						
Tên cơ sở, công ty hoặc doanh nghiệp:						
Loại hoạt động và/hoặc dự án sẽ được tài trợ:			Mã ISIC:			
			Quy mô:			
Người liên hệ (E&S):			Chức vụ đảm nhiệm:			
SĐT:	Fax:		Email:			
<b>Địa điểm của hoạt động và/hoặc dự án đề xuất xin CTF tài trợ</b>						
Diện tích bề mặt (m <sup>2</sup> ):		Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> ):		Số tầng:		
Địa chỉ vật lý của vị trí:						
Vùng lân cận, làng hoặc thị trấn:						
Việc sử dụng đất trước đây/bằng chứng về ô nhiễm:						
Sử dụng đất liền kề:						
Vị trí – Loại khu vực (Đánh dấu X)						
Dân dụng		Thương mại		Hỗn hợp		Nông thôn
						Công nghiệp
						Khác (vui lòng ghi rõ).
<b>Mô tả hoạt động và/hoặc dự án đề xuất xin CTF tài trợ</b>						
Mô tả (các) hoạt động và quy trình của dự án: (các trang Phụ lục bổ sung nếu cần.)						
<b>Phân loại rủi ro E&amp;S quốc gia</b>						
Hoạt động và/hoặc dự án được đề xuất đã được cơ quan có thẩm quyền của quốc gia sàng lọc & phân loại rủi ro E&S chưa? (Đánh dấu X)						
RỒI		CHƯA		KHÔNG BIẾT		
[Nếu trả lời Có cho câu Q13] thì đã xác định là loại rủi ro nào? (Đánh dấu X) *Các quốc gia có thể có danh xưng khác nhau cho các nhóm dự án/hoạt động rủi ro cao/trung bình/thấp. Các quốc gia khác (VD: Philippin) thì phân loại phức tạp hơn so với ba nhóm. Nếu vậy, hãy mô tả trong phần [Khác:].						
Cao		Trung bình		Thấp		Khác (Vui lòng ghi rõ):
[Nếu trả lời Có cho câu Q13] thì có gửi tài liệu kết quả phân loại rủi ro không? (Đánh dấu X)						



CÓ		Liệt kê tài liệu đã nộp tại đây (Tiêu đề/Ngày phát hành/Cơ quan phát hành) (1) (2) (3)
----	--	---



KHÔNG		Lý do không nộp: _____		
<b>Kiểm tra tiêu chí loại trừ</b>				
Hoạt động và/hoặc dự án được đề xuất có thuộc bất kỳ Danh sách loại trừ nào của IFC* không? (Đánh dấu X) <i>* Danh sách Loại trừ IFC (2007) tại: <a href="https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics_ext_content/ifc_external_corporate_site/sustainability-at-ifc/company-Resources/ifcexclusionlist#2007">https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics_ext_content/ifc_external_corporate_site/sustainability-at-ifc/company-Resources/ifcexclusionlist#2007</a></i>	CÓ	(Vui lòng nêu rõ):		Không biết
Hoạt động và/hoặc dự án được đề xuất có thể tác động tiêu cực đến cộng đồng và người bản địa không?	CÓ			Không biết
Vui lòng giải thích.				
<b>Sàng lọc rủi ro E&amp;S ban đầu</b>				
<b>Các yếu tố rủi ro</b>	<b>C Ó</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>TBD</b>	
Các hoạt động này có liên quan đến các cơ sở liên kết và yêu cầu thẩm định (DD) thêm về các cơ sở liên kết đó không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Vui lòng biện giải về câu trả lời của bạn:				
Các hoạt động này có liên quan đến tác động xuyên biên giới bao gồm cả những tác động cần DD thêm và thông báo cho các bang bị ảnh hưởng không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Vui lòng biện giải về câu trả lời của bạn:				
Các hoạt động này có ảnh hưởng tiêu cực đến điều kiện làm việc và sức khỏe và an toàn của công nhân hoặc có thể tuyển dụng những nhóm người lao động dễ bị tổn thương bao gồm cả phụ nữ và trẻ em không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Vui lòng biện giải về câu trả lời của bạn:				
Các hoạt động này có liên quan đến trẻ em, trẻ vị thành niên, thanh thiếu niên và những người dễ bị tổn thương khác như người lao động, người hưởng lợi và đối tác chuyển giao hoặc thực hiện trong chuỗi cung ứng không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	
Vui lòng biện giải về câu trả lời của bạn:				
Các hoạt động này có trực tiếp gây ra và gián tiếp trở thành có lợi cho việc xây ra bất kỳ hành vi bóc lột, lạm dụng, quấy rối tình dục (SEAH)* hoặc bắt nạt nào ở bất kỳ bên và cá nhân liên quan nào không? <i>*Định nghĩa về SEAH (Định nghĩa của Liên hợp quốc):</i>				



<p>➤ <u><b>bóc lột tình dục:</b> bất kỳ hành vi lạm dụng thực tế hoặc cố ý lạm dụng một vị trí quyền lực khác biệt, dễ bị tổn thương, hoặc lòng tin vì mục đích tình dục. Bao gồm thu lợi nhuận tạm thời, về mặt xã hội hoặc chính trị từ việc bóc lột tình dục người khác. Theo quy định của Liên hợp quốc, nó bao gồm tình dục mang tính giao dịch, ga găm tình dục mang tính giao dịch và mối quan hệ bóc lột.</u></p> <p><u><b>lạm dụng tình dục:</b> sự xâm phạm thực tế hoặc bị đe dọa về thể chất có tính chất tình dục, dù bằng vũ lực hoặc trong những điều kiện không bình đẳng hoặc cưỡng bức. Nó bao gồm hành vi tấn công tình dục (cố gắng cưỡng hiếp, hôn/dùng chạm, ép buộc ai đó thực hiện quan hệ tình dục bằng miệng/dùng chạm) cũng như cưỡng hiếp. Theo quy định của Liên hợp quốc, mọi hoạt động tình dục với người dưới 18 tuổi đều bị coi là lạm dụng tình dục.</u></p> <p><u><b>quấy rối tình dục:</b> sự liên tục của các hành vi và hành động không được chấp nhận và không mong muốn có tính chất tình dục, có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở các gợi ý hoặc yêu cầu tình dục, yêu cầu ủng hộ tình dục và hành vi hoặc cử chỉ tình dục, lời nói hoặc thể chất, là hoặc có thể bị coi là hành vi xúc phạm hoặc sỉ nhục.</u></p>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<p>Các hoạt động này có liên quan đến trẻ em, thanh thiếu niên và những người dễ bị tổn thương (bao gồm phụ nữ, dân tộc thiểu số...) như người lao động, người hưởng lợi và đối tác chuyên giao trong chuỗi cung ứng không?</p>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<p>Vui lòng biện giải về câu trả lời của bạn:</p>			
<p>Các hoạt động này có khả năng tạo ra chất thải nguy hiểm và chất gây ô nhiễm bao gồm thuốc trừ sâu và làm ô nhiễm đất đai, sẽ phải nghiên cứu thêm về quản lý, giảm thiểu và kiểm soát và tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng về môi trường quốc tế hiện hành và quốc gia không?</p>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<p>Vui lòng biện giải về câu trả lời của bạn:</p>			
<p>Các hoạt động này có liên quan đến việc xây dựng, bảo trì và phục hồi cơ sở hạ tầng quan trọng (như đập, hồ chứa nước, cơ sở hạ tầng ven biển và bờ sông) mà yêu cầu đánh giá kỹ thuật và nghiên cứu an toàn thêm không?</p>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<p>Vui lòng biện giải về câu trả lời của bạn:</p>			
<p>Các hoạt động được đề xuất này có khả năng liên quan đến tái định cư và tước quyền sở hữu, thu nhận đất và dịch chuyển kinh tế của con người và cộng đồng không?</p>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>



Vui lòng biện giải về câu trả lời của bạn:			
Các hoạt động nằm trong hoặc ở lân cận các khu vực được bảo vệ và khu vực có ý nghĩa sinh thái bao gồm môi trường sống quan trọng, khu vực đa dạng sinh học quan trọng và các khu bảo tồn được quốc tế công nhận không?	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Vui lòng biện giải về câu trả lời của bạn:			
<p>Các hoạt động nằm trong các khu vực được coi là có giá trị khảo cổ (thời tiền sử), cổ sinh vật học, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật và tôn giáo hoặc có những đặc điểm được coi là di sản văn hóa quan trọng không?</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● Nếu câu trả lời là có, trong trường hợp di sản văn hóa được coi là một vấn đề quan trọng, thì có thể cần đánh giá tập trung ngay cả khi không yêu cầu đánh giá tác động môi trường và xã hội toàn diện. Vui lòng tham khảo luật và quy định của quốc gia để biết về yêu cầu hoặc liên hệ với Ban Thư ký GTF (và Chuyên gia bảo vệ E&amp;S của bạn.)</li> <li>● Trong mọi trường hợp, nếu các hoạt động được đề xuất liên quan đến các hoạt động gây xáo trộn mặt đất và/hoặc các thay đổi quy mô lớn về mô hình thủy văn, thì có thể di sản văn hóa vật thể sẽ xuất hiện bất ngờ trong quá trình xây dựng hoặc vận hành dự án. Do đó, cần lập <b>quy trình cơ hội-phát hiện</b> (*) như một phần của ESMS.</li> </ul> <p><i>* <u>Quy trình cơ hội-phát hiện là một quy trình dành riêng cho dự án nhằm phác thảo các hành động cần thực hiện nếu phát hiện di sản văn hóa trước đây chưa được biết đến. Khách hàng sẽ không làm phiền bất kỳ quy trình cơ hội-phát hiện nào cho đến khi có đánh giá của các chuyên gia có thẩm quyền và xác định các hành động nhất quán với yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này. Để biết thêm chi tiết, xem Phụ lục N bên dưới.</u></i></p>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>





<b>Diễn giải khác</b>
Vui lòng nêu rõ, nếu có bất kỳ tác động dự kiến nào khác của hoạt động/dự án được đề xuất:
<b>Các tài liệu hỗ trợ đã nộp:</b>
Vui lòng liệt kê các tài liệu gửi kèm theo Biểu này
Tài liệu đính kèm số 1:
Tài liệu đính kèm số 2:
Tài liệu đính kèm số 3:

**PHỤ LỤC E. Danh sách kiểm tra nhanh cho bên đăng ký quỹ về khả năng áp dụng IFC PS 7 đối với người bản địa (IP)**

- Danh sách kiểm tra này là một phần của ESMP cho hoạt động CTF. CTF sẽ không đầu tư vào các hoạt động/dự án có thể tạo ra tác động bất lợi (\*) đối với các cộng đồng và nhóm bản địa. (\* CTF sẽ không đầu tư vào bất kỳ hoạt động và doanh nghiệp được đề xuất nào mà yêu cầu sự đồng thuận về tự nguyện, được báo trước và được thông tin đầy đủ (FPIC) như quy định trong Chính sách về người bản địa của GCF (2019), đặc biệt trong Phần 7.2.)
- Người đăng ký Quỹ phải điền biểu này và nộp cho Ban Thư ký CTF cùng các gói đề xuất tài trợ khác. Vui lòng tham khảo Phụ lục O, Khung lập kế hoạch về người bản địa CTF (CTF IPPF) làm hướng dẫn cho người đăng ký Quỹ, nhằm chuẩn bị cho việc kinh doanh/doanh nghiệp đề xuất của mình, để xin tài trợ CTF phù hợp với các nguyên tắc chính của GCF IPP (2018) và Hướng dẫn vận hành GCF: IPP (2019). Dựa trên nội dung đã gửi, chuyên gia bảo vệ E&S của CTF sẽ xem xét để đánh giá khả năng áp dụng của dự án/hoạt động được đề xuất để phê duyệt tài trợ của CTF cho IFC PS 7 về người bản địa (IP). Chuyên gia bảo vệ E&S của CTF có thể yêu cầu người đăng ký Quỹ cung cấp thêm thông tin
- Khi điền vào biểu này, người đăng ký Quỹ có thể liên hệ với Ban Thư ký CTF/Chuyên gia bảo vệ E&S để:  
*[\*Thông tin liên hệ sẽ được cung cấp sau.]* được hướng dẫn và làm rõ.



**“Danh sách kiểm tra IP” cho người đăng ký Quỹ**

Tên của dự án được đề xuất:

\_\_\_\_\_

Được soạn và nộp bởi:

\_\_\_\_\_

Ngày nộp (Năm/Tháng/Ngày): \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_ / \_\_\_\_\_

*Vui lòng trả lời TẤT CẢ các câu hỏi trong danh sách.*

**Q1. Các hoạt động/ dự án được đề xuất có ảnh hưởng đến người bản địa (IP, \*) không?**

*(\*Để có hướng dẫn xác định xem dự án có IP là nhóm người có thể bị ảnh hưởng không, vui lòng xem: Chính sách về người bản địa của GCF (2018), & Hướng dẫn vận hành GCF: Chính sách về người bản địa (2019), IFC PS 7, đặc biệt là Đoạn 5~7 & IFC PS 7 GN 6~GN 8.)*

*Vui lòng kiểm tra với chuyên gia IP để trả lời các câu hỏi này.*

- Có
- Không
- Không biết

Nếu “Có”,

- ① Tên của (những) nhóm liên quan: \_\_\_\_\_
- ② Quy mô dân số gần đúng: \_\_\_\_\_
- ③ Vị trí & đất (& các tài nguyên thiên nhiên khác) mà nhóm hoặc cộng đồng gần đó: \_\_\_\_\_

Nếu “Có” (Vui lòng đánh dấu vào tất cả những ý kiến phù hợp & nói rõ.)

- Đặc tính và phẩm giá của người bản địa (\*) / Vui lòng nêu rõ.

\_\_\_\_\_

(\* Điều 15 của UNDRIP<sup>43</sup> quy định rằng “Người bản địa có quyền đối với phẩm giá và sự đa dạng về văn hóa, truyền thống, lịch sử và nguyện vọng của họ [...]” Hiệp ước số 169(1989)<sup>44</sup> của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) cũng tập trung vào về quyền của người trong bộ lạc và bản địa, nhấn mạnh sự tôn trọng đối với văn hóa, truyền thống và thể chế của họ, và thúc đẩy họ tham gia đầy đủ vào tất cả vấn đề liên quan đến họ. Do đó, trong tất cả quá trình chuẩn bị và thực hiện các dự án/hoạt động được đề xuất, bên đăng ký cần hiểu biết về lịch sử, bản sắc và đóng góp độc đáo của người bản địa có liên quan cho xã hội, và khẳng định và tôn trọng quyền của họ đối với việc duy trì và thực hành lối sống truyền thống. Ngoài ra, phẩm giá của người bản địa cũng phản ánh cam kết duy trì nhân quyền của họ về người bản địa.)

- Tiếp cận nguồn đất và nước, lãnh thổ và các nguồn tài nguyên truyền thống bản địa / Vui lòng nêu rõ.

\_\_\_\_\_

- Tác động môi trường đến đất đai, lãnh thổ và tài nguyên truyền thống của người bản địa/ Vui lòng nêu rõ.

<sup>43</sup> Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của người bản địa, 2007 (61/296)

<sup>44</sup> Hiệp ước về người trong bộ lạc và bản địa, 1989 (Số 169)



	<p>_____</p> <p><input type="checkbox"/> Địa điểm linh thiêng/ Vui lòng nêu rõ.</p> <p>_____</p> <p><input type="checkbox"/> Sinh kế dựa vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên,/ Vui lòng nêu rõ.</p> <p>_____</p> <p><input type="checkbox"/> An ninh lương thực/ Vui lòng nêu rõ. _____</p> <p><input type="checkbox"/> Sự tồn tại của văn hóa/ Vui lòng nêu rõ.</p> <p>_____</p> <p><input type="checkbox"/> Khác (VD: Truyền, quảng bá và bảo vệ kiến thức và công nghệ của người bản địa)/ Vui lòng nêu rõ.</p> <p>_____</p> <p><input type="checkbox"/> Tiếp cận nguồn gen, kiến thức truyền thống và di sản văn hóa phi vật thể khác...)/ Vui lòng nêu rõ:</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>Nếu “Tôi không biết”, vui lòng kiểm tra với chuyên gia IP để trả lời câu này.</p>
<p><b>Q 1.1. Các lĩnh vực hoạt động ảnh hưởng (AoI) có sự hiện diện của bất kỳ cộng đồng và nhóm IP nào không?</b></p>	
<p><input type="checkbox"/> Có</p> <p><input type="checkbox"/> Không</p> <p><input type="checkbox"/> Không biết</p>	<p>Nếu “Có”, cộng đồng hoặc nhóm IP liên quan có chiếm giữ chúng không (vui lòng đánh dấu vào ô thích hợp)</p> <p>① toàn bộ AoI? ( ), hoặc,</p> <p>② chỉ một phần AoI? ( )</p> <p>Nếu “Tôi không biết”, vui lòng cân nhắc việc nhờ chuyên gia IP trả lời câu này.</p>
<p><b>Q 1.2. Chuỗi cung ứng của các hoạt động được đề xuất có bao gồm bất kỳ cộng đồng và nhóm IP nào không?</b></p>	
<p><input type="checkbox"/> Có</p> <p><input type="checkbox"/> Không</p> <p><input type="checkbox"/> Không biết</p>	<p>Nếu “Có”, vui lòng giải thích. _____</p> <p>Nếu “Tôi không biết”, vui lòng cân nhắc việc nhờ chuyên gia IP trả lời câu này.</p>
<p><b>Q 1.3. [Ngoài Câu hỏi 1.1 &amp; Câu hỏi 1.2] dự án/hoạt động được đề xuất sẽ ảnh hưởng tiêu cực hoặc tích cực [như thế nào] đến các nhóm và cộng đồng của người bản địa?</b></p>	
<p><input type="checkbox"/> Có</p> <p><input type="checkbox"/> Không</p> <p><input type="checkbox"/> Không biết</p>	<p>Nếu “Có”, vui lòng giải thích. _____</p> <p>Nếu “Tôi không biết”, vui lòng cân nhắc việc nhờ chuyên gia IP trả lời câu này.</p>
<p><b>Q 1.4. Những nhóm liên quan có tự nhận dạng là người bản địa không?</b></p>	
<p><input type="checkbox"/> Có</p> <p><input type="checkbox"/> Không</p> <p><input type="checkbox"/> Không biết</p>	<p>Nếu “Có”, vui lòng giải thích. _____</p> <p>Nếu “Tôi không biết”, vui lòng cân nhắc việc nhờ chuyên gia IP trả lời câu này.</p>



<p><b>Q 2. Các hoạt động/dự án được đề xuất có phải tư vấn cho người bản địa và nhận được sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC) của các cộng đồng người bản địa bị ảnh hưởng không?</b></p> <p><i>(*Về định nghĩa FPIC, vui lòng xem: GCF IPP Phần 7.2, IFC PS 7 Đoạn 12. Và GN 25./ Đối với các trường hợp bắt buộc phải có FPIC, hãy xem IFC PS 7 Đoạn 13~17 &amp; IFC PS 7 GN 24~GN 26.)</i></p> <p><i>Vui lòng kiểm tra với chuyên gia IP để trả lời các câu này.</i></p>	
<p><input type="checkbox"/> Có</p> <p><input type="checkbox"/> Không</p> <p><input type="checkbox"/> Không biết</p>	<p>Nếu “Có”, vui lòng giải thích. _</p> <p>Nếu “Tôi không biết”, vui lòng cân nhắc việc nhờ chuyên gia IP trả lời câu này.</p>



**PHỤ LỤC F. Biểu Sàng lọc E&S và giới cho người quản lý E&S CTF (ESM)/ESGCT**

ESGCT của CTF sẽ điền vào biểu này sau khi kiểm tra tất cả các đánh giá E&S và các tài liệu nghiên cứu khác do các ứng viên JV nộp. ESM có thể liên hệ với ứng viên JV để kiểm tra thêm, và nếu cần thì tiến hành ghé thăm thực địa và tham vấn với ứng viên JV và/hoặc các bên liên quan khác.

Biểu sàng lọc do ESM của CTF điền sẽ được nộp để ủy ban liên quan của CTF đánh giá trước khi có quyết định phê duyệt của IC.

<b>Biểu Sàng lọc E&amp;S CTF</b>			
<b>Tên dự án:</b>	<b>Quốc gia:</b>	<b>ID của dự án:</b>	<b>Sàng lọc danh sách loại trừ</b> ( <i>Theo Danh sách Loại trừ của IFC / Xem Phụ lục A của ESMS này</i> ):  Y / N
			<b>Phân loại rủi ro tạm thời</b>  A / B / C
<b>Người đánh giá E&amp;S:</b>	<b>Phê duyệt E&amp;S:</b>	<b>Ngày đánh giá:</b>	<b>Tình trạng của dự án:</b> Đề xuất / Xây dựng / Vận hành
<b>Đầu tư được đề xuất:</b>			<b>TA sẽ cung cấp:</b>  Y / N
<p>Mô tả ngắn gọn về dự án:</p> <p>Tóm tắt các vấn đề E&amp;S, giới/SEAH tiềm ẩn:</p> <p>Khi đánh giá, các vấn đề chính được xác định là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>•</li> <li>•</li> <li>•</li> <li>•</li> </ul>			

Vấn đề	Các câu hỏi được dùng để đánh giá các rủi ro EHS tiềm ẩn và xác định loại rủi ro tổng thể	Rủi ro H/M/L hoặc không có.	Biện giải về rủi ro
<b>CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG</b>			
<b>Lĩnh vực ảnh hưởng</b>	Dự án có lĩnh vực ảnh hưởng lớn và có tất cả các cơ sở liên quan bao gồm cả RoW cho bất kỳ đường truyền nào được đánh giá không?		
<b>Ô nhiễm</b>	Khả năng gây ô nhiễm đáng kể về không khí, đất hoặc nước.		
<b>Mất môi trường sống và tác động đến đa dạng sinh học</b>	Dự kiến là dự án sẽ dẫn đến thay đổi trong việc sử dụng đất, ví dụ: rừng sang nông nghiệp; nông nghiệp sang nông nghiệp/công nghiệp thâm canh hơn/công nghiệp không? Điều này có liên quan đến giải phóng mặt bằng và/hoặc rủi ro ô nhiễm nước không? Việc sử dụng hoặc tác động đến các khu vực đặc biệt dễ bị tổn thương như đất ngập nước?		
<b>Sử dụng tài nguyên</b>	Việc tiêu thụ nước hoặc xử lý nước thải có thể tác động đáng kể đến những người dùng khác của nguồn cấp nước này không?		
<b>Tài nguyên thiên nhiên</b>	Dự kiến là dự án có gây ra bất kỳ vấn đề nào dưới đây không? <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Xói mòn đất</li> <li>✓ Suy giảm trữ lượng cá</li> <li>✓ Phá rừng</li> <li>✓ Khai hoang đất</li> </ul>		
<b>Chuỗi cung ứng</b>	Nguyên liệu từ các nguồn bền vững đúng không?		
<b>Đất bị ô nhiễm</b>	Có nguy cơ tiềm ẩn nào về ô nhiễm đất do các hoạt động trong quá khứ tại địa điểm (nông nghiệp & công nghiệp) không? Các thùng chứa có được đậy đậy không? Tiêu chuẩn bảo quản thùng là gì? Có tình trạng rò rỉ rõ ràng không? Thái bộ chung đối với giấy/nhựa? Xử lý chất thải công nghiệp/hóa học? Ô nhiễm chất thải hữu cơ? Nước không an toàn/bị ô nhiễm?  Có bất kỳ hồ sơ nào về khiếu nại và tranh chấp liên quan đến ô nhiễm nước và đất, liên quan đến các hoạt động/dự án tương tự (như đơn đăng ký) trước đây của đơn vị đăng ký không?		
<b>CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI, GIỚI/SEAH</b>			





<p><b>Mất việc làm đáng kể</b></p>	<p>Dự kiến có phát sinh tình trạng mất việc làm hoặc dịch chuyển kinh tế đáng kể từ dự án hay việc tái cơ cấu khoản đầu tư không? Hay chúng đã xảy ra do dự án rồi?</p>		
<p><b>Dự án và các cơ sở liên kết, lĩnh vực ảnh hưởng và TL: Tái định cư</b></p>	<p>Việc xây dựng hoặc vận hành dự án có dẫn đến (hoặc đã dẫn đến) tình trạng tái định cư hoặc dịch chuyển kinh tế của người dân, một cách không tự nguyện hay bằng cách khác không? Nếu vậy, đã/sẽ có RAP/Kế hoạch khôi phục sinh kế (LRP) đúng không? Đã bồi thường chưa? Có giám sát điều này không? Có bất kỳ khiếu nại/nợ tồn đọng nào không? Nếu người bản địa tham gia thì có nhận được FPIC của họ không? Đã lập cơ chế khắc phục phù hợp, có ý nghĩa chưa?</p>		
<p><b>Mối lo ngại của các bên liên quan</b></p>	<p>Các bên liên quan (bao gồm người bản địa và NGO) hiện có đang thể hiện sự lo ngại về dự án hoặc bất kỳ nhà đầu tư/nhà thầu nào không? Những lo ngại này có thể xảy ra không? Đơn vị có cơ chế GRM vận hành đúng không? Đơn vị có tích cực giải quyết những khiếu nại đã nộp, có gắng giải quyết chúng không?</p>		
<p><b>Bóc lột sức lao động</b></p>	<p>Có rủi ro là sẽ không xây dựng/vận hành dự án phù hợp với các yêu cầu PS2/hiệp ước ILO cơ bản không? VD: lao động trẻ em hoặc lao động bị cưỡng bức, phân biệt đối xử, không cho phép tự do liên kết và thương lượng tập thể  Đơn vị có bất kỳ hồ sơ nào về vi phạm quyền lao động trong quá khứ không? Bất kỳ vụ kiện liên quan nào đang diễn ra hoặc được kết án là đơn vị đó có tội trong 5 năm qua.</p>		
<p><b>Người bản địa</b></p>	<p>Dự án sẽ/có ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến người bản địa? Họ đã được tư vấn đúng cách chưa? Đã nhận được sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC) của họ chưa? Có hỗ trợ cộng đồng rộng rãi cho dự án không? <i>*Xem Phụ lục E để biết chi tiết.</i></p>		

<p><b>Di sản văn hóa</b></p>	<p>Dự án được phân bổ có ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến di sản văn hóa không?</p>		
<p><b>SEAH</b></p>	<p>Dự án có được coi là hoạt động đầu tư có thể để các cá nhân là vị thành niên, thanh thiếu niên và/hoặc người dễ bị tổn thương làm nhân viên, người hưởng lợi hoặc đối tác chuyên giao/ thực hiện trong chuỗi giá trị của dự án/hoạt động được đề xuất không? Đơn vị có hồ sơ hoạt động kém về SEAH trong quá khứ không?</p> <p>Quốc gia có luật cấm quấy rối tình dục/theo dõi nói chung không?/ Luật lao động có cấm quấy rối tình dục ở nơi làm việc không?</p> <p>Công nhân nam có tràn vào khu vực dự án (trái ngược với việc chỉ dùng lao động địa phương) không?</p>		



**PHỤ LỤC G. Mẫu đánh giá năng lực quản lý E&S**

Các JV và bất kỳ đơn vị đăng ký nào khác có dự án/hoạt động đề xuất được phân loại là B hoặc C, với những lo ngại về rủi ro nổi bật có chọn lọc về một vấn đề cụ thể, thì sẽ được đánh giá về E&S và giới hạn và sẽ phải cung cấp tài liệu hỗ trợ cho ESM của CTF để đánh giá. Trong quá trình này, CTF có thể yêu cầu phỏng vấn đầu mối của các ứng viên JV, thăm địa điểm hoạt động của đơn vị hoặc yêu cầu bên thứ ba xác minh, nếu thấy cần.

Có thể dùng mẫu này cho bất kỳ đơn vị đăng ký CTF nào (chủ yếu là toàn cầu nhưng cũng có thể là địa phương) ở trạng thái tăng tốc toàn cầu (Phần 2 của chương trình), hoặc bất kỳ JV nào đăng ký CTF ở giai đoạn đăng ký tài trợ (Phần 3 của chương trình).

<b>Phân tích quản lý E&amp;S (do nhà phân tích hoàn thành)</b>					
Chi nhánh và quốc gia:			ID của JV/đơn vị đăng ký:		
Tên của JV/đơn vị đăng ký:					
<b>Loại: B / C</b>					
Đánh dấu X vào tình hình hiện tại của hoạt động và/hoặc dự án sẽ được tài trợ. * IP = đang xử lý; N/A = không áp dụng					
<b>Phần 1. Rủi ro về sức khỏe và an toàn</b>					
<b>Chủ đề</b>	<b>Vấn đề</b>	<b>Có</b>	<b>IP *</b>	<b>Không</b>	<b>N/A*</b>
<b>Tham vấn với người lao động</b>	Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp có trong tư vấn lao động không?				
<b>Kiểm tra</b>	Có kiểm tra việc tuân thủ và kiểm tra về sức khỏe và an toàn thường xuyên và hiệu quả không?				
<b>Đang chờ truy tố</b>	Có bất kỳ vụ truy tố nào trước đây hoặc đang chờ xử lý liên quan đến vi phạm về sức khỏe và an toàn của công ty hoặc các nhà tài trợ dự án không?				
<b>Hồ sơ H&amp;S</b>	Hồ sơ sức khỏe và an toàn hiện tại của công ty hoặc các nhà tài trợ là gì?				
<b>Cộng đồng</b>	Có bất kỳ rủi ro nào về sức khỏe và an toàn đối với cộng đồng địa phương liên quan đến khoản đầu tư không?				
<b>Chương trình đào tạo</b>	Có cung cấp đào tạo chung và cụ thể về an toàn không?				
<b>Nâng tải</b>	Các cung cấp hỗ trợ nâng cơ học khi cần không?				
<b>Báo cáo và điều tra tai nạn</b>	Có báo cáo về tai nạn không? Có giữ số liệu thống kê không? Có tiến hành điều tra không?				
<b>Kế hoạch bảo trì</b>	Có chương trình bảo trì phòng ngừa không?				
<b>An toàn máy móc: tấm chắn và điện</b>	Các tấm chắn máy móc có phù hợp không? Nơi làm việc có gọn gàng không? Có đủ ánh sáng không?				

<b>Hệ thống giấy phép làm việc</b>	Có dùng hệ thống “giấy phép làm việc” để đảm bảo rằng thiết bị an toàn trước khi bắt đầu bảo trì không?				
<b>An toàn về điện, đường dây trên cao, tủ điện</b>	Việc lắp đặt điện có tiêu chuẩn hợp lý không? Thợ điện có được đào tạo không? (tiêu chuẩn IEE)				
<b>Nguy cơ cháy nổ</b>	Có nguy hiểm về cháy nổ như bụi (bột, đường), LPG, nhiên liệu, dung môi không? Có hệ thống báo động không? và có cung cấp thiết bị chữa cháy không (cung cấp đủ nước, bình chữa cháy)? Sê xô nước chữa cháy bị ô nhiễm đi đâu?				
<b>Vận chuyển người và vật liệu</b>	Có tiêu chuẩn bắt buộc đối với tài xế của công ty không? Có kiểm tra y tế và năng lực không?				
<b>Bụi, khói độc hại</b>	Có dùng hóa chất/vật liệu nguy hiểm (VD: dung môi, bụi, amiăng, thuốc trừ sâu không và công nhân có tiếp xúc với chúng không?				
<b>Cung cấp thiết bị bảo hộ cá nhân</b>	Có lắp đặt thiết bị bảo vệ/thông gió/hút không hoặc có cung cấp thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp không?				
<b>Mức độ tiếng ồn</b>	Mức độ tiếp xúc với tiếng ồn của nhân viên có vượt quá 85 dB(A) không? Nếu có thì có cung cấp đồ bịt tai hay nút tai và có dùng không?				
<b>Tiến hành sơ cứu</b>	Có cung cấp thiết bị sơ cứu không? Nhân viên sơ cứu có được đào tạo không?				
<b>Kế hoạch theo dõi sức khỏe</b>	Có tiến hành khám sức khỏe trước khi đi làm và định kỳ (VD: mắt thính lực, tiếp xúc với hóa chất, chức năng phổi) khi cần không?				
<b>Kế hoạch khẩn cấp và diễn tập</b>	Có tiến hành diễn tập về phòng cháy/an toàn không? Có kế hoạch khẩn cấp cho sự cố tại chỗ và ngoài địa điểm không?				
<b>Phần 2. Rủi ro về môi trường</b>					
<b>Luật áp dụng</b>	Luật, tiêu chuẩn và quy định về môi trường địa phương áp dụng cho việc đầu tư. Công ty hoặc các nhà tài trợ dự án có nhận được chứng nhận hoặc giấy phép liên quan mới nhất về môi trường không? Các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường có liên quan? Sử dụng Hướng dẫn EHS?				
<b>Quản lý rủi ro</b>	Quá trình xác định, giảm thiểu và quản lý rủi ro môi trường là gì?				
<b>Chất lượng nước</b>	Việc tiêu thụ nước hoặc xử lý nước thải có thể ảnh hưởng đến những người dùng khác của nguồn cấp nước này không? (Các Nguồn & số lượng nước theo yêu cầu? Xử lý				

	dòng thải hay thải ra công thoát nước công cộng?				
<b>Hồ sơ theo dõi môi trường</b>	Đã có sự cố môi trường nào được báo cáo với nhà tài trợ dự án hoặc công ty trong 5 năm qua chưa? Nếu có, hãy cung cấp chi tiết.				
<b>Đa dạng sinh học</b>	Giao dịch đã xác định và giải quyết tất cả các tác động đa dạng sinh học trong hoạt động của nó thông qua đánh giá tác động môi trường chưa?				
<b>Bảo tồn tài nguyên</b>	Có hồ sơ và mục tiêu về sử dụng năng lượng và tài nguyên khác không?				
<b>Chất lượng không khí địa phương</b>	Chất lượng không khí tại nơi làm việc, tại địa điểm và khu vực xung quanh có đạt yêu cầu không? Bụi, khói hoặc khí thải khác từ xe cộ, nhà máy hoặc thiết bị? Có lắp đặt hệ thống giảm thiểu hiệu quả không?				
<b>Sự suy giảm tầng ozone</b>	Có dùng clorofluorocarbon (CFC) trong hệ thống làm lạnh hoặc điều hòa không khí không? Cần nhắc biện pháp thay thế?				
<b>Chất nguy hiểm</b>	Có chất nguy hiểm trong quá trình này không? Có quản lý chúng hiệu quả không? PCB có trong dầu máy biến thế không? Các thùng chứa có được đậy đê không?				
<b>Chất thải rắn</b>	Chương trình giảm thiểu chất thải: tái chế, tái sử dụng vật liệu đóng gói?				
<b>Đất bị ô nhiễm</b>	Có dấu hiệu ô nhiễm đất từ các hoạt động trong quá khứ tại địa điểm này (nông nghiệp & công nghiệp) không?				
<b>Tác động về tiện ích</b>	Có tiếng ồn hoặc cản trở nào khác không?				
<b>Phần 3. Rủi ro về xã hội</b>					
<b>Lương thấp</b>	Tiền lương có bằng hoặc gần bằng mức lương tối thiểu không? Có khả năng giảm xuống dưới mức đủ để đáp ứng nhu cầu cơ bản?				
<b>Phát triển cộng đồng</b>	Việc đầu tư có đóng góp cho bất kỳ chương trình phát triển cộng đồng nào thông qua quyên góp tài chính hoặc bằng những cách khác không? Hoạt động của công ty có thể có tác động gì đến cộng đồng địa phương, người dân địa và các bên liên quan khác?				
<b>Chính sách</b>	Chính sách về nguồn nhân lực hiệu quả có phù hợp không?				
<b>Hợp đồng</b>	Hợp đồng lao động có phù hợp với nhân viên không?				

<b>Cấu trúc tư vấn nơi làm việc</b>	Có cơ chế khiếu nại hiệu quả không? (Cần có sự chăm sóc đặc biệt ở các nước có luật hạn chế công đoàn.)				
<b>Lao động trẻ em</b>	Có thuê trẻ em dưới 18 tuổi không? Nếu có thì họ làm loại công việc gì và bao nhiêu tuổi?				
<b>Phân biệt đối xử</b>	Công ty có phân biệt đối xử về giới tính, chủng tộc, màu da, khuyết tật, quan điểm chính trị, tôn giáo hay nguồn gốc xã hội không?				
<b>Lao động cưỡng ép</b>	Có trích bắt kỳ công việc nào dưới sự đe dọa hoặc hình phạt, VD: người sử dụng lao động có giữ giấy tờ tùy thân của người lao động không?				
<b>Cắt giảm</b>	Dự kiến là có phát sinh tình trạng mất việc làm do đầu tư (VD: tư nhân hóa, tái cơ cấu) không?				
<b>Tiếp cận các cơ sở hoặc dịch vụ</b>	Tiêu chuẩn của cơ sở hoặc dịch vụ hiện có hoặc được đề xuất - nhà ở, giáo dục, y tế, thực phẩm, nước?				
<b>Lực lượng lao động không phải địa phương</b>	Doanh nghiệp (hoặc nhà thầu phụ) có nhận người lao động không phải địa phương mà yêu cầu chỗ ở và tiếp cận các cơ sở trong thời gian trên 3 tháng không?				
<b>SEAH</b>	<p>Dự án có Bộ quy tắc ứng xử cấm công nhân SEAH không? Dự án có lập kế hoạch đào tạo tất cả công nhân dự án về Quy tắc ứng xử, SEAH và những hành vi bị cấm không?</p> <p>Quy trình tuyển dụng có phù hợp không, và có bố trí ít nhất 2 người cho hội đồng phỏng vấn không?</p> <p>Dự án có GRM để các thành viên cộng đồng nêu lên các khiếu nại và lo ngại liên quan đến SEAH không, và nó có bảo mật và lấy người sống sót làm trung tâm, với nhiều kênh báo cáo không?</p> <p>Có quy trình bằng văn bản để giải quyết các khiếu nại hoặc lo ngại về SEAH, và có nhân viên nữ tận tâm và được đào tạo để ứng phó với những vấn đề này (nếu không có chuyên gia) không?</p> <p>Có thông báo cho cộng đồng về các rủi ro SEAH tiềm ẩn đối với dự án và cách ngăn ngừa chúng và sử dụng GRM không?</p> <p>Có bố trí cơ sở riêng biệt cho nam giới và nữ giới ở tất cả các địa điểm làm việc không?</p>				
<b>Tái định cư/Dịch chuyển kinh tế</b>	Có di chuyển hoặc loại trừ mọi người ra khỏi địa điểm đầu tư không, đặc biệt là trên cơ sở không tự nguyện? Nếu điều này liên quan đến người bản địa, thì có tư vấn cho họ				

	không? Họ đã đưa ra FPIC của mình để được tái định cư và đã thiết lập cơ chế giải quyết chưa?				
<b>Chuỗi giá trị</b>	Đã thực hiện đánh giá đề hiệu hướng hoạt động và chuỗi giá trị (chuỗi cung ứng, phân phối) đối với các hiểm họa khí hậu chưa?				
<b>Người bản địa</b> <i>(* Để biết định nghĩa và xác định người bản địa, xem Đoạn 14 và 15 của Chính sách về người bản địa của GCF (2018).</i>	Các doanh nghiệp/việc kinh doanh/hoạt động được đề xuất có ảnh hưởng tích cực đến người bản địa không?				
	Các doanh nghiệp/việc kinh doanh/hoạt động được đề xuất có ảnh hưởng tiêu cực đến người bản địa không?				
<b>Tài sản văn hóa</b>	Việc đầu tư có ảnh hưởng đến khu vực tôn giáo, tổ tiên hoặc bản địa, hoặc tài nguyên thiên nhiên được người địa phương gán cho ý nghĩa văn hóa/linh thiêng không?				
Tên và chữ ký của người phân tích hoặc tư vấn:					





**PHỤ LỤC H. Tóm tắt đánh giá môi trường và xã hội CTF (ESRS)**

Dựa trên các tài liệu E&S mà ứng viên JV đã nộp, CTF sẽ chuẩn bị ESRS về dự án/hoạt động đăng ký. ESM và EAC sẽ đưa ra ESRS để IC đưa ra quyết định tài trợ sơ bộ và chính thức. Tài liệu này cũng bao gồm tóm tắt đánh giá về giới và SEAH.

Số của dự án ESRS: \_\_\_\_\_

**Quốc gia:**

**Dự án:**

**Phân loại môi trường B / C**

**Ngày:**

A. Mô tả dự án

B. Phân loại E&S

C. Tiêu chuẩn áp dụng

Tất cả các tiêu chuẩn hoạt động đều có thể áp dụng cho việc đầu tư này, dựa trên thông tin hiện tại, khoản đầu tư sẽ có những tác động cần được quản lý phù hợp với các Tiêu chuẩn hoạt động sau:

- PS1: Đánh giá và quản lý rủi ro và tác động E&S
- PS2: Điều kiện làm việc và lao động (bao gồm cả SEAH)
- PS3: Hiệu quả tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm
- PS4: Sức khỏe, an toàn & an ninh cộng đồng (bao gồm cả SEAH)
- PS5: Thu nhận đất và tái định cư không tình nguyện
- PS6: Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên sống
- PS7: Người bản địa
- PS8: Di sản văn hóa

D. Các tài liệu chính và phạm vi đánh giá E&S

Vào (Ngày) chuyên gia về môi trường/xã hội/giới/SEAH (Tên) đã tiến hành ghé thăm địa điểm ESDD. Chuyên thăm thực địa bao gồm đi thăm các cơ sở của dự án và các cơ sở liên kết và những người bị dự án ảnh hưởng. Các cuộc họp được tiến hành với đại diện của ##, đại diện của người bản địa và cộng đồng bị ảnh hưởng.

Ngoài chuyến thăm địa điểm DD, ESM (Tên) đã đánh giá các tài liệu dưới đây:

- ESIA
- Báo cáo nghiên cứu về tính khả thi
- Đánh giá về giới và Kế hoạch hành động về giới
- Đánh giá SEAH và Kế hoạch hành động về SEAH (nếu có thể áp dụng)
- Khác: \_\_\_\_\_

Các tài liệu này đánh giá đầy đủ các rủi ro và tác động đến môi trường/xã hội/giới/SEAH của dự án XX và cung cấp cơ sở vững chắc cho việc giảm thiểu thích hợp các rủi ro và tác động đến môi trường/xã hội/giới/SEAH do Dự án này gây ra.

E. Các vấn đề chính và biện pháp giảm thiểu

- PS1: Đánh giá và quản lý rủi ro và tác động E&S

- *Đánh giá xã hội và môi trường & xã hội/giới và SEAH*
- *Chương trình quản lý:*
- *Giám sát và báo cáo:*
- *Năng lực tổ chức:*
- *Khác:*

- PS2: Điều kiện làm việc và lao động

- *Quy trình và chính sách HR:*
- *Sức khỏe và an toàn lao động:*
- *Đào tạo công nhân:*
- *Điều kiện về giới và SEAH (cấp độ chỉ định quốc gia/xã hội/cộng đồng/dự án)*
- *Khác:*



- PS3: Hiệu quả tài nguyên và ngăn ngừa ô nhiễm

- |   |
|---|
| <ul style="list-style-type: none"><li>- <i>Giai đoạn xây dựng:</i></li><li>- <i>Trong quá trình hoạt động:</i></li><li>- <i>Khác:</i></li></ul> |
|---|

<ul style="list-style-type: none"><li>• PS4: Sức khỏe, an toàn &amp; an ninh cộng đồng</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Xây dựng và vận hành:</li><li>- Bố trí bảo mật:</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>• Điều kiện về giới và SEAH (cấp độ chỉ định quốc gia/xã hội/cộng đồng/dự án)</li><li>- Khác:</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>• PS6: Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên sống</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Quy trình cấp phép về môi trường và sự tham gia của cộng đồng:</li><li>- Khác:</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>• PS7: Người bản địa</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Tác động tiêu cực đến người bản địa: (Đất, nước và tài nguyên thiên nhiên thuộc quyền sở hữu truyền thống hoặc sử dụng theo tập quán/di dời IP/di sản văn hóa...):</li><li>- Nhu cầu về việc chính thức nhận được sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự do, được báo trước, được cung cấp thông tin (FPIC) (các yêu cầu pháp lý của nước sở tại và yêu cầu của Chính sách về người bản địa GCF (2018)...):</li><li>- Ứng dụng công nghệ do người bản địa lãnh đạo:</li><li>- Tư vấn, tham gia và đưa người bản địa vào việc thiết kế các hoạt động/kinh doanh được đề xuất:</li><li>- Khác (cá tính, phẩm giá, giá trị văn hóa, lịch sử, tinh thần và kinh tế, lối sống...):</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>• PS8: Di sản văn hóa</li></ul>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Kết quả sàng lọc &amp; quy định của quốc gia:</li><li>- Quy trình cơ hội-phát hiện:</li><li>- Khác:</li></ul>



**PHỤ LỤC I. Mẫu biên bản cuộc họp của Ủy ban Đầu tư sơ bộ (PIC) của CTF (Phần về E&S, giới/SEAH)**

Sau khi thiết kế và xác nhận mẫu biên bản cuộc họp toàn PIC về chương trình tổng thể, sẽ thêm các nội dung bên dưới dưới dạng tiêu mục vào mẫu để đánh giá và cân nhắc phần E&S trước khi đưa ra quyết định liên quan đến đầu tư mà không bỏ sót.

**Mẫu Biên Bản Cuộc Họp Quyết Định Đầu Tư Cuối Cùng**

Tên dự án	Quốc gia	ID của dự án:	Lựa chọn tiêu cực (IP):
			Đã xóa / Không xóa
			Sàng lọc danh sách loại trừ:
			Đã xóa / Không xóa
<b>Người đánh giá E&amp;S:</b>	<b>Phê duyệt E&amp;S: Y / N</b>  <b>NẾU CÓ:</b> Với điều kiện - > Điền vào phần bên dưới: “Điều kiện đối với ESMP”)	<b>Ngày nộp ESRS;</b>	Tình trạng của dự án : Đề xuất / Xây dựng / Vận hành
<b>Đề xuất đầu tư:</b>			TA sẽ cung cấp: Y / N

**PHẦN 1. MÔ TẢ CHUNG**

1.1. Mô tả ngắn gọn dự án:

- 
- 
- 

1.2. ESIA/IEE/ESMP/GA & GAP (bao gồm cả SEAH) đã chuẩn bị và tuân thủ IFC PS?

1.3. ESMMP do ESM của Chương trình và các bên được đầu tư chuẩn bị và thống nhất? Nhà thầu/người vận hành?

1.4. Tất cả các giấy phép và cấp phép liên quan phù hợp (bao gồm giấy phép về môi trường, phê duyệt ESIA của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại)?

1.5. Tóm tắt các vấn đề môi trường và xã hội và giới/SEAH tiềm ẩn (lấy từ ESRS –đính kèm tài liệu này): Trong quá trình đánh giá đầu tư, các vấn đề chính được xác định là:

- 
-



1.6. Đã chuẩn bị (& đính kèm) ESAP cho dự án chưa?

1.7. Nếu vậy, nhà thầu/người vận hành và các đối tác chuyển giao/thực hiện có liên quan khác trong chuỗi giá trị có đồng ý và ký kết nó không?

1.8. Chuyên gia E&S (nội bộ hoặc bên ngoài CTF) có xác nhận rằng có thể quản lý rủi ro E&S theo Chính sách E&S của chương trình và các tiêu chuẩn liên quan, như quy định trong CTF ESMS không?

1.9. Chuyên gia về giới/SEAH (nội bộ hoặc bên ngoài CTF) có xác nhận rằng có thể quản lý bất kỳ rủi ro nào liên quan đến giới và SEAH theo Chính sách về giới CTF và các tiêu chuẩn liên quan, như quy định trong CTF ESMS không?



**PHẦN 2. ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI ESAP**

2.1. Nếu Ủy ban đồng ý phê duyệt một số điều kiện về quản lý E&S, giới/SEAH thì hãy liệt kê chúng xuống dưới:

2.2. Đề xuất các khuyến nghị khác.



**PHỤ LỤC J. Đề cương trình bày của ESIA cho các dự án loại B của CTF**

- Tóm tắt dự án
- Khung pháp lý và thể chế
- Mô tả dự án
- Dữ liệu cơ bản
- Rủi ro và tác động E&S (bao gồm cả SEAH)
- Biện pháp giảm thiểu
- Phân tích các thay thế
- Các biện pháp và hành động chính cho các kế hoạch cam kết E&S (bao gồm cả SEAH)

(Để biết thêm chi tiết, hãy xem WB ESF ESS 1- Phụ lục 1. D. Đề cương trình bày của ESIA/  
<https://www.worldbank.org/en/projects-operations/environmental-and-social-framework/brief/environmental-and-social-standards>)

(Để biết thêm chi tiết về đánh giá rủi ro SEAH và kế hoạch giảm thiểu, hãy xem: Hướng dẫn đánh giá rủi ro về Bóc lột, lạm dụng và quấy rối tình dục (SEAH) GCF (2023)/  
<https://www.greencimate.fund/sites/default/files/document/gcf-seah-risk-assessment-tool.pdf> )

**PHỤ LỤC K. Đề cương trình bày về Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP) cho các dự án loại B của CTF**

- Các biện pháp giảm thiểu và hành động
- Giám sát
- Phát triển và đào tạo năng lực
- Tiến độ thực hiện và dự toán chi phí
- Tích hợp ESMP với Dự án

(Để biết thêm chi tiết, hãy xem WB ESF ESS 1- Phụ lục 1. E. Đề cương trình bày của ESMP/  
<https://www.worldbank.org/en/projects-operations/environmental-and-social-framework/brief/environmental-and-social-standards>)

- Tất cả các thành phần của ESMP ở trên cũng sẽ phản ánh các kế hoạch giám sát, giảm thiểu SEAH nếu phù hợp. Để biết thêm chi tiết, vui lòng tham khảo:
  - (1) Hướng dẫn đánh giá rủi ro về Bóc lột, lạm dụng và quấy rối tình dục (SEAH) GCF 2023, và:
  - (2) . IFC 2020. Giải quyết vấn đề quấy rối bạo lực trên cơ sở giới
  - (3) Ngân hàng Thế giới. 2020. Giải quyết vấn đề bóc lột và lạm dụng tình dục và quấy rối tình dục (SEA/SH) khi tài trợ dự án đầu tư liên quan đến các công trình dân dụng lớn (Ấn bản lần hai). Washington, DC).
  - (4) ADB, 2022. Ghi chú Thực hành Tốt về Giải quyết vấn đề bóc lột, lạm dụng và quấy rối tình dục trong các dự án do ADB tài trợ với công trình dân dụng (sddirect.org.uk )

**PHỤ LỤC L. Các yếu tố tối thiểu của Kế hoạch tái định cư (RP) cho các dự án loại B của CTF**

- Các hoạt động hoặc Phần của dự án gây ra tình trạng dịch chuyển, giải thích lý do phải thu hồi đất đã chọn để sử dụng trong khung thời gian của dự án
- Vùng tác động của các Phần hoặc hoạt động đó
- Phạm vi và quy mô thu hồi đất và các tác động đến cấu trúc và tài sản cố định khác
- Bất kỳ hạn chế nào do dự án áp đặt đối với việc sử dụng hoặc tiếp cận đất đai hoặc tài nguyên thiên nhiên (Đối với dự án yêu cầu FPIC trong quá trình này, thì sẽ không đủ điều kiện cho chương trình (theo Tiêu chí đầu tư CTF, do đó không áp dụng.)
- Xem xét phương án thay thế để tránh, giảm thiểu tình trạng dịch chuyển và lý do từ chối; và
- Các cơ chế được lập để giảm thiểu tình trạng dịch chuyển, ở mức độ có thể, trong quá trình thực hiện dự án.

Để kiểm tra khả năng ứng dụng của từng mục liệt kê ở trên, hãy kiểm tra với chuyên gia IP.

## **PHỤ LỤC M. Kế hoạch của Ủy ban Môi trường và Xã hội (ESCP): Đề cương**

ESCP là một tài liệu thỏa thuận chính thức giữa CTF và Bên đăng ký JV (hoặc bất kỳ CTF nào khác) bao gồm các hành động và biện pháp quan trọng, cần thiết để Bên đăng ký CTF (và các bên liên kết) đáp ứng các điều kiện về môi trường và xã hội trong quá trình thực hiện hoạt động được tài trợ (hoặc bất kỳ khung thời gian nào khác vượt ra). Đây là thỏa thuận pháp lý như một phần của gói thỏa thuận (hợp đồng) quỹ CTF.

Ban Thư ký CTF sẽ tiến hành thẩm định E&S trong khung thời gian đã thỏa thuận về việc thực hiện các hoạt động/dự án nhỏ của Quỹ đã được phê duyệt. Bên đăng ký (và đơn vị thực hiện) các hoạt động do CTF tài trợ có nghĩa vụ báo cáo tình trạng thực hiện ESCP như một phần giám sát và báo cáo.

Sẽ công bố dự thảo ESCP sớm nhất có thể cho bên đăng ký CTF trong giai đoạn đánh giá gói đăng ký Quỹ trước khi hoàn tất. Bên đăng ký sẽ có cơ hội tham vấn với Ban Thư ký CTF về tiến độ và các biện pháp cụ thể hơn, để giải quyết các yêu cầu và điều kiện được đề xuất. Trong trường hợp nhận thấy hành động của bên đăng ký không hiệu quả, CTF có quyền sử dụng biện pháp của riêng mình để sửa đổi hoặc khắc phục tình huống đó.

ESCP cũng sẽ bao gồm điều khoản về quy trình quản lý thích ứng đối với những thay đổi dự án được đề xuất (VD: những thay đổi trong thiết kế của dự án) và các trường hợp không lường trước được. Một dự án sẽ không được coi là hoàn thành đến khi thực hiện được các biện pháp và hành động nêu trong thỏa thuận pháp lý (bao gồm cả ESCP).

ESCP sẽ bao gồm những nội dung sau:

- Một tóm tắt chính xác về các biện pháp và hành động quan trọng (có thời gian và giám sát) để giải quyết các rủi ro và tác động tiềm ẩn về môi trường và xã hội của dự án theo hệ thống phân cấp giám thiêu.
- Tài trợ và cung cấp cơ chế thực hiện và cơ cấu tổ chức (có vai trò và trách nhiệm cụ thể của các bên thực hiện) để hoàn thành một biện pháp hoặc hành động
- Quy trình cho phép quản lý thích ứng các thay đổi của dự án được đề xuất hoặc các trường hợp bất ngờ.

Tùy vào tính chất của dự án, ESCP cũng có thể bao gồm:

- Các hoạt động đào tạo và xây dựng năng lực
- Kế hoạch tự giám sát và giám sát của bên thứ ba
- Các kế hoạch bổ sung (đã có hoặc cần chuẩn bị (VD: ESMP, kế hoạch tái định cư, kế hoạch chất thải về nguy hiểm) đặt ra các yêu cầu chi tiết về dự án, có đặc điểm chính của từng kế hoạch

## PHỤ LỤC N. Quy trình cơ hội-phát hiện

Quy trình cơ hội-phát hiện là một quy trình cho dự án cụ thể, phác thảo các hành động cần thực hiện nếu phát hiện di sản văn hóa trước đây chưa được biết đến. Nếu các hoạt động được đề xuất liên quan đến các hoạt động gây xáo trộn mặt đất và/hoặc những thay đổi quy mô lớn về các mô hình thủy văn, thì có thể bắt ngờ phát hiện di sản văn hóa vật thể trong quá trình xây dựng hoặc vận hành dự án. Vì vậy, cần lập quy trình cơ hội-phát hiện như một phần của ESMS.

Khách hàng sẽ không làm phiền bất kỳ quy trình cơ hội-phát hiện nào cho đến khi có đánh giá của các chuyên gia có thẩm quyền, và xác định các hành động nhất quán với yêu cầu của Tiêu chuẩn hoạt động này.

Bên đăng ký phải kiểm tra luật và quy định của nước sở tại về giải phóng mặt bằng cũng như giấy phép về môi trường, trong đó yêu cầu giải phóng khu đất được đề xuất khỏi hoặc cách bất kỳ địa điểm bảo tồn và quan trọng, có ý nghĩa về văn hóa, lịch sử và tự nhiên một khoảng nhất định. (\* Xem bảng bên dưới để biết cơ quan quản lý di sản quốc gia của năm quốc gia mục tiêu và các luật liên quan.)

Ngoài ra, CTF áp dụng Chính sách bảo vệ của GCF, yêu cầu tuân thủ Tiêu chuẩn hoạt động 8 của IFC về Di sản văn hóa<sup>45</sup>. Tiếp theo là hướng dẫn chung để lập quy trình cơ hội-phát hiện từ Ghi chú hướng dẫn của IFC PS 8 (Phụ lục B về Hướng dẫn quy trình)<sup>46</sup>.

Về nguyên tắc, CTF sẽ không đầu tư vào bất kỳ hoạt động được đề xuất nào gây ra tác động đáng kể đến di sản văn hóa. Khuyến khích bên đăng ký liên hệ với Ban Thư ký CTF và Chuyên gia An toàn E&S của họ để được làm rõ và hướng dẫn thêm.

### **<Cân nhắc chính về Quản lý di sản văn hóa & Việc lập & thực hiện quy trình cơ hội-khảo sát>**

1. **Bao gồm đánh giá ban đầu về những tác động tiềm ẩn đối với di sản văn hóa sớm nhất có thể.** – Trong quy trình ESIA và Sàng lọc E&S của FS và quốc gia, cần có sàng lọc ban đầu trong quy trình cơ hội-phát hiện tiêu chuẩn theo luật và quy định của quốc gia như một phần của ESMS.
2. **Chỉ ra bất kỳ hoạt động tiềm ẩn nào có tác động đáng kể lên di sản văn hóa, như hệ thống quốc gia đã chỉ rõ:** Trong trường hợp xác định được bất kỳ tác động tiềm ẩn đáng kể nào đối với di sản văn hóa, và do đó cơ quan quản lý di sản quốc gia yêu cầu đánh giá tác động văn hóa của chuyên gia độc lập, thì bên đăng ký sẽ thông báo điều này cho Ban Thư ký CTF bằng cách đưa thông tin liên quan vào các biểu nộp đăng ký (bao gồm PHỤ LỤC D. Danh sách kiểm tra E&S ban đầu cho người đăng ký Quỹ và tài liệu E&S (ESIA hoặc IEE hoặc báo cáo đánh giá tác động văn hóa, nếu liên quan). Trong quá trình này, bên đăng ký cần tham khảo ý kiến chặt chẽ của cơ quan di sản quốc gia, và đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của quốc gia, có sự tham gia của chuyên gia.
3. **Nói chung, việc bảo tồn địa điểm di sản văn hóa thông qua việc di dời dự án được ưu tiên hơn:** Không giống như hầu hết các tài nguyên môi trường khác, tác động trực

<sup>45</sup> <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/2010/2012-ifc-performance-standards-en.pdf>

<sup>46</sup> <https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/2010/2012-ifc-performance-standards-guidance-note-en.pdf>

tiếp đến di sản thường khoanh vùng ở khu vực của hoạt động xây dựng dự án, khiến cho khu vực ảnh hưởng của dự án bị hạn chế về mặt địa lý hơn so với các tài nguyên khác, như môi trường sống quan trọng, nguồn cấp nước tự nhiên hoặc các loài có nguy cơ tuyệt chủng. Vì vậy, có thể tránh tác động đến di sản thường bằng những thay đổi nhỏ trong thiết kế dự án. Vì di sản văn hóa là không thể tái tạo nên phải bảo vệ nó tốt nhất bằng cách “bảo tồn tại chỗ”.

<Bảng. Cơ quan di sản quốc gia và luật liên quan của năm nước sở tại>

<b>Quốc gia</b>	<b>Cơ quan Di sản quốc gia</b>	<b>Luật &amp; Quy định</b>
Campuchia	Bộ Văn hóa và Mỹ thuật (MCFA)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết về Bảo vệ di sản văn hóa (1992)</li> <li>- Sắc lệnh hoàng gia thành lập Hội đồng tối cao về Văn hóa quốc gia (1995)</li> <li>- Luật Bảo vệ Di sản Văn hóa (1996)</li> <li>- Điều 8 Luật Hải quan (2007)<sup>47</sup></li> <li>- Các thỏa thuận song phương, cấm việc phá hủy, sửa đổi và buôn bán trái phép, với các nước sau: (1) Ecole française d'Extrême-Orient (1956), (2) Thái Lan (2000), và (3) Mỹ (2008)</li> </ul>
Indonesia	Bộ Giáo dục, Văn hóa, Nghiên cứu và Công nghệ (Kemendikbudristek) Cơ quan Bảo tồn di sản văn hóa (Badan Palestinian Cagar Budaya - BPCB)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạo luật số 5 năm 1992 về Vật thể di sản (1992)</li> <li>- Biên soạn về luật và quy định của Cộng hòa Indonesia liên quan đến các mục về tài sản văn hóa (2003)</li> <li>- Quy định số 48 năm 2009 của Bộ trưởng hướng dẫn về quản lý di sản văn hóa và du lịch dưới nước (2009)</li> <li>Luật số 11 năm 2010 của Cộng hòa Indonesia liên quan đến bảo tồn văn hóa (2010)</li> </ul>
CHDCND Lào	Bộ Thông tin và Văn hóa (MIC)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định về bảo tồn di sản văn hóa, lịch sử và thiên nhiên quốc gia (1997)</li> <li>- Nghị định của Chủ tịch nước về ban hành Luật Di sản quốc gia (2005)</li> </ul>

<sup>47</sup> Luật Hải quan do Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính ban hành, chỉ định các hàng hóa cụ thể là mặt hàng được chỉ định đặc biệt, và áp đặt các quy định bổ sung về vận chuyển, di chuyển, lưu trữ và quyền sở hữu chúng để chống buôn lậu và gian lận. Đặc biệt Điều 8 cấm xuất nhập khẩu một số hàng hóa nhất định cho các mục đích cụ thể như sau: “[...] Bảo vệ sức khỏe và tính mạng của con người, động vật hoặc thực vật; Bảo vệ các kho tàng quốc gia có giá trị nghệ thuật, lịch sử hoặc khảo cổ; Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên; [...] và thực hiện các nghĩa vụ theo Hiến chương Liên hợp quốc.” Hội đồng Phát triển Campuchia (CDC), “Thương mại và Hải quan”, *Trang web chính thức của CDC*, <https://cdc.gov.kh/laws-and-regulations/trade-and-custom/>.



Việt Nam	Bộ Văn hóa Thông tin Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (MOCST) Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Di sản văn hóa (2001)</li> <li>- Nghị định 92/2002 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa (2002)</li> </ul>
Philippin	Ủy ban Văn hóa và Nghệ thuật Quốc gia (NCCA)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 374 của Tổng thống sửa đổi một số phần của Đạo luật Cộng hòa số 4846 (1974)</li> <li>- Đạo luật Bảo tàng quốc gia năm 1998 (1998)</li> <li>- Đạo luật Di sản Văn hóa Quốc gia năm 2009 (2009)<sup>48</sup></li> </ul>

<sup>48</sup> Dự án LAWPHIL, “Ngân hàng dữ liệu về án lệ và Luật pháp Philippin,” ARELLANO LAW AROUNDATION, [https://lawphil.net/statutes/repacts/ra2010/ra\\_10066\\_2010.html](https://lawphil.net/statutes/repacts/ra2010/ra_10066_2010.html).



**PHỤ LỤC O. Khung lập kế hoạch về người bản địa CTF (IPPF)**

# **Khung Lập Kế Hoạch Về Người Bản Địa (IPPF)**

**Tháng 3 năm 2024**



## 1. Bối cảnh & Mục tiêu

Mục đích của IPPF này là cung cấp các nguyên tắc hướng dẫn, tiêu chuẩn và yêu cầu liên quan đến các vấn đề về người bản địa (IP) trong JV do CTF tài trợ và các loại doanh nghiệp/việc kinh doanh/hoạt động khác, theo Chính sách về Người bản địa (2018) và Hướng dẫn Vận hành (2019) của Quỹ Khí hậu xanh (GCF), đồng tài trợ của Quỹ, cũng như các biện pháp bảo vệ quốc tế liên quan khác (như IFC PS 7 và Hướng dẫn...).

Mục tiêu của IPP GCF không chỉ nhấn mạnh sự cần thiết của việc phải tránh các hoạt động được tài trợ có tác động tiêu cực đến người bản địa, mà còn nhằm đảm bảo người bản địa sống trong các khu vực ảnh hưởng của dự án được hưởng lợi từ các hoạt động được tài trợ, và ghi nhận đóng góp của họ trong việc đạt được hành động biến đổi khí hậu, bao gồm cả thông qua kiến thức của họ.

Để phù hợp với điều này, chương trình đã tích hợp các phần IP như một phần của Tiêu chí đầu tư N-CEAP dành cho doanh nhân địa phương (Phần 1 của chương trình) và Tiêu chí đầu tư CTF (Phần 3 của chương trình).

Đầu tiên, CTF sẽ không đầu tư vào bất kỳ hoạt động và doanh nghiệp được đề xuất nào, mà có thể yêu cầu sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC).

IPPF này nhằm hỗ trợ các nhà phát triển và bên đăng ký CTF nhận thức đầy đủ về các tiêu chí đầu tư CTF liên quan đến người bản địa (\*Xem <Bảng 1> và <Bảng 2> bên dưới).

Đặc biệt khuyến khích áp dụng IPPF trong phát triển doanh nghiệp JV/doanh nghiệp từ giai đoạn lên ý tưởng và thiết kế. Điều này cuối cùng sẽ nâng cao cơ hội CTF phê duyệt và tài trợ đề xuất kinh doanh, đồng thời tối đa hóa lợi ích chung bền vững thông qua việc thực hiện các doanh nghiệp và các hoạt động được tài trợ.

**Bảng 1. Tiêu chí đầu tư N-CEAP cho doanh nhân địa phương liên quan đến các vấn đề về người bản địa<sup>49</sup> (Phần 1 của chương trình)**

	Tiêu chí	Mô tả
	Tiêu chí đủ điều kiện – Nếu không liên quan hoặc thỏa mãn thì sẽ bị loại bỏ.	
	Bảo vệ E&S (ESS)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sàng lọc tiêu cực ban đầu về rủi ro E&amp;S</li> <li>- Các doanh nhân địa phương xem xét một việc kinh doanh được xác định trong Danh sách Loại trừ của IFC và/hoặc một việc kinh doanh có tác động tiêu cực đến người bản địa thì KHÔNG đủ điều kiện.</li> </ul>

**Bảng 2. Tiêu chí đầu tư của CTF liên quan đến các vấn đề về người bản địa<sup>50</sup> (Phần 3 của chương trình)**

	Tiêu chí	Mô tả
--	----------	-------

<sup>49</sup> Nội dung được trình bày chỉ là một phần trong toàn bộ Tiêu chí đầu tư của N-ECEAP. Để biết toàn bộ nội dung, xem Đề xuất tài trợ.

<sup>50</sup> Nội dung được trình bày chỉ là một phần trong toàn bộ Tiêu chí đầu tư của CTF. Để biết toàn bộ nội dung, xem Đề xuất tài trợ.



Tiêu chí đủ điều kiện – Nếu không liên quan hoặc thỏa mãn thì sẽ bị loại bỏ.	
Bảo vệ E&S (ESS)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sàng lọc tiêu cực</li> </ul> <p>[...]</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các doanh nghiệp có tác động tiêu cực đến người bản địa thì KHÔNG đủ điều kiện để đầu tư, nếu thuộc một trong các loại dưới đây<sup>51</sup>:                     <ol style="list-style-type: none"> <li>(1) Việc kinh doanh nghiệp/doanh nghiệp có tác động tiêu cực đến đất đai và tài nguyên thiên nhiên thuộc quyền sở hữu truyền thống hoặc chiếm giữ hoặc sử dụng theo tập quán, bao gồm việc mất khả năng tiếp cận tài sản hoặc tài nguyên, hoặc hạn chế sử dụng đất của người bản địa.</li> <li>(2) Việc kinh doanh nghiệp/doanh nghiệp dẫn đến việc di dời người bản địa khỏi vùng đất và tài nguyên thiên nhiên thuộc quyền sở hữu truyền thống hoặc chiếm giữ hoặc sử dụng theo tập quán, hoặc;</li> <li>(3) Việc kinh doanh nghiệp/doanh nghiệp có thể tác động đến di sản văn hóa và nơi mà người bản địa sử dụng di sản văn hóa vì mục đích thương mại sẽ cần FPIC, theo Chính sách về người bản địa của GCF).<sup>52</sup></li> </ol> </li> </ul> <p>[...]</p>
Tiêu chí lựa chọn – Ưu tiên tính điểm (Khuyến khích bên đăng ký cùng cố đề xuất của mình để đáp ứng các tiêu chí lựa chọn thông qua tăng tốc)	
Lợi ích chung & sự bền vững	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khuyến khích bên đăng ký cung cấp đầy đủ các lợi ích chung dưới đây:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thúc đẩy “<b>các doanh nghiệp do người bản địa lãnh đạo</b>” để đảm bảo khai thác đầy đủ công nghệ và kiến thức về khí hậu bản địa, để đổi mới công nghệ khí hậu ở năm quốc gia (<i>*Phần về bản địa khác cũng có trong Tiêu chí số 10 bên dưới.</i>)</li> </ul> </li> </ul>

<sup>51</sup> Đây là ba trường hợp cần phải có FPIC. Xem Phần 7.2 của GCF IPP (2018).

<sup>52</sup> “Di sản văn hóa bao gồm nhưng không giới hạn các khu vực tự nhiên có giá trị văn hóa và/hoặc tinh thần, như những khu rừng thiêng, vùng nước hoặc dòng sông thiêng, núi thiêng, cây thiêng, đá thiêng, khu vực và địa điểm chôn cất, cũng như những biểu hiện văn hóa phi vật thể, như truyền thống, ngôn ngữ, bản sắc, nghi lễ, hoặc những khía cạnh tinh thần trong đời sống của người bản địa bị ảnh hưởng.” (GCF IPP, Đoạn 63)



<p>Doanh nghiệp do người bản địa lãnh đạo</p>	<p><b>[Ưu tiên về doanh nghiệp do người bản địa lãnh đạo]</b></p> <p>CTF sẽ ưu tiên các doanh nghiệp và hoạt động được đề xuất đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng/kết hợp <b>công nghệ khí hậu bản địa</b> (*) cho RD&amp;AB công nghệ khí hậu và/hoặc Chia sẻ lợi ích thương mại của việc triển khai công nghệ khí hậu bản địa với cộng đồng bản địa sở hữu công nghệ<sup>53</sup>.</li> </ul> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> <p><i>*<b>Công nghệ khí hậu bản địa</b> là các hệ thống kiến thức và thực tiễn truyền thống mà cộng đồng bản địa phát triển qua nhiều thế hệ, để thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. (*Để biết thêm chi tiết, xem Hộp 1 bên dưới.)</i></p> </div> <p><b>[Khía cạnh doanh nghiệp]</b></p> <p>Khuyến khích tất cả các hoạt động/JV đầu tư của CTF tích hợp các thành phần RD&amp;B công nghệ do bản địa dẫn đầu, ở phạm vi khả thi. Nếu xác nhận mối liên hệ với người bản địa, thì các JV/hoạt động có thể cần phát triển kế hoạch về người bản địa (IPP), như một kế hoạch độc lập hoặc như một phần tích hợp của kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP) của các hoạt động được đề xuất .</p> <p>CTF sẽ hỗ trợ, nếu phù hợp: giám sát &amp; bất kỳ thẩm định nào khác nếu phù hợp (bao gồm các biện pháp ứng phó/khắc phục/sửa đổi trong trường hợp xảy ra các tác động bất lợi ngoài ý muốn theo Đoạn 19 của Hướng dẫn IPP GCF (2019).</p>
---	---

Chương trình thúc đẩy phát triển, ứng dụng và tích hợp các công nghệ khí hậu do bản địa dẫn đầu trong RD&B công nghệ khí hậu. Tuy nhiên, IPPF lưu ý rằng quan điểm về công nghệ bản địa chưa được lập đầy đủ và thường không được các chế độ về Quyền sở hữu trí tuệ (IPR) công nhận. Dù vậy, các chính phủ và tổ chức quốc tế đang ngày càng được công nhận các công nghệ khí hậu bản địa là công cụ quan trọng để thích ứng và giảm thiểu khí hậu.

<sup>53</sup> Việc thể hiện (đơn thuần) mục tiêu mang lại lợi ích cho người bản địa trong đề xuất là không đủ, trừ khi cụ thể hóa (các) mục tiêu đã hướng tới trong thiết kế của các doanh nghiệp/việc kinh doanh được đề xuất.

**[Hộp 1] Công nghệ và kiến thức của người bản địa**

Có thể định nghĩa kiến thức của người dân bản địa là các kỹ năng, bí quyết, sáng tạo và thực tiễn được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong bối cảnh truyền thống, và hình thành một phần lối sống truyền thống của cộng đồng và người bản địa (WIPO 2004). Kiến thức của người bản địa còn có thể được coi là:

*... kiến thức địa phương độc đáo đối với một nền văn hóa hoặc xã hội. Kiến thức này được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thường truyền miệng và bằng các nghi lễ văn hóa, và là cơ sở cho nông nghiệp, chế biến thực phẩm, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, bảo tồn và nhiều hoạt động khác nhằm duy trì xã hội trong nhiều phần của thế giới. (UNFCCC 2017)*

Tương tự, trong bối cảnh liên quan nhiều hơn đến khí hậu, UNFCCC mô tả kiến thức của người bản địa thường chi:

*... hệ thống kiến thức gắn với truyền thống văn hóa của cộng đồng khu vực, bản địa hoặc địa phương. Kiến thức truyền thống bao gồm các loại tri thức về các công nghệ sinh sống truyền thống, như công cụ và kỹ thuật cho nông nghiệp, kiến thức về sinh thái, kiến thức về khí hậu, chăm sóc sức khỏe truyền thống và nhiều kiến thức khác. (UNFCCC 2018a)*

Các định nghĩa khác do chính người bản địa phát triển thì nhấn mạnh nhiều hơn đến các khía cạnh kiến thức về sinh học, văn hóa, thể chất, tinh thần và đôi khi là tôn giáo của họ và sự truyền bá chúng. Họ mô tả những kiến thức đó như một cách suy nghĩ có hệ thống, với hiểu biết dựa trên những bằng chứng có được thông qua kinh nghiệm thực tế và sự quan sát, dạy bảo và kỹ năng từ nhiều thế hệ. Những kiến thức này được mô tả là vẫn đang phát triển trong quá trình sống (ICC 2021) và được xem là quan trọng đối với việc sinh sống và tồn tại của họ. Tình trạng khoa học phi chính thống của kiến thức của người bản địa và cách truyền đạt và chuyển giao chúng đã thu hút rất ít nghiên cứu khoa học hoặc tài liệu (Enda Energie 2017).

Thuật ngữ công nghệ trong hướng dẫn này được định nghĩa là một thiết bị, kỹ thuật, kiến thức thực tế hoặc kỹ năng để thực hiện một hoạt động cụ thể. Nó có thể đề cập đến phần cứng (các thành phần hữu hình), phần mềm (bí quyết, kinh nghiệm và thực tiễn) hoặc chương trình tổ chức (khuôn khổ thể chế hoặc tổ chức). Khi nói đến một trường hợp cụ thể về công nghệ bản địa, nó có thể đề cập đến kiến thức kỹ thuật, kỹ năng và tài nguyên được người bản địa lưu truyền hoặc chuyển giao từ quá khứ đến hiện tại để đáp ứng nhu cầu của họ. Như vậy, công nghệ của người bản địa được cư dân bản địa của một quốc gia hoặc khu vực sử dụng và cấu thành một phần quan trọng trong di sản văn hóa của họ (Gumbo, M. 2014).

*(Trích từ Hướng dẫn Đánh giá nhu cầu công nghệ toàn cầu (TNA): “Người bản địa và công nghệ về khí hậu: Thừa nhận công nghệ của người bản địa và xác định mối liên hệ với đánh giá nhu cầu công nghệ” (2021)<sup>54</sup>*

<sup>54</sup> <https://tech-action.unepccc.org/publications/indigenous-peoples-and-climate-technologies/>

## 2. Tiêu chí

### 2.1. Tiêu chí để xác định người bản địa

IPPF này áp dụng các tiêu chí tương tự mà IPP GCF dùng để chỉ người bản địa như định nghĩa trong <Hộp 2> bên dưới.

#### [Hộp 2] Định nghĩa về người bản địa

*“Thuật ngữ người bản địa được dùng theo nghĩa chung để chỉ một nhóm văn hóa và xã hội riêng biệt sở hữu những đặc điểm dưới đây ở các mức độ khác nhau:*

*(a) Tự nhận là thành viên của một nhóm văn hóa và xã hội bản địa riêng biệt và được người khác công nhận bản sắc này;*

*(b) Gắn bó tập thể<sup>55</sup> với những môi trường sống khác biệt về địa lý, lãnh thổ của tổ tiên, hoặc những khu vực sử dụng hoặc chiếm giữ theo mùa cũng như với tài nguyên thiên nhiên ở những khu vực này;*

*(c) Các hệ thống văn hóa, kinh tế, xã hội hoặc chính trị theo tập quán riêng biệt hoặc tách biệt với các hệ thống của xã hội hoặc văn hóa chủ đạo; và*

*(d) Ngôn ngữ khác biệt hoặc tiếng địa phương, thường khác với ngôn ngữ chính thức hoặc các ngôn ngữ của quốc gia hoặc khu vực nơi họ cư trú. Nó bao gồm một ngôn ngữ hoặc tiếng địa phương đã từng tồn tại, nhưng hiện không tồn tại do những tác động khiến cộng đồng hoặc nhóm khó duy trì Ngôn ngữ khác biệt hoặc tiếng địa phương.*

*15. [GCF sẽ] tính cân nhắc các tiêu chí được chấp nhận và áp dụng phổ biến để xác định người bản địa, tôn trọng việc tự nhận là bản địa hoặc bộ lạc như một tiêu chuẩn cơ bản để xác định việc áp dụng chính sách này.*

*16. Ở một số nước, những nhóm này được gọi là người bản địa. Ở các nước khác, họ có thể được gọi bằng những thuật ngữ khác, như “người bản địa và cộng đồng địa phương”, “cộng đồng địa phương”, [...] “dân tộc thiểu số bản địa”, [...] “các nhóm dân tộc”, “thổ dân”, “bộ lạc miền núi”, “các nhóm dễ bị tổn thương và bị lề hóa”, “dân tộc thiểu số”, “bộ lạc theo ghi trong danh mục”, “các quốc gia đầu tiên”, “nhóm bộ lạc”, “những người chăn nuôi”, “những người săn bắn hái lượm”, “nhóm du mục” hay “các cư dân rừng”. Bất kể thuật ngữ nào được sử dụng, thì các yêu cầu của chính sách này sẽ áp dụng cho tất cả các nhóm đó.*

*17. Chính sách này áp dụng bất cứ khi nào người bản địa có mặt, có hoặc đã có gắn bó tập thể hoặc quyền đối với các khu vực sẽ thực hiện các hoạt động do GCF tài trợ. Nó bao gồm những người bản địa mà trong suốt cuộc đời của các thành viên của cộng đồng hoặc nhóm, đã mất đi sự gắn bó tập thể với môi trường sống riêng biệt hoặc lãnh thổ của tổ tiên trong khu vực dự án, do bị cưỡng chế cắt đứt, xung đột, các chương trình tái định cư của chính phủ, tước quyền sở hữu đất đai của họ, thảm họa thiên nhiên, hoặc sáp nhập các lãnh thổ đó vào một khu đô thị.*

(Nguồn: GCF IPP Đoạn 14~16)

Lưu ý việc một nhà nước (chính quyền trung ương hoặc theo luật) có chính thức công nhận một nhóm cụ thể là người bản địa hay không thì KHÔNG liên quan đến việc xác định xem nhóm đó có phải là người bản địa hay không. Nó không phải yếu tố quyết định xem có gọi một nhóm cụ thể là “bản địa” hay không, vì nhiều nhóm được gọi bằng những tên khác nhau, như “người rừng”, “nhóm dân tộc thiểu số”... Thay vào đó, một tiêu chí cơ bản để xác định người bản địa là dựa vào việc họ tự nhận mình là bản địa hoặc bộ lạc.

Đối với điều này, dự kiến bên đăng ký Quỹ phải điền và nộp Danh sách kiểm tra (Phụ lục E của ESMS về Chương trình được đề xuất). Dựa trên cơ sở này, chuyên gia IP của CTF (thuê ngoài hoặc nội bộ) sẽ điều tra

<sup>55</sup> Để biết thêm chi tiết, hãy xem Hướng dẫn vận hành IPP GCF (2019) II. Điều 9.

các luật và quy định hiện hành của quốc gia (phản ánh nghĩa vụ của nước sở tại theo luật quốc tế), nghiên cứu mang tính thành tựu, nghiên cứu dân tộc học cũng như các phương pháp tiếp cận đánh giá có sự tham gia với nhóm.<sup>56</sup>

## 2.2. Tình trạng của người bản địa

GCF IPP (tháng 3/2018)<sup>57</sup> nhận thấy người bản địa thường có bản sắc và nguyện vọng khác với các nhóm phổ biến trong các xã hội của đất nước và thường nằm trong các bộ phận dân cư dễ bị tổn thương và lệ thuộc về kinh tế nhất. Vì vậy, họ thường bị hạn chế về khả năng bảo vệ quyền và lợi ích của mình đối với các vùng lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên và văn hóa. Tiếp đó, điều này lại có thể tác động tiêu cực đến khả năng mà tham gia và hưởng lợi từ các sáng kiến phát triển và hành động biến đổi khí hậu của họ. Thông thường, họ nhận được lợi ích của các hành động về khí hậu không bình đẳng hoặc không phù hợp về văn hóa. Người bản địa thường không được tư vấn một cách bình đẳng về việc thiết kế hoặc thực hiện các hoạt động có ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc sống hoặc cộng đồng của họ<sup>58</sup>.

Cả năm quốc gia mục tiêu đều có những người có thể được coi là người bản địa. Vì vậy, có khả năng là các hoạt động/doanh nghiệp do CTF tài trợ có thể có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến người bản địa ở cả năm quốc gia mục tiêu.

## 2.3. Tiềm năng về sự đóng góp của người bản địa đối với hành động biến đổi khí hậu

Tiềm năng của người bản địa trong việc góp phần giải quyết các thách thức liên quan đến biến đổi khí hậu nằm ở hệ thống kiến thức truyền thống, sinh kế, hệ thống và thực tiễn quản lý tài nguyên bền vững của họ. Để khai thác kho kiến thức và công nghệ bản địa, người bản địa phải được tham gia theo cách dễ tiếp cận, dựa trên quyền, đáp ứng giới, phù hợp về văn hóa và toàn diện<sup>59</sup>.

IPP GCF nhằm mục đích thúc đẩy và tôn trọng quyền của người bản địa trong việc sở hữu, sử dụng, phát triển và kiểm soát đất đai, lãnh thổ và tài nguyên mà họ sở hữu do quyền sở hữu truyền thống hoặc sử dụng hoặc chiếm giữ theo truyền thống, cũng như có được bằng cách khác<sup>60</sup>. Khi một hoạt động/doanh nghiệp được đầu tư ảnh hưởng (tiêu cực) đến người bản địa thì cần tiến hành tham vấn có ý nghĩa<sup>61</sup>, như được hiểu trong Chính sách về người bản địa của GCF.

## 2.4. Nguyên tắc chính

IPPF áp dụng các nguyên tắc hướng dẫn của IPP GCF. Để biết thêm chi tiết, hãy xem Đoạn 22 (a)~(h).

## 2.5. Tiêu chuẩn & yêu cầu

<sup>56</sup> Hướng dẫn vận hành IPP GCF (2019) II. Điều 6. GCF sẽ quyết định khả năng áp dụng cuối cùng của IPP cho một dự án/hoạt động được tài trợ cụ thể thuộc CTF.

<sup>57</sup> <https://www.greenclimate.fund/document/indigenous-peoples-policy>

<sup>58</sup> Trích dẫn chọn lọc từ IPP GCF Đoạn 3.

<sup>59</sup> Trích dẫn chọn lọc từ IPP GCF Đoạn 11(a).

<sup>60</sup> Trích dẫn chọn lọc từ IPP GCF Đoạn 11(g).

<sup>61</sup> IPP GCF giải thích: “**Tham vấn có ý nghĩa**” là quy trình hai chiều, trong đó: (a) bắt đầu sớm trong quá trình lập kế hoạch dự án để thu thập quan điểm ban đầu về đề xuất dự án và thông báo về thiết kế dự án; (b) khuyến khích phản hồi của các bên liên quan, đặc biệt là một cách thông báo về thiết kế dự án và sự tham gia của các bên liên quan trong việc xác định và giảm thiểu rủi ro và tác động môi trường và xã hội; (c) tiếp tục khi rủi ro và tác động phát sinh; (d) dựa trên việc công bố và phổ biến trước các thông tin liên quan, minh bạch, khách quan, có ý nghĩa và dễ tiếp cận trong một khung thời gian cho phép tham vấn có ý nghĩa với các bên liên quan theo hình thức phù hợp về văn hóa, bằng (các) ngôn ngữ địa phương phù hợp và dễ hiểu cho các bên liên quan; (e) xem xét và trả lời các phản hồi; (f) hỗ trợ các bên bị dự án ảnh hưởng tham gia tích cực và toàn diện; (g) không có sự thao túng, can thiệp, ép buộc, phân biệt đối xử và đe dọa từ bên ngoài; và (h) được ghi lại và công bố.” (Nguồn: IPP GCF Đoạn 11(m)). Đồng thời xem IPP GCF Đoạn 51~53: Phần 7.1.5 Tham vấn có ý nghĩa điều chỉnh cho người bản địa.



CTF được GCF và KDB đồng tài trợ. GCF có IPP (2018)<sup>62</sup> và Hướng dẫn vận hành (2019)<sup>63</sup> của riêng nó. GCF đã áp dụng các tiêu chuẩn hoạt động của IFC làm tiêu chuẩn ESS tạm thời của GCF đến khi phát triển các tiêu chuẩn GCF. Do đó, Hướng dẫn vận hành IPP của GCF (2019) đã áp dụng tiêu chuẩn hoạt động của IFC về người bản địa (PS 7) và hướng dẫn tương ứng về các yêu cầu của tiêu chuẩn hoạt động. Chúng bao gồm các tài liệu tham khảo và các thực hành tốt trong “Ghi chú Hướng dẫn của Tổng Công ty Tài chính quốc tế: Tiêu chuẩn Hoạt động về tính bền vững của môi trường và xã hội”, đặc biệt là đối với PS 7<sup>64</sup>.

KDB, với tư cách là đơn vị được GCF công nhận, có nghĩa vụ tuân thủ IPP GCF và nguyên tắc hoạt động của nó. Do đó, IPPF này đã được phát triển để đảm bảo hoạt động của CTF phù hợp với IPP GCF và nguyên tắc hoạt động của nó cũng như các chính sách và yêu cầu KDB liên quan.

Theo IPP GCF Phần 6.2., với tư cách là đơn vị được GCF công nhận và là nhà đồng tài trợ của CTF, KDB sẽ đảm bảo FPIC và IPPF này được thực hiện và giám sát, và báo cáo đúng cách trong tất cả các dự án và hoạt động do CTF tài trợ khi cần. KDB này cũng sẽ đảm bảo các hoạt động do CTF tài trợ tuân thủ tất cả các luật hiện hành, bao gồm luật, quy định và tiêu chuẩn của năm quốc gia mục tiêu của CTF. (\*Để biết thêm chi tiết về luật và quy định liên quan của năm quốc gia mục tiêu, hãy xem Chương 3 của IPPF bên dưới.)

KDB, với tư cách là đơn vị được GCF công nhận và đồng tài trợ cho CTF, tất cả các đơn vị thực hiện của chương trình được đề xuất, chính phủ và người bản địa, cần thiết lập mối quan hệ liên tục trong suốt thời gian của dự án. Để làm được điều này, cần thành lập khung thể chế cho việc tham vấn có ý nghĩa như được hiểu trong Chính sách về người bản địa của GCF.

---

<sup>62</sup> <https://www.greenclimate.fund/sites/default/files/document/ip-policy.pdf>

<sup>63</sup> <https://www.greenclimate.fund/document/operational-guidelines-indigenous-peoples-policy>

<sup>64</sup> Tổng Công ty tài chính quốc tế. 2012. Ghi chú hướng dẫn 7 về Người bản địa. Có tại: [https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics\\_ext\\_content/ifc\\_external\\_corporate\\_site/sustainability-at-ifc/publications/publications\\_policy\\_gn-2012](https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics_ext_content/ifc_external_corporate_site/sustainability-at-ifc/publications/publications_policy_gn-2012)



### 3. Khung pháp lý và thể chế về các vấn đề IP ở năm quốc gia mục tiêu

Cả năm quốc gia đều có khung pháp lý, chính sách hoặc quy định về người bản địa. Philippin chính thức công nhận quyền của người bản địa và đưa ra các yêu cầu về thủ tục cho quy trình FPIC chính thức, thông qua Đạo luật về Quyền của người bản địa (1992) và Ủy ban Quốc gia về người bản địa (NCIP) là đơn vị thực hiện chính. Các nước khác cũng công nhận và có các quy định pháp lý để bảo vệ quyền và sinh kế của người bản địa thông qua các thỏa thuận về pháp lý, hành chính và chính sách khác nhau. Indonesia và Philippin đã thông qua Tuyên bố của Liên hợp quốc về Quyền của người bản địa (UNDRIP) và các hiệp ước và hiệp định quốc tế liên kết các nước khác.

Dưới đây là các luật và quy định chính của năm quốc gia mục tiêu cũng như các hiệp định và hiệp ước quốc tế mà năm quốc gia mục tiêu đã ký hoặc thông qua, liên quan đến việc chính thức công nhận và bảo vệ các quyền của người bản địa.

#### 3.1. Campuchia

Hiến pháp Campuchia (1993) đảm bảo tất cả công dân nước này đều được đối xử bình đẳng mà không có sự phân biệt. Luật Đất đai (2001) công nhận quyền tập thể của người bản địa trong việc sở hữu và sử dụng bất động sản, đặc biệt là đất đai. Luật này định nghĩa cộng đồng bản địa là một nhóm người có sự ràng buộc về xã hội, văn hóa, kinh tế và sắc tộc và thực hiện lối sống truyền thống, bao gồm việc tập thể sử dụng đất mà họ trông trọt. Luật quy định đất của người bản địa là đất nơi họ định cư và tham gia nông nghiệp truyền thống, bao gồm các khu vực dành cho du canh du cư. Việc đo và phân ranh giới của những vùng đất này sẽ được xác định dựa trên tình hình thực tế mà cộng đồng xác nhận và thống nhất với hàng xóm của họ. Nhà nước trao quyền sở hữu bất động sản như mô tả trong luật cho người bản địa dưới dạng tài sản tập thể, bao gồm tất cả các quyền và bảo vệ quyền sở hữu mà chủ sở hữu tư nhân được hưởng. Sự công nhận quyền sở hữu tập thể đối với người bản địa này thể hiện một bước quan trọng trong việc thúc đẩy quyền và bảo vệ lối sống truyền thống của họ. Chính sách quốc gia về phát triển người bản địa (2009) cũng công nhận quyền của người bản địa đối với đất truyền thống, văn hóa và truyền thống và phác thảo các chính sách gắn liền với người bản địa trong các lĩnh vực khác nhau như giáo dục, y tế, môi trường, đất đai, nông nghiệp, tài nguyên nước, cơ sở hạ tầng, tư pháp, du lịch, công nghiệp, mô và năng lượng.

Campuchia đã thông qua: Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của người bản địa/Hiệp ước quốc tế về xóa bỏ tất cả hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD)/Hiệp ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em (Điều 28-Quyền giáo dục)/Hiệp ước của UNESCO về Bảo vệ và Thúc đẩy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa.

#### 3.2. Indonesia

Điều 18(B) của Hiến pháp Indonesia (2014) thừa nhận quyền của Masyarakat Hukum Adat (có nghĩa là Hiệp hội Luật truyền thống). Luật Ruộng đất số 5 (1960) cũng công nhận quyền đất đai đối với các lãnh thổ theo tập quán (hak ulayat) và luật tục (“luật adat, adat có nghĩa là “tục lệ”) miễn là không có xung đột với lợi ích quốc gia. Tương tự, Điều 6 Luật số 39 (1999) về Nhân quyền thừa nhận sự tồn tại và quyền của Masyarakat Hukum Adat. Luật Số 6 (2014) về Làng cho phép các cộng đồng thành lập các làng adat với cơ cấu thể chế và thẩm quyền riêng, nhưng thiếu các quy định hướng dẫn và chỉ thị về thể chế để vận hành các quy định đó. Luật này trao cho desa adat (làng truyền thống) thẩm quyền tiến hành hành chính công dựa trên adat. Hơn nữa, Luật số 23 (2014) về Chính quyền địa phương công nhận sự tồn tại của các tổ chức adat và trao cho họ quyền đối với “việc trao quyền”. Luật này cũng công nhận luật adat như một quy tắc bổ sung cho các mục đích như bầu cử cấp làng, và làm cơ sở để tiến hành phát triển địa phương hoặc đo lường sự gắn kết xã hội. Cuối cùng, Luật số 11 (2010) về Di sản văn hóa công nhận Masyarakat Adat là chủ sở hữu di sản văn hóa của họ và trao cho họ thẩm quyền quản lý nó. Luật yêu cầu quan sát và thu thập dữ liệu về các địa điểm di sản văn hóa có thể bị các hoạt động của dự án ảnh hưởng. Luật Lâm nghiệp số 41 (1999) chia rừng thành các phân loại pháp lý khác nhau và đưa ra các tiêu chí để công nhận các quyền Hutan Adat.

Indonesia thông qua: Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của người bản địa (UNDRIP)/Hiệp ước về đa dạng sinh học (CBD)/Hiệp ước số 169 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)/Hiệp ước về xóa bỏ tất cả hình thức phân biệt chủng tộc (CERD)/Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC).

#### 3.3. Lào



Điều 4 Hiến pháp Lào (1991) làm rõ “Nhà nước tiếp tục chính sách thúc đẩy đoàn kết và bình đẳng giữa tất cả các nhóm dân tộc”, cấm bất kỳ hành vi phân biệt và chia rẽ nào về chủng tộc hoặc sắc tộc. Ngoài ra, Điều 8 Hiến pháp Lào phác thảo các nguyên tắc của hệ thống pháp luật dựa trên luật xã hội chủ nghĩa, được thiết kế để bảo vệ quyền và lợi ích của công dân, đảm bảo công bằng xã hội và áp dụng bình đẳng luật nói trên. Điều 5 của Luật về Điện không đề cập rõ ràng đến các quyền tập quán hoặc người bản địa, nhưng là luật liên quan mà trong đó, việc phát triển các dự án thủy điện, trọng tâm chính của luật, có thể tác động đáng kể đến các quyền tập quán và sinh kế truyền thống của người bản địa ở Lào. Người bản địa ở Lào thường sống và thực hành văn hóa phụ thuộc vào sông và rừng, và việc xây dựng các đập thủy điện có thể gây ra tình trạng di dời, mất khả năng tiếp cận các vùng đất truyền thống và suy thoái môi trường. Hoàn cảnh khó khăn trong trường hợp của các quy định về sử dụng đất, trung dụng đất vì mục đích công và quyền sở hữu đất bao gồm các quyền tập quán đã kích thích lên Luật Đất đai. Nghị quyết 1992 của Cơ quan Trung ương Đảng về vấn đề dân tộc thiểu số trong thời đại mới và Hướng dẫn LFNC 2012 về tham vấn với các nhóm dân tộc là một số biện pháp được áp dụng để ngăn ngừa việc phát triển các dự án thủy điện mà không có sự tham vấn thích hợp và tham gia của các cộng đồng bản địa bị ảnh hưởng, sẽ dẫn đến việc vi phạm quyền của họ về đất đai, tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hóa. Các luật và quy định liên quan khác ở Lào cũng có các quy định yêu cầu cộng đồng bị ảnh hưởng tư vấn và tham gia trong việc phát triển các dự án khác nhau, như có thể thấy trong Nghị định Bồi thường và Tái định cư số 84/GOL (2016).

Lào đã thông qua: Thỏa ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị/Hiệp ước về quyền của người khuyết tật/Thỏa ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa/Hiệp ước quốc tế về xóa bỏ tất cả hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD)/ IFC PS7: Tránh tác động bất lợi và Sự tham gia và Đồng thuận.

### 3.4. Philippin

Điều 2, Phần 22 của Hiến pháp Philippin 1987 công nhận và thúc đẩy quyền của các cộng đồng văn hóa bản địa trong khuôn khổ đoàn kết và phát triển dân tộc. Phần này nêu rõ “Nhà nước công nhận và thúc đẩy quyền của các cộng đồng văn hóa bản địa trong khuôn khổ đoàn kết và phát triển dân tộc”. Điều 14, Phần 2(4) của Hiến pháp nói trên cũng làm rõ Nhà nước sẽ khuyến khích các hệ thống học tập không chính quy, không chính thức và bản địa, sẽ đáp ứng tích cực nhu cầu của cộng đồng. Khung chính sách giáo dục người bản địa quốc gia sẽ hỗ trợ điều này, ngoài việc cung cấp đầy đủ tài nguyên và môi trường học tập phù hợp về văn hóa cho học sinh là IP, nó đảm bảo cung cấp cho tất cả IP khả năng tiếp cận phổ cập các dịch vụ giáo dục chất lượng hướng tới khả năng đọc viết cho tất cả mọi người. Đạo luật về Quyền của người bản địa năm 1997 (IPRA), còn được gọi là Đạo luật Cộng hòa số 8371, là một đạo luật quan trọng nhằm giải quyết những bất công trong quá khứ đối với Cộng đồng văn hóa bản địa (ICC)/IP. Mục đích của nó là ủng hộ quyền và cải thiện phúc lợi của họ bằng cách thực hiện các chỉ thị về hiến pháp và quy tắc quốc tế. IPRA xác định bốn quyền cơ bản, bao gồm quyền đối với đất và lãnh địa của tổ tiên, quyền tự quản và trao quyền, quyền công bằng xã hội và nhân quyền, và quyền toàn vẹn văn hóa. Theo SEC 2(f), Nhà nước thừa nhận trách nhiệm của mình trong việc đảm bảo ICC/IP được tham gia tối đa vào giáo dục, y tế và các dịch vụ khác ảnh hưởng trực tiếp đến cộng đồng của họ. Các quy tắc và quy định thực hiện bao gồm các chi tiết, điều kiện, yêu cầu và bảo vệ cụ thể đối với các kế hoạch, chương trình và dự án có thể tác động đến người bản địa.

Philippines đã thông qua: Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của người bản địa (UNDRIP)/Hiệp ước về đa dạng sinh học (CBD)/Hiệp ước số 169 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO)/Hiệp ước về xóa bỏ tất cả hình thức phân biệt chủng tộc (CERD)/Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC).

### 3.5. Việt Nam

Việt Nam là đất nước của 53 nhóm dân tộc thiểu số, góp phần tạo nên cảnh quan ngôn ngữ dân tộc phức tạp của đất nước. Chính phủ Việt Nam thường dùng thuật ngữ “dân tộc thiểu số” thay vì “người bản địa”, nhưng nó ưu tiên khái niệm “thống nhất trong đa dạng”. Hiến pháp Việt Nam (2001) phản ánh trọng tâm này bằng việc thừa nhận sự bình đẳng giữa các nhóm dân tộc là ưu tiên hàng đầu, với cam kết đoàn kết dân tộc vì sự nghiệp cách mạng của đất nước. Chính phủ đã thực hiện các chính sách hỗ trợ đa dạng văn hóa và dân tộc, nhằm đảm bảo sự phát triển bình đẳng, tăng cường đoàn kết, thúc đẩy sự tương trợ lẫn nhau giữa các nhóm dân tộc, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói giảm nghèo, mở rộng dân trí và giảm chênh lệch kinh tế xã hội giữa các nhóm dân tộc ở Việt Nam. Chính phủ đã đưa ra hơn 100 văn bản pháp luật từ những năm 1980, nhằm hợp nhất các dân tộc thiểu số vào quá trình phát triển đất nước, bao gồm Chương trình 134 (Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) và các chính sách về Chương trình 135 (Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho

các hộ gia đình dân tộc thiểu số nghèo, và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi và vùng sâu vùng xa. Quốc hội thông qua Hiến pháp sửa đổi (2013), củng cố cam kết của Chính phủ về sự công bằng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, đồng thời công nhận quyền của mọi cộng đồng dân tộc đối với việc sử dụng hệ thống ngôn ngữ và chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, và phát huy truyền thống và văn hóa của mình. Ngoài ra, Chính phủ còn đưa ra các chính sách ưu tiên về phát triển giáo dục và y tế ở miền núi, khu vực cộng đồng thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn.

Việt Nam chưa ký kết hoặc thông qua bất kỳ thỏa thuận quốc tế nào đặc biệt tập trung vào người bản địa. Tuy nhiên, Việt Nam đã ký và thông qua một số văn kiện quốc tế về nhân quyền, trong đó có các điều khoản về bảo vệ quyền của các dân tộc thiểu số, trong đó có thể bao gồm người bản địa.

Các thỏa thuận này bao gồm: Hiệp ước về xóa bỏ tất cả hình thức phân biệt chủng tộc (CERD)/Thỏa ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR)/Thỏa ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR)/Hiệp ước về quyền trẻ em (CRC)/Hiệp ước về Đa dạng sinh học (CBD).

#### 4. Công nghệ về khí hậu và người bản địa ở năm quốc gia NOL

Khái niệm công nghệ bản địa chưa được thành lập đầy đủ và thường không được các cơ chế về Quyền sở hữu trí tuệ (IPR) công nhận. Tuy nhiên, các chính phủ và tổ chức quốc tế đang dần công nhận các công nghệ khí hậu bản địa là công cụ quan trọng để thích ứng và giảm thiểu khí hậu. “Công nghệ bản địa” thường được thay thế bằng các thuật ngữ tương tự khác như “công nghệ phù hợp”, “công nghệ dựa vào cộng đồng”...

##### 4.1. Thành phần bản địa trong Đánh giá nhu cầu công nghệ (TNA) ở năm quốc gia mục tiêu

Do thiếu dữ liệu sẵn có và các nghiên cứu được thực hiện về mối quan hệ giữa người bản địa và công nghệ khí hậu, Khung này đã xem xét Đánh giá nhu cầu Công nghệ (TNA) của năm quốc gia mục tiêu. Những phát hiện chính như sau:

- Không có quốc gia nào trong số năm quốc gia trong đánh giá đề cập nguyên văn đến thuật ngữ “bản địa” hoặc “công nghệ bản địa”, mà tập trung vào sự tham gia của cộng đồng địa phương trong việc giảm thiểu và thích ứng công nghệ. Những biện pháp được liệt kê dưới đây có thể liên quan đến việc áp dụng IPP trong bối cảnh các hoạt động được CTF tài trợ.
- Sự liên kết các phương pháp truyền thống và nhu cầu tham gia của cộng đồng địa phương được đề cập thì phần lớn hội tụ trong một số lĩnh vực thích ứng với khí hậu: cấp nước, bảo vệ rừng và quản lý thiên tai. Một số ví dụ như sau:
  - 
  - Quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học (Indonesia/Lào)
  - Nông nghiệp (Campuchia/Indonesia/Việt Nam)
  - Khai thác giếng sâu vào mùa khô (Việt Nam)
  - Xử lý và lưu trữ an toàn nước hộ gia đình (HWTS) (Việt Nam)

Chỉ có một số lĩnh vực được đề cập thì liên quan đến công nghệ bản địa, và chúng hầu hết đều hội tụ trên khắp các nước. Điều này cho thấy:

- Nghiên cứu về công nghệ khí hậu bản địa và tiềm năng đầy đủ của nó là một lĩnh vực mới, đòi hỏi phải thăm dò và đầu tư thêm cho nghiên cứu và thu thập dữ liệu, và;
- Hầu hết người bản địa ở 5 quốc gia mục tiêu đều sống trong rừng hoặc các khu vực nông nghiệp.

##### 4.2. Khu vực đầu tư ưu tiên của CTF và công nghệ khí hậu bản địa

Liên quan đến các nhu cầu công nghệ được xác định là lĩnh vực hứa hẹn được CTF tài trợ ở từng nước, bảng dưới đây tóm tắt mức độ liên quan của hệ quả đối với người bản địa theo các công nghệ tương ứng được CTF tài trợ:

Quốc gia	Nhu cầu công nghệ khí hậu		Mức độ liên quan IP
	Nhu cầu công nghệ	Hoạt động giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương	
Campuchia	Công nghệ nông nghiệp chống chịu khí hậu để giải quyết	Các hoạt động thích ứng để cải thiện năng suất nông nghiệp (lúa) với các công	Các quyền cơ bản để giữ và duy trì quyền sở hữu và sử dụng tập quán đối với đất trồng trọt của IP thường bị đe dọa <sup>65</sup> . Khi hợp tác/hoạt động chuyên

<sup>65</sup> <https://www.iwgia.org/en/cambodia/4648-iw-2022-cambodia.html>

Quốc gia	Nhu cầu công nghệ khí hậu		Mức độ liên quan IP
	Nhu cầu công nghệ	Hoạt động giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương	
	các hiện tượng thời tiết cực đoan	nghề cây trồng có khả năng chịu đựng, bao gồm tưới tiêu quy mô nhỏ để giảm căng thẳng về nước và nhiệt cho cây trồng	giao công nghệ được đề xuất hợp tác với (các) nhóm nông nghiệp IP và cộng đồng, cần đảm bảo quyền sở hữu đất trồng trọt của cộng đồng. Khi thích hợp, áp dụng các phương pháp/công nghệ thích ứng khí hậu truyền thống của IP.
	Công nghệ quản lý tài nguyên nước Công nghệ bổ sung cơ sở hạ tầng để giải quyết tình trạng khí hậu dịch chuyển	Các hoạt động phân tích và/hoặc bổ sung để tăng cường khả năng chống chịu khí hậu của hệ thống cấp và xử lý nước đối với lũ lụt (tần suất tăng dần)	Trong các khu vực IP để thực hiện dự án, phải xem xét và áp dụng công nghệ bản địa/phù hợp nếu mong muốn và khả thi.
Indonesia	Công nghệ giám sát sinh học y tế để theo dõi và giám sát xu hướng các bệnh truyền nhiễm bị trầm trọng hơn do tăng nhiệt độ và các hiện tượng thời tiết cực đoan	Các hoạt động thích ứng để áp dụng và thực hiện chương trình giám sát sinh học phù hợp với bối cảnh, sau khi xây dựng năng lực cho các nhân viên và kỹ sư y tế công cộng (VD: GPS)	Trong lúc lây truyền đại dịch COVID-19, tổ chức quốc gia về người bản địa, Aliansi Masyarakat Adat Nusantara (AMAN), đã có vai trò lãnh đạo mạnh mẽ để giải quyết sự lây lan của đại dịch sang các cộng đồng IP <sup>66</sup> . Cần xem xét hợp tác với AMAN để nhắm mục tiêu vào các cộng đồng IP mà phần lớn đang cư trú trong các khu rừng truyền thống với tư cách là người hưởng lợi chính từ chương trình giám sát sinh học.
	Công nghệ thu gom nước (giếng và ao thấm) Công nghệ tái chế nước từ nước thải sinh hoạt	Áp dụng giếng thấm để xả trực tiếp nước chảy trên bề mặt khi trời mưa Cung cấp nguồn nước thay thế ở quy mô hộ gia đình và cộng đồng thông qua các dự án tái chế nước	Khi thích hợp, cùng người bản địa khám phá khả năng thúc đẩy các phương pháp và công nghệ bảo tồn nước/xử lý nước thải/tưới tiêu truyền thống của IP.

<sup>66</sup> “Trong khi Chính phủ Indonesia thiếu nghiêm túc trong việc ngăn ngừa sự lây lan của virus coronavirus, Tổng thư ký AMAN Rukka Sombolinggi đã thể hiện khả năng lãnh đạo mạnh mẽ khi đối mặt với thảm họa sức khỏe cộng đồng. Và lực lượng đặc nhiệm ứng phó khẩn cấp “Gugus Tugas AMANkan COVID-19” đã được thành lập.[13] Lực lượng đặc nhiệm này bao gồm một mạng lưới rộng rãi gồm các đội phản ứng COVID-19 hoạt động tại các khu vực có người bản địa sinh sống trên khắp quần đảo. Tính đến hôm nay, có 108 đội đang hoạt động.” ([https://iwgia.org/en/indonesia/4224-iw-2021-indonesia.html#\\_ftn13](https://iwgia.org/en/indonesia/4224-iw-2021-indonesia.html#_ftn13))

Quốc gia	Nhu cầu công nghệ khí hậu		Mức độ liên quan IP
	Nhu cầu công nghệ	Hoạt động giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương	
	Công nghệ để cây trồng chống chịu với các hiện tượng thời tiết cực đoan	Các hoạt động thích ứng kết hợp tưới tiêu quy mô nhỏ để giảm căng thẳng về nước và nhiệt cho cây trồng	
Lào	Công nghệ đối với sự chống chịu của cây trồng với các phương án bảo hiểm Công nghệ liên quan đến kiểm soát bệnh ở vật nuôi và quản lý sâu bệnh	Các hoạt động hỗ trợ nông dân tiếp cận thông tin đầy đủ để đối phó với tình trạng mất mùa và thất bại của thị trường Áp dụng các công nghệ phòng ngừa và kiểm soát bệnh ở vật nuôi để tăng cường khả năng phục hồi và đối phó với sự bùng phát trong tương lai	Khi thích hợp, cùng người bản địa khám phá khả năng thúc đẩy việc áp dụng các phương pháp/công nghệ truyền thống của IP.
	Công nghệ quản lý và bảo vệ (bảo tồn) rừng bền vững	Các hoạt động quản lý và bảo vệ rừng bền vững, bao gồm giám sát đất đai Trồng các loài cây có khả năng chống chịu sâu bệnh để tăng cường phục hồi rừng bị suy thoái.	Việc bảo tồn hệ sinh thái rừng có thể xung đột với các quyền theo tập quán và sinh kế của cộng đồng IP. Cần thiết kế cẩn thận từ quá trình sàng lọc để tránh xung đột này và đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng.
	Công nghệ xử lý nước thải Công nghệ quản lý tài nguyên nước	Xử lý nước thải phi tập trung để loại bỏ các chất ô nhiễm gây bệnh	Các nhóm bản địa ở Lào dễ bị tổn thương hơn nhiều đối với các bệnh lây qua đường nước do không được tiếp cận nước sạch đầy đủ và an toàn <sup>67</sup> . Nhắm mục tiêu đến IP đặc biệt là

<sup>67</sup> “Người bản địa tụt hậu so với đại bộ phận Lao-Tai về tất cả các mức độ kinh tế. Họ bị hạn chế nhiều hơn trong tiếp cận chăm sóc sức khỏe, tỷ lệ giáo dục thấp hơn và ít được tiếp cận với nước sạch và vệ sinh hơn. Tỷ lệ người bản địa dựa vào nguồn nước trên mặt hoặc không được cải thiện dao động từ 20% đến 32,5% so với chỉ 8,5% của Lao-Tai, và trong khi chỉ 13,9% Lao-Tai đại tiện ngoài trời, thì tỷ lệ này tăng lên từ 30,3% đến 46,3% ở người bản địa.”

([https://iwgia.org/en/laos/4652-iw-2022-laos.html#\\_edn3](https://iwgia.org/en/laos/4652-iw-2022-laos.html#_edn3) / 원 출처: Liên hợp quốc. OHCHR. “Tuyên bố của Giáo sư Philip Alston, Báo cáo viên đặc biệt của Liên Hợp Quốc về tình trạng nghèo đói cùng cực và nhân quyền trong chuyến thăm Lào, ngày 18-28 tháng 3 năm 2019.” Lào, Viêng Chăn, ngày 28/03/2019.

<https://www.ohchr.org/EN/NewsEvents/Pages/DisplayNews.aspx?NewsID=24417&LangID=E>

Quốc gia	Nhu cầu công nghệ khí hậu		Mức độ liên quan IP
	Nhu cầu công nghệ	Hoạt động giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương	
			nhóm ngôn ngữ Hmong-Ew-Hmien sẽ cải thiện sinh kế của các nhóm dân tộc dễ bị tổn thương nhất trong nước.
Philippin	Lưu trữ pin RE độc lập cho các cơ sở y tế ở các khu vực dễ bị tổn thương do thảm họa khí hậu	Thành lập các cơ sở y tế chạy bằng năng lượng mặt trời PV có lưu trữ pin dự phòng, để hoạt động kể cả sau các hiện tượng thời tiết cực đoan; và cả các cơ sở đo lường thực để giảm lượng khí thải	Các cộng đồng IP thường cư trú trong rừng sâu với cơ chế bảo vệ IP của quốc gia (VD: Đạo luật bảo vệ người bản địa (IPRA) và các quy tắc và quy định thực hiện (IRR) là NCIP với tư cách là cơ quan chính phủ bảo vệ. Việc thực thi IPRA thay đổi tùy khu vực và năng lực của NCIP cũng khác nhau và thường bị hạn chế.
	Công nghệ khử mặn và xử lý nước di động chạy bằng RE	Cung cấp các hoạt động về nước di động cho các hòn đảo chịu thiên tai mà không được tiếp cận với hệ thống nước uống nguồn từ địa phương	Phát triển năng lượng tái tạo (đặc biệt là phát điện độc lập thông qua năng lượng mặt trời...) và các cơ sở cấp và xử lý nước chạy bằng RE thì sẽ rất phù hợp với cộng đồng IP ở những địa điểm xa xôi, không được (hoặc kém) kết nối.
	Công nghệ giúp cây trồng chống chịu các hiện tượng thời tiết cực đoan	Các hoạt động thích ứng kết hợp tưới tiêu quy mô nhỏ để giảm căng thẳng về nước và nhiệt cho cây trồng	Cộng đồng IP thường gồm những nông dân (tự sinh sống) quy mô nhỏ và thu nhập thấp hơn, nếu không có hệ thống tưới tiêu phù hợp. Họ dễ bị tổn thương hơn trước các điều kiện thời tiết cực đoan như hạn hán.

Quốc gia	Nhu cầu công nghệ khí hậu		Mức độ liên quan IP
	Nhu cầu công nghệ	Hoạt động giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương	
Việt Nam	<p>Công nghệ nông nghiệp thông minh về khí hậu (CSA)</p> <p>Kỹ năng vận hành liên hồ chứa để vận hành tưới tiêu tiết kiệm nước</p>	<p>Các hoạt động cho phép chuyển đổi theo hướng quản lý hiệu quả tài nguyên đất, nước, dinh dưỡng trong đất và nguồn gen để duy trì hoặc nâng cao sản lượng nông nghiệp trong các mùa khí hậu ẩm hơn và khô hơn, VD: tưới tiêu quy mô nhỏ</p>	<p>Quyền sử dụng đất và phân phối đất lâm nghiệp là những thách thức đáng kể mà người bản địa ở Việt Nam phải đối mặt. Các chính sách, luật và quy định liên quan đến quyền sử dụng rừng và đất thì khác nhau ở các tỉnh khác nhau, tạo ra sự không chắc chắn và không an toàn cho nhiều người bản địa ở Việt Nam, khi đối mặt với những thách thức liên quan đến việc quản lý rừng và quyền sử dụng đất ở các tỉnh khác nhau. Điều này dẫn đến việc phân bổ đất đai không đồng đều, tạo ra tính không an toàn cho nhiều cộng đồng. Ví dụ, năm 2015, chỉ phân bổ một tỷ lệ nhỏ đất rừng cho các hộ gia đình và cộng đồng quản lý, trong đó một số cộng đồng có rừng chất lượng thấp, khó tạo ra thu nhập. Trong số người bản địa ở Việt Nam, người Khmer Krome ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long đặc biệt dễ bị tổn thương trước các rủi ro về biến đổi khí hậu. Điều này là do họ phụ thuộc vào nông nghiệp, bị hạn chế tiếp cận các nguồn tài nguyên như đất và nước, và vị trí địa lý của họ ở các vùng ven biển thấp. Ngoài ra, việc bị lệ hóa về kinh tế và xã hội có thể làm trầm trọng thêm tác động của biến đổi khí hậu lên các cộng đồng này. Để giải quyết những chỗ yếu này, cần một cách tiếp cận toàn diện, cải thiện khả năng tiếp cận các nguồn tài nguyên và dịch vụ, xây dựng khả năng phục hồi của cộng đồng và phát triển các chiến lược để thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu.</p>

Nếu kiến thức bản địa vì mục đích thương mại liên quan đến bên thứ ba, thì sẽ cần chia sẻ rõ ràng lợi ích thương mại với cộng đồng bản địa sở hữu công nghệ, bằng cách thiết kế các hoạt động/doanh nghiệp được đề xuất. Nếu không, dự án/chương trình sẽ yêu cầu FPIC và có thể không đủ điều kiện về các tiêu chí đầu tư CTF.







## **5. Quá trình thực hiện**

**5.1. Bước 1: Sàng lọc xem các hoạt động/dự án được đề xuất có ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực đến người bản địa không:**

**5.2.1. Các điều kiện sàng lọc tiêu cực để xin tài trợ của CTF: Cơ cấu khởi động đề xuất có phải là các điều kiện sàng lọc tiêu cực về IP của CTF không?**

Tất cả các bên đăng ký CTF cần phải hiểu biết về các tiêu chí đầu tư liên quan đến IP của Quỹ: Bất kỳ một điều kiện sàng lọc tiêu cực nào, trong Tiêu chí đầu tư của CTF: Bảo vệ E&S (ESS) (trong Bảng 2 ở trên) cấu thành một trường hợp có thể ảnh hưởng tiêu cực đến người bản địa (sau đây gọi là “Điều kiện sàng lọc tiêu cực IP”).

Để đánh giá xem việc áp dụng có kích hoạt Điều kiện sàng lọc tiêu cực này không, tất cả các bên đăng ký CTF đều phải điền vào Biểu Danh sách kiểm tra nhanh như dưới đây:



<Phụ lục E ESMS>

<b><u>“Danh sách kiểm tra IP” cho người đăng ký Quỹ</u></b>	
Tên của dự án được đề xuất:	
_____	
Được soạn và nộp bởi:	
_____	
Ngày nộp (Năm/Tháng/Ngày): _____/_____/_____	
<i>Vui lòng trả lời TẤT CẢ các câu hỏi trong danh sách.</i>	
<b><u>Q1. Các hoạt động/dự án được đề xuất có ảnh hưởng đến người bản địa (IP, *) không?</u></b>	
<i>(*Để có hướng dẫn xác định xem dự án có IP là nhóm người có thể bị ảnh hưởng không, vui lòng xem: Chính sách về người bản địa của GCF (2018), &amp; Hướng dẫn vận hành GCF: Chính sách về người bản địa (2019), IFC PS 7, đặc biệt là Đoạn 5-7 &amp; IFC PS 7 GN 6~GN 8.)</i>	
<input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không biết	<p>Nếu “Có”,</p> <p>① Tên của những người liên quan: _____</p> <p>② Quy mô dân số gần đúng: _____</p> <p>③ Vị trí &amp; đất (&amp; các tài nguyên thiên nhiên khác) mà người dân hoặc cộng đồng gắn bó: _____</p> <p>Nếu “Có” (Vui lòng đánh dấu vào tất cả những ý kiến phù hợp &amp; nói rõ.)</p> <p><input type="checkbox"/> Đặc tính và phẩm giá của người bản địa (*) / Vui lòng nêu rõ.                  (* Điều 15 của UNDRIP<sup>68</sup> quy định rằng “Người bản địa có quyền đối với phẩm giá và sự đa dạng về văn hóa, truyền thống, lịch sử và nguyện vọng của họ [...]” Hiệp ước số 169(1989)<sup>69</sup> của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) cũng tập trung vào về quyền của người trong bộ lạc và bản địa, nhấn mạnh sự tôn trọng đối với văn hóa, truyền thống và thể chế của họ, và thúc đẩy họ tham gia đầy đủ vào tất cả vấn đề liên quan đến họ. Do đó, trong tất cả quá trình chuẩn bị và thực hiện các dự án/hoạt động được đề xuất, bên đăng ký cần hiểu biết về lịch sử, bản sắc và đóng góp độc đáo của người bản địa có liên quan cho xã hội, và khẳng định và tôn trọng quyền của họ đối với việc duy trì và thực hành lối sống truyền thống. Ngoài ra, phẩm giá của người bản địa cũng phản ánh cam kết duy trì nhân quyền của họ về người bản địa.)</p> <p style="padding-left: 20px;">/ Vui lòng nêu rõ.</p> <p>_____</p> <p><input type="checkbox"/> Tiếp cận nguồn đất và nước, lãnh thổ và các nguồn tài nguyên truyền thống bản địa / Vui lòng nêu rõ.</p> <p>_____</p> <p><input type="checkbox"/> Tác động môi trường đến đất đai, lãnh thổ và tài nguyên truyền thống của người bản địa/ Vui lòng nêu rõ.</p> <p>_____</p> <p><input type="checkbox"/> Địa điểm linh thiêng/ Vui lòng nêu rõ.</p> <p>_____</p> <p><input type="checkbox"/> Sinh kế dựa vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên, / Vui lòng nêu rõ.</p>

<sup>68</sup> Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của người bản địa, 2007 (61/296)

<sup>69</sup> Hiệp ước về người trong bộ lạc và bản địa, 1989 (Số 169)



	<p>_____</p> <p><input type="checkbox"/> An ninh lương thực / Vui lòng nêu rõ. _____</p> <p><input type="checkbox"/> Sự tồn tại của văn hóa/ Vui lòng nêu rõ.</p> <p>_____</p> <p><input type="checkbox"/> Khác (VD: Truyền, quảng bá và bảo vệ kiến thức và công nghệ của người bản địa)/ Vui lòng nêu rõ.</p> <p>_____</p> <p><input type="checkbox"/> Tiếp cận nguồn gen, kiến thức truyền thống và di sản văn hóa phi vật thể khác...)/ Vui lòng nêu rõ:</p> <p>_____</p> <p>_____</p> <p>Nếu “Tôi không biết”, vui lòng cân nhắc việc nhờ chuyên gia IP trả lời câu này.</p>
<b>Q 1.1. Các lĩnh vực hoạt động ảnh hưởng (AoI) có sự hiện diện của bất kỳ cộng đồng và nhóm IP nào không?</b>	
<p><input type="checkbox"/> Có</p> <p><input type="checkbox"/> Không</p> <p><input type="checkbox"/> Không biết</p>	<p>Nếu “Có”, cộng đồng hoặc nhóm IP liên quan có chiếm giữ chúng không (vui lòng đánh dấu vào ô thích hợp)</p> <p>① toàn bộ AoI? ( ), hoặc,</p> <p>② chỉ một phần AoI? ( )</p> <p>Nếu “Tôi không biết”, vui lòng cân nhắc việc nhờ chuyên gia IP trả lời câu này.</p>
<b>Q1.2. Chuỗi cung ứng của các hoạt động được đề xuất có bao gồm bất kỳ cộng đồng và nhóm IP nào không?</b>	
<p><input type="checkbox"/> Có</p> <p><input type="checkbox"/> Không</p> <p><input type="checkbox"/> Không biết</p>	<p>Nếu “Có”, vui lòng giải thích. _____</p> <p>Nếu “Tôi không biết”, vui lòng cân nhắc việc nhờ chuyên gia IP trả lời câu này.</p>
<b>Q1.3. [Ngoài Q1.1 &amp; Q1.2] dự án/hoạt động được đề xuất sẽ ảnh hưởng tiêu cực hoặc tích cực [như thế nào] đến các nhóm và cộng đồng của người bản địa? (Vui lòng tham khảo ý kiến của người bản địa có khả năng bị ảnh hưởng và (các) chính quyền địa phương sở tại cũng như các bên liên quan chính khác nếu thích hợp.)</b>	
<p><input type="checkbox"/> Có</p> <p><input type="checkbox"/> Không</p> <p><input type="checkbox"/> Không biết</p>	<p>Nếu “Có”, vui lòng giải thích. _____</p> <p>Nếu “Tôi không biết”, vui lòng cân nhắc việc nhờ chuyên gia IP trả lời câu này.</p>
<b>Q1.4. Những người liên quan có tự nhận dạng là người bản địa không?</b>	
<p><input type="checkbox"/> Có</p> <p><input type="checkbox"/> Không</p> <p><input type="checkbox"/> Không biết</p>	<p>Nếu “Có”, vui lòng giải thích.</p> <p>_____</p> <p>Nếu “Tôi không biết”, vui lòng cân nhắc việc nhờ chuyên gia IP trả lời câu này.</p>

Bên đăng ký CTF phải điền vào biểu này theo hiểu biết và kiến thức tốt nhất của mình, và khuyến khích mời chuyên gia IP tham gia nếu họ không chắc chắn về câu trả lời. Đối với những người tham gia Phần 2 của

chương trình được đề xuất, các chuyên gia bảo vệ CTF E&S (chuyên gia IP, thuê ngoài hoặc nội bộ) sẽ hỗ trợ điền biểu theo yêu cầu của bên đăng ký. Ở giai đoạn này, bằng cách chuẩn bị Danh sách kiểm tra nhanh này, bên đăng ký CTF sẽ hiểu rằng các hoạt động/doanh nghiệp JV được đề xuất để xin tài trợ CTF của họ thể ảnh hưởng đến người bản địa hay không.

Dựa trên các câu trả lời được cung cấp trong Biểu Danh sách kiểm tra nhanh (Phụ lục E ESMS ở trên), Chuyên gia bảo vệ E&S CTF ((các) chuyên gia IP) sẽ xác định được một doanh nghiệp/hoạt động/việc kinh doanh được đề xuất có kích hoạt tiêu chí sàng lọc tiêu cực về IP không. Nếu vậy thì sẽ khuyên bên đăng ký từ bỏ việc xin tài trợ CTF hoặc, theo yêu cầu, sửa đổi thiết kế và các phần của doanh nghiệp được đề xuất theo cách không kích hoạt các điều kiện sàng lọc tiêu cực về IP.

**5.2. Bước 2: Xác định phạm vi & chuẩn bị IPP** IPP là một kế hoạch phác thảo các hành động để tránh, giảm thiểu và/hoặc đền bù cho những tác động bất lợi phù hợp về văn hóa. Đồng thời, có thể dùng IPP như một kế hoạch hành động nhằm tăng cường hơn nữa việc chia sẻ tác động tích cực với người bản địa. Nó được phát triển với sự hợp tác của người bản địa có thể bị ảnh hưởng.

Không phải tất cả các hoạt động được đề xuất đều yêu cầu chuẩn bị IPP. Dưới đây là các trường hợp yêu cầu IPP, như một phần tích hợp của ESMP hoặc một kế hoạch độc lập:

### 5.2.1. Những tác động bất lợi sau đó đối với người bản địa

Tiêu chí đầu tư của CTF quy định rõ ràng rằng bất kỳ hoạt động/doanh nghiệp được đề xuất nào có khả năng ảnh hưởng tiêu cực đến người bản địa ở nước sở tại thì sẽ không được duyệt. Tuy nhiên, ngay cả sau khi thông qua Tiêu chí sàng lọc tiêu cực về IP của CTF (như trình bày trong Bảng 2 ở trên), vẫn có khả năng xảy ra những tác động tiêu cực không lường trước được đối với cộng đồng bản địa trong quá trình thực hiện các hoạt động và dự án được CTF phê duyệt và tài trợ.

Nếu xảy ra sự kiện có tác động tiêu cực ngoài dự kiến đối với người bản địa, thì CTF sẽ yêu cầu các đơn vị thực hiện cả các doanh nghiệp/dự án/hoạt động do CTF tài trợ tiến hành kiểm tra chặt chẽ và báo cáo tình hình cho CTF. Sau khi xem xét (điều này có thể bao gồm các quy trình kiểm tra và xác nhận trực tiếp tại hiện trường của CTF), CTF sẽ xác định xem có cần tạm dừng hoạt động của các doanh nghiệp/dự án liên quan không, và CTF có dừng việc tài trợ cho dự án đó không. Nếu không thì, chuyên gia bảo vệ E&S của CTF (các chuyên gia IP), trong khuôn khổ quy trình tham vấn có ý nghĩa, sẽ xác định xem doanh nghiệp/dự án sẽ triển khai các biện pháp tránh/giảm thiểu/bù đắp (bồi thường) đến mức nào (theo thứ tự phân cấp giảm thiểu), để giải quyết các tác động tiêu cực đã xác định trong khung ESMP hiện có, hoặc lập một IPP độc lập mà CTF cũng sẽ xác định và tích hợp các biện pháp để tăng cường lợi ích phát triển bền vững.

Kế hoạch giảm thiểu/khắc phục/sửa đổi phải có mức độ và tính nghiêm ngặt tương ứng với mức độ quan trọng/nghiêm trọng của các tác động và rủi ro đã xác định đối với người bản địa.

Để quản lý các tác động tiêu cực sau này đối với người bản địa, IPP sẽ cung cấp khung giám sát và đánh giá để xác định bất kỳ tác động tiêu cực nào tiềm ẩn, ngoài dự kiến đối với người bản địa trong quá trình thực hiện các hoạt động/doanh nghiệp do CTF hỗ trợ.

### 5.2.2. Thúc đẩy “doanh nghiệp do người bản địa lãnh đạo”

Đồng thời, CTF cũng thúc đẩy các lợi ích chung bền vững thông qua việc tài trợ của CTF: Do đó, Tiêu chí đầu tư CTF # 8 quy định rằng các bên đăng ký quỹ được khuyến khích thúc đẩy hoàn toàn “các doanh nghiệp do người bản địa lãnh đạo”, để đảm bảo khai thác đầy đủ công nghệ và kiến thức khí hậu bản địa để đổi mới công nghệ khí hậu ở năm quốc gia mục tiêu. Ở đây “doanh nghiệp do người bản địa lãnh đạo” là các hoạt động/doanh nghiệp/dự án được đề xuất đáp ứng một trong các điều kiện sau:

#### **Ưu tiên của các doanh nghiệp do người bản địa lãnh đạo:**

*CTF sẽ ưu tiên các doanh nghiệp và hoạt động được đề xuất đáp ứng các điều kiện sau:*

#1	Ứng dụng/kết hợp công nghệ bản địa cho RD&B công nghệ khí hậu có cân nhắc thiết kế rõ ràng, bao gồm các cộng đồng sở hữu công nghệ với tư cách là người thụ hưởng lợi ích thương mại(*) và/hoặc (*Việc hưởng lợi của bên thứ ba từ chương trình thì sẽ yêu cầu quy trình FPIC.)
#2	Thiết kế/kế hoạch kinh doanh được đề xuất rõ ràng bao gồm cách tiếp cận có sự tham gia và toàn diện với/của người bản địa (với tư cách là người hưởng lợi mục tiêu hoặc đối tác...) <sup>70</sup> .
#3	Do đó, các doanh nghiệp được đề xuất (nên) có ít nhất một chỉ số đo lường hiệu quả (KPI) liên quan đến một trong các điều kiện (#1 và #2).

Sau khi xác định rằng dự án/doanh nghiệp được đề xuất yêu cầu IPP, bên đăng ký nên hiểu biết về IPPF này và chuẩn bị IPP phù hợp. Khi thích hợp, chuyên gia bảo vệ E&S của CTF ((các) chuyên gia IP) sẽ cung cấp TOR cho IPP để chuẩn bị. Bên đăng ký phải chuẩn bị IPP tương ứng và nộp IPP như một phần của gói Đề xuất tài trợ, hoặc sau đó trong trường hợp đề xuất được phê duyệt với điều kiện phát triển IPP theo khung thời gian cụ thể theo yêu cầu.

Hướng dẫn vận hành IPP GCF yêu cầu chuẩn bị IPP một cách linh hoạt và thực tế, và mức độ chi tiết thay đổi tùy vào dự án cụ thể và tính chất của các tác động cần giải quyết. Để tối ưu hóa các tác động tích cực (lợi ích) đối với người bản địa, tùy vào loại hình “doanh nghiệp do người bản địa lãnh đạo”, IPP sẽ cần có các thành phần sau:

Nếu doanh nghiệp/hoạt động được CTF phê duyệt rõ ràng nhắm tới việc thông qua/tích hợp/áp dụng các công nghệ khí hậu bản địa thì IPP phải đưa vào một nghiên cứu cơ bản về công nghệ khí hậu bản địa cũng như các vấn đề tiềm ẩn về quyền sở hữu trí tuệ (IPR) cũng như các phương pháp cụ thể để thông qua/thích nghi/áp dụng/tích hợp các công nghệ đó, trong các doanh nghiệp được đề xuất với những lợi ích tiềm ẩn của việc tích hợp đó.

Nếu doanh nghiệp/hoạt động được CTF phê duyệt rõ ràng nhắm tới (những) người bản địa là bên hưởng lợi, thì IPP phải có: các loại lợi ích và phương thức cung cấp những lợi ích đó cho các cộng đồng mục tiêu cụ thể với khung thời gian cụ thể, theo lý tưởng dựa trên cách tiếp cận lý thuyết thay đổi (TOC) (với sơ đồ đơn giản hóa.). Nếu nhóm hưởng lợi duy nhất của các doanh nghiệp/hoạt động là người bản địa thì thành phần IPP sẽ được đưa vào thiết kế tổng thể và ESMP và việc chuẩn bị một bản độc lập là không cần <sup>71</sup>.

Nếu một doanh nghiệp/hoạt động được CTF phê duyệt có sự tham gia rõ ràng của cộng đồng bản địa với tư cách là đối tác tích cực của doanh nghiệp/hoạt động đó thì IPP phải có: Hình thức ràng buộc/tham gia cụ thể (VD: đồng sở hữu, thỏa thuận hợp tác, cơ chế chia sẻ lợi ích, tham gia với tư cách thành viên hội đồng cho các quyết định quan trọng của doanh nghiệp...). Kế hoạch cũng cần chứng minh rõ ràng rằng đã thực hiện các kế hoạch ràng buộc và tham gia cuối cùng (cũng như việc chọn đại diện của các cộng đồng bản địa có liên quan, nếu phù hợp) trên quá trình tham vấn và liên lạc đầy đủ với các cộng đồng bản địa có liên quan một cách nhạy cảm về văn hóa, minh bạch và toàn diện. Các doanh nghiệp được đề xuất và IPP của nó cần đảm bảo quyền sở hữu của cộng đồng bản địa.

Trong quá trình phát triển IPP, người bản địa mục tiêu cần được tư vấn tích cực về sự phù hợp về văn hóa của các dịch vụ hoặc cơ sở được đề xuất. IPP cũng phải xác định và giải quyết hợp lý bất kỳ hạn chế nào về kinh tế, xã hội hoặc năng lực (bao gồm cả những hạn chế liên quan đến giới, người cao tuổi, thanh niên và người khuyết tật) mà có thể hạn chế cơ hội hưởng lợi hoặc tham gia vào các doanh nghiệp/hoạt động liên quan <sup>72</sup>.

Ngoài ra, tất cả các IPP cũng phải bao gồm:

<sup>70</sup> Việc thể hiện (đơn thuần) mục tiêu mang lại lợi ích cho người bản địa trong đề xuất là không đủ, trừ khi cụ thể hóa (các) mục tiêu đã hướng tới trong thiết kế của các doanh nghiệp/việc kinh doanh được đề xuất.

<sup>71</sup> GCF IPP (2018) Phần 7.1.1.

<sup>72</sup> GCF IPP (2018) Phần 7.1.1.

- Thông tin đường cơ sở (từ quá trình đánh giá tác động và rủi ro môi trường và xã hội độc lập và có sự tham gia);
- Những phát hiện và phân tích chính về tác động, rủi ro và cơ hội;
- Các biện pháp để tránh, tối thiểu hóa và giảm nhẹ các tác động tiêu cực, và tăng cường các tác động tích cực và cơ hội;
- Cơ chế giải quyết khiếu nại
- Chi phí, ngân sách, thời gian biểu, trách nhiệm tổ chức
- Kế hoạch chia sẻ lợi ích
- Quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa trên cộng đồng
- Các luật và quy định bắt buộc có liên quan ở nước sở tại
- Phân tích các bên liên quan (chính phủ và phi chính phủ) chính, tóm tắt kết quả tham vấn trong quá khứ (trong quá trình ESIA...), FPIC (nếu áp dụng) và các kế hoạch tham gia trong tương lai, nếu cần
- Giám sát, đánh giá và báo cáo
- Xác định các nhóm dễ bị tổn thương trong cộng đồng người bản địa (VD: phụ nữ bản địa, các nhóm nghèo và bị lề hóa) và những cân nhắc đặc biệt

(Để biết chi tiết về các phần được liệt kê ở trên, xem Hướng dẫn vận hành IPP GCF (2019) Phần III. Đoạn 26.

### 5.3. Bước 3: Thực hiện IPP

Sau khi phê duyệt, với việc thành lập IPP hợp lệ, đơn vị thực hiện dự án cần triển khai IPP như một phần tích hợp của ESMP hoặc như một cơ chế độc lập.

Dưới đây là các yêu cầu chính theo Hướng dẫn vận hành và IPP GCF áp dụng cho CTF và chương trình được đề xuất.

#### 5.3.1. Tư vấn có ý nghĩa

Các yêu cầu tham vấn có ý nghĩa áp dụng cho tất cả các dự án được CTF phê duyệt. Tuy nhiên, liên quan đến người bản địa, việc thiết kế và bố trí tham vấn có ý nghĩa yêu cầu điều chỉnh để đáp ứng các điều kiện và nhu cầu cụ thể của người bản địa.

Để biết chi tiết, xem: Phần 7.1.5. của IPP GCF (2018) và Hướng dẫn vận hành IPP GCF III. Yêu cầu 3.2. Tham vấn có ý nghĩa.

Đơn vị thực hiện các dự án/doanh nghiệp/hoạt động do CTF tài trợ có thể tìm kiếm tư vấn và hướng dẫn kỹ thuật từ Ban Thư ký CTF.

#### 5.3.2. Sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC)

Không có định nghĩa nào được chấp nhận phổ biến về FPIC. IPPF này áp dụng các định nghĩa dưới đây của GCF.

##### Hộp 3. FPIC là gì?

*“Sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được báo trước và được cung cấp thông tin sẽ là một quá trình lặp đi lặp lại, đòi hỏi phải có sự đồng thuận của người bản địa trước khi Hội đồng xem xét đề xuất tài trợ GCF, trên cơ sở quá trình ra quyết định và cân nhắc độc lập của chính họ, dựa trên thông tin đầy đủ được cung cấp kịp thời, phù hợp về văn hóa, bằng ngôn ngữ địa phương mà họ hiểu, và thông qua quá trình tham vấn minh bạch và toàn diện, bao*

*gồm cả phụ nữ và thanh niên, và không bị ép buộc hoặc đe dọa. Sự đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, được báo trước và được cung cấp thông tin không yêu cầu sự nhất trí và có thể đạt được ngay cả khi các cá nhân hoặc nhóm trong hoặc giữa những người bản địa bị ảnh hưởng không đồng thuận rõ ràng.”*

Tiêu chí đầu tư CTF #6 Điều kiện sàng lọc tiêu cực bao gồm ba trường hợp bắt buộc phải có FPIC theo GCF IPP (2018), cụ thể là: khi các doanh nghiệp/doanh nghiệp/dự án được đề xuất:

- Tác động lên đất đai và tài nguyên thiên nhiên thuộc quyền sở hữu truyền thống hoặc chiếm giữ hoặc sử dụng theo tập quán;
- Gây ra tình trạng người bản địa di dời khỏi vùng đất và tài nguyên thiên nhiên thuộc quyền sở hữu truyền thống hoặc chiếm giữ hoặc sử dụng theo tập quán, và/hoặc;
- Có thể tác động đến di sản văn hóa và việc sử dụng thương mại yêu cầu FPIC.<sup>73</sup>

Do đó, về nguyên tắc, yêu cầu FPIC không liên quan đến IPPF này và IPP cho bất kỳ doanh nghiệp/dự án/hoạt động nào được CTF phê duyệt.

### 5.3.3. Công bố thông tin

Trước khi hoàn thiện IPP, phải công bố bản dự thảo một cách phù hợp về văn hóa đối với người bản địa bị dự án ảnh hưởng, bằng ngôn ngữ phù hợp nhất – có thể tiến hành các phương pháp giao tiếp bằng miệng để truyền đạt các kế hoạch đề xuất tới các cộng đồng bị ảnh hưởng. Trong khi vận hành chương trình, CTF sẽ tuân theo bốn nguyên tắc dưới đây của Chính sách Công bố thông tin của GCF, và đảm bảo mức độ minh bạch cao nhất trong tất cả hoạt động của mình thông qua việc phổ biến thông tin một cách hiệu quả đến các bên liên quan và công chúng nói chung.

- Tối đa hóa khả năng tiếp cận thông tin;
- Các ngoại lệ bị hạn chế;
- Tiếp cận thông tin đơn giản và rộng rãi; và
- Giải thích các quyết định và quyền đánh giá

### 5.3.4. Cơ chế giải quyết khiếu nại

Yêu cầu GRM cho tất cả các dự án được CTF phê duyệt. Nếu người bản địa chỉ là một phần của các bên liên quan chính ở địa phương, với tư cách là những nhóm được hưởng lợi hoặc bị ảnh hưởng, thì phải có một cơ chế GRM điều chỉnh theo nhu cầu và đặc điểm của người bản địa.

---

<sup>73</sup> “Di sản văn hóa bao gồm nhưng không giới hạn các khu vực tự nhiên có giá trị văn hóa và/hoặc tinh thần, như những khu rừng thiêng, vùng nước hoặc dòng sông thiêng, núi thiêng, cây thiêng, đá thiêng, khu vực và địa điểm chôn cất, cũng như những biểu hiện văn hóa phi vật thể, như truyền thống, ngôn ngữ, bản sắc, nghi lễ, hoặc những khía cạnh tinh thần trong đời sống của người bản địa bị ảnh hưởng.” (GCF IPP, Đoạn 63)

Phải phát triển sớm cơ chế dành cho các bên liên quan, bao gồm cả người bản địa, trước khi xảy ra tranh chấp, và tạo điều kiện giải quyết khiếu nại kịp thời thông qua một quy trình dễ tiếp cận, công bằng, minh bạch và có tính xây dựng. Nó sẽ phù hợp về văn hóa và dễ tiếp cận, miễn phí cho các cộng đồng bị ảnh hưởng và không có trừng phạt đối với các cá nhân, nhóm hoặc cộng đồng đã nêu ra vấn đề hoặc mối lo ngại.

Các hành động cần thực hiện để giữ gìn khả năng tiếp cận và tính minh bạch của cơ chế:

- Bảo mật danh tính của người khiếu nại và bảo vệ họ khỏi nỗi sợ bị trả thù;
- Cung cấp GRM bằng ngôn ngữ địa phương để tránh rào cản/hạn chế về ngôn ngữ;
- Tải nhật ký lên một trang web khả dụng công khai để thông báo cho các bên liên quan; và
- Các thủ tục được quảng cáo công khai để xác định phương tiện gửi khiếu nại và đặt ra khoảng thời gian mà người dùng dự kiến sẽ được xác nhận, phản hồi và giải quyết khiếu nại của họ – phản hồi sơ bộ trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc, phản hồi chính thức (VD: gặp cá nhân, gọi điện thoại, email hoặc thư) trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc.

*Để biết chi tiết, xem: Phần 7.3. của IPP GCF (2018) và Hướng dẫn vận hành IPP GCF III. Yêu cầu 3.4. Tham vấn có ý nghĩa.*

Đơn vị thực hiện các dự án/doanh nghiệp/hoạt động do CTF tài trợ có thể tìm kiếm tư vấn và hướng dẫn kỹ thuật từ Ban Thư ký CTF.

#### **5.3.5. Giám sát & Báo cáo**

CTF sẽ giám sát hiệu suất của IPP trong suốt quá trình triển khai và vận hành dự án, và, nếu cần thì cung cấp hỗ trợ xây dựng năng lực và tư vấn của chuyên gia về IP, để đáp ứng mức hiệu suất theo yêu cầu của IPP GCF và IPPF CTF. Phần về IP sẽ được tích hợp vào biểu báo cáo giám sát E&S thông thường và bên đăng ký CTF có thể yêu cầu hỗ trợ tư vấn bổ sung cho việc thực hiện IPP bất kỳ lúc nào trong suốt thời gian.